NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 117 • JANUARY 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944



TÂM TRẠNG ĐỘC TÀI
NGUYỄN HỮU CHÍ

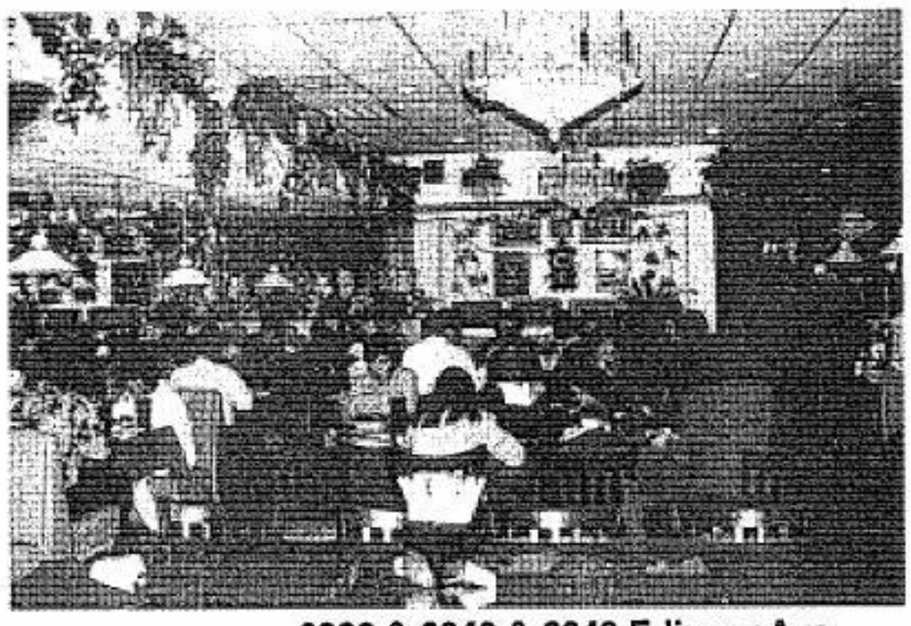
CHĂN DÊ CHĂN BÒ TRONG ĐỜI SỐNG VÀ TRONG VĂN THƠ BÙI GIÁNG
THIỆN HỶ

ĐÊM BÃO TUYẾT
NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7 Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...



6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)



ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER &WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần



Chủ nhân Như Ý kính mời

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)





Như Ý
FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*



Như Ý
RESTAURANT

BEER &WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vỉ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ TIỆC CƯỚI



DRAGON KING
SEAFOOD RESTAURANT
CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

Tel: (714) 541-4968
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706
(góc Alona, gần Santa Ana College)

- ĐIỂM TÂM
- CƠM TRƯA
- CƠM TỐI
- CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

ĐIỂM SÂM SUỐT NGÀY TỪ 9 AM ĐẾN 8 PM

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG

- 400 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

ĐỒ ĐẦU BẾP TRUNG HOA ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

NHÀ HÀNG SANG TRỌNG, LỘNG LẪY
MỞ CỬA 7 NGÀY 9 AM - 10 PM
CÓ CHỖ NGAY Xin gọi để biết chi tiết

**** Nhận đám cưới từ 10 bàn tới 50 bàn***
**** Có phòng riêng cho đám cưới 10 bàn đến 15 bàn.***



Mười Lăm Năm Mới Có Một Lần...

Trước 3000 khán giả California
và bao nhiêu người
không mua được vé vào cửa...



Một chương trình Video
Ca Vũ Nhạc Hội vĩ đại
làm ngạc nhiên và hài lòng mọi tầng lớp khán giả,
kể cả phóng viên Đài Truyền Hình Nhật Bản.

VIDEO PARIS BY NIGHT 15th Anniversary 46

Video toàn bộ 3 cuốn. Giá $30 US

* *Nhiều tiết mục trình diễn mới lạ: Song ca, tam ca, tứ ca, tình ca, dân ca, truyện ca thêm môt hài kịch hấp dẫn vui nhộn đón mừng NĂM MỚI.*

* *Trên 300 chuyên viên kỹ thuật thâu hình, âm thanh, ánh sáng, nhà trang trí, nhà kiểu mẫu thời trang hợp cùng đoàn vũ công xinh đẹp và hầu hết ca sĩ tên tuổi Việt Nam hải ngoại:*

*** Khánh Ly, Ái Vân, Như Quỳnh, Ý Lan, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thùy Dương, Lynda Trang Đài, Thái Hiền, Thái Thảo, Bảo Ngọc, Châu Ngọc, Thiên Kim, Trúc Lam, Trúc Linh, Phương Vy, Trang Thanh Lan, Mỹ Huyền, Hồng Đào, Quang Minh.**

*** Tuấn Ngọc, Duy Quang, Elvis Phương, Don Hồ, Nguyễn Hưng, Thế Sơn, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L Canada, Ban nhạc Dân tộc Lạc Hồng v.v...**

Điều khiển chương trình: **NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN**

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: **P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683**
*** Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673**

ÂU CHÂU: **44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30**

ÚC: **323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.**
Tel: (02) 796-7227

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1946

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON



Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

ĐÓN ĐỌC

KỶ YẾU VNCR 1999 - 2000

Phát hành 15,000 số trên toàn thế giới với chủ đề:

CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH VIỆT NGỮ BÊN NGOÀI NƯỚC VIỆT NAM

Liên lạc về Quảng Cáo:

Cô PHAN MỸ SƯƠNG

11022 Acacia Parkway # A, Garden Grove, CA 92840, USA.
Điện thoại: (714) 534-9431.
Fax (714) 534-9433

LITTLE SAIGON...

?

Tìm kiếm
những thương-hiệu danh tiếng
với các sản phẩm thân quen
của người Việt hải ngoại

Trong Tầm Tay của Bạn.

trên 10 ngàn địa chỉ
và số điện thoại
của các cơ sở
dịch vụ thương mại
của người Việt Nam làm chủ



hiệu chỉnh hoàn hảo hàng năm
tiện dụng cho mọi gia đình Việt Nam

30 ngàn cuốn
Niên Giám Điện Thoại NGƯỜI VIỆT
phát hành vào tháng Giêng 1999

NGƯỜI VIỆT
YEARBOOK 99

NGUOI VIET NEWS
14891 Moran St., Westminster, CA 92683-5599, USA
Tel: **(714) 892-9414** - Fax: **(714) 894-1381**
(Ấn phẩm miễn phí - cước bưu điện US$5.oo)

Tranh bìa: **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, trích báo Tin Tức**
Ảnh: **Anh Thành, VAALA Florida, tài liệu**

MỤC LỤC

Số 117 . Tháng Giêng 1999

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Vụ đàn hặc Tổng thống Clinton - **Ngô Nhân Dụng**
19 Những khó khăn kinh tế-ngân hàng Việt Nam - **Hoàng Quế**
25 Tôi tán thành với tướng Trần Độ về bầu cử tự do - **Hoàng Tiến**
29 Áp dụng luật rừng trên sông Mekong - **Hoàng Đống**
43 Một cái nhìn trở lại - **Trần Độ**

KHOA HỌC - XÃ HỘI

32 Tâm trạng độc tài - **Nguyễn Hữu Chi**
39 Việt Nam chưa hề có chủ nghĩa cá nhân - **Quỳnh Anh**
56 Ngành chăm sóc Hospice - **BS Nguyễn Đạt, BS Nguyễn Văn Đức**
75 Dịch vụ Đường Dây Ngôn Ngữ - **Nguyễn Hữu Mai**
89 Về chân lý khoa học và chân lý tối hậu - **Nguyễn Kết**

VĂN HỌC - LỊCH SỬ

41 Nhân một ngày sinh - **Hà Sĩ Phu**
60 Bùi Giáng... mộng ban đầu đã xa - **Minh Hằng**
62 Chăn dê chăn bò trong đời sống và trong thơ văn Bùi Giáng - **Thiện Hỷ**
84 Mối tình Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du - **Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh**
97 Nhân đọc "Những cuộc đảo chánh cung đình" - **Hoàng Đình Hiếu**

VĂN

66 Từ Thức về trần vào dịp cuối năm - **Tưởng Năng Tiến**
70 Tuệ trí - **Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm**
79 Người mất tích - **Trần Hoài Thư**
94 Về tắm ao xưa Côn Đảo - **Bùi Dương Chi**
102 Đêm bão tuyết - **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
105 Những ngôi mộ - **Võ Doãn Nhẫn**

THƠ

54 Một người đi trong thành phố - **Quế Lang. 66.** Nhớ bạn hành quân - **Hồ Minh Dũng.**
72. Ở chỗ giữa một và hai - **Trần Lộc. 77.** Một nửa - **Thảo Chi. 81.** Khói thu - **Trần Mộng Tú.**
92. Hoa cỏ may - **Trần Vấn Lệ. 99.** Bao giờ cho đủ - **Hà Thượng Nhân. 108.** Cuối năm, nghe mưa, nhớ nhà - **Đỗ Thì Kênh G**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Cải cách ruộng đất - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
51 Sổ tay
111 Chân trời Văn học Nghệ thuật **Anh Thà nh, Phạ m Phú Minh**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong khóa họp Quốc hội vừa qua ở Hà Nội, các đại biểu đã bác bỏ nhiều điều trong dự luật thay đổi chế độ ruộng đất ở nước ta. Cho đến nay người dân vẫn không được làm chủ đất mà chỉ được nhà nước ban cho quyền sử dụng. Dự luật vừa rồi nhắm cho phép nông dân sử dụng một diện tích rộng hơn, với thời hạn lâu hơn. Đa số các đại biểu không đồng ý kéo dài thời hạn quá 20 năm, và hạn chế việc mở rộng diện tích ruộng quá ba mẫu tây. Nhiều người lo các biện pháp mới sẽ tạo ra tình trạng tích lũy các phương tiện sản xuất trong tay tư nhân, sinh ra cảnh người bóc lột người. Mối lo đó phát xuất từ lòng trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đây là một thí dụ cho thấy niềm tin không suy xét vào giáo điều Mác- Lênin mâu thuẫn với việc cải tổ tiến đến kinh tế thị trường. Chúng ta phải nhìn lại lịch sử thời phát sinh của cuộc cách mạng công nghiệp và kinh tế thị trường mới mới hiểu tinh thần giáo điều sẽ duy trì một chế độ phong kiến, khiến cho thị trường không thể thành hình, vì các yếu tố sản xuất không được giải phóng.

Kinh tế học phân tích ba "yếu tố sản xuất" là lao động, đất đai, và vốn. Trước thế kỷ 16 ở Âu châu, nền kinh tế không có những "yếu tố sản xuất." Vì phần lớn đất đai là của các lãnh chúa phong kiến, nông dân là thần tử, bị ràng buộc với các lãnh chúa, và tài sản tích lũy trong tay các lãnh chúa không được dùng làm vốn để kinh doanh sinh lợi thêm. Khi các lãnh chúa ở Anh rào đất lại để nuôi cừu thì nông dân đói. Chỉ khi đất đai thuộc về nông dân, và người ta tự do mua, bán, trao đổi với nhau thì mới có thị trường ruộng đất. Và chỉ khi các nông dân được giải phóng không tùy thuộc vào các lãnh chúa thì họ mới trở thành người lao động, có thể ký hợp đồng bán sức lực và trí tuệ của mình. Và nhờ người ta có tự do làm ăn mới sinh ra ý niệm tài sản cũng là vốn để sinh lợi thêm.

Cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng công nghiệp ra đời nhờ những thay đổi cơ cấu đó. Người ta chỉ cố gắng thay đổi kỹ thuật, cải thiện phương pháp làm việc khi được tự do trao đổi, tự do ký hợp đồng, và được hưởng các thành quả do những cố gắng của mình. Khi đó, người ta mới có động cơ biến "của cải" thành "vốn liếng" để kinh doanh.

Kinh tế thị trường gắn liền với quyền tư hữu, quyền tự do trao đổi, tự do ký hợp đồng làm ăn. Ràng buộc người nông dân vào mảnh ruộng do nhà nước ban cho quyền sử dụng là trói chặt hai yếu tố sản xuất, đất và lao động, không thể hoạt động để tạo ra thêm vốn liếng.

Không cho nông dân được tự do làm chủ ruộng đất tức là duy trì cơ cấu xã hội thời phong kiến, trong cơ cấu đó của cải tích lũy vào tay những kẻ có súng, có quyền chứ không phải vào tay những người cần cù làm ăn và tìm thêm sáng kiến để cải thiện việc làm ăn. Cơ cấu phong kiến đó hiện nay không những vẫn đè nặng lên nông thôn mà còn trên cả các lãnh vực công nghiệp, tài chánh, ngân hàng. Chỉ nhìn vào tình trạng tích lũy của cải, coi ai đang làm giàu nhanh hơn, ai có lợi tức cao hơn là thấy. Trong một xã hội mà người ta giàu hơn không nhờ làm ăn bằng sức lực, trí khôn và vốn liếng của mình, mà chỉ nhờ địa vị và mánh mung, thì kinh tế không thể tiến.

Khi các đại biểu quốc hội ở Hà Nội ngăn cản một bước giải phóng cho nông thôn, họ cản trở việc hình thành kinh tế thị trường ở nước ta. Họ nhân danh lý thuyết của Marx, như các hủ Nho ở triều đình Tự Đức, không hiểu rằng các phân tích của Karl Marx dựa trên tình trạng xã hội đầu thế kỷ 19. Từ đó đến nay, cũng nhờ những nhà cách mạng như Marx, xã hội loài người đã thay đổi, quyền sở hữu các phương tiện sản xuất không tất yếu dẫn đến cảnh người bóc lột người nữa. Mà nhiều người vẫn có thể bóc lột người khác, không cần là chủ nhân các phương tiện sản xuất, chỉ cần nắm quyền phân phối việc sử dụng các phương tiện, như đất đai.

Kinh tế thị trường gắn liền với quyền tư hữu và quyền tự do ký kết trong đời sống kinh tế. Thử tưởng tượng nếu các người như Hewlett-Packard, Bill Gates, v.v. mà không là chủ đa số cổ phần trong các công ty của họ thì thế giới sẽ khác như thế nào.

Nước ta cần một cuộc cải cách ruộng đất mới. Đã đến lúc phải trả lại quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân.●



Thế kỷ 21 khởi đầu từ năm nào?

1. Hiện nay nhân loại đang sống trong những ngày tháng cuối của thế kỷ 20 và cũng là trong những ngày tháng cuối của thiên niên kỷ thứ hai.

Tại Hà Nội, trong một bài báo tựa đề "Giao thừa giữa hai thế kỷ nền kinh tế thế giới sẽ theo xu hướng nào?" đăng trên tuần san *Thời báo Kinh tế Việt Nam* số 94 ra ngày 25 tháng 11, 1998, tác giả Lê Thu Hà viết: "Chỉ còn gần 400 ngày nữa nhân loại sẽ bước sang thế kỷ mới, cũng là thiên niên kỷ mới."

Thời gian "gần 400 ngày" được tính như sau: 31 ngày (tháng 12/98) + 365 ngày (năm 1999) = 396 ngày. Như vậy, theo tác giả bài báo, năm 2000 sẽ là khởi điểm của thế kỷ mới và cũng là thiên niên kỷ mới.

Không riêng gì tác giả của bài báo nói trên của Hà Nội, trên thế giới cũng có một số người cho là, khi ngày cuối cùng của năm 1999 (31-12-1999) chấm dứt thì ngày đầu của năm 2000 (1-1-2000) sẽ thuộc về thế kỷ mới, tức là thế kỷ 21. Quan niệm này đúng hay sai?

2. Trong bài này, ta thử tìm hiểu xem, chính xác năm nào là năm khởi đầu của thế kỷ 21. Nói rõ hơn, năm 2000 hay năm 2001?

Theo định nghĩa, một thế kỷ (Anh, *century*; Pháp, *siècle*) là khoảng thời gian 100 năm. Và một thiên kỷ — cũng gọi thiên niên hoặc thiên niên kỷ — (A, *millennium*; P, *millénaire*) là khoảng thời gian 1000 năm. Xin xem bản chiết tính chi tiết như sau.

Thế kỷ và Thiên Kỷ	Từ Năm	Đến Năm	Thời Gian
Thế Kỷ			
1	001	100	100 năm
2	101	200	--
...	...	...	--
19	1801	1900	--
20	1901	2000	--
21 (1)	2001	2100	--
...	...	...	--
Thiên Kỷ			
1	0001	1000	1000 năm
2	1001	2000	--
3	2001	3000	--

Theo cách tính của số học, ta thấy rõ: Năm 2000 là năm chót của thế kỷ 20, và năm 2001 mới đúng là năm đầu của thế kỷ 21. Do đó, theo nguyên tắc, muốn chào mừng thế kỷ 21 (đồng thời cũng chào mừng thiên kỷ thứ ba), ta phải đợi đến đêm 31-12-2000 rạng ngày 1-1-2001 (ta quen gọi là đêm giao thừa) để tổ chức các lễ hội theo truyền thống và sáng kiến của mỗi quốc gia.

3. Trên thế giới, ngày đầu của mỗi năm được dân chúng xem là một ngày lễ quan trọng. Đó là một ngày lễ chính thức mà công dân được nghỉ làm việc có hưởng lương. Nay sắp đến ngày đầu của năm đầu của thế kỷ và cả thiên kỷ, tất nhiên ngày "nguyên đán" hiếm hoi này phải được xem là một ngày đặc biệt trọng đại.

Do đó, nhiều nước đã chuẩn bị đêm giao thừa giữa hai thế kỷ cũ và mới một cách long trọng, đại quy mô, với đầy đủ nghi thức và không khí trang nghiêm để xứng đáng với cái mốc thời gian hiếm có, đón thế kỷ mới đồng thời với thiên kỷ mới.

4. Trong lúc các nhà khoa học xem ngày 1-1-2001 là ngày đầu của thế kỷ 21 thì một số người, theo cảm tính, lại tính thế kỷ 21 khởi đầu vào ngày 1-1-2000, tức là sớm hơn một năm. Một tờ báo phản ảnh quan niệm này như sau: "Hình ảnh con số 2000 như mở ra một thời kỳ mới, và nhiều nơi người ta đã chuẩn bị đêm giao thừa năm 2000 rất long trọng. Khi viết năm, ví dụ 1998, người ta đã viết số 1 đầu tiên suốt 1000 năm; kế đó viết con số 9 suốt 100 năm. Nay bỗng dưng từ giã hoàn toàn hai con số đó, để bắt đầu bằng con số 2, kế đến là ba số 0, mọi chuyện đều mới mẻ hẳn." (Tạp chí *Thế Kỷ 21* số 116, tháng 12/1998, tr 10).

Đây là cách nghĩ theo cảm tính. Cũng có thể gọi đây là một ảo ảnh, một khái niệm giống như thật mà không thật.

Trên đây là hai quan niệm không nhất quán, một bên nghĩ theo cảm tính, một bên dựa vào lý luận khoa học. Chúng ta chờ xem các quốc gia trên thế giới giải quyết vấn đề chào mừng thế kỷ mới như thế nào.

Phụng Nghi *(Orange County, CA)*

(1) Có người đánh số các thế kỷ bằng số La Mã: I, II, III... XIX, XX, XXI

Cần cho lớp trẻ

Tôi gửi kèm theo đây chi phiếu để tiếp tục mua báo cho các cháu. Tờ báo Thế Kỷ 21 các cháu rất yêu thích vì giúp cho các cháu hiểu biết thêm nhiều vấn đề mà do hoàn cảnh phải xa quê hương từ lúc chín, mười tuổi, bố lại mất sớm nên các cháu không được biết. Xin chúc quý báo thăng tiến trên đường phụng sự văn hóa Việt Nam.

Mrs Đức Lê *(Alexandria, VA)*

Lại khoa học và chân lý

Cám ơn ông Trần Chung Ngọc đã góp ý nghiêm chỉnh về đề tài Khoa Học và Chân Lý mà tôi gợi ý. Mỗi người có quan điểm và thế đứng khác nhau, và sự đóng góp ý kiến xây dựng là điều cần thiết để chúng ta nhìn một sự việc theo nhiều khía cạnh. Tôi không hề bắt chước Richard Feymann, nhưng quan điểm của tôi rất gần gũi với một lời phát biểu của ông: *Science is the belief in the ignorance of experts* (tinh thần khoa học nằm ở niềm tin vào sự thiếu hiểu biết của các chuyên gia). Cần nhận biết những giới hạn hiện tại, mới có thể hướng về cái mới trong tương lai: quan điểm này chẳng liên quan gì đến các niềm tin cổ xưa hoặc việc dùng quyền lực tôn giáo để áp chế khoa học như thời Trung Cổ. Các dữ kiện trong bài ông Ngọc không có chỗ nào sai, chỉ có *cách sử dụng dữ kiện* để so sánh và ám chỉ là có đôi chỗ *irrelevant.*

Xin nói thêm với ông Ngọc một điều: Không cần phải đọc hết một rừng sách về biology và biochemistry mới có thể biết rằng hiện nay những chuyên gia lỗi lạc nhất trong các lãnh vực này vẫn chưa thể giải thích một cách khoa học sự xuất hiện của... vi trùng trên trái đất - chưa nói đến sự xuất hiện của loài người! (Tôi nói CHƯA THỂ chứ không dám khẳng định là KHÔNG THỂ, vì khoa học vẫn tiến bộ không ngừng và trong tương lai có thể có lời giải đáp). Và chúng ta cũng không cần phải giải được những bài toán rất nhức đầu của astrophysics và quantum mechanics mới có thể nhận ra những giới hạn của khoa vật lý. Chỉ cần giữ sự tự tin cần thiết, đừng để mình bị uy hiếp bởi tên tuổi và bằng cấp, chúng ta có thể thấy được những nguỵ biện khá tinh vi của một số chuyên gia vật lý khi họ bàn về những điều nằm ngoài phạm vi hiểu biết của họ như *creation of the universe, telepathy, telekinetics, kundalini, syncronicity between matter and mind, reincarnation, I Ching, vân vân. Thân ái.*

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*

Tà Áo Văn Quân

Đọc Tà Áo Văn Quân tôi rất yêu sự tế nhị của bài viết. Tôi nghĩ tôi hiểu tại sao tác giả muốn nói một câu xin lỗi sau 15 năm. Tuy nhiên đứng về quan điểm của phái nữ, tôi có vài điều thắc mắc:

1. Thế nào là "nụ hôn nồng nàn chưa bao giờ hái"?

2. Có lẽ tác giả không thành thật khi viết "... nàng sẽ nhắm mắt chờ đợi hay nàng sẽ cho tôi một cái tát?"

3. Tác giả ích kỷ chút ít, không cho Thanh Văn đủ "credit," có lẽ nàng cảm thấy nhẹ nhõm ít nhất cũng bằng tác giả.

Tôi chắc tác giả có lý do riêng của ông.

Xin chúc quý báo trường thọ và nhiều độc giả.

Minh-Hang Nguyen *(Silver Spring, MD)*

Trương Bội Công không phải là Trương Bội Hoàng

Bài "Ông Hồ mấy vợ" của tôi đăng trên Thế Kỷ 21 số 115 (Nov.98), trong chú thích số 12 có một chi tiết sai. Đó là câu: *Trương Bội Công tên thật là Trương Bội Hoàng.* Thật ra ông Trương Bội Công không phải là ông Trương Bội Hoàng. Anh Nguyễn Đức Cung, bạn đồng khóa Sử Địa với tôi năm 1965 tại Đại học Huế, sau khi đọc bài báo đã gọi điện thoại nói chuyện với tôi để sửa sai. Tôi nhớ đã lâu lắm có đọc một bài báo nói ông Công là ông Hoàng. Vì tôi nghĩ đây chỉ là một chú thích nhỏ, không kiểm chứng chi tiết này nên đã phạm một sai lầm đáng tiếc. Xem thế đủ thấy viết sử phải thận trong từng tiểu tiết. Tôi xin cám ơn anh Nguyễn Đức Cung rất nhiều.

Trần Gia Phụng *(Toronto, Canada)*

Chuyện du lịch

Đọc "Làm sống lại quá khứ" trong mục Bạn Đọc Viết số 116 Dec.98, tôi cảm thấy mình hiểu được sự bực mình của bà Lê Thị Hải ở Huntington Beach về một số hình thức du lịch tại Huế qua bài Ba Ngày Ở Huế của Tôn Nữ Thu Nga. Chia sẻ tình cảm và phản ứng của bà, dù là có nhiều điểm tôi cũng không đồng ý với bà. Tưởng tượng mấy ông mắt xanh mũi lõ thân hình to lớn lụng thụng trong các bộ triều phục để "làm quan" hoặc "làm vua" trong chốc lát, tôi không nhịn nổi phì cười. Tôi biết

cái làm nên sự tức cười nơi tôi cũng chính là cái gây bực dọc cho bà Hải. Bà Hải cảm thấy bị sỉ nhục chính vì cái vẻ lố lăng của mấy ông Tây nọ trong việc đóng tuồng. Thấy người ta đem cái quá khứ của mình ra để mà "chơi" rồi trả tiền, nghĩ cũng dễ giận lắm!

Nhưng ngẫm lại, tại sao lại giận làm gì? Có phải người ta muốn đem quá khứ của mình ra làm trò đùa đâu, người ta chỉ muốn được sống giống như thế trong giây lát. Cái ý muốn ấy không những không có tội gì, ngược lại còn "giàu tinh thần tìm hiểu và trao đổi văn hóa" nữa kia, nếu ta nhìn vấn đề với một con mắt khác, rộng lượng và thông cảm với tâm lý người đời hơn. Vẻ luộm thuộm của mấy ông Tây mặc triều phục nhiều lắm chỉ đáng cho ta buồn cười — cái cười vui vẻ và thông cảm — hơn là lên án nặng nề. Nó cũng giống như khi ta nghe một người ngoại quốc học tiếng Việt phát âm ngọng nghịu, hay đọc một câu người ngoại quốc dịch truyện Kiều mà dịch sai — nó có cái dễ thương của những cố gắng đến với một nền văn hóa khác, nhưng chưa tới nơi. Có thể nói tôi rất có cảm tình với các nhận xét của bà Hải, vì tôi hiểu tâm trạng bà, nhưng tôi lại không đồng ý sự lên án gắt gao của bà. Thế giới này đang trong cơn trao đổi mãnh liệt, hãy để những sáng kiến được phát huy. Bà Hải viết *Tôi chẳng thấy ở nước nào, dù cần tiền, làm như vậy* tôi e là một khẳng định vội vàng. Tôi và gia đình đã có dịp du lịch Trung Quốc, và cũng đã chơi cái trò mặc triều phục đó, có chụp hình kỷ niệm đàng hoàng (Nhưng chẳng lẽ tôi cần phải đưa hình gia đình lên mặt báo để chứng minh?) Mà triều phục thì có là cái gì quan trọng? Chẳng qua là đồ của gánh hát thôi!

Nhưng cuối cùng tôi thấy cần phải cám ơn cả tác giả Thu Nga và bà Lê Thị Hải, một bên thì hồn nhiên ghi chép lại một thực trạng, một bên phản ứng gắt gao, để từ đó tôi có thể rút ra một bài học: thái độ cần phải có trước một thế giới mà sự giao lưu ngày càng rộng mở và dồn dập.

Quan Nguyễn *(Westminster, CA)*

Lại chuyện năm 2000 và thế kỷ 21

Đọc trang Bạn Đọc Viết của ông Nguyễn Minh Cần (Moscow) trong Thế Kỷ 21 số 116 Dec.98, tôi thấy ông ấy lý đúng nhưng lẽ sai. Tôi hoàn toàn đồng ý với Thế Kỷ 21 dựa trên hai điểm sau:

1. Thế Kỷ thứ nhất bắt đầu khi Chúa giáng sinh. Và đừng quên rằng Chúa là người Do Thái, mà Do Thái thuộc Á châu, giống da vàng. Người da vàng chúng ta khi sinh ra là đã được tính một tuổi. Chúa sinh ra vào cuối năm, vì thế thế kỷ 01 đã bắt đầu trước thời điểm bắt đầu của năm 01, nghĩa là từ khi Chúa bắt đầu hoài thai trong bụng mẹ.

2. Hầu như nhà Bưu điện nào hiện nay cũng để cái đồng hồ điện đếm ngược giờ cho đến hết năm 1999, để đánh dấu thời điểm bắt đầu của năm 2000. Chuyện đó có ý nghĩa gì? Tôi nghĩ nếu không để đánh dấu sự chấm dứt thế kỷ thì không lý do gì người ta đặt những cái đồng hồ đếm ngược ấy làm gì.

Bùi Mỹ Hoa *(San Jose)*

Cách tính tuổi của chúng ta (vừa ra đời đã được một tuổi) chắc không phù hợp với những nhà làm nên tây lịch như chúng ta đang dùng hiện nay. Vì thế chắc là ông Nguyễn Minh Cần đúng cả lý lẫn lẽ.

Chúng tôi cũng để ý việc đếm ngược thời gian tại các nhà Bưu điện. Trên tháp Effeil bên Pháp cũng có cái đồng hồ đếm lui ngày như thế từ mấy năm nay. Dĩ nhiên đó là sự nhắc nhở năm 2000 đang tới, còn thời điểm tới đó có phải là bắt đầu thế kỷ 21 không thì là một chuyện khác.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Tạ Tỵ, Đỗ Hữu, Hoàng Xuân Sơn, Thái Quốc Mưu, Trần Thu Miên, Trần Minh Tùng, Tôn Nữ Thu Nga, Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Hồng Khắc Kim Mai, Trần Gia Phụng, Phạm Thiện Hỷ, Minh Hằng, Trần Mộng Tú, Quỳnh Anh, Nguyễn Hòa Trước, Cổ Ngư, Đỗ Thị Kênh G, Vũ Anh Mai, Tôn Thất Thiện, Hoàng Đống, Hiếu Đệ, Thụy Khuê, Đoàn Khoách, Vũ Uyên Giang, Babui, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Hân, Thảo Chi, Dy Sỹ, Khánh Hà, Nguyễn Xuân Quang, Phạm Ngọc Khôi, Duflot Thủy Tiên, Đỗ Quang Vinh, Trần Vấn Lệ, Nguyễn Văn Thọ, Phan Hồng Tú, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Minh Cần, Hồ Minh

Dũng, Hoàng Trường Anh, Phạm Hải Anh, Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Tâm Thanh, Quế Lang.

Nguyễn Tường Tứ *(Ottawa, Canada)*: Cách đây cũng lâu lâu có nhận được *Gót Chân Huyền Ảo* của anh, và nay lại rất cám ơn anh đã gửi cho Văn Tập. Như anh thấy, món quà anh cho đã có ích lợi ngay cho TK 21 và độc giả của nó. Chúng tôi không ngờ được đọc thư của anh do một cảnh huống tình cờ thú vị như thế. Cho chúng tôi gửi lời thăm các anh Tr., anh H. Cảm tạ các nhận xét của anh về cuốn sách. Thân.

Phạm Xuân Hy *(Paris, France)*: Đã nhận được 'món quà Xuân' anh gửi nhờ chuyển cho nhật báo Người Việt. Anh em rất mừng, gửi lời cám ơn anh. Chúc năm mới dịch và sáng tác nhiều.

Phạm Nguyên Dũng *(El Paso TX)*: Chúng tôi nghĩ điều ông nói trong thư về tác giả bài thơ ấy là không đúng. Bài đó là của Hàn Mặc Tử chứ không thể của bất cứ tác giả nào khác. Ông có thể tìm thấy điều ấy trong bất cứ tài liệu nào về Hàn Mặc Tử. Kính.

Hộp thư tri sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Trần N Phiêu (Amarillo TX), Toàn P Lợi (Mentor, OH), Chính Tín Bùi (Annadale VA), Hoàng N Châu (Tudor Orlando), Trịnh Văn Hiếu (Orange CA), Phương Quốc Phi (JAPAN), Chu Bá Bằng (Houston TX), Hoàng Dung Đinh (Parsippany NJ), Lại Hữu Lợi (Burbank CA), Hồ Văn Phong (Foxboro MA), Zung Nguyễn (Costa Mesa CA), Khánh Dương (Pearland TX), Nguyễn Huy Thứ (Las Vegas CA), Võ Thành Sum (AUSTRALIA), Tôn Thất Ân (Medford MA), Ngô Hồng Hoa (San Gabriel CA), Hoàng Thanh Tâm (AUSTRALIA), Hậu Vũ (Coronado CA), Nguyễn Ngọc Chấn (West Covina CA), Nguyễn Việt Sơn (San Francisco CA), Nguyễn Thị Thảo An (Kennesaw GA), Điệu Thiệu (Lafayette IN), Lương Quang Tánh (Lincoln NE), Georgetown University (Washington DC), Asian Community Library (Oakland CA), Trần Đình Tưởng (AUSTRALIA), Nguyễn Phong Châu (CANADA), Nguyễn Hữu Lợi (CANADA), Quan Anh Trần (CANADA), Hoàng Thị Châu Qui (Fresno CA), Lê Hữu Phùng (North quincy MA), Nguyễn Ngọc Danh (Sacramento CA), Lê Công Giáo (Upland CA), Nghiêm Xuân Hy (Garden Grove CA), Nguyễn Đ Diệm (Seattle WA), Tường Đức Nguyễn (CANADA), Nguyễn Hữu Nam (CANADA), Phạm Ngọc Khôi (CANADA), Phan Kim Nguyên (Oakland CA), Nguyễn Đình Long (Paoli PA), Thích Minh Đức (Redwood City CA), Phan Hoa (Dayton OH), Nguyễn Duy Kiên (GERMANY), Melhus Bibliotek (NORWAY), Cao Tiêu (Orange CA), Panorama City Branch Library (Van Nuys CA), Khanh Đỗ (San Gabriel CA), Nguyễn Thị Minh Hiến (Mineapolis MN), Thế Đoàn (Sandy UT), Trần Thế Tiếu (Wichita KS), Võ Doãn Nhẫn (Santee CA), Nguyễn Văn Hương (Philadelphia PA), Nguyễn Đức Tâm (Chicago IL), Lê Văn Tú (Garden Grove CA),

Độc giả đổi địa chỉ: Trần N Phiêu (Amarillo TX),

VNCR

Việt Nam California Radio

11022 Acacia Pky, Garden Grove Ca 92840
ĐT: (714) 534-9430; 534-9431; 534-9432
FAX: (714) 534-9433
E-mail vncr@kicon.com
Web http://kicon.com/vncr (real audio)

• VNCR **phát thanh** hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu, mỗi ngày hai buổi — sáng từ 5 giờ đến 7 giờ; chiều từ 12 giờ đến 4 giờ — trên làn sóng 106.3 FM (nghe được từ bắc Los Angeles đến nam Orange County). Chương trình gồm tin tức, bình luận, phóng sự, phỏng vấn, ca nhạc, đọc truyện, và các mục đặc biệt về y tế, pháp luật, giáo dục, gia đình, thanh niên, văn học nghệ thuật, v.v...

• Từ giữa năm 1996, VNCR đã "lên lưới," qua hệ thống của công ty điện toán Kicon, để thính giả ở bất cứ nơi đâu trên trái đất, miễn là có máy điện toán gắn thêm một vài phụ kiện âm thanh, có thể **nghe** được chương trình VNCR vào đúng lúc phát thanh, hoặc nghe lại trong *archive* suốt 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần. Bấm vào địa chỉ web: http://kicon.com/vncr.

VỤ ĐÀN HẶC TỔNG THỐNG CLINTON

NGÔ NHÂN DỤNG

Ở Pháp không thể có chuyện đó. Ở Anh cũng vậy. Ở Việt Nam càng khó hơn! Bên Nga, có dân biểu đối lập đã đề nghị đàn hặc Tổng thống Yeltsin nhưng thủ tục chưa có! Những người theo dõi chính trị nước Mỹ tháng qua có dịp thưởng thức những cuộc bàn cãi ngoạn mục khi Hạ viện đàn hặc Tổng thống Bill Clinton.

Đàn hặc là một truyền thống đặc biệt phát xuất từ Anh từ nhiều thế kỷ trước, sau truyền sang Mỹ, trong khi tại Anh không còn dùng đến nữa. Hiến pháp Mỹ nói các quan chức cao cấp có thể bị đàn hặc ở Hạ viện, rồi Thượng viện xét xử, có tội thì mất chức. Ở các nước theo chế độ đại nghị thì khi vị thủ tướng bị tai tiếng dù chưa phạm lỗi thì đảng của ông, bà ta đã mời đi chỗ khác chơi, khỏi chờ đến lúc đảng đối lập kể tội. Ở Mỹ, Tổng thống do dân bầu trực tiếp, và sự phân quyền rất nghiêm ngặt. Nhưng người ngoại quốc không thể hiểu tại sao Quốc hội Mỹ lại đàn hặc Tổng thống chỉ về một vụ ngoại tình. Mà nhiều dân Mỹ cũng không hiểu. Sau khi Hạ viện đàn hặc ông Clinton hai tội, số dân Mỹ ủng hộ ông tăng từ 68% lên 72%.

Phe Dân chủ cố tìm cách mô tả cuộc bỏ phiếu ở Hạ viện nhắm vào chuyện tình dục của ông Clinton. Phe Cộng hòa nhắc đi nhắc lại họ không bàn chuyện "Sex" mà phạt ông về tội khai man trước tòa án và xúi người khác khai man, tức là ngăn trở công lý! Thử nghe một Dân biểu Cộng Hòa buộc tội. Ông ta nói mai sau nhiều nhân chứng cũng sẽ ra tòa, trong các vụ án có thể đưa đến tội tử hình, và hỏi: "Nếu Tổng thống thề nói thật trước tòa, rồi đi nói dối, thì cả nước này còn ai sẽ tôn trọng lời thề đó nữa?" Một vị bênh vực ông Clinton nói rằng Clinton không hề khai man, ông ta đã nói thẳng là mình có "làm bậy" với cô Lewinsky, nhưng ông ta nghĩ các hành vi của mình chưa đủ gọi là "liên hệ tình dục" mà thôi.

Xin nhắc lại, hồi tháng Giêng năm 1998 ông Clinton bị gọi ra làm chứng trong vụ cô Paula Jones kiện ông về tội sách nhiễu tình dục xẩy ra bẩy, tám năm trước. Luật sư của cô Jones hỏi ông có "liên hệ tình dục" với sinh viên tập sự Monica Lewinsky hay không. Nghe luật sư bên nguyên giải thích bốn chữ khó hiểu đó, luật sư của ông Clinton phản đối, vì định nghĩa này quá rộng rãi, đụng một tí có thể coi là có liên hệ rồi. Quan Tòa đồng ý bỏ, nhưng không ai nghĩ đến chuyện xác định lại định nghĩa nào sẽ được dùng ở tòa. Bây giờ, các người bênh vực ông Clinton cãi rằng theo ông hiểu thì những gì cô Lewinsky làm cho ông không gọi là liên hệ tình dục, ông nghĩ rằng chỉ khi nào hai người ngủ với nhau thì mới gọi là có liên hệ! Cô Lewinsky nói ông có chạm vào chỗ kín của cô, nhưng ông chối rằng mình hoàn toàn thụ động!

Vì vậy vị Dân biểu bênh vực ông nói: "Quý vị Dân biểu Hạ viện sẽ bắt Thượng viện phải xét xử coi ông Clinton đã đụng chạm cô Lewinsky ở chỗ nào, vào lúc nào, có phải không?" Một người bênh vực khác nói: "Một tội đáng bị đàn hặc là khi xâm phạm tự do, chứ không phải xâm phạm tiết hạnh!" Rồi một người chống Clinton nói "Ông ta hoặc đã cố tình nói dối, hoặc không còn lương tri để phân biệt nói thật và nói dối nữa!"

Nhưng cuối cùng thì cuộc tranh luận đó có ích lợi nào hay không? Người bi quan sẽ nói rằng một ngày thảo luận như vậy thật vô bổ.


Monica Lewinsky

Các dân biểu đã quyết định lá phiếu trước khi họ thảo luận!

Nhưng lạc quan một chút thì sẽ thấy dù các dân biểu đã có ý định bỏ phiếu thuận hay chống từ trước, thì diễn đàn Quốc hội cũng vẫn hữu ích. Vì các ông bà này phải đứng ra, công khai giải thích về lý do họ bỏ phiếu thuận hay chống, cho cả nước coi, và những lời lẽ của họ được ghi lại để mai sau cử tri sẽ phán xử! Các cuộc tranh luận ở Quốc hội chính là một cơ chế bảo vệ nền dân chủ. Trong sinh hoạt chính trị, người dân Mỹ biết là cần phải có đảng phái, cũng như khi đi mua hàng thì muốn có nhiều nhà sản xuất cạnh tranh với nhau, nhưng dân Mỹ rất ghét tinh thần phe đảng. Dân chúng muốn các đại biểu Quốc hội phải vượt lên trên óc bè phái, bỏ phiếu vì lương tâm và công ích chứ không phải vì phe đảng. Tháng Mười Một năm 2000 dân Mỹ sẽ phán xử.

Ông Clinton, Quốc hội và dân chúng Hoa Kỳ phải đi qua cơn khủng hoảng này cũng vì nước Mỹ có truyền thống tôn trọng luật pháp. Có thể nói tai họa đến với ông Clinton bắt đầu từ Tháng Năm năm 1997, khi Tối cao Pháp viện phán rằng vụ cô Paula Jones kiện ông phải được tiếp tục. Tòa án tối cao bác bỏ lý luận của các luật sư của ông Clinton yêu cầu hoãn xử cho đến khi ông mãn nhiệm, ngõ hầu không làm mất thời giờ đáng lẽ ông dùng cho việc trị quốc. Năm 1807, một năm trước khi mãn nhiệm kỳ thứ hai, Tổng thống Thomas Jefferson cũng bị trát tòa gọi, và ông đã than rằng nếu các Tổng thống cứ bị kiện cáo là phải ra tòa thì còn thời giờ đâu lo việc nước? Tòa Tối cao phán rằng không ai được đặt lên trên luật pháp, Tổng thống hay thường dân cũng phải bị xét xử như nhau. Vả lại, Tòa nói trong lịch sử mới có ba vị Tổng thống Mỹ bị kiện về các hành vi trong đời tư, như vậy thì không lo các vị Tổng thống sau này sẽ bị mất quá nhiều thời giờ vì kiện cáo.

Ngài Chánh án Tối cao Rehnquist sẽ phải chủ tọa khi Thượng viện xét xử ông Clinton, lúc ngồi ghế chủ tọa chắc ngài sẽ có dịp ngẫm nghĩ lại về phán quyết gần hai năm trước, coi vụ kiện của cô Jones có làm mất thời giờ hay không! Về sau vụ cô Jones kiện ông Clinton đã bị một quan tòa bác không xử, vì thiếu bằng cớ là có chuyện sách nhiễu, rồi sau cô chấp nhận đền bù không kháng án. Nhưng các lời chối cãi của ông Clinton được Công tố viên Độc lập Kenneth Starr đem ra hỏi lại, trước Đại bồi thẩm đoàn. Và lần này, ông lại chối nữa. Những lời chối cãi đó là căn bản để Hạ viện đàn hặc ông sau này.

Sau vụ đàn hặc Tổng thống Clinton, liệu các thẩm phán Tòa án Tối cao có ân hận về phán quyết năm 1997 hay không? Khó có chuyện đó. Các thẩm phán nổi tiếng là Bao công "mặt sắt đen sì," họ chỉ phán xử theo pháp luật, họ không cần biết chuyện chính trị. Nghĩ cho cùng thì vụ án Paula Jomes cũng không làm mất thời giờ của ông Clinton là bao. Ông Clinton, Quốc hội và dân Mỹ bị mất thời giờ vì ông Clinton đã quen nói quanh co.

Một dân biểu đảng Dân chủ, ông Tom Barrett ở tiểu bang Wisconsin nói rằng "Tổng thống Clinton không cao hơn luật pháp, và ông không thể ở trên pháp luật." Dân biểu Livingston, lúc còn tính ứng cử Chủ tịch Hạ viện cũng nói "Ông Clinton không phải vua, ông ta không nhận được mệnh trời!" Trong bài viết ở Việt Nam gần đây, ông Trần Độ cũng đem chuyện ông Clinton bị điều tra đàn hặc ở Mỹ làm thí dụ cho thấy trong một nước Dân chủ không ai có thể ngồi trên pháp luật.

Đàn hặc, bài học từ 1868 đến 1999

Thủ tục đàn hặc Tổng thống Clinton đang bắt đầu, với phần buộc tội của Công tố viên Kenneth Starr tại Ủy ban Tư Pháp Hạ viện. Các dân biểu trong Ủy ban đã tranh luận vụ "đáng đàn hặc hay không đáng đàn hặc," rồi bỏ phiếu với tinh thần phe đảng rõ rệt. Nhiều người than phiền là các Dân biểu phe đảng quá. Phe đảng, nghĩa là xấu.

Nhưng chính trị phe đảng cũng là cái giá phải trả khi sống chung trong thể chế Dân chủ. Thể chế Dân chủ không bao giờ hoàn hảo, không bao giờ hứa hẹn một thế giới hoàn thiện. Nói cho cùng, Dân chủ vốn không có nội dung, đó chỉ là cái khung để người dân vẽ lấy bức tranh của họ, mỗi dân tộc vẽ một cách.

Chúng ta không bao giờ nên nghĩ Dân chủ như một lý tưởng, mang tính cách tín ngưỡng. Các học thuyết chính trị mang tính chất tín ngưỡng thường dẫn tới chế độ độc tài và độc hại, vì họ đề cao các kiểu mẫu con người và xã hội hoàn thiện, lý tưởng quá, rồi không bao giờ đạt được nên biến chứng. Trong xã hội dân chủ người ta chấp nhận con người không hoàn thiện, thể chế chính trị chỉ gồm những thủ tục, luật lệ để tìm cách ngăn ngừa cái xấu đỡ tác hại và đừng tác hại lâu quá mà thôi.

Nếu chúng ta nhìn lại vụ đàn hặc năm 1868, vụ duy nhất trước đây trong lịch sử Mỹ, thì thấy sau hơn 100 năm, nền chính trị Mỹ đã tiến bộ nhiều lắm, nghĩa là bây giờ các chính trị gia "lịch sự, văn minh" hơn ngày xưa rất nhiều rồi. Chế độ dân chủ ở một nước cũng lớn dần, trưởng thành dần dần, như mọi sinh vật trên trái đất này.

Đàn hặc 1868

Năm 1868, Tổng thống Andrew Johnson bị đàn hặc sau khi ông cất chức Bộ trưởng Chiến tranh (nay là bộ Quốc phòng), dù không được Quốc hội chấp thuận. Andrew Johnson giống Bill Clinton ở chỗ hai người cùng dân miền Nam, cùng sinh ra trong cảnh nghèo. Nhưng Johnson còn nghèo hơn Clinton: ông không bao giờ được đi tới trường học, 12 tuổi phải đi làm thợ may, rồi lớn lên mở tiệm may; năm 18 tuổi kết hôn, mới được bà vợ dậy cho biết đọc, biết viết. Clinton đã học đại học để được tặng những học bổng uy tín như Rhodes Scholarship.

Nếu có ai chê chính trị Mỹ bây giờ phe đảng quá, thì nên đọc lại sử. Giữa cuộc chiến tranh Nam-Bắc, Andrew Johnson được mời đứng chung liên danh đảng Cộng hòa với Tổng thống Lincoln cũng vì yếu tố chính trị: ông Johnson thuộc đảng Dân chủ, ông lại là người "Miền Nam" (là nghị sĩ duy nhất ở miền Nam chống quyết định ly khai đưa đến nội chiến Nam Bắc.) Mà lúc đó ông Lincoln muốn có một chính phủ "đại đoàn kết quốc gia!"

Và lý do đàn hặc ông Johnson càng nhuốm mầu chính trị. Đảng Cộng hòa lúc đó cũng đang kiểm soát Quốc hội, và họ là "phe thắng trận" sau cuộc nội chiến. Khi ông Lincoln bị ám sát, Johnson kế vị, đảng Cộng hòa bỗng thấy một ông Dân chủ, miền Nam, lên làm tổng thống của họ. Họ tìm đủ mưu chước để mời ông ta về nhà nghỉ! May là họ giữ được truyền thống dùng các mưu kế hợp pháp chứ không đảo chính quân sự!

Lúc đầu, người ta tính gán cho ông Johnson tội "quan hệ" trong âm mưu ám sát cố Tổng thống Lincoln. Họ đưa ra bằng chứng là cuốn nhật ký của hung thủ (John Wilkes) bị xé mất 18 trang, chứng cớ rất tào lao nhưng họ cố thổi lên thành nghi vấn! Khi kế này không đi đến đâu, họ bầy kế khác: cho điều tra các vụ đầu tư, các trương mục ngân hàng của ông Johnson.

Sau cùng, đảng Cộng hòa tìm được lý do đàn hặc, họ bắt ngay lấy cơ hội đó, hối hả đàn hặc ông Johnson cho lẹ. Trước đó, Quốc hội đã biểu quyết đạo luật nói Tổng thống chỉ được thay đổi các bộ trưởng nếu được Quốc hội ưng thuận. Ông Johnson không làm theo luật đó, tất nhiên đã phạm pháp!

Ngày hôm trước ông Johnson cách chức Bộ trưởng Chiến tranh, ngày hôm sau một Ủy ban Hạ viện họp, soạn thảo ngay "Quyết định đàn hặc," bẩy dân biểu Cộng hòa nhất trí! Hai ngày sau, toàn thể Hạ viện bỏ phiếu về Quyết định đàn hặc, 126 thuận, 47 phiếu chống.

Nhưng sau cùng, khi vụ đàn hặc đưa lên Thượng viện, chỉ có 35 nghị sĩ đồng ý kết tội và truất phế, 19 vị chống, thiếu đúng một phiếu thì đủ 2 phần 3 - Thời đó Thượng viện Mỹ mới có 54 nghị sĩ cho 27 tiểu bang. Ông Johnson tiếp tục làm Tổng thống Mỹ cho đến hết nhiệm kỳ. Sáu năm sau, ông về quê Mississipi ứng cử nghị sĩ và lại đắc cử. (Về sau đạo luật mà Hạ viện dùng để kết tội ông bị Tối cao Pháp viện bác bỏ, vì luật này vi phạm nguyên tắc phân quyền trong hiến pháp.)

Đàn hặc 1974

So với vụ đàn hặc Andrew Johnson, một trăm năm sau, cuộc điều tra, đàn hặc cố Tổng thống Nixon diễn ra nghiêm trang, văn minh, và có thể thống hơn nhiều. Lúc đó, bà Hillary Rodham, phu nhân Tổng thống Clinton bây giờ, một luật sư mới ra trường năm 26 tuổi, được tuyển vào làm trong Tiểu ban Nghiên cứu luật hiến pháp về đàn hặc. Bà góp phần soạn các thủ tục đàn hặc mà Hạ viện Mỹ đã áp dụng trong vụ chồng bà.

Đứng đầu tiểu ban này là John Doar, một người thuộc đảng Cộng hòa, dù khi đó đảng Dân chủ chiếm đa số ở Hạ viện. Ông Doar ra lệnh cho hơn 20 luật sư trẻ phải bỏ hết ý kiến chính trị của mình ở ngoài nơi làm việc, chỉ chú trọng đến luật pháp và các sự kiện xảy ra mà thôi. Họ phải giữ bí mật, không được bép

xép, nhất là với nhà báo. Ông Doar yêu cầu nhân viên lúc nào nhắc đến ông Nixon thì phải gọi là "Tổng thống" để bẩy tỏ lòng kính trọng với ngôi vị này, dù họ đang lo kể tội ông. Riêng ông Doar có lúc được mời nhưng đã từ chối không tới dự tiệc ở nhà bà Ethel Kennedy, vì sợ mang tiếng thân thiện với đảng Dân chủ, mặc dù chính ông Doar đã làm việc cho chồng bà, Robert Kennedy.

Đàn hặc 1998

Năm 1998, người ta có thể thấy các nhà chính trị Mỹ vẫn cố giữ tính chất nghiêm trang như thời 1974, mặc dù các vụ công bố hồ sơ buộc tội của ông Starr và cuốn phim hỏi cung ông Clinton rồi đến các cuộn băng thâu thanh Tripp-Lewinsky khiến công chúng có cảm tưởng đang coi chuyện dâm ô rẻ tiền!

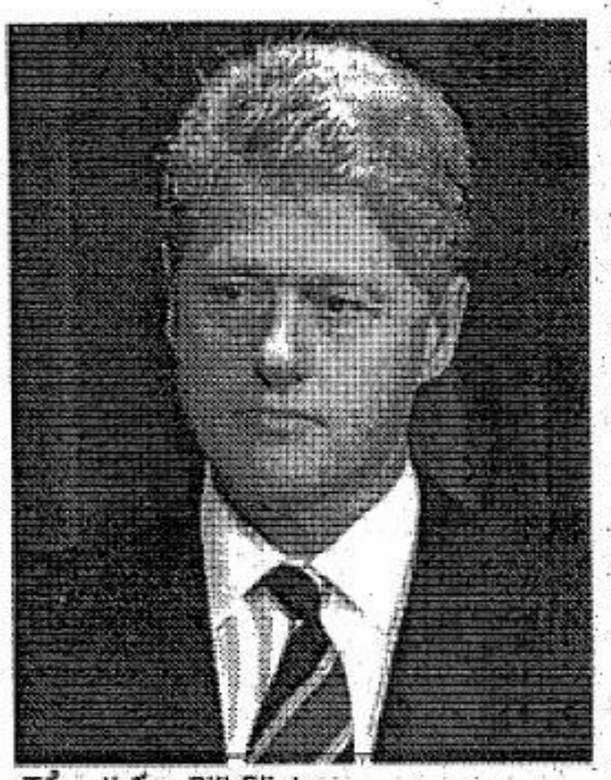
Hai tháng trước, khi Hạ viện cho bắt đầu điều tra để đi tới đàn hặc, nghị sĩ Byrd (Dân chủ,) đã răn đe rằng ông bà Clinton đừng có tính chuyện vận động ngầm với các nghị sĩ ở Thượng viện. Ông Byrd nói làm việc đó giống như "mua chuộc bồi thẩm đoàn" trước khi tòa xử án.

Năm 1868, Thượng viện Mỹ trải qua những bàn cãi lộn xộn ngay từ đầu, cuối cùng cũng đi đến một quy tắc làm tiêu chuẩn trong việc bỏ phiếu kết tội. Quy tắc đó là "phải xác định được rằng Tổng thống Mỹ đã vi phạm luật; và việc vi phạm này phải có tính cách trầm trọng." Một cuốn sách in năm 1992, kể lại vụ đàn hặc ông Johnson năm 1868 kết luận rằng việc tha bổng ông Johnson cho thấy: "đàn hặc ... là một diễn trình điều tra pháp lý, trong đó Hạ viện đưa ra các lời buộc tội rõ ràng, trình lên Thượng viện các chứng cớ, và các nghị sĩ sẽ quyết định coi có đủ chứng cớ để kết tội hay không."

Năm nay Thượng viện Mỹ đã có sẵn quy tắc đó. Cuộc thảo luận và bỏ phiếu ở Thượng viện chắc sẽ nghiêm chỉnh, lịch sự và khả kính hơn thời 1868. Nhất là khi tác giả cuốn sách nói trên chính là người sẽ chủ tọa phiên tòa ở Thượng viện, người đó là Chánh án Tối cao Pháp viện William Rehnquist.

Chánh an Rehnquist

Ông Willaim H. Rehnquist, Chánh án Tối cao Pháp viện Hoa kỳ, năm nay 72 tuổi, Ông đã từng cảnh cáo rằng các phiên xử đàn hặc dễ biến thành các vụ tranh chấp phe đảng, khi người ta đua nhau chứng tỏ là mình mới là người bảo vệ cái thiện, để chống cái ác.


Tổng thống Bill Clinton

Nhưng, ông viết trong cuốn sách, "Thượng viện không thể trở thành một tòa án phe đảng ... làm suy yếu các quy tắc cơ bản của Hiến pháp, chỉ cốt cất chức một đối thủ chính trị."

Sinh tại Milwaukee và đậu đầu khóa trường Luật ở Đại học Stanford, ông Rehnquist đã đến Washington làm cho Thẩm phán Tối cao Robert Jackson năm 1951, sau đó ông mở văn phòng luật sư ở Phoenix trong hai thập niên. Là một đảng viên Cộng hòa, năm 1969 ông trở lại thủ đô, phục vụ trong Bộ Tư pháp. Năm 1972 Tổng thống Nixon cử ông làm Thẩm phán Tối cao Pháp viện, và năm 1986 Tổng thống Reagan cử ông làm Chánh án Tối cao. Trong đời tư ông là một người sống giản dị, với các thú tiêu khiển bình thường, và ghét bị quảng cáo trên ti vi. Nhiều khi ông đi bộ dạo chơi, gặp các du khách hỏi thăm đường tới Tối Cao Pháp viện, ông dừng lại lễ phép chỉ đường, họ không biết ông là ai. Nhưng trong tháng Giêng tới cả nước sẽ nhớ khuôn mặt ông.

Lập trường của Chánh án Rehnquist là muốn hay không muốn Tổng thống Clinton bị cất chức? Chắc đến ngày ông qua đời người ta cũng không biết được. Là một người rất nghiêm khắc trong việc bảo vệ tinh thần trọng pháp, ông sẽ chỉ lo thi hành đúng các luật lệ, thủ tục hiến định, chẳng cần biết kết quả phiên xử ra sao. Với tính cách chánh án chủ tọa phiên tòa, ông sẽ có quyền quyết định chấp nhận hay bác bỏ các đề nghị của hai bên nguyên (Hạ viện) và bị (luật sư của Tổng thống.) Ông sẽ quyết định cho gọi nhân chứng nào, chấp nhận các bằng chứng nào, nhưng các điều ông quyết định có thể bị đa số tương đối các Nghị sĩ bác bỏ. Và các nghị sĩ cũng có quyền ngưng phiên tòa!

Trong cuốn sách về vụ đàn hặc Tổng thống Andrew Johnson hồi 130 năm trước, ông

Rehnquist viết: "Các nhà lập quốc rất lo ngại ngành Lập pháp sẽ lấn áp Hành pháp và Tư pháp. Họ đã ấn định nhiệm kỳ của Tổng thống và các thẩm phán Tối cao Pháp viện trong hiến pháp để Quốc hội không thể thay đổi." Đàn hặc là một trường hợp ngoại lệ để Lập pháp cất chức một quan chức vì "phản bội, tham nhũng, hay phạm trọng tội," nhưng, ông Rehnquist viết: "Quyền này chỉ nên dùng một cách dè dặt... Có lẽ ích lợi của biện pháp đàn hặc là tạo ra một mối đe dọa - như lưỡi gươm Democles treo trên đầu, nhưng không rớt xuống."

Công tâm hay phe đảng?

Dù ủng hộ hay chống quyết định đàn hặc ông Clinton, người Mỹ có thể đồng ý một điều là các dân biểu cũng chỉ làm bổn phận hiến định của họ. Hiến pháp nước Mỹ nói một Tổng thống sẽ bị đàn hặc nếu phạm "tội trọng." Có nhiều chứng cớ để hiểu rằng ông Clinton có phạm tội. Các dân biểu chỉ quyết định tội nào trong bốn tội được nêu ra đáng coi là "tội trọng," và đa số đã thấy có hai tội: khai man trước Đại Bồi thẩm đoàn, và ngăn trở hệ thống công lý.

Quyết định "trọng" hay "khinh" rất khó, ngay khi chúng ta phán đoán về hành động của bất cứ ai chung quanh mình, nữa là hành động của một ông Tổng thống. Các dân biểu phân vân có thể đã bỏ phiếu theo tiêu chuẩn chính trị, tự hỏi "việc đàn hặc có ích lợi hay thiệt hại cho quốc gia?" Cựu Tổng thống Bush, khi mới lên làm dân biểu Texas, đã bỏ phiếu thuận cho các đạo luật bảo vệ dân quyền của người da đen, mặc dù đa số trong đảng và cử tri của ông chống lại. Rồi ông Bush bị thất cử lần sau, nhưng sự nghiệp chính trị của ông vẫn còn, và vẫn tiến xa hơn.

Hạ viện đàn hặc ông Clinton một ngày sau khi quân đội Mỹ bắt đầu không tập Iraq. Người dân Mỹ sẽ đặt câu hỏi rằng có cần đàn hặc vị Tổng Tư lệnh quân đội gấp gáp như vậy hay không? Có nên trì hoãn việc thảo luận đợi sau khi cuộc không tập chấm dứt hay không? Họ sẽ nhớ các câu hỏi này cho đến cuộc bầu cử tới. Liệu hai năm nữa dân chúng có quên hay không? Nếu họ quên thì sẽ có các nhà chính trị khác nhắc nhở cho họ nhớ. Và đó là một ưu điểm của thể chế dân chủ đa đảng, nó khiến các chính trị gia lúc nào cũng phải gánh trách nhiệm về các hành động của mình.

Nhưng kết quả có thể được đoán trước, ở Thượng viện với 45 nghị sĩ Dân Chủ và 55 Cộng Hòa, khó lòng đủ 67 người kết án ông Clinton. Tại sao các Dân biểu đảng Cộng hòa tiếp tục đi đến cùng?

Đảng Cộng hòa có hai lời giải thích chính thức. Thứ nhất, họ nói rằng ngoài việc biểu quyết đàn hặc, không có cách nào khác khi một Tổng thống phạm luật. Một "nghị quyết khiển trách" không thể chấp nhận được, vì Hiến pháp Mỹ không dự trù điều đó (Các dân biểu Dân Chủ nhìn cách khác. Họ nói Hiến pháp không cấm khiển trách Tổng thống thì cứ làm cũng được.) Lý do thứ nhì là ông Clinton rõ ràng đã phạm lỗi "khai man," ông đã trả lời "không" khi được hỏi hai lần về liên hệ tình dục với cô Lewinsky.

Nhưng đằng sau hai lý lẽ chính thức đó, còn một điều là việc đàn hặc chắc chắn hạ thấp uy tín của ông Clinton. Và như vậy thì đảng Cộng hòa được nhiều lợi thế chính trị.

Thứ nhất, dù ông Clinton có thoát nạn trên Thượng viện, tiếp tục ngồi làm tổng thống trong hai năm tới, ông sẽ không còn uy tín để đưa ra các chương trình lập pháp theo chủ trương của ông và đảng Dân chủ. Hai đảng có các chủ trương khác xa nhau về các vấn đề An sinh xã hội, Quỹ hưu bổng, cải tổ Y tế, Giáo dục và cải tổ Thuế vụ. Dân chúng Mỹ đang muốn chính phủ và Quốc hội thực hiện cải cách trong những lãnh vực này. Với uy thế bị tổn thương, ông Clinton không thể đứng ra bênh vực sáng kiến nào của Hành pháp, trong khi đó, đảng Cộng hòa đang kiểm soát ngành Lập pháp.

Ngoài ra, khi ông Clinton bị suy yếu vì vụ đàn hặc, Phó Tổng thống Al Gore cũng bị mất uy tín theo. Và ông Clinton không thể giúp đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử năm 2000.

Tóm lại, dù cuộc bỏ phiếu Thượng viện có kết tội ông Clinton hay không, đảng Cộng hòa cũng có lợi ngay trong việc đưa vấn đề này ra biểu quyết. Trước khi Hạ viện họp, một số Dân biểu Cộng Hòa gọi là "ôn hòa" tỏ ý rằng nếu ông Clinton chịu đứng ra nhận mình đã "khai man" thì mới chứng tỏ được là ông ăn năn hối lỗi, họ sẽ chấp nhận không đàn hặc mà chỉ khiển trách. Nhưng vợ chồng ông Clinton đều là luật sư, họ sợ đây là một cái bẫy. Thí dụ ông Clinton thú nhận mình có tội rồi thì, nếu ông vẫn bị đàn hặc, khi ra xử ở Thượng viện ông sẽ khó cãi khỏi tội. Mà dù Thượng viện có tha, mai mốt khi thôi làm tổng thống còn có thể bị truy tố ra tòa án thường

nữa. Ở một tòa án thường thì rất khó buộc ai tội "khai man" nếu người đó chứng tỏ là mình ngay tình hiểu lầm câu hỏi, mà đây là điều ông Clinton nghĩ mình dư sức cãi. Nhưng nếu trước khi ra tòa đã có lời thú tội rồi thì cãi sao được?

Chế độ bị thử thách

Trong lá thư ngỏ công bố sau ngày Hạ viện đàn hặc Tổng thống Clinton, hai cựu Tổng thống Mỹ, Gerald Ford (Cộng hòa) và Jimmy Carter (Dân chủ) kêu gọi "đã đến lúc phải hàn gắn vết thương của dân tộc," sau khi ông Clinton bị đàn hặc. Hai ông đề nghị giải pháp thỏa hiệp của hai đảng, là Thượng viện sẽ làm nghị quyết khiển phạt ông Clinton, họ viết: "Biểu quyết đàn hặc trước toàn thể Hạ viện đã đủ làm Tổng thống Clinton bị ô danh một cách sâu đậm." Hai ông cũng viết: "Các định chế chính trị của chúng ta đang bị thách đố... Hệ thống chính trị của chúng ta cũng đang bị thử thách."

Hệ thống chính trị các nước Anh và Mỹ được coi là ổn định nhất, bảo đảm sự chuyển giao quyền hành một cách trật tự, hòa bình theo đúng luật lệ. Đến nay, bản hiến pháp thành văn được áp dụng liên tục nhất thế giới vẫn là Hiến pháp Hoa Kỳ. Như vậy thì hai vị Tổng thống nói đến thách đố nào? Phải chăng hai ông nói về ngôi vị Tổng thống bị suy yếu nếu vụ xét xử ông Clinton kéo dài, hay cuộc tranh chấp giữa Hành pháp và Lập pháp sẽ khiến chính quyền trung ương tê liệt?

Các triết gia Dân chủ từ Locke đến Montesquieu đã cho thấy muốn bảo đảm cho người dân bị trị được sống tự do và an toàn trong luật pháp, ngăn không cho nhà nước lạm dụng quyền hành, thì phải có sự cân bằng, kiểm soát lẫn nhau giữa Hành pháp, Lập pháp và Tư pháp. Trong 210 năm lịch sử, nước Mỹ vẫn làm một cuộc thử nghiệm, coi hệ thống



phân quyền hoạt động như thế nào mới là cân bằng. Trong khi các Quyền này kiểm soát lẫn nhau, thì thế cân bằng giữa các quyền đó cũng luôn thay đổi. Thế kỷ 20 này chứng kiến sự ra đời của Quyền thứ tư, là công luận, do báo chí đại diện. Vụ đàn hặc Tổng thống Clinton chỉ là một điểm đánh dấu quan trọng trong quá trình điều chỉnh thế cân bằng giữa các định chế.

Trong lịch sử Mỹ, thế cân bằng Hành pháp và Lập pháp đã thay đổi nhiều lần. Trong thời gian Nội chiến Nam bắc (1861-65) Tổng thống Lincoln vì tình trạng chiến tranh, đã bãi bỏ nhiều quyền dân sự, như quy tắc Habeas Corpus (bắt người thì phải đem xét xử ngay,) gia tăng quyền của Hành pháp. Ngay sau Nội chiến, Quốc hội đã tìm cách giành lại thế chủ động. Người kế vị Lincoln là Tổng thống Andrew Johnson đã bị Hạ viện đàn hặc, chỉ

thoát bị truất phế nhờ một phiếu. Sau đó, nước Mỹ liên tiếp có tám vị Tổng thống yếu, không để lại một dấu ấn nào trong đời sống quốc gia, cho đến năm 1901 khi Teddy Roosevelt lên. Trong 40 năm trước đó, lãnh đạo Quốc hội có uy thế mạnh, cả trong việc chọn người ra tranh cử chức tổng thống của mỗi đảng, cho đến khi nước Mỹ tạo ra thể thức "bầu cử sơ bộ" để dân chúng trực tiếp tham dự việc tuyển chọn ứng cử viên.

Vai trò của Hành pháp lên cao nhất thời Tổng thống Franklin D. Roosevelt, khi ông đưa ra các chương trình an sinh xã hội để thoát cơn khủng hoảng kinh tế 1930. Theo đà đó, vai trò và ngân sách của Hành pháp đã gia tăng; và càng lên trong Đại chiến Thứ Hai. Cho đến thời Tổng thống Nixon thì công luận Mỹ đã than phiền hình ảnh "Tổng thống Hoàng đế," lo ngại Hành pháp nắm quá nhiều quyền quyết định trong đời sống quốc gia.

Chiến tranh Việt Nam và vụ Watergate là một khúc quanh, để Quốc hội giành lại quyền hành. Các cuộc điều tra đàn hặc khiến ông Nixon phải từ chức, tiếp theo là các đạo luật không cho phép Tổng thống tiếp tục gửi quân tham chiến nếu không được Quốc hội chuẩn y, và đạo luật về vai trò Công tố viên Độc lập để điều tra các viên chức cao cấp, tất cả đều có tác dụng giảm bớt quyền lực của Hành pháp. Đồng thời với các đạo luật và định chế mới, công luận cũng chỉ trích tình trạng chính phủ mỗi ngày một lớn và ngân sách quá lớn. Nền kinh tế Mỹ đặt trên niềm tin rằng đồng tiền trong tay nhà nước là thế nào cũng tiêu phí phạm hơn là để cho tư nhân quyết định. Vị tổng thống đắc cử nhờ khẩu hiệu chống lại "nhà nước quá lớn" là ông Reagan. Tuy ông Reagan chưa thành công, nhưng ông mở đầu cho thời kỳ "giàn chính" mà nay chính ông Clinton cũng đang theo đuổi.

Trong thời Tổng thống Nixon bị điều tra đàn hặc, vai trò của báo chí nổi bật lên, các phóng viên chuyên nghiệp tìm ra các điều ông Nixon định che dấu, góp phần tạo nên áp lực khiến ông Nixon phải từ chức. Báo in và các đài truyền thanh, truyền hình mỗi ngày càng ảnh hưởng trên đời sống chính trị. Nghị sĩ Gary Hart phải ngưng ý định tranh cử Tổng thống đại diện đảng Dân chủ, sau khi thách thức báo chí, rồi thua vì các báo loan tin về vụ tình dục linh tinh của ông. Bây giờ đến lượt Dân biểu Cộng hòa Livingston phải từ bỏ ý định tranh cử Chủ tịch Hạ viện sau khi biết có các phóng viên một tờ báo khiêu dâm đang dò la về đời tư của ông, cho thấy Quyền thứ tư mạnh như thế nào.

Trong thời gian đó vai trò ngành Tư pháp cũng mạnh hơn trước. Khi vụ Watergate mới nổ ra, Tổng thống Nixon đã cách chức Công tố viên điều tra Archibald Cox một cách hợp pháp. Nhưng sau đạo luật năm 1978 thì nay ông Clinton không thể đụng tới Công tố viên Độc lập Kenneth Starr. Đạo luật Công Tố viên Độc lập do đảng Dân chủ ủng hộ vì kinh nghiệm về ông Nixon, nay được đảng Cộng hòa dùng để tấn công ông Clinton. Tháng Năm năm 1997, khi Tối cao Pháp viện cho phép vụ cô Paula Jones kiện ông Clinton cứ tiếp tục, quyền Tư pháp đã mở cửa cho các biến cố đưa đến cảnh ông Clinton bị đàn hặc.

Vụ điều tra và đàn hặc ông Clinton liệu có làm cho ngành Hành pháp từ nay bị suy yếu thêm so với Tư pháp và Lập pháp hay không? Trong năm tới, Quốc hội Mỹ sẽ phải gia hạn đạo luật về Công tố viên Độc lập, và cả hai đảng có khuynh hướng sẽ giảm bớt quyền hạn của vai trò này, mà hiện nay không có giới hạn về đề tài điều tra cũng như thời hạn, ngân sách. Tháng trước, dân Mỹ qua lá phiếu đã tỏ ý bất bình với Quốc hội trong làm ồn ào vụ đàn hặc, họ cho đảng Dân Chủ thắng thêm năm ghế dân biểu. Với kinh nghiệm đó, chắc Quốc hội sẽ tự kiềm chế hơn. Cái thế thăng bằng giữa ba quyền phân lập sẽ còn thay đổi mãi mãi, như con lắc chuyển động tuần hoàn. Cũng như mọi định chế do con người tạo ra, hệ thống chính trị cũng vô thường, nghĩa là luôn luôn thay đổi.

Nếu ông Clinton được tha bổng thì có phải ông ta đã qua mặt luật pháp hay chăng? Không phải như vậy. Thủ tục đàn hặc trong Hiến pháp Mỹ chỉ nhắm cất chức các quan chức cao cấp. Sau khi làm xong thủ tục đó, các viên chức còn có thể bị truy tố ra tòa án thường về các tội mà họ phạm. Nghĩa là dù việc đàn hặc có kết quả cất chức hay không, sau đó pháp luật vẫn hỏi thăm Tổng thống như thường.

Như vậy chúng ta có thể chờ đợi, cuối Tháng Giêng năm 2001, khi Tổng thống Clinton đã mãn nhiệm, Công tố viên Starr sẽ chuyển hồ sơ "bội thệ," "ngăn trở công lý" của Tổng thống Clinton ra tòa án thường. Trừ khi ông được tân tổng thống nào đó đại xá, như Tổng thống Ford đã đại xá cho Tổng thống Nixon! ●

NHỮNG KHÓ KHĂN KINH TẾ - NGÂN HÀNG VIỆT NAM

HOÀNG QUẾ

Trong bài toán phát triển, ĐCSVN muốn phát triển theo đường hướng XHCN, mở kinh tế nhưng vẫn khép chính trị. Từ 1997 thì môi trường kinh tế đổi hẳn tại Á châu vì khủng hoảng tài chính. Các nước Á châu (Singapore, Thái Lan, Indonesia, Nam Hàn) không tiếp tục đầu tư vào VN vì thiếu phương tiện.

Bản phúc trình ADO (1) của Ngân hàng phát triển Á châu (ADB) cho là bối cảnh đầu tư ngoại quốc trong 1998 giảm (FDI), các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) lỗ lã, các món nợ ngân hàng khó hay không thu hồi được, v.v. tăng trưởng VN trong năm 1998 sẽ xuống.

Có nhiều dấu hiệu cho thấy kinh tế VN đang hạ cánh: thu ngân sách giảm, đầu tư ngoại quốc sản xuất (FDI) giảm (-59%), tăng trưởng xuất khẩu giảm, tăng trưởng công nghiệp giảm, tỷ lệ thất nghiệp tăng từ 6.1 lên 7% (các kinh tế gia cho là tỷ lệ thất nghiệp tại VN trên 15%), v.v. Trước Quốc Hội (QH) khoá 11, thủ tướng Phan Văn Khải đã phải tuyên bố là Việt nam ít bị ảnh hưởng cơn khủng hoảng Á châu nhưng chính phủ đã xét lại và giảm tỷ lệ tăng trưởng GDP từ 9%/năm xuống còn 6%/năm.

Từ 1986, VN đã trả quyền làm chủ phần nào cho nông dân, đã mở cửa cho đầu tư ngoại quốc qua luật đầu tư, cải cách khu vực tài chính ngân hàng qua hối suất, lãi suất và tổ chức khu vực ngân hàng. Trong những năm 1988-1990, VN đã thay đổi lĩnh vực ngân hàng và trước hết thay nhiệm vụ của Ngân hàng nhà nước (NHNN). Trong chế độ XHCN, NHNN vừa làm nghiệp vụ ngân hàng (đầu tư cho các lĩnh vực), làm nhiệm vụ công khố, quản lý dự trữ quốc gia và in tiền (nhiệm vụ ngân hàng trung ương). Việc này thực hiện được vì các doanh nghiệp (DN) và dịch vụ đều thuộc nhà nước. NHNN làm nhiệm vụ phân phối tiền nhiều hơn là nhiệm vụ ngân hàng. Chỉ có DN mới có trương mục và dân không có quyền dữ quý kim như vàng, ngoại tệ, vv. Nói tóm, khu vực ngân hàng XHCN rất thô sơ.

Trong kinh tế thị trường, ngân hàng trung ương (của NHNN) làm nghiệp vụ kiểm soát khu vực ngân hàng (kiểm soát chính sách hối suất và việc quản lý khu vực này) và làm nhiệm vụ giữ dự trữ quốc gia và in tiền (nhiệm vụ ngân hàng trung ương). Ngoài NHNN còn có một khu vực ngân hàng công hay tư rất lớn và các ngân hàng này có nhiệm vụ làm dịch vụ tài chính ngân hàng. Trong kinh tế thị trường NHNN không còn vừa đá banh vừa thổi còi. Khu vực ngân hàng phát triển theo tiến triển của kinh tế. Trước 1975, miền nam có 42 ngân hàng chưa kể các chi nhánh ngân hàng ngoại quốc. Sau 75, CSVN đã đóng cửa hệ thống ngân hàng đó, tịch thu tài sản dân để trong ngân hàng, đổi tiền với hối suất bóc lột nhiều lần, và sau này lạm phát phi mã đã làm dân VN bần cùng. Việc này còn ảnh hưởng đến ngày nay trong việc gây dựng lại lòng tin tưởng của dân chúng trong lĩnh vực ngân hàng.

Khủng hoảng Á châu đã cho thấy chỗ yếu của các nước Á châu khác mặc dù các nước này đã có nhiều kinh nghiệm về ngân hàng. VN cũng không khác, nếu không nói còn tệ hơn rất nhiều. Trong tháng 11 qua, Thống đốc ngân hàng đã cho sát nhập hai ngân hàng hợp

doanh vì nợ quá hạn quá to. VN đang gặp nguy cơ khủng hoảng (meltdown) về ngân hàng nếu không có cải cách sâu rộng.

Nhân dịp hội nghị ASEAN vào tháng 12, VN yêu cầu Nhật tăng viện trợ. TT Obuchi của Nhật có mặt tại hội nghị, đã hứa cho VN được hưởng chương trình Miyazawa và viện trợ thêm cho VN qua World Bank.

Một luồng gió lạnh đang thổi qua kinh tế VN. Bài này sẽ cố gắng trình bày các thay đổi của VN trong năm qua, những hạn chế của khu vực ngân hàng và các khó khăn trước mắt của Hà Nội.

Kinh tế - Ngân hàng trong năm 1998

Bối cảnh và tiền tệ trong 1998

Vì kinh tế Á châu khủng hoảng cho nên VN mới chịu để ý thêm vào các chỗ yếu của kinh tế và cố gắng cải cách. Trong năm 97 và 98, xuất khẩu giảm từ 40-60%, giá cả thị trường quốc tế bất lợi cho sản phẩm VN như trà, hạt điều, cafê, dầu thô. Các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu (gạo, cafê. vv.) đã cứu VN. Có nhiều dấu hiệu VN gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ phát triển đang hạ cánh từ 9% còn 6% trong khi các cơ quan quốc tế đoán là chỉ độ 4-5%. Thống kê căn bản: tỷ lệ tăng trưởng GDP, tỷ lệ lạm phát, cán cân chi phó, xiêu chi ngân sách và các số cho năm 1998 như sau:

Bản 1: Thống kê căn bản

	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998*
GDP (%)	6.0	8.7	8.1	8.8	9.5	9.4	8.8	6%
Lạm phát	67.5	17.5	5.2	14.4	12.7	4.5	3.7	9.2%
Lãi suất (tháng)			2.1	2.1	1.75	1.25	1.0	1.0%/tháng
Xiêu nhập (triệu US$)	-238	15	-900	-1700	-2300	-3880	-2400	2000*
Xiêu nhập % GDP						-10.1%	-11.2%	-7.7%	-7%*
Xiêu chi ngân sách (% GDP)						-1.3%	-1.2%	-3.4%	-3-4%*
Hối suất	14500	10800	10870	11050	11010	11020	12290	12980	

Viện thống kê; *tiên đoán

Từ 1992 đến 1997, NHNN cố giữ một chính sách hối suất theo US$ dollar ít thay đổi chung quanh hối suất chuẩn (pivot rate) 11000 đồng/1 US$. Đồng VN tăng gần 40% so với tiền nhân dân tệ (yuan) của TQ bị phá giá năm 1994 và đồng Yen Nhật giảm so với US$ từ năm 1995. Các chuyên gia cho thấy là tiền VN đã tăng trên 66% so với US$ từ 1990-1997. Năm 1996 VN có nhiều dấu hiệu khó khăn tài chính và đầu năm 1997, NHNN thay đổi tỷ lệ thay đổi quanh hối suất chuẩn từ 2 lên 5%. Tháng 10, 1997, NHNN lại đổi từ 5 lên 10%. Trong một năm 1997, hối suất VN được thay đổi hai lần. Vào tháng 2, 1998, NHNN tăng hối suất chuẩn từ 11,000 lên 11,815 (vẫn giữ tỷ thay đổi 5-10%) và tháng 8, 1998, NHNN đổi thêm hối suất chuẩn lên 12,988 nhưng giảm tỷ lệ thay đổi từ 10% xuống 7%. NHNN trong thực tế phá giá đồng Việt Nam hai lần trong năm 1998 do trị giá giảm khoảng 17% so với 1997. Tiền VN còn cao so với các nước Á châu khác như Thái Lan, Indonesia, Philippines, Malaysia đã phá giá trên 40%.

Một việc đáng chú ý thứ hai là tỷ lệ lạm phát cho năm 1998 là 9.2% so với 3.6% trong năm 1997 - vì giá cả thực phẩm cao hơn do thiên tai và hàng nhập khẩu tăng giá.

VN tiếp tục không có chương trình với IMF vì hai bên không ký kết được và IMF còn trì hoãn giải ngân US$ 176 triệu trong chương trình cải cách cơ cấu (ESAF) ký từ năm 1994.

Tiết kiệm

Tiết kiệm trong nước được ước lượng là 17.5% GDP, (không theo kịp đà tăng trưởng đầu tư). Các chuyên gia quốc tế ước lượng số tiền ngoài lĩnh vực ngân hàng là US$ 8 tỷ (1/4 của GDP VN), tiền mặt luân chuyển trong kinh tế trên 53% (xem bản 2) so với số tiền qua các trương mục ngân hàng. Số tiền gởi ngân hàng/GDP dưới 20% trong khi đó các

nước như Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Tháilan, các con số từ 60-75%. VN không thành công trong việc thu hút tiết kiệm của dân. Nếu muốn tiếp tục tăng trưởng, VN sẽ còn gặp khó khăn.

Đầu tư ngoại quốc FDI

Từ 1986 đến nay, VN nhận nhiều dự án đầu tư tương đương với US$ 32 tỷ nhưng đến giữa 1998, chỉ có 37% số tiền đó được đầu tư. Đầu tư ngoại quốc tương đương với 8% GDP trong năm 1997. Trong 1998 các dự án xin đầu tư giảm nhiều (-59%), tương đương với US$ 1.8 tỷ và nay bộ Kế hoạch còn huỷ bỏ nhiều dự án được chấp thuận nhưng không thực hiện. Các nhà đầu tư than phiền vì VN thiếu luật lệ hay không áp dụng luật lệ (ví dụ thiếu luật khai thác khoáng sản), hạch hỏi và làm tiền. Chính sách đầu tư của VN quá nhiều phiền hà và chính TT Phan Văn Khải đã đổ cho công chức quá yếu kém, và đã có nhiều cố gắng thuyết phục đầu tư ngoại quốc. TT Obuchi của Nhật vào trung tuần tháng 12/98 vừa qua đã than phiền về nạn cửa quyền tại VN.

Viện trợ ODA

Từ 1993 đến cuối giữa 1998 VN được hứa viện trợ US$ 10.5 tỷ nhưng còn US$ 6 tỷ chưa được giải ngân. Năm 1996 VN được hứa US$ 2.4 tỷ và cuối 1997 tại Tokyo lại được hứa US$ 2.38 tỷ. Các nước/cơ quan viện trợ lớn nhất là Nhật, Ngân hàng Thế giới và ADB. VN chỉ sử dụng được 35% tổng số tiền được hứa vì thiếu khả năng "hấp thụ."

Theo Bộ trưởng Kế Hoạch Trần Xuân Giá, trong ngân sách 1999, VN sẽ dành 25% ngân sách đầu tư cho khu vực nông nghiệp nhất là các hạ tầng thuỷ nông, đường xá, điện, vv. Trong 10,000 xã thì có 3,600 xã chưa có điện và trên 700 xã hoàn toàn cô lập trong mùa mưa vì thiếu giao thông. VN sẽ dùng các khoảng tài trợ ODA để phát triển hạ tầng cơ sở cho khu vực nông nghiệp.

Việc giải ngân viện trợ ODA chậm vì khả năng hành chính của công chức yếu kém — thói cửa quyền. Muốn được chấp nhận dự án (kể cả cho khu vực công), các cơ quan, tỉnh, vv. phải có bì thơ, đút lót để được bộ Kế hoạch chấp thuận và bộ Tài chính giải ngân phần đóng góp phía VN. TT Phan Văn Khải điều trần trước Quốc hội than phiền là 80% đầu tư tại các tỉnh bị phí phạm, phiền hà hành chính và tham nhũng.

Cho năm 1999, VN yêu cầu US$ 3 tỷ viện trợ. O. Wattez đại diện thường trực của LHQ tại Hà Nội (2) cho là viện trợ ODA làm chậm mức thay đổi của VN và theo ông, trong năm năm qua, các cải cách trên giấy tờ nhiều hơn trên thực tế và từ khi có viện trợ vào 1993, mức thay đổi kinh tế VN chậm lại. Có nhiều dấu hiệu cho thấy không phải chỉ có nhà đầu tư mà các nước cũng bắt đầu đặt dấu hỏi về tốc độ thay đổi tại VN và sẽ giảm mức viện trợ. Hơn nữa, theo họ, chỉ có 5% số tiền viện trợ được đưa vào các chương trình xã hội và việc phân phối viện trợ không đồng đều. Hà Nội, tương đối giầu, nhận US$ 25/đầu người trong khi các vùng nghèo như cao nguyên Trung phần chỉ nhận US$ 4.4 viện trợ/đầu người.

Khu vực ngân hàng

Trong những năm 1988-90, VN đã bắt đầu cải cách khu vực ngân hàng. Việc cải cách chia ra làm hai giai đoạn: cải cách nhiệm vụ của NHNN và phát triển khu vực ngân hàng.

Bước đầu cải cách vai trò - trách nhiệm của NHNN. Dưới chế độ CS, NHNN vừa là ngân hàng thương mại vừa là NH Trung ương. Cải cách bước một là chia trách nhiệm của NHNN cho bốn ngân hàng khu vực nhà nước: ngân hàng Ngoại thương, ngân hàng Đầu tư và Phát triển, ngân hàng Công thương và ngân hàng Nông nghiệp. Các ngân hàng có nhiệm vụ chuyên môn như tên gọi và số lượng tín dụng phần đông dành cho khu vực doanh nghiệp nhà nước. Hiện nay (1998), bốn ngân hàng nhà nước này nắm 75 % tổng số vốn của khu vực ngân hàng.

Giai đoạn hai là việc phát triển hệ thống tài chính ngân hàng. Hiện nay có 54 ngân hàng hợp doanh (vốn DNNN, tư nhân và ngân hàng nhà nước), 23 chi nhánh ngân hàng ngoại quốc, 62 đại diện các ngân hàng ngoại quốc, 68 hợp tác xã tín dụng, một công ty bảo hiểm và hai công ty tài chính. Ngoài ra còn có 900 tổ chức tín dụng cấp xã/phường cho cả nước.

Các số thống kê khu vực ngân hàng được xem là mật (ví dụ dự trữ quốc gia là mật - một nhân viên VN của các công ty kiểm toán bị tù vì tiết lộ các con số). Những yếu kém của khu vực ngân hàng VN là:

- Thiếu vốn và còn thô sơ, chưa có chiều sâu,
- Các món nợ khó thu hồi được vì dính vào doanh nghiệp nhà nước,
- Cho vay không dựa trên yếu tố kinh tế mà dựa nhiều trên chỉ thị,
- Nhân sự yếu kém, thiếu chuyên môn.

Bản so sánh tình hình ngân hàng một số nước:

Bản 2: Thống kê Ngân hàng

	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997
1. Tiền gởi NH/GDP(%)	18.1	15.0	13.2	14.3	15.1	16.3	17.0*
TQ	44.5	47.3	51.9	54.4	60.3		
Thailan	63.8	65.9	69.6	68.8	71.3		
Malaysia	47.6	54.2	60.4	58.8	60.4		
2. Tiền mặt/tiền gởi NH	46.2	63.9	78.7	76.4	57.2	53.9	
TQ	22.3	21.0	22.2	21.5	19.8	16.1	
Thailan	9.9	8.9	9.3	9.1	9.4	9.4	
Malaysia	17.2	15.6	12.2	10.6	11.3	10.2	
3. M2/GDP	46.5	24.6	23.6	25.3	23.7	25.0	
TQ	83.0	92.1	101.3	110.7	107.1		
Thailan	69.8	72.7	74.9	79.2	78.7	79.5	
Malaysia	66.2	69.2	78.3	89.9	89.1		

WBank 17031 - 31/10/97: *tạm thời

Sau 1975, CSVN đã đóng hệ thống ngân hàng thương mại trong miền nam và các con số trong bản 2 cho thấy là khu vực ngân hàng VN còn chậm tiến: tỷ lệ gởi tiền ngân hàng còn thấp (16-17%), tiền mặt trong kinh tế còn cao (trên 50%) trong khi đó tỷ lệ M2/GDP (tiền mặt và ký thác ngân hàng còn thấp (25%) trong khi đó các nước như TQ và Thái Lan, các tỷ lệ đó rất cao.

Nhiệm vụ ngân hàng là gây tiền qua tín dụng. Nếu tiền gởi ít thì khả năng cho vay của các ngân hàng thấp và nếu khả năng tín dụng thấp thì sẽ hạn chế tăng trưởng của việc phân phối tiền tệ và tăng trưởng kinh tế. Bản 2 cho thấy là khu vực ngân hàng chưa có chiều sâu.

Theo thống đốc NHNN, tổng số nợ quá hạn của khu vực ngân hàng lên 14% và VN đang và sẽ bỏ ra US$ 200 triệu để tăng vốn nhiều ngân hàng. Theo một nghiên cứu của World Bank thì 35% số nợ ngân hàng quá hạn - khó thu hồi. Theo định nghĩa của Việt Nam, một món nợ quá hạn khi không được trả sau 360 ngày, trong khi đối với quốc tế thì hạn đó là 90 ngày. Theo bản 3 thì các món nợ quá hạn của khu vực ngân hàng cao, nếu theo quốc tế thì nhiều ngân hàng phải bị đóng cửa từ lâu. Số nợ quá hạn của các ngân hàng VN ở thời điểm 30/6/1998 như sau: (xem bản 3)

Bốn ngân hàng thuộc khu vực nhà nước cho vay 80% tổng số nợ khu vực ngân hàng. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (NHĐTPT), một ngân hàng mới có từ vài năm nay với trách nhiệm đầu tư vốn của ngân sách, có 2.4 % nợ quá hạn. Mặc dù là số quá hạn thấp nhưng khó mà lấy lại vì ngân hàng này cho khu vực nhà nước, các tỉnh vay. Ngân hàng Nông nghiệp có 5.3% nợ quá hạn (các con số này phải xem một cách thận trọng vì ADB đã không cho NH Nông Nghiệp vay thêm US$ 50 triệu vì sổ sách ngân hàng này thiếu trong suốt). Số nợ quá hạn của Ngân Hàng Công Thương (19%) và Ngân Hàng Ngoại Thương (24%) quá cao theo quốc tế. Các món nợ khó thu hồi vì phần đông các thân chủ của các ngân hàng này là DNNN. Các DNNN đầu tư vào khách sạn, địa ốc, và kỹ nghệ nặng, thua lỗ là chuyện bình thường.

Trong báo cáo tháng Sáu vừa rồi của UNDP (3) LHQ khuyến cáo 12 bài học VN nên rút tỉa từ cơn khủng hoảng tài chính Á châu. Những khuyến cáo chính là: (i) thiếu trong suốt, thiếu tin tức (coi ngân sách là một tài liệu mật. Vào tháng 11, 1998, chính phủ qua bộ trưởng KH Trần Xuân Giá lần đầu tiên cho công bố ngân sách 1999 để tạo sự trong suốt hầu tránh tham nhũng, nhờ đó các nhà đầu tư dễ tính bài toán kinh tế;) (ii) cải cách DNNN sẽ tăng khả năng hoạt động của guồng máy và (iii) phá giá đồng VN để cạnh tranh tốt hơn.

VN có nhiều triệu chứng giống Tháilan, nhất là về khu vực ngân hàng, có những yếu

Bản 3: Nợ quá hạn (% tổng số nợ)

Tên	Nợ qúa hạn /tổng số nợ khu vực ngân hàng (%)	
Ngân Hàng Công Thương	19%	
Ngân Hàng Ngoại Thương	14%	
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển	2.4%	
Ngân Hàng Nông Nghiệp	5.3%	
Ngân hàng khu vực hợp doanh		
Tu Giác (Long Xuyen)	98%	
Nam Đô	94%	
Hải Phòng	62%	
VP Bank	54%	
Gia Định	47%	
Đệ Nhất	39%	
Việt Hoa	29%	
Saigon Bank	28%	
Phu Tam	26%	
Đại Nam	21%	
Habubank	18%	

Xuất xứ: NHNN

kém sau đây:

- thiếu vốn,
- các món nợ không thu hồi được vì dính vào DNNN,
- liên hệ đảng/nhà nước và ngân hàng. Cho vay không dựa trên tính toán kinh tế,
- nhân sự yếu kém, thiếu chuyên môn.

Tin tức vừa rồi cho thấy vụ Minh Phụng-Epco được mang ra xử và nó cho thấy sự liên hệ giữa đảng - ngân hàng và doanh nghiệp. Sự thiệt hại được ước lượng là US$ 261 triệu. Cũng vì những liên hệ này mà khu vực ngân hàng tràn ngập các món nợ không thu hồi được.

Nay VN bắt đầu cải cách khu vực ngân hàng. Trong khu vực hợp doanh, hai ngân hàng Nam Đô và Mekong thuộc khu vực hợp doanh được ngân sách Đầu tư và phát triển sát nhập. Nhiều ngân hàng khác như Việt Hoa, Ficombank, Quế Đô và Nam Đô được đặt dưới sự kiểm soát của NHNN (bước đầu tiên trước khi bị phá sản hay bị một ngân hàng khác sát nhập). Khu vực này tượng trưng cho 10% của khu vực ngân hàng nhưng được nói đến nhiều vì mới đây các ngân hàng này thiếu hay trả chậm các LC (letter of credit - thơ tín dụng) cho các ngân hàng ngoại quốc.

Tóm lại, doanh nghiệp nhà nước, ngoại thương và khu vực ngân hàng là các lĩnh vực có thể mang lại nhiều khó khăn cho VN trong những năm gần đây.

Kết luận

Khủng hoảng kinh tế Á châu cho thấy là các nước Á châu còn nhiều vất vả trong việc phục hồi kinh tế. Indonesia tăng trưởng âm từ 12-15%, Thái Lan sẽ tăng trưởng âm từ 6-8% và khu ngân hàng Thái mất khoảng US$ 25 tỷ, Nam Hàn tăng trưởng âm từ 4-5%. Các nước Á châu sẽ còn vất vả về kinh tế lẫn chính trị và sẽ không còn phương tiện để tiếp tục đầu tư vào VN.

Khuyến cáo của Ngân hàng phát triển Á châu cho thấy Việt Nam thiếu một khu vực tư mạnh mẽ và linh động, trong khi VN vẫn ôm định hướng XHCN. Các yếu kém của VN gồm:

1. Chính sách công nghiệp thiếu hiệu năng - đầu tư vào DNNN vì ôm đường hướng XHCN - đầu tư vào công nghiệp thay xuất khẩu, phí phạm ngoại tệ và tài sản quốc gia;
2. Khu vực ngân hàng yếu kém, cho vay theo chỉ thị cho nên lỗ lã, gây khan hiếm tiền trong kinh tế;

3. Chính sách tiết kiệm dựa vào đầu tư và tiết kiệm ngoại quốc không bền vì CP không thể thu góp tiết kiệm của dân chúng qua khu vực ngân hàng;

4. Hối suất thiếu thực tế gây ra nạn hiếm ngoại tệ. Nạn này sẽ trầm trọng hơn trong năm 1999 vì viện trợ giảm, đầu tư ngoại quốc FDI giảm, xuất khẩu giảm;

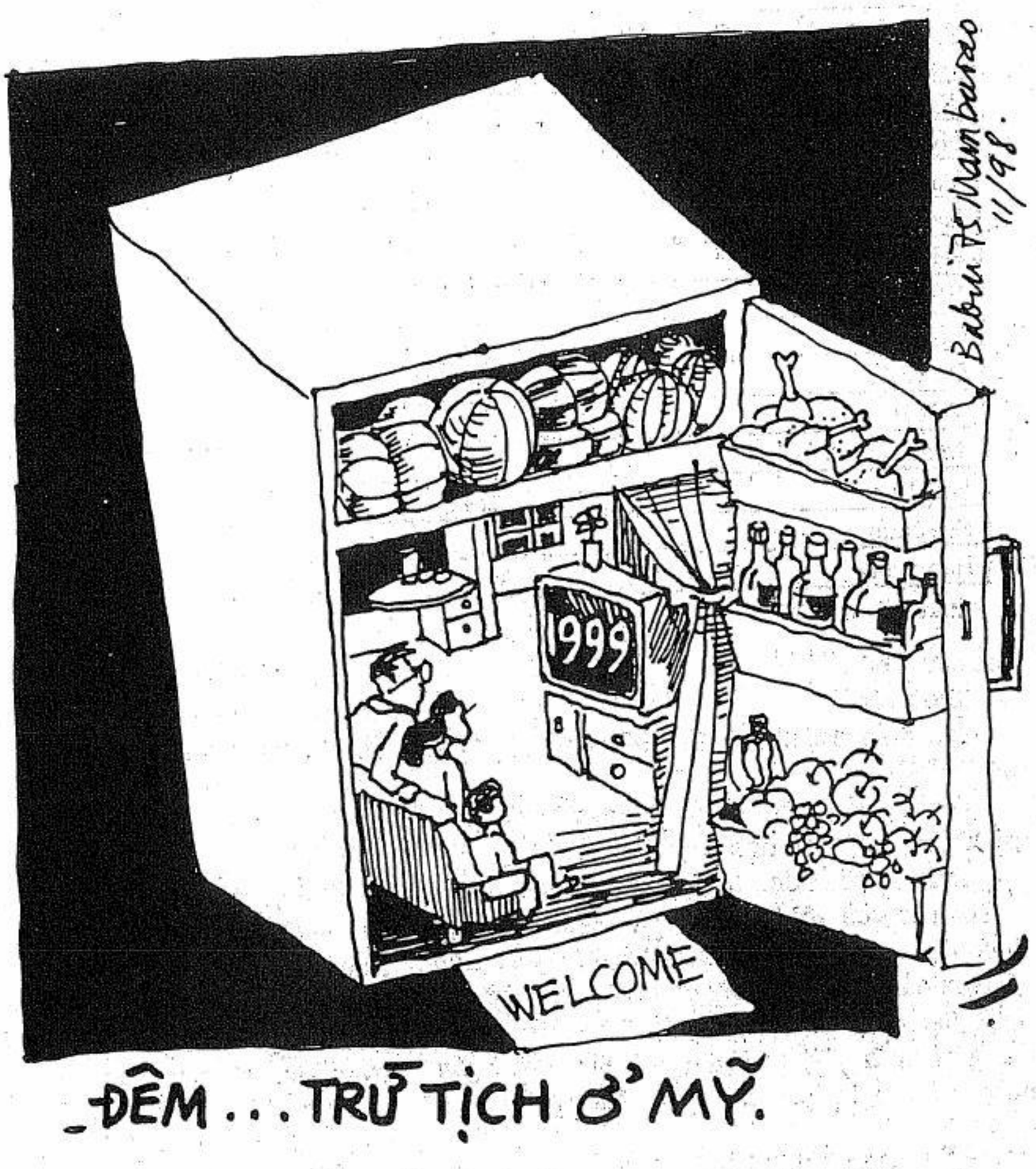
5. Thiếu đầu tư vào nông nghiệp nơi đa số dân chúng sinh sống;

6. Sử dụng viện trợ thiếu hiệu năng và phân phối không đồng đều.

VN đổi mới kinh tế nay được 10 năm. Các chuyên gia VN ở nước ngoài và các tổ chức quốc tế đã khuyến cáo VN thay đổi từ nhiều năm nay nhất là việc đầu tư vào nông nghiệp. Lúc nào VN cũng đợi nước đến chân mới nhảy. Khi đầu tư ngoại quốc giảm hay rút mạnh mẽ thì VN mới lo giảm giá đất (mắc hơn cả Bangkok hay Manila), giá điện thoại, vv. Nhưng quá trễ cho nên đầu tư vẫn giảm.

Kinh tế VN đang dần dần hạ cánh. Có nhiều cách hạ cánh: từ từ hoặc đâm đầu xuống. Các khác biệt giữa chính phủ và đảng về cách hạ cánh là mối lo. Việc này sẽ càng làm quốc tế bớt tin tưởng vào khả năng thay đổi mau chóng của VN. Các nước viện trợ cho VN trong đó có LHQ đã bắt đầu than phiền về tốc độ thay đổi của VN và theo họ viện trợ có lẽ sẽ không giúp VN thay đổi. Họ bắt đầu đặt dấu hỏi về tốc độ chính sách đổi mới của VN. VN đã làm nản lòng nhiều kẻ thiện chí và nhiều người đầu tư đã bắt đầu bỏ đi chỗ khác hấp dẫn hơn.

Nhưng cái xui đôi khi cũng mang lại vài điều tích cực. Đầu tiên là VN nay để ý đến nông nghiệp, là khu vực đa số dân chúng còn sống trong đó. Thứ hai là nay ĐCSVN bớt kêu



-ĐÊM . . . TRỮ TỊCH Ở MỸ.

căng, trước đây lúc nào cũng cho mình là đúng, nay phải thú nhận là bị khủng hoảng kinh tế và do đó cũng sẽ phải thay đổi. Và sẽ phải đối diện với rất nhiều khó khăn trong năm 1999.●

Tokyo, cuối năm 1998

1. ADB, Asian Development Outlook, ADB, Manila 1998 page 112

2. South China Morning post ngày 25/11/98

3. UNDP, East Asia: From Miracle to Crisis, Lessons for Vietnam,, UNDP Hanoi, June 1998

TÔI TÁN THÀNH VỚI TƯỚNG TRẦN ĐỘ VỀ BẦU CỬ TỰ DO

HOÀNG TIẾN

Bài này xin bàn về ý kiến bầu cử tự do của ông Trần Độ.

Nhân loại trên con đường phát triển, từ sinh hoạt bầy đàn thời mông muội đã tiến tới những hình thái tổ chức xã hội văn minh, trong đó CON NGƯỜI, với danh nghĩa là sinh thể đặc ân của tạo hóa, ngày càng được khẳng định mình về quyền sống trên thế gian: quyền làm người, quyền làm dân, quyền làm chủ vận mệnh của mình cũng như của cộng đồng mình.

Ngẫm lịch sử Việt Nam ta, trải qua hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến quân chủ, rồi gần trăm năm dưới chế độ thuộc địa Pháp, cho đến năm 1945 chúng ta đã nổi dậy giành lại chính quyền, thành lập nên nước VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA. Nghĩa là chúng ta đã chọn một hình thái tổ chức xã hội tiến bộ lấy dân làm chủ trong một thể chế cộng hoà không vua. Người dân thông qua phổ thông đầu phiếu bầu lên cơ quan quyền lực cao nhất của mình, đó là quốc hội.

Quốc hội là một thành tựu vô cùng lớn trên con đường tiến tới của nhân loại. Nó được nẩy sinh từ cuộc cách mạng Pháp 1789, mà sau này văn hào Victor Hugo đã hết lời ca ngợi: "chưa hề có cái gì xuất hiện với tầm cao hơn thế, trên đường chân trời của loài người."

Chúng ta đã thấy, qua tivi, ở các nước, những ngày bầu cử, những dịp bầu cử, báo chí và nhân dân nô nức bàn bạc, phẩm bình, chọn lựa những đại biểu xứng đáng để thay mặt mình, nhất là những vị nguyên thủ đảm nhận những công việc trọng trách của đất nước. Những người ứng cử đều phải trình bày những dự án, những cương lĩnh, đi vận động trong nhân dân, hứa hẹn với cử tri, để giành được phiếu bầu tối đa. Báo chí gọi những ngày bầu cử là những ngày hội. Quả không sai.

Ở nước ta thì sao?

Tôi là người được tham gia tất cả các đợt bầu cử quốc hội nước mình. Lần bầu khóa quốc hội đầu tiên (1946) đúng là những ngày hội của nhân dân. Lúc ấy, tôi còn là vị thành niên, chưa được đi bầu, nhưng trong đoàn thiếu nhi khu phố tham gia cổ vũ cho việc bầu cử 6-1-1946 ở thủ đô Hà Nội. Mọi người đang từ trong cảnh nô lệ thuộc địa, bỗng đổi đời sau cách mạng Tháng Tám, thành người dân một nước độc lập tự do. Thật vui mừng không để đâu hết. Không khí ấy, những cảnh tượng nô nức tưng bừng ấy, còn ghi đậm sâu trong trí não tôi, cũng như biết bao nhiêu người khác hiện nay còn sống.

Những lần bầu cử sau, tôi đều được đi bầu, nhưng không bao giờ thấy lại cái không khí, cái cảm xúc như năm 1946 nữa. Đúng như ông Trần Độ nói, nhiều chục năm nay chúng ta thi hành lối bầu cử: Đảng cử dân bầu. Những ứng cử viên đều được lãnh đạo duyệt, thông qua Mặt trận Tổ Quốc giới thiệu, đưa đến từng đơn vị bầu cử để học tập phổ biến trước. Đến ngày bầu cử thì cứ việc như thế như thế. Những người không đi nghe phổ biến, hoặc tên tuổi ứng viên dài khó nhớ, thì được nhắc nhở, bỏ số 3 số 5 ...v.v... thế là cứ tên người số

3 số 5 mà gạch. Nhiều người đi bỏ cho xong chuyện. Cho chính quyền đỡ gây phiền hà. Nhiều người lại còn nhờ hàng xóm đi bỏ hộ. Có gia đình một người đi bỏ thay cho cả nhà. Được cái ban bầu cử cũng dễ tính, họ chỉ cần đủ quân số đi bầu, và đôn đốc buổi bầu càng nhanh càng được thành tích.

Những ai bận việc chưa đi bầu được ngay, thì đều được nhắc nhở trên loa phóng thanh, tên tuổi, số nhà, rồi tổ trưởng dân phố đến từng nhà đốc thúc. Cho nên số cử tri đi bầu thường là 99% hoặc 100%. Con số thực hay con số ma, chẳng ai quan tâm.

Tôi quen một anh bạn là nhà khoa học địa - vật lý Nguyễn Thanh Giang, vừa rồi được bên Mỹ phong tặng danh hiệu viện sỹ viện hàn lâm khoa học New York. Năm 1993, anh bỗng nổi máu nhiệt thành xin tự ứng cử vào đại biểu quốc hội khoá IX. Sau khi làm những thủ tục về lý lịch và các giấy tờ cần thiết của người ứng cử tự do, anh được đưa ra cử tri khu Thanh Xuân Bắc nơi anh cư trú để lấy ý kiến. Không ngờ anh được 96% số cử tri tán thành. Ban chỉ đạo bầu cử vội ấn một cái nút khác. Bước thứ hai đưa anh ra lấy ý kiến của anh em nơi cơ quan anh làm việc là Liên đoàn Vật lý - Địa chất. Họ bố trí bất ngờ, số người đi họp rất ít (trong 400 cán bộ công nhân viên chỉ có 16 người đi họp), gồm những anh em dễ vâng lời lãnh đạo, nên anh chỉ được một phần ba người ủng hộ. Thế là anh rớt, không đủ tiêu chuẩn để Mặt trận Tổ Quốc giới thiệu làm ứng cử viên. Bè bạn bảo: "Ai cho phép anh dám chơi trò dân chủ với ban bầu cử?!"

Hầu như tất cả mọi người tham gia vào việc tổ chức bầu cử, cũng như cử tri đi bầu, đều thấy mình làm một công việc đã được xếp đặt từ trước, đại giả dối, vậy mà họ vẫn cứ làm. Không thấy ai phản ứng. Thế mới kỳ!

Vì thế họ đã tạo nên những đại biểu không phải là của họ. Những đại biểu này do Đảng cử, Đảng chấm, Đảng ban thưởng cho vào Quốc hội, thì tất nhiên những đại biểu ấy phải làm theo chỉ thị của Đảng. Không thể khác được.

Nếu những đại biểu quốc hội thực sự là của dân, dám nói những tiếng nói vì quyền lợi của nhân dân, của dân tộc, thì đất nước chúng ta đã khá lên nhiều rồi. Vài ví dụ:

1. Ai cũng biết điều 69 của Hiến pháp bị vi phạm nghiêm trọng: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin..." mà không một đại biểu nào dám lên tiếng trách cứ Chính phủ, hay cụ thể là Bộ Văn hóa, để buộc họ phải thi hành đúng Hiến pháp.

2. Việc công an bắt oan người vô tội khá nhiều. Một việc cụ thể là vụ bắt giam và xét xử ba ông Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang là vô lý và phi pháp. Có nhiều thư từ của gia đình và bè bạn các bị cáo đã gửi lên Quốc hội yêu cầu can thiệp. Bản thân bị cáo Lê Hồng Hà khi ra tù, đã có đơn khiếu nại, được sự đồng tình của nhiều người, trong đó có những cán bộ lão thành cách mạng cao cấp như ông Lê Giản, ông Hoàng Hữu Nhân, ông Nguyễn Văn Đào (các ông này đều có thư riêng gửi lãnh đạo Nhà nước)...v.v... Vậy mà không thấy một đại biểu quốc hội nào dám vì quyền lợi của những người dân bị oan lên tiếng chất vấn bên tòa án.

3. Nghị định 31/CP của Chính phủ ban hành ngày 14-4-1997 là vi phạm Hiến pháp và luật pháp nước nhà. Chính quyền Lâm Đồng đã sử dụng nghị định này để đầy đọa các nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự, chỉ vì họ đã dám phát biểu những ý tưởng của mình. Nhà trí thức Nguyễn Thanh Giang đã lên tiếng phản đối. Cựu chiến binh Phạm Vũ Sơn đã nhiều lần viết thư gửi chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh chỉ rõ nghị định 31/CP đã vi phạm điều 68, điều 69, điều 71, điều 72 và điều 73 của Hiến pháp năm 1992, đặc biệt chống lại điều 10 bộ luật Tố tụng Hình sự đã được Quốc hội thông qua ngày 28-6-1988, thông qua và bổ sung lần I năm 1990 và thông qua bổ sung lần II năm 1992; yêu cầu chủ tịch dùng quyền lực của mình phế bỏ hoặc đưa ra Quốc hội lấy ý kiến phế bỏ nghị định trên... Tất cả thư gửi đều rơi vào im lặng. Không một tiếng trả lời.

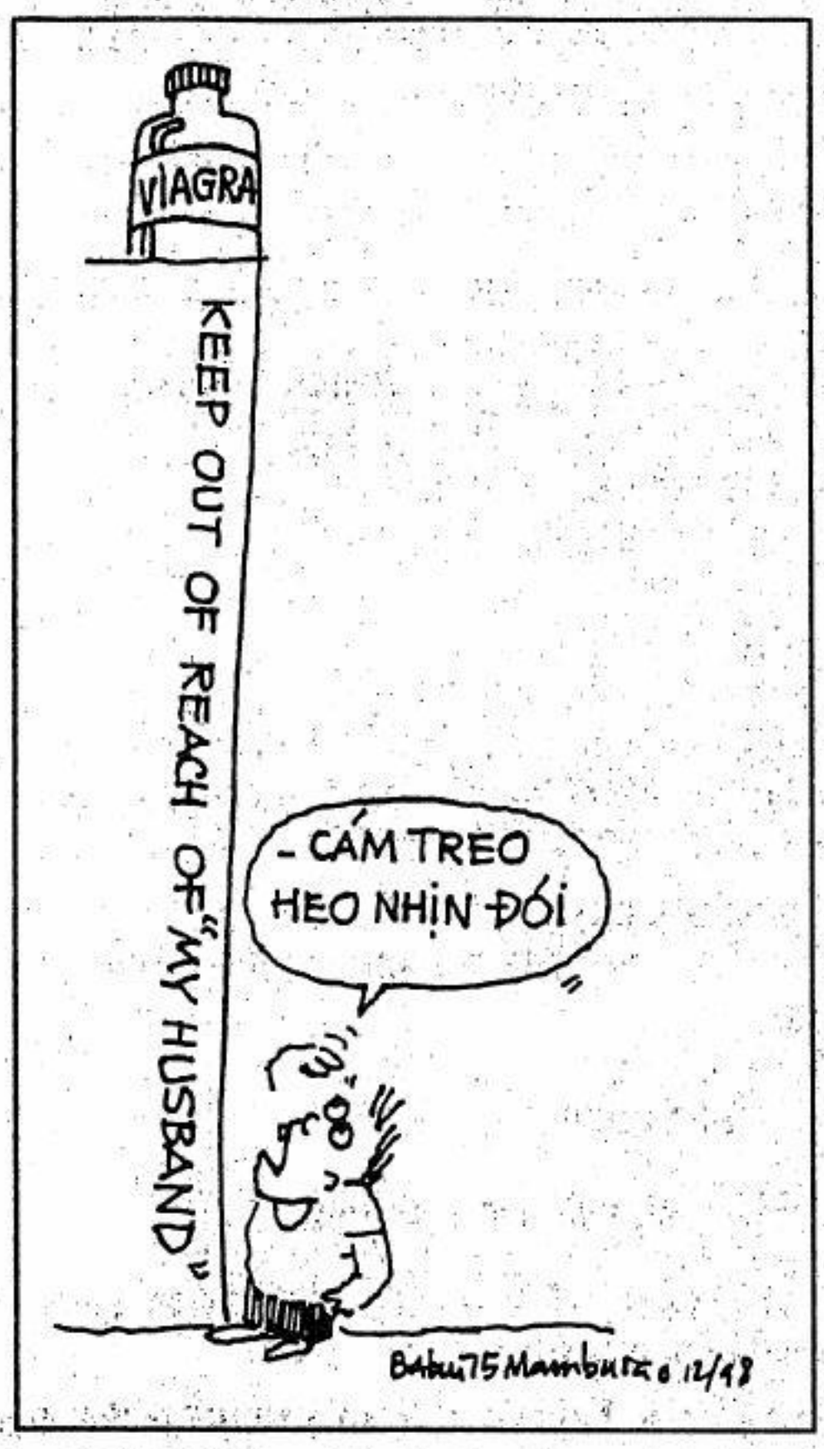
4. Nhiều việc Chính phủ làm Quốc hội không được biết. Ví như đường dây 500 kilôvôn. Tổng kinh phí là bao nhiêu? Hà lạm mất bao nhiêu? Bây giờ thực trạng nó ra sao? Nó là thành tựu hay tổn thất? Không thấy đại biểu quốc hội nào chất vấn để Chính phủ trả lời và công bố cho nhân dân được biết.

5. Một việc lớn nữa, ai cũng thấy nhưng không ai nói ra, là bộ máy Nhà nước. Ở nước ta dường như có hai bộ máy cùng điều hành một công việc. Một bộ máy của Nhà nước có thủ tướng với các bộ trưởng và các ban bệ. Một bộ máy của bên Đảng với các trưởng ban Nông nghiệp, trưởng ban Công nghiệp, trưởng ban Văn hoá Tư tưởng, trưởng ban Tổ chức...

và các ban bệ. Xuống các cấp tỉnh, cấp huyện, cũng như thế. Một ngôi nhà uỷ ban đồ sộ, thì bên cạnh đó một ngôi nhà tỉnh uỷ, huyện uỷ cũng đồ sộ không kém, có phần còn to hơn, đẹp hơn, cùng các phòng ban, người thường trực, ô tô, điện thoại như một bộ máy nhà nước. Mức chi tiêu cho bên Đảng gấp rưỡi đến gấp đôi bên Nhà nước.

Đảng chi tiêu nhiều tiền hơn nhà nước

Xin đọc một mẩu tin đăng trên báo Lao Động rất gần đây số 157 thứ sáu ngày 2 tháng 10 năm 1998 tiết lộ: "Mức chi ngân sách của cơ quan Đảng bằng 1,5 đến 2 lần cơ quan hành chính sự nghiệp. Theo Thông tư Liên Bộ Tài chính - Ban Tài chính Quản trị Trung ương ngày 28-9-1998, mức chi ngân sách bình quân làm căn cứ lập dự toán ngân sách của các tỉnh uỷ, thành uỷ được áp dụng bằng hai lần mức chi ngân sách bình quân hiện hành của cơ quan hành chính sự nghiệp nhà nước cùng cấp quy định cho từng địa bàn. Đối với các huyện uỷ, quận uỷ và tương đương được áp dụng bằng 1,5 lần. Mức chi bình quân trên không bao gồm chi bù lỗ xuất bản, báo chí, đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn tập trung của ngân sách nhà nước, chi đối ngoại, chi đào tạo lại cán bộ, chi nghiên cứu khoa học và chi cho các chương trình mục tiêu. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký."



Vấn đề đặt ra là: Có thể bỏ bớt đi một bộ máy.

a/ Trường hợp 1: Nếu bên Đảng có thể đảm nhiệm luôn chức năng của Nhà nước thì nên làm luôn. Nó gọn lại, đỡ tốn kém, đỡ chồng chéo giẫm chân lên nhau.

b/ Trường hợp 2: Nếu phải để bộ máy Nhà nước, và Đảng chỉ làm công việc lãnh đạo, thì không cần một bộ máy bên Đảng cồng kềnh như thế, nhiều người như thế, chiếm nhiều nhà cửa như thế, tốn kém ngân sách như thế.

Việc này Quốc hội phải bàn bạc và biến thành luật về tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam.

Nếu bên Đảng cho rằng, đây là việc riêng của Đảng, số người cùng những tổ chức của Đảng là do Đảng quyết định, Quốc hội không nên can thiệp vào, thì vấn đề giản dị thôi: Đảng phải tự lo lấy kinh phí mà trang trải những công việc của Đảng. Và muốn xây bao nhiêu nhà cũng được, muốn tổ chức bao nhiêu ban bệ cũng tuỳ. Tha hồ. Nhưng không được lấy tiền của ngân quỹ Nhà nước chi trả cho những công việc của Đảng, kể cả lương hưu trí.

Chúng ta hãy nhìn ra các nước mà xem. Có ai tổ chức quản lý nhà nước như chúng ta không? Thành ra nước đã nghèo, lại phải chi phí hành chính quá nhiều, lấy đâu đủ vốn để đầu tư nữa.

Mọi người, kể cả giới lãnh đạo, thường kêu rên bộ máy Nhà nước quá cồng kềnh. Nhưng không thấy một đại biểu quốc hội nào nêu việc trên ra để Quốc hội bàn bạc giải quyết. Chỉ vì những đại biểu quốc hội đều là người của Đảng cử. Và họ dường như chỉ làm nhiệm vụ giơ tay biểu quyết để chế hóa những chỉ thị nghị quyết của Đảng.

Gần đây có quy định về tỷ lệ trong ngoài của đại biểu quốc hội: 20 phần trăm là người ngoài Đảng. Con số 80 phần trăm kia là đảng viên thì có nghĩa quốc hội vẫn là của Đảng, chứ đâu phải quốc hội của dân. Đảng có hơn hai triệu đảng viên mà chiếm 80% số đại biểu quốc hội. Dân có gần 80 triệu người, nghĩa là gấp gần 40 lần số đảng viên, mà chiếm có 20%. Một quy định nghĩ cũng kỳ khôi.

Phải tôn trọng tự do bầu cử

6. Có thể nêu nhiều ví dụ nữa, nhưng thiết nghĩ tạm đủ, xin trở lại đề bài.

Xuất phát từ những thực tế đó, nên ông Trần Độ mới đề nghị bầu cử tự do. Dân chúng, qua tự do đầu phiếu sẽ tìm ra những người đại biểu xứng đáng của mình. Có thể có nhiều đảng viên sẽ được dân chúng bầu. Vì thế quốc hội mới là cơ quan quyền lực cao nhất, đại diện cho ý nguyện của toàn dân, làm ra hiến pháp và luật pháp, là những khế ước chung, mà mọi thành viên trong xã hội phải tuân theo, kể cả Đảng.

Những cơ quan dân bầu (như Hội đồng Nhân dân các cấp và Quốc hội) hội họp hàng năm nên công khai cho mọi người biết. Tôi nghe kể, trước đây, hồi còn Pháp thuộc, những hội đồng dân biểu thành phố (trong Nam gọi hội đồng quản hạt), như Hội đồng dân biểu Hà Nội, khi họp hội đồng, họ chọn giờ sau bữa cơm tối mới họp (khoảng 19 giờ hay 19 giờ 30), để mọi người dân có thể vào nghe. Và các nơi họp, đều bố trí có những khoang ghế dành cho dân chúng. Để xem các ông nghị nói năng ra sao. Ông nào vì dân. Ông nào vì mình. Ông nào nói hay. Ông nào nói dở ...v.v...

Hiến pháp nước ta năm 1946, điều thứ 30 ghi: "Nghị viện họp công khai, công chúng được vào nghe. Các báo chí được phép thuật lại các cuộc thảo luận và quyết nghị của nghị viện..."

Những bản Hiến pháp sửa đổi sau đã bỏ điều khoảng này. Không hiểu lý do gì? Tôi đề nghị Quốc hội nghiên cứu lại điều khoản này. Nếu không có khoang ghế dành cho dân chúng, thì đài truyền hình nên phát liên tục tất cả những buổi trao đổi bàn cải trong Quốc hội, cho dân chúng được biết. Và báo chí được phép thuật lại các cuộc thảo luận và nghị quyết của Quốc hội. Đấy cũng là việc làm thu hút sự chú ý của người dân vào việc nước, đồng thời góp phần nâng cao dân trí vậy.

Đất nước muốn phát triển, người dân phải được tự do. Nhiều chính khách lớn trên thế giới sang thăm Việt Nam đã trao đổi với các vị lãnh đạo Nhà nước ta, như ông Mitterand nguyên cố tổng thống Pháp đã nói: "Tự do đi đôi với phát triển." Không thể có một đất nước phát triển mà không có tự do. Tự do là điều kiện để đất nước phát triển.

Ông Trần Độ không làm điều gì khác là nhắc nhở về quyền bầu cử tự do của người dân đã được ghi trong Hiến pháp và luật pháp. Ông đòi thứ quyền đó phải được tôn trọng.

Ngẫm cho cùng, nếu quyền lực tập trung vào một số người nhân danh Đảng để cai trị toàn xã hội, như Liên Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, thảy đều dẫn đến bạo lực, bất bớ, đất nước thiếu tự do, kinh tế suy kém, rồi dẫn đến sụp đổ. Đó là một bài học cho nhân loại, nhất là những nước kém phát triển, đang chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ thứ 21.

Thấy cần nhắc lại ở đây lời cảnh báo của nhà trí thức nhân văn Montesquieu từ thế kỷ thứ 18 mà tôi đã có dịp đề cập tới trong bài viết số 1: "Nếu những người cầm quyền vừa là kẻ thi hành luật vừa là kẻ lập pháp, thì hắn có thể tàn phá đất nước bằng những ý chí sai lầm của hắn. Nếu hắn còn nắm luôn cả quyền xét xử nữa, thì hắn có thể đè nát mọi công dân theo ý muốn điên rồ và độc ác của hắn."

Ông Trần Độ không muốn đất nước sụp đổ, ông viết những dòng tâm huyết trình bày với các nhà lãnh đạo và bè bạn, mong muốn đất nước thay đổi, phát triển không thua kém các nước trên thế giới, để mọi người dân được sống tự do, hạnh phúc, trong một đất nước độc lập phải đổ biết bao xương máu mới giành được. Ông đã làm theo điều Bác Hồ nói: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và "Có độc lập mà dân không được tự do, không được hạnh phúc, thì độc lập không có nghĩa lý gì."

Tôi rất mong lãnh đạo Nhà nước ta trân trọng ý kiến của ông Trần Độ, cùng nhiều ý kiến khác của nhiều người tâm huyết muốn góp phần xây dựng đất nước.

Đất nước là của chung. Không của riêng ai. Ai cũng có phần và có quyền đóng góp những hiểu biết của mình. Có ý kiến khác nhau, nên bàn bạc tranh luận, tìm ra lẽ phải.

Có thế đất nước mới phát triển được.

Có thế đất nước mới hưng thịnh được.

Hà Nội ngày 28 tháng 10 năm 1998

(Ngày khai mạc Quốc hội khoá X lần thứ 4)

Nhà văn Hoàng Tiến

Nơi gửi: - Các đ/c lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Nhà nước

-Đ/c Trần Độ

-Các cơ quan thông tin báo chí

-Bè bạn văn nghệ sĩ

Địa chỉ: Nhà A 11, Phòng 420

Thanh Xuân Bắc - Hà Nội

Điện thoại: 5530377

ÁP DỤNG LUẬT RỪNG TRÊN SÔNG MEKONG

Thượng điền tích thủy
Hạ điền khan

HOÀNG ĐỐNG, P.E

I. Sông Mekong: công sản quốc tế

Sông Mekong (SMK) bắt nguồn từ tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, chảy ra biển Nam Hải theo hướng Bắc Nam xuyên qua năm quốc gia: Miến Điện, Cam Pu Chia, Lào, Thái Lan và Việt Nam.

Từ thượng nguồn, SMK là mạch sống của các quốc gia nó chảy qua.

Khi vào Việt Nam, SMK chia làm hai nhánh: Tiền Giang và Hậu Giang. Hai sông Tiền, Sông Hậu là xương sống từ đó kinh rạch tỏa ra tạo thành một hệ thống thủy lợi và môi sinh (ecology) nuôi dưỡng vùng châu thổ Sông Cửu Long, vựa lúa của Việt Nam.

Cho đến năm 1995, chưa có một quốc gia ven bờ (riparian) nào đắp đập chận nước trên SMK. Quá lắm là toan tính xây đập dẫn thủy (deversion dam) rút nước từ các phụ lưu (tributaries) của SMK như ở Thái Lan với công trình Kok - Ing - Yon - Nan và công trình Khong Chi Mun với hậu quả, theo thứ tự, là nạn thiếu nước dưới hạ lưu và làm đảo lộn thủy tính (hydrology) của dòng sông.

Để đáp ứng nhu cầu điện lực của khu vực kỹ nghệ đang phát triển nhanh của tỉnh Hồ Nam, Trung Cộng lập kế hoạch xây dựng một hệ thống đập theo kiểu bậc thang (staircase) từ thượng nguồn SMK, trong ranh giới quốc gia, trên một đoạn sông dài trên 300 dặm, với bảy đập thủy điện lớn.

Theo dự trù, hệ thống bảy đập của Trung Cộng sẽ cung cấp một tổng số công suất là 15,400 megawatts (MW) với kinh phí ước tính là 7,746 triệu mỹ kim.

Kể từ thượng nguồn, bảy đập có tên:

1. Gongguoqiao 750W
2. Xioawan 4,200 ”
3. Manwan 1,500 ”
4. Dachaosan 1,350 ”
5. Nuozhadu 5,500 ”
6. Jinghong 1,500 ”
7. Mensong 600”

Đập số 3 (Manwan) là đập đầu tiên của hệ thống đã hoàn tất năm 1995. Đập Manwan làm ngập nước một lưu vực, sâu và hẹp, có một diện tích 24km2, nơi sinh sống của 584 gia đình người thiểu số đã được di cư đi nơi khác. Công cuộc xây cất đập Man Wan được nhà cầm quyền Trung Cộng giữ tuyệt đối bí mật. Khi biết được, thế giới bị đặt trước một sự đã rồi.

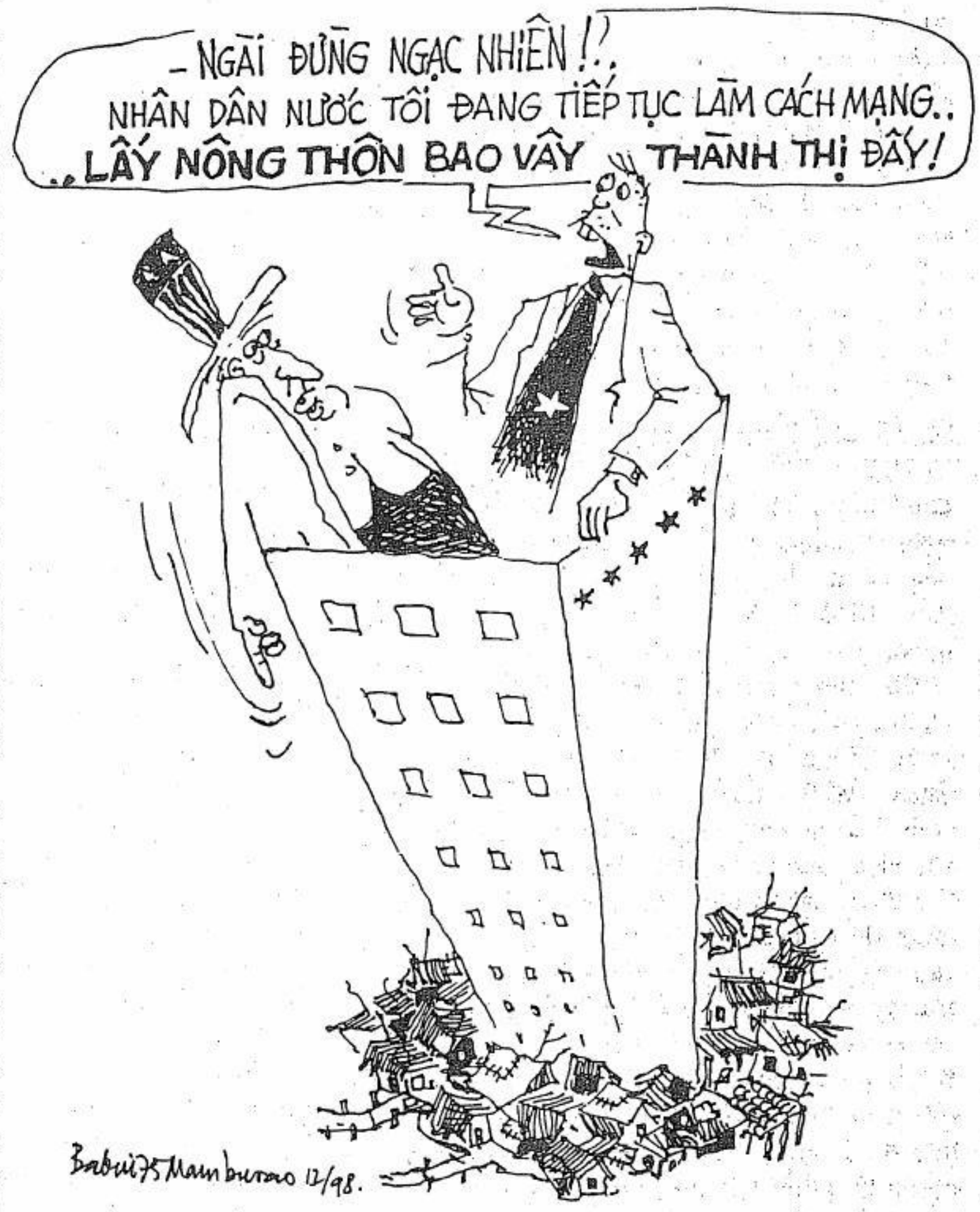
Ngoài đập số 3, đập số 4, Dachaosan, được khởi công từ năm 1996, dự tính hoàn tất trước năm 2010. Các đập còn lại hiện ở trong giai đoạn thiết kế.

Theo Trung Cộng, sở dĩ họ chọn phương pháp phát điện bằng đập nước là để tránh ô nhiễm môi trường gây ra bởi máy phát điện chạy bằng dầu. Trung Cộng cho rằng, khi hệ thống đập hoàn tất, lưu lượng nước mùa khô (dry season flow) sẽ tăng lên 25%, do đó, sẽ

làm lưu lượng nước mùa mưa (wet season flow) giảm 25%. Và ảnh hưởng chung cuộc sẽ không đáng kể.

II. Hệ lụy của luật rừng

Còn ở giai đoạn dự trù, hai kế hoạch xây đập dẫn thủy rút nước từ các phụ lưu của SMK trên đất Thái nói trên, cũng đã gây chống đối sôi nổi và lo âu, từ phía những tổ chức bảo vệ môi trường, về nạn thiếu nước ở hạ lưu, (trường hợp công trình Kok - Ing - Yom - Nan) cũng như sự thay đổi thủy tính của dòng sông (trường hợp công trình Khong Chi Mun). Thử nghĩ, với dự án bảy đập của Trung Cộng, hệ thống môi sinh và thủy tính của SMK, được các lực lượng thiên nhiên tác động một cách hài hòa, từ muôn ngàn năm, sẽ bị đảo lộn như thế nào?



Làm đảo lộn hệ thống môi sinh và thủy tính của SMK có hậu quả rất tai hại cho toàn khu vực năm quốc gia hạ lưu, nhất là Việt Nam: Mực nước SMK sẽ xuống thấp đem lại hậu quả là nạn thiếu nước rất tai hại cho việc trồng lúa và phát triển thủy sản; vì nước SMK thấp nên nước mặn xâm nhập sâu vào nội địa khiến diện tích trồng lúa bị thu hẹp; vì thiếu nước nên việc rửa phèn không được thực hiện có hiệu quả sẽ tác hại trên thủy sản và hoa màu; khi nước mặn xâm nhập sâu vào đất và phèn không được rửa sạch thì nguồn nước ngọt ngầm (underground water) cũng sẽ bị ô nhiễm vĩnh viễn. Đó là chưa kể đến sự việc là một khi canh nông của tỉnh Hồ Nam phát triển nhờ hệ thống bảy đập, phân bón và thuốc sát trùng phát sinh từ phía Trung Cộng sẽ làm ô nhiễm trầm trọng dòng sông hạ lưu.

Trung bình sự đóng góp nước từ phía Trung Cộng cho SMK khi qua năm quốc gia là 20%. Bách phân này thay đổi tùy thuộc vị trí địa dư, chẳng hạn như khi SMK qua khỏi thủ đô Vạn

Tượng của Lào thì bách phân đóng góp nước từ Trung Cộng vào SMK tăng lên 61%. Do đó, nếu Trung Cộng chận nước trên thượng nguồn SMK thì lưu lượng của SMK chảy từ Lào qua Thái vào Việt Nam sẽ bị giảm theo một bách phân tương ứng.

Hiện tại, năm 1998, Việt Nam báo động mực nước sông Cửu Long xuống đến mức thấp nhất, kể từ năm 1926, dưới ba mét và sợ rằng sẽ còn xuống thấp hơn trong tương lai vì hệ thống bảy đập Trung Cộng xây trên thượng nguồn. Quan trọng hơn cả là trình thức mùa nước dâng cao làm ngập lụt đồng lúa và sự lấng cặn của phù sa (flooding and siltation patterns) xảy ra hằng năm sẽ hoàn toàn bị xáo trộn một cách rất bất lợi cho nông dân miền châu thổ, những người đã biết lợi dụng các hiện tượng thiên nhiên này để làm cho việc trồng lúa dễ dàng mà lại thu được nhiều hoa lợi. Đó là chưa nói tới ảnh hưởng tai hại trên hệ thống môi sinh (ecosystem) của đồng bằng sông Cửu Long.

III. Cơ chế quản lý SMK

Hiện tại Ủy Ban SMK (UBSMK) là "diễn đàn" duy nhất để các quốc gia ven sông đề nghị kế hoạch phát triển SMK trong lãnh thổ của mình. Trung Cộng không chịu tham gia vào UBSMK vì sợ bị ràng buộc bởi những quyết định của Ủy Ban. Ngoài UBSMK còn có những tiếng nói khác mạnh hơn như Ngân Hàng Thế Giới (World Bank), Ngân Hàng Phát Triển Á Châu (Asian Development Bank, ADB), các quốc gia tài trợ, và các tổ chức bảo vệ môi sinh. ADB là ngân hàng cổ xúy việc phát triển thủy điện trong vùng châu thổ SMK. ADB nhận định vai trò của mình là nâng đỡ khuyến khích lãnh vực tư tham gia vào việc phát triển quy mô thủy điện; theo chủ trương của ADB, những dự án như thế đòi hỏi các chính phủ liên hệ phải yểm trợ và tài trợ để giảm bớt rủi ro mới hy vọng hấp dẫn những nhà đầu tư. Cần lưu ý là khi ADB yểm trợ một dự án thủy điện, người ta phải điều tra kỹ nhóm tài phiệt nào đứng sau.

Thiếu tư bản vẫn là cản trở quan trọng cho những dự án xây đập thủy điện dù là ở Thái hay ở Trung Cộng. Cho nên, các ngân hàng World Bank, ADB phải chận nguồn tài chánh, các quốc gia hạ lưu phải phản đối mãnh liệt và các tổ chức bảo vệ môi sinh quốc tế phải tiếp tay tố cáo lối chơi theo "luật rừng" của Trung Cộng họa may mới ngăn chận quốc gia này tiếp tục thực hiện những dự án xây đập còn lại trên SMK bất chấp những hậu quả kinh tế tai hại dài hạn cho các quốc gia hạ lưu.

Vẫn biết thủy điện là một trong những phương pháp phát triển năng lượng hữu hiệu nhất. Nhưng việc xây đập thủy điện, nhất là những đập thủy điện xây trên những con sông chảy qua nhiều quốc gia, phải được nghiên cứu một cách thật thấu triệt làm sao cho quyền lợi kinh tế của những quốc gia hạ lưu không bị thiệt hại, toàn bộ hệ thống môi sinh không bị đảo lộn một cách tai hại. Nói theo kinh tế, trong tiến trình hoạch định, các tác động ngoại lai phi kinh tế (technological external diseconomies) phải được thận trọng cân nhắc bởi một cơ quan có "thực quyền" chứ không phải như UBSMK.

IV. Kết luận

Trên thế giới có vài con sông lớn trải mình qua nhiều quốc gia nhưng không gây ra tranh chấp sóng gió, trái lại còn làm sáng danh những thủ đô chúng chảy qua.

Danube là một. Khởi đi từ cực Nam nước Đức, gần Thụy Sĩ, sông Danube hướng lên phía Bắc của thành phố Munich trước khi uốn mình qua kinh thành Vienne của Áo Quốc vang vọng khúc nhạc Dòng Sông Xanh với nhịp điệu luân vũ muôn thuở trứ danh. Từ đây dòng Danube tiếp tục cuộc hành trình tới Budapest/Hungary, Belgrade/Nam Tư, rồi chạy dọc theo biên giới hai nước Romania và Bulgaria. Và cuối cùng ngàn khơi hợp xướng với Biển Hắc Hải.

Con sông đa quốc gia thứ hai là Columbia River. Thượng nguồn ở Canada, Columbia River chảy xuống các tiểu bang Washington và Oregon, vượt qua bao nhiêu đập thủy điện vĩ đại với những kinh thủy áp (water lock canal) và thang cho cá salmon nhảy lên nguồn (fish ladder) để bắt đầu chu kỳ sinh tử.

Những khai thác trên hai con sông lớn này được thực hiện một cách có trách nhiệm với những cuộc nghiên cứu thấu triệt để đạt đến những dự án tối hảo có lợi cho toàn vùng. Ví dụ, sông Columbia được quản trị trong khuôn khổ của Hiệp Ước Sông Columbia (The Columbia River Treaty) ký kết giữa Canada và Hoa Kỳ.

Đối với SMK, vấn đề đặt ra là nếu Trung Cộng có đủ tiền, không cần vay mượn ai, thực hiện xây cất năm trong bảy đập còn lại, năm quốc gia hạ lưu và thế giới phải làm gì để chận đứng Trung Cộng?●

TÂM TRẠNG ĐỘC TÀI

NGUYỄN HỮU CHI

Cách đây hơn bốn chục năm, Tổng thống Charles de Gaulle đã đại khái nói rằng: *"Dân tộc nào, chính thể đó."* Mấy ngàn năm trước đây, thầy Mạnh Tử cũng dạy chúng ta một câu tương tự: *"Ý dân là ý Trời."* Nói một cách khác, khi người dân chưa muốn có một chế độ dân chủ, thì trời cũng phải bó tay.

Thật vậy, khi người dân còn muốn tôn sùng và thần thánh hóa người lãnh đạo của họ thì làm sao họ có thể ý thức được nguyên tắc tự do và bình quyền — một điều kiện tất yếu cho mọi chế độ dân chủ. Ngược lại, một *lãnh tụ linh thiêng* (charismatic leader) không thể tồn tại lâu dài được nếu người dân không có thói quen *thần thánh hóa lãnh tụ* (charismatic followership).

Trong thực tế, xây dựng và duy trì một chính thể dân chủ không phải là một chuyện dễ. Thí dụ điển hình nhất là chế độ độc tài Đức Quốc Xã (Nazi). Cách đây hơn nửa thế kỷ, khi nước Đức đang chập chững đi vào con đường dân chủ thì bỗng nhiên dân Đức quay sang say mê tôn sùng tên đồ tể Hitler, rồi giúp tên này tiêu diệt sáu triệu dân vô tội. Các nhà nghiên cứu chính trị học cũng như tâm lý học cứ thắc mắc tại sao dân này đã đạt được trình độ giáo dục, nghệ thuật, khoa học... cao đến như thế, lại có thể mù quáng đi theo một tên đồ tể khát máu như vậy.

Sau hơn mười mấy năm nghiên cứu tỉ mỉ, các khoa học gia này đã nhận thấy rằng Hitler đã nắm được toàn quyền thống trị dân Đức vì dân này đã bị vướng phải tâm trạng độc tài (authoritarian personality) - một hội chứng tâm lý rất nguy hiểm, không những cho lý tưởng tự do và nhân quyền, mà còn cho cả sự sống còn của một dân tộc.

I

Trong phạm vi bài nhận xét thời cuộc này, tôi chỉ xin chú trọng tới khía cạnh tâm lý của chế độ độc tài. Vậy tâm trạng độc tài được bộc lộ như thế nào?

1. Trước hết, người có tâm trạng độc tài — dù là một lãnh tụ (leader) hay là người tùng phục (follower) — không phải là người "hùng," vì họ luôn luôn lo sợ kẻ khác ám hại. Tôi tạm gọi sự lo sợ không duyên cớ này là **ám ảnh khiếp đảm** (paranoia).

Vì cái ám ảnh này, người có tâm trạng độc tài rất đa nghi, nhìn chỗ nào cũng thấy có kẻ đang tìm cách làm hại mình. Nếu họ nắm quyền bính trong tay, thì họ theo chính sách *"bắt nhầm còn hơn thả nhầm"* và *"nhổ cỏ phải nhổ tận gốc"* để tránh hậu họa. Như ai cũng biết, các chế độ tự do dân chủ lại dựa trên nguyên tắc ngược lại, *"thả nhầm còn hơn bắt nhầm"* (assumption of innocence).

Nếu người có tâm trạng độc tài lãnh đạo một tổ chức nào đó trong cộng đồng hải ngoại chúng ta, thì ta thấy họ không ưa những người nào khác ý với họ, vì họ cho rằng người nào không đồng ý với họ đều là *"địch thủ nguy hiểm"* không thể nhân nhượng được (no compromise). Người đối lập không khéo léo có thể bị người độc tài đưa ra tòa về tội phỉ báng.

Nếu người có tâm trạng độc tài là một thường dân, thì ta thấy họ rất dè dặt, và luôn luôn *"giữ thế thủ"* trong đời sống hằng ngày. Một câu nói bâng quơ cũng có thể làm cho họ xúc động (disturbed) vì cho rằng người nói câu đó có hậu ý chê bai hay chỉ trích họ. Nhiều khi một câu phê bình xây dựng có thể đưa tới ẩu đả ngay trong bàn tiệc. Ta cũng nên biết, ghen

tuông quá lố cũng là một tác phong bắt nguồn từ ám ảnh khiếp đảm mà ra.

Nếu người độc tài có tinh thần chống Cộng, thì họ thường tin rằng chỗ nào cũng đầy rẫy *"Việt Cộng nằm vùng,"* và chỉ có tụi này mới luôn luôn tìm cách *"phá hoại cộng đồng"* và *"bôi nhọ những người Quốc Gia chân chính."* Người nào cho rằng Việt Cộng không có đủ tiền tài và nhân lực để làm chuyện phá hoại này thì bị họ coi là *"ngây thơ"* hay là *"phần tử thân Cộng."* Vì thế ta phải thận trọng khi bất đồng ý kiến với họ. Nếu ta không khéo thì sẽ bị chụp mũ ngay là *"Việt Cộng."*

Cái ám ảnh khiếp đảm được biểu lộ bằng hai phản ứng khác nhau tùy theo cân bằng lực lượng. Nếu người có tâm trạng độc tài ở trong thế có quyền lực, họ sẵn sàng dùng vị trí này để đàn áp kẻ yếu thế (aggressive domination). Họ hung tợn (sadist) như vậy vì họ thiếu tự tin vào khả năng thống trị của mình. Cho nên hằng ngày họ phải tự chứng minh quyền độc đoán của mình đối với mọi người, nhất là những người không có một phương tiện nào để bảo vệ đời sống của mình.



Còn cách nào chứng minh quyền sinh sát của mình hay hơn là hành hạ tù nhân chính trị trong các *"trại cải tạo."* Thật vậy, bắn một phát đạn vào đầu những tù nhân này chỉ tạo ra được cái cảm giác *"khoái lạc"* trong nháy mắt. Trái lại, mang những người này ra hành hạ năm này qua năm khác mới kéo dài được cái thú vui độc ác này. Các *"trại cải tạo"* được lập ra không phải vì lý do an ninh, hay vì *"Nhà Nước"* muốn các tù chính trị có dịp trau dồi *"đạo đức cách mạng"*, mà thực ra để giới lãnh đạo có dịp chứng minh cho mình là đã nắm được quyền tuyệt đối, không ai có thể ám hại họ được.

Nếu trong một xã hội bình thản, người có tâm trạng độc tài không có quyền hành gì để đàn áp được một ai, thì họ rất là nhã nhặn và *"hiền như bụt"* đối với tất cả mọi người (authoriarian submissiveness), nhưng lúc đó vợ con trong nhà sẽ là nạn nhân hằng ngày của họ. Ta đừng tưởng lầm rằng loại người yếu thế này không nguy hiểm cho xã hội. Nếu ở trong một môi trường thuận tiện, họ sẽ sẵn sàng tiếp tay với Hitler, hay một Pol Pot, để tiêu diệt cả hàng triệu người vô tội.

2. Cái đặc tính thứ hai của người độc tài là họ không chịu được những điều mơ hồ, không rõ ràng minh bạch. Họ tin rằng trong mọi sự vật trên đời, *"Trắng phải ra trắng, đen phải ra đen,"* tuy rằng đời sống hằng ngày của con người đâu có thể luôn luôn phân định một cách rõ ràng như vậy được. Tôi tạm gọi đặc tính này là **khuynh hướng phân định trắng đen** (intolerance of ambiguity).

Cái khuynh hướng này thường đưa tới tật *"vơ đũa cả nắm"* (stereotyping) và thói *suy luận hồ đồ* (jumping to the conclusion). Đối với họ, tất cả mọi người Nam đều *"thật thà chất phác,"* tất cả mọi người Trung đều *"thâm trầm,"* tất cả mọi người Bắc đều *"khéo léo."* Một lối nhận xét con người thật là hồ đồ, vì vùng nào chẳng có người thế này thế nọ.

Lối nhìn đời theo kiểu *"trắng-đen"* nếu đi đôi mới ám ảnh khiếp đảm, sẽ tạo ra mâu thuẫn triền miên trong xã hội. Thật vậy, người có tâm trạng độc tài luôn luôn phân chia người đồng xứ ra hai loại rõ ràng, *"bạn"* và *"thù."* Nếu là *"bạn," thì họ nhắm mắt tha thứ hết mọi sai lầm. Nếu là "thù,"* thì họ thẳng tay *"trừng trị"* dù chỉ là một hành vi vô hại. Điểm này thì chúng ta ai ai cũng hiểu, nhất là những người đã từng kinh nghiệm sống dưới chế độ

độc tài ở Việt Nam.

Ta đừng tưởng rằng những dân tộc có truyền thống tư tưởng hiền hòa không rơi vào thảm cảnh này. Một thí dụ điển hình nhất là cuộc giáo chiến ở Tích Lan. Dân nước này gồm có hai giáo phái khác nhau: Phật Giáo và Ấn Độ Giáo. Cả hai nhóm đều tin vào thuyết luân hồi, và cữ sát sinh. Vì truyền thống này, các nhà nhân chủng học Âu Mỹ đã từng khen ngợi dân Tích Lan nhân đạo, ưa chuộng hòa bình, v.v... Thế rồi vì lý do chính trị và kinh tế, hai giáo phái này đã thành khẩn mang nhau ra tàn sát. Cuộc giáo chiến này còn ác liệt hơn là cuộc giáo chiến giữa phe Công Giáo và phe Tin Lành ở Bắc Ái Nhĩ Lan.

Đối với chúng ta ở đây, ai là *"bạn,"* ai là *"thù"*? Câu này thật khó trả lời. Tuy nhiên, đối với người độc tài thì tiêu chuẩn dùng để phân định *"bạn thù"* rất là rõ ràng. *"Bạn"* là anh em họ hàng nhà mình, là người cùng tôn giáo với mình, là người cùng xứ quán với mình v.v... Những người *"bạn"* này rất được lãnh tụ độc tài tin cẩn, và cất nhắc lên chức vụ quan trọng trong cộng đồng. Tinh thần *"gia đình trị," "bè phái chính trị"* phát xuất từ đó, và cộng đồng mình chia năm, chẻ bẩy cũng không có gì là lạ.

3. Khuynh hướng phân định trắng đen của người có tâm trạng độc tài cũng đi liền với **mặc cảm đẳng cấp** (hierarchical thinking). Họ luôn luôn quan niệm *"trên phải ra trên, dưới phải ra dưới"* cho rõ ràng phân minh.

Vậy, họ dùng tiêu chuẩn nào để phân chia đẳng cấp? Cái đó tùy theo môi trường xã hội hay chính trị. Ở Việt Nam (nhất là trong thời gian đen tối ngày trước *"đổi mới"*), hai tiêu chuẩn quan trọng là (1) tuổi đảng và (2) sinh quán ở phía Bắc bờ sông Bến Hải. Ở Iran, *"bạn"* là người đồng đạo theo môn phái Shi'ite, và *"thù"* gồm tất cả người *"ngoại đạo."* và kẻ nào thân thiện với người *"ngoại đạo"* cũng được coi là *"thù"* luôn.

Ta nên nhớ bất cứ lý thuyết độc tài nào cũng phân loại *"bạn thù"* rõ ràng như vậy: *"thành phần cách mạng"* và *"thành phần phản cách mạng."* Ai là phần tử *"phản cách mạng"* cần phải tiêu diệt? Cái đó tùy theo hứng của tên lãnh tụ độc tài. Điểm tôi muốn nêu ra ở đây là một lý thuyết độc tài có ảnh hưởng mê hoặc như những liều thuốc phiện đối với những người có tâm trạng độc tài. Nếu xã hội không có loại người này, thì lý thuyết Mác-Lê hay lý thuyết Hitler cũng không có đất để sinh sôi nẩy nở.

Trong cộng đồng chúng ta tại hải ngoại, người có tâm trạng độc tài thường dựa vào bằng cấp và tiền bạc làm tiêu chuẩn phân định ngôi thứ. Anh không phải là tiến sĩ, thì anh ra chỗ khác chơi. Nếu anh chỉ có bằng cử nhân thôi, thì anh chịu khó làm đàn em tôi. Cực hơn nữa, nếu anh không có tiền, hay anh thất nghiệp dài dài thì chịu khó *"ngồi dựa cột mà nghe."*

Khổ một nỗi, một số người không may bị bệnh nghèo kinh niên, hay trước kia không được dịp đi học, cũng bị chi phối bởi tâm trạng độc tài. Họ sẵn sàng chấp nhận địa vị *"thấp kém"* của mình, và tôn sùng các vị *"lãnh tụ khả kính."* Họ cũng khinh bỉ những người nghèo hơn mình, hay ít học hơn mình. *"Đội trên, đạp dưới"* là một nét đặc thù của người có tâm trạng độc tài.

Lại có người cứ phải mang quá khứ vinh hiển của cha ông, hay sự thành công của con cái ra để chứng minh rằng mình cũng là người *"có hạng"* trong hệ thống đẳng cấp, và khinh rẻ những người không thuộc thành phần *"con ông cháu cha."*

Đau đớn hơn nữa là có một số người có tâm trạng độc tài lại dựa vào *"tuổi Bắc Mỹ"* để phân chia đẳng cấp trong cộng đồng. Theo lối suy nghĩ này, người nào càng sống lưu vong lâu bao nhiêu, lại càng có *"giá"* bấy nhiêu. Lẽ dĩ nhiên, họ coi dân da trắng sinh trưởng ở Bắc Mỹ là thành phần ưu tú nhất trong xã hội.

Đây là một hiện tượng tâm lý mà tôi gọi là *"ám ảnh kỳ thị chủng tộc lộn ngược"* (inverted racism). Người có tâm trạng này thường khinh nòi giống mình, và rất kính sợ dân da trắng. Một số cố gắng sống theo kiểu người da trắng, với những điệu bộ ngô nghê của mấy tên *"Mỹ con."* (Không cứ cộng đồng mình, nhiều cộng đồng thiểu số khác ở Bắc Mỹ như Ý, Hy Lạp, Bắc Phi... cũng nẩy nòi ra loại quái thai này).

Thông thường những *"Mỹ con"* lẩn tránh mọi sinh hoạt trong cộng đồng của mình. Nhưng đôi khi ta lại thấy một vài tên *"Mỹ con"* nhẩy ra tổ chức cộng đồng với ý định *"dìu dắt"* hay *"dạy dỗ"* đám người *"lạc hậu,"* chẳng khác gì mấy ông Tây thuộc địa ngày xưa vậy, mang *"văn minh"* tới cho dân bản xứ. Tác phong *"dân chi phụ mẫu"* này (paternalism) cũng có khi bị phản đối trong cộng đồng. Thế là vị lãnh đạo *"Mỹ con"* bèn gọi cảnh sát da trắng tới để chứng tỏ uy quyền của mình, và để hù đám người da vàng *"yếu bóng vía."*

4. Mặc cảm đẳng cấp và khuynh hướng

phân định trắng đen thường tạo ra **khuynh hướng tổng quát hóa tài ba.** Một ông bác sĩ thú y chuyên chữa bệnh chó dại lại tự mình coi là có đủ khả năng *"chữa bệnh"* cộng đồng. Một ông thương gia rất thành công trong lãnh vực buôn bán lại cho mình có khả năng lãnh đạo văn hóa. Chẳng khác gì chế độ Việt Nam hiện tại: những tay du kích nổi tiếng trong công tác phá cầu hơn nửa thế kỷ nay lại được coi là chuyên viên xây dựng đất nước.

Nguy hơn nữa là những *"bậc đàn em"* có tâm trạng độc tài lại cứ tung hô các vị lãnh tụ *"chuyên môn tài ba đủ mọi ngành."* Vì vậy, các vị này cứ thế mà *"múa gậy vườn hoang"* và cho rằng *"không có ta ra điều khiển, thì cộng đồng sẽ lụn bại."* Đó cũng là lối biện luận của tập đoàn lãnh đạo Việt Nam hiện nay, để thanh minh cho chế độ.

5. Người độc tài không những tự coi mình là có khả năng trong mọi lãnh vực, họ còn tự coi mình là một nhà đạo đức có hạng. Tôi tạm gọi tâm trạng này là **"ám ảnh đạo đức cùng mình"** (self-rightousness). Ta đừng vội cho họ có căn bản đạo đức tuyệt vời như mấy bậc tu sĩ. Tuy trong đời sống hằng ngày họ không có gì đạo đức cho lắm, nhưng họ lại hay phán xét người một cách rất là khắt khe. Vì thế ta thường thấy họ rất hay than phiền là luật pháp Âu Mỹ quá nhân đạo đối với kẻ phạm pháp.

Tác phong của người bị ám ảnh đạo đức cũng dễ nhận ra. Ra trước cộng đồng, họ mặc quần áo rất chỉnh tề, mặt luôn luôn nghiêm trang như đang lo nghĩ một việc trọng đại gì đó. Họ ít khi cười đùa trước công chúng. Thực ra họ quá ưu tư (high level of anxiety) nên không biết cười, và không biết thưởng thức những chuyện khôi hài thông thường hằng ngày. Có ai trông thấy các vị *"lãnh tụ khả kính"* trong cộng đồng nói chuyện tếu với bạn bè đâu? Có ai trông thấy Mao Trạch Đông hay Hitler cười đùa trước công chúng như Churchill hay Kennedy đâu?

Ta cũng đừng nên vội coi những người độc tài này là những người đạo đức giả. Người đạo đức giả biết rõ là mình đang *"mặc áo thầy tu"* để lừa bịp thiên hạ. Còn người có tâm trạng độc tài lại tin mình là có đạo đức hơn người khác, chẳng khác gì Stalin và Hitler tin vào *"đạo đức cách mạng"* của mình. Mồm nói *"giải phóng nhân dân,"* lòng cũng tin rằng mình đang *"giải phóng nhân dân,"* nhưng tay thì lại mang xiềng xích và gông cùm nhân dân! Thực ra, trong thâm tâm các lãnh tụ độc tài này, **họ không tin là họ đang lừa bịp dân tộc.**

Lý thuyết trị dân của các tay lãnh tụ độc tài cũng được tô đầy mầu đạo đức. Vì thế người dân ngây thơ trong trắng dễ rơi vào bẫy đạo đức này, rồi nhắm mắt phục tùng người độc tài. Những tín đồ u mê này lại được coi là *"bó đuốc sáng ngời"* soi sáng đám dân ngu tối để trèo lên tới *"đỉnh cao trí tuệ của loài người."* Thật là thê thảm khi ta thấy những người tự tôn mình lên là người *"sáng suốt"* nhất là *"đạo đức"* nhất lại là những tên lãnh tụ độc tài khát máu nhất. Tên này được tập đoàn độc tài coi như một đấng linh thiêng toàn thiện toàn mỹ, hơn cả Đức Phật Thích Ca, hay Đức Chúa Cứu Thế.

Lẽ dĩ nhiên, kẻ thù của nhân dân thì bị thẳng tay bôi nhọ. Người Đức Do Thái đã *"bịp bợp dân lành"* ra sao, và làm *"nhơ nhuốc dòng giống Đức"* ra sao, đều được trình bày rõ ràng trong lý thuyết Đức Quốc Xã. Lý thuyết Mác Lê cũng đầy đạo đức không kém. Người cộng sản phải luôn luôn nghiến răng ca cầu *"diệt phát xít, giết bầy chó đê hèn của chúng."* Một khi người đối lập đã bị coi là *"bầy chó đê hèn"* chứ không phải là con người nữa, thì ai cũng có quyền mang ra đập chết mà không gớm tay. Cái nguy hiểm của ám ảnh đạo đức là chỗ đó. Những cuộc giao chiến đẫm máu ở Trung Đông cũng như ở Đông Âu hiện nay cũng bắt nguồn từ ám ảnh đạo đức mà ra.

6. Cái ám ảnh đạo đức này đi liền với ám ảnh khiếp đảm, và làm người độc tài không ý thức được tâm trạng phi lý của họ (irrationality). Họ không nhìn ra được sự mâu thuẫn giữa lời nói và việc làm của họ vì họ không có khả năng nhận thức được những mối tương quan duy lý giữa các sự kiện (logical linkages). Các nhà tâm lý học gọi tâm trạng này là **tách biệt suy luận** (mental compartmentalization).

Do đó, lối biện luận của người độc tài chỉ có một chiều. Nếu trong một cuộc tranh luận, họ bị dồn vào lối bí, họ không nhận ra được sự phi lý của họ. Vì thế họ thường dở trò đạo đức ra bôi nhọ người đối thoại. Nhiều khi tổ tiên người đối thoại cũng không được tha. Cái cảnh này ta đã thường thấy trong cộng đồng chúng ta ở Bắc Mỹ.

Chế độ độc tài ở Việt Nam cũng dùng phương pháp bôi nhọ để bịt mồm người đối lập. Người nào cả gan dám cãi lý với *"Bác và Đảng"* sẽ bị kết tội ngay là có *"tinh thần phong*

kiến đồi trụy," có *"đầu óc tiểu tư sản mại bản phản động."* Đáng lẽ cân nhắc một cách chín chắn những tư tưởng đối lập để có thể tìm ra một chính sách thích hợp hơn cho đất nước, thì *"Đảng và Nhà Nước"* lại gán cho người đối lập những tội tầy đình.

Như đã nói ở trên, người có tâm trạng độc tài thường đi đến kết luận hồ đồ cũng chỉ vì thiếu khả năng phân tách sự kiện một cách duy lý. Họ thường lên án người khác mà không cần có đủ bằng cớ. Nếu nạn nhân tìm cách minh oan, thì họ bịt miệng người này lại bằng câu hỏi phi lý *"Không có lửa sao có khói?"* hay bằng một nhận xét tâm lý nông cạn *"Người có tật mới giật mình."* Đang nửa đêm, công an đến nhà bắt đi, thì ai mà chẳng giật mình!

7. Một khía cạnh của tâm trạng độc tài mà ít người nhìn thấy, đó là **cảm giác cô đơn** trong lòng người (loneliness). Người độc tài rất thèm có bạn bè. Khổ một nỗi, tình bằng hữu chỉ duy trì được trên căn bản bình đẳng. Cho nên người độc tài không có bạn vì họ luôn luôn bị ám ảnh bởi tinh thần đẳng cấp. Do đó, hoặc họ đi tìm một số người "kém về" để tuyển mộ làm đàn em, hoặc họ bám víu một người *"hơn về"* để phục vụ và được *"thơm lây."* Trong chế độ độc tài tại Việt Nam, cái quan trọng nhất cho những cán bộ *"tép riu"* là tìm cách núp dưới một cái *"dù"* to lớn để *"làm ăn."*

Chúng ta đừng tưởng rằng tinh thần *"đàn anh, đàn em"* này bền bỉ như tình bạn bè kiểu Lương Sơn Bạc. Thực vậy, nếu bậc *"đàn anh"* không thỏa mãn được mọi nhu cầu tâm lý của các *"đàn em,"* thì các *"đàn em"* này sẽ sẵn sàng *"cuốn gói"* đi tìm một *"minh chủ"* khác.

Một câu hỏi thú vị đáng nêu ra đây là: trong trường hợp nào các *"đàn em"* quyết định *"cuốn gói ra đi"*? Thông thường, các *"đàn em"* bỏ ra đi vì tiền bạc chia chác không đều. Yếu tố này, tuy quan trọng ở Việt Nam, nhưng không phải là một yếu tố chính tại Bắc Mỹ. Ở đây, các *"đàn em"* phải bỏ *"đàn anh"* ra đi chính vì lãnh tụ của họ thiếu tác phong độc tài, như tôi trình bầy ở trên.

II

Trước khi đến phần kết luận, tôi xin đi ra ngoài phạm vi lý thuyết *"suông"* để phân tách chính sách độc tài, và tìm hiểu điều kiện nào làm tan rã chế độ độc tài.

Muốn duy trì tập đoàn độc tài, người lãnh tụ phải thi hành ba chính sách sau đây:

(a)*" Người lãnh tụ độc tài phải chứng minh cho các "đàn em" biết là cả tập đoàn đang bị địch thủ vây đánh từ phía, nhưng cuối cùng mình sẽ thắng."*

Tạo ra một tình trạng hiểm nghèo là một biện pháp rất hữu hiệu để đáp ứng ám ảnh khiếp đảm (paranoia) của tụi *"đàn em."* Tuy nhiên, người lãnh tụ không nên làm cho tụi *"đàn em"* quá khiếp đảm. Nếu tụi này sợ quá, họ sẽ tìm cách bỏ chạy thoát thân. Vì thế, đi đôi với chính sách *"hù,"* phải có chính sách *"bánh vẽ"* để làm cho *"đàn em"* vừa đủ sợ, vừa đủ tin tưởng vào tương lai huy hoàng của tập đoàn độc tài. Được như vậy, tụi *"đàn em"* mới *"hy sinh đến giọt máu cuối cùng"* cho lãnh tụ.

Như ta đã thấy, Hà Nội bị dội bom tơi bời, Sadam Hussein bị Mỹ vây đánh tứ phía, Castro bị bao tỏa kinh tế trường kỳ... thế mà tập đoàn độc tài vẫn kiên trì bảo vệ chế độ mà không đếm xỉa đến nỗi khổ cực của toàn dân. Trong những trường hợp này, người lãnh tụ đã thành công với chiến dịch tuyên truyền làm mọi người tin rằng *"(1) đất nước đang bị đế quốc đe dọa, (2) đế quốc Mỹ đã đến thời kỳ giẫy chết, và sớm muộn đế quốc Mỹ sẽ bị toàn dân tiêu diệt."*

Trái lại, nếu tình trạng hiểm nghèo không còn nữa, và nếu người lãnh tụ không làm cho dân tin tưởng vào sự thành công trong tương lai, tập đoàn độc tài sẽ không còn lý do tồn tại. Đó là những cái ưu tư chính của đám lãnh đạo Hà Nội trong giai đoạn hiện tại mà họ gọi là *"diễn tiến hòa bình."* Vì không tạo ra được tình trạng *"Tổ Quốc Lâm Nguy,"* họ chỉ còn một lối thoát, đó là nâng cao đời sống dân chúng bằng đủ mọi giá, dù là phải đi quỵ lụy *"kẻ thù truyền kiếp của nhân dân"* (Mỹ).

Bây giờ trở về cộng đồng hải ngoại. Nếu chẳng may có một tên độc tài nào đó thao túng cộng đồng, đó là tại vì chúng ta đã suy tôn tên này quá mức, hoặc đã phê bình hay chỉ trích hắn quá nhiều. Suy tôn hắn cũng hỏng, vì làm như vậy là đã chấp nhận chế độc tài như một đàn cừu non. Chỉ trích hắn cũng hỏng, vì chỉ trích suông thôi tức là đáp ứng ám ảnh khiếp đảm của tập đoàn độc tài. Như tôi đã trình bầy ở trên, ám ảnh khiếp đảm là nhiên liệu cho bộ máy độc tài, và là cái thang danh vọng cho vị lãnh tụ.

Tiếc thay chúng ta không phải là một bác sĩ tâm thần để hóa giải cái ám ảnh khiếp đảm trong nhóm độc tài. Tốt hơn hết là chúng ta nên tạm "lờ" họ đi, và tỏ thái độ rõ ràng là chúng ta không phải là kẻ thù của họ. Thế là họ không còn lý do chính đáng để tiếp tục cấu

kết với nhau trước sự đe dọa của *"kẻ thù chung."*

(b) *Người lãnh tụ độc tài phải phân định rõ ràng cho đám "đàn em" biết ai là địch, ai là thù.*

Như đã nói ở trên, sự sống còn của tập đoàn độc tài dựa trên quan niệm lưỡng cực: *"nâng đỡ đồng chí"* và *"tiêu diệt kẻ thù chung."* Cũng vì thế nếu người lãnh tụ theo một chính sách *"ba phải"* (tolerance), tập đoàn độc tài sẽ sớm muộn tan rã.

Chế độ độc tài ở Việt Nam đang bị *"tan hàng"* cũng vì tình trạng *"bạn-thù"* không rõ ràng. Trước kia, Việt kiều bị lên án là *"ngụy quân, ngụy quyền"* nay lại được coi là khách quý. Mỹ trước kia là *"kẻ thù số một của nhân dân"* bây giờ lại là quốc khách. Trong tình trạng mập mờ này, các *"đàn em"* sẽ trở nên hoang mang (identity crisis), và chế độ độc tài khó có thể bền vững lâu dài được. Do đó, để củng cố chế độ, các vị lãnh tụ Hà Nội đành phải thả giàn em cho *"đàn em"* ăn cắp công quỹ. Vì thế, chế độ độc tài đảng trị dựa trên ý thức hệ cộng sản đã biến thành một chế độ Mafia, một chế độ độc đoán phạm pháp (criminal despotism).

Tại hải ngoại, ta nên dựa theo yếu tố tâm lý này để dân chủ hóa cộng đồng nhỏ bé của chúng ta bằng cách xóa bỏ mọi ngăn cách *"bạn thù."* Trước hết, chúng ta phải theo chính sách *"mở rộng vòng tay"* và coi ai cũng là bạn thân của mình. Hơn nữa, mọi người nên tham gia mọi công tác trong cộng đồng và tích cực giúp đỡ (mà không cần suy tôn) các lãnh tụ có tâm trạng độc tài. Trước cảnh này, các *"đàn em"* sẽ bị bối rối (confused) vì không còn biết ai là *"bạn,"* ai là *"thù,"* và cộng đồng sẽ trở nên dân chủ hơn, và đoàn kết hơn.

Nói tóm lại, ta không thể đoàn kết với nhau được nếu chúng ta không cố gắng tạo một bầu không khí dân chủ. Thật là éo le, chính những người có tâm trạng độc tài lại là người hay than vãn về việc cộng đồng thiếu đoàn kết. Họ *"đau khổ"* như vậy chỉ vì họ bị dày vò bởi ám ảnh đạo đức mà thôi, chứ thực ra họ đâu có thiết tha gì đến tình đoàn kết.

(c) *Người lãnh tụ độc tài phải duy trì đẳng cấp rõ ràng.*

Như ta đã nhận thấy trong lịch sử loài người, những tay độc tài nổi tiếng (César, Napoléon, Hitler...) đều thiết lập một thể chế giống như cơ cấu một quân đội để toàn dân ngưỡng mộ. Một lãnh tụ có tinh thần bình đẳng (democratic leader) không thể lôi cuốn được những người dân có tâm trạng độc tài (authoritarian follower).

Chế độ độc tài ở Việt Nam cũng có đặc tính này. Hồ Chí Minh làm ra vẻ dân chủ, nhưng thực ra đâu có gần dân. Đến lúc chết đi, các đàn em phải xây một ngôi mộ thật lớn để duy trì thang đẳng cấp cho *"Bác và Đảng."*

Hiện nay *"đánh Mỹ cứu nước"* không còn dùng làm chính nghĩa nữa. Để duy trì chế độ độc tài, các lãnh tụ Hà Nội đang cố gắng thiết lập một hệ thống đẳng cấp rõ ràng và minh bạch hơn trước.

Quan trọng nhất là địa vị của mỗi cán bộ trên thang quyền lực phải được tuyên bố rõ ràng trên báo chí trong những năm *"bầu cử"*: tay nào được nhiều *"phiếu"* nhất là tay có nhiều quyền hành nhất. *"Ứng cử viên"* nào không may chỉ nhận được có 99.98% số phiếu thì phải biết số phận mình chỉ là một đàn em của tên có 99.99% số phiếu. Lẻ tẻ vài ứng cử viên không phải là đảng viên (như Tiến sĩ Nguyễn Xuân Oánh chẳng hạn) thì cũng được *"phép" "trúng cử"* với một số phiếu rất thấp để chứng tỏ sự *"lép vế"* của đám *"chậu cảnh dân chủ"* này.

Cái quan trọng của những cuộc *"bầu cử"* ở Việt Nam là thế đó. Nói một cách khác, mục đích chính của những cuộc bầu cử gian lận ở Việt Nam là để thỏa mãn mặc cảm đẳng cấp trong xã hội chứ không phải là để làm dân chủ hóa chế độ.

Cũng may là bất cứ chính sách phân định đẳng cấp nào cũng khó mà thành công trong xã hội mình, vì truyền thống Trạng Quỳnh (chửi vua), và tinh thần Trạng Lợi (chửi quan) vẫn còn tồn tại trong lòng mỗi người Việt. Trong hiện tại, chưa bao giờ dân mình được nghe nhiều chuyện tiếu lâm về Đảng như dạo này. Đó là liều thuốc hiệu nghiệm nhất để

> Con người có thể có được thành công hoặc có thể trở thành con vật, tùy theo mình lựa chọn. Chúa tạo ra con vật, con người tự tạo ra mình.
>
> **G.C. Lichtenberg**
>
> Tôi không tin vào chuyện tình cờ. Chỉ có những gặp gỡ trong lịch sử mà thôi. Không có chuyện tình cờ.
>
> **Elie Wiesel**
>
> Nửa gam hành động bằng một tấn lý thuyết.
>
> **Friedrich Engels**

chữa tâm trạng độc tài trong nước.

Tại quốc ngoại, muốn dân chủ hóa cộng đồng, không những chúng ta cần phải xóa bỏ sự cách biệt *"bạn thù,"* mà ta còn phải phát huy nguyên tắc bình đẳng giữa chúng ta. Nói thực tế hơn, mỗi người chúng ta (không phân biệt giầu nghèo, có học hay không có học...) phải sẵn sàng ra ứng cử trong các cuộc bầu cử định kỳ, để san bằng đẳng cấp phi lý trong mọi tổ chức cộng đồng. Đừng vướng vào ám ảnh đẳng cấp mà cho rằng mình là người có khả năng của một bác sĩ thú y chữa bệnh chó dại, nên không có khả năng làm việc cho cộng đồng, để rồi rút lui trong bóng tối. Chúng ta phải chứng minh rằng tiền hay bằng cấp không phải là yếu tố quan trọng trong việc tổ chức cộng đồng. Có như vậy ta mới hóa giải được khuynh hướng *tổng quát hóa tài ba* của nhóm người có tâm trạng độc tài.

III

Trong bài khảo luận ngắn này, tôi chỉ nêu ra mấy đặc tính chính của tâm trạng độc tài. Còn một số điểm khác — như kỳ thị nam nữ (sexism), khuynh hướng đồng tính luyến ái (homosexual tendency), tâm hồn thiếu phóng khoáng (closed mindedness), thiếu sáng kiến (lack of creative thinking), thiếu suy nghĩ uyển chuyển (mental rigidity)... — tôi không bàn tới, vì những điểm này không trực tiếp liên hệ với đời sống cộng đồng Việt Nam.

Để thay phần kết luận, tôi xin nhấn mạnh một điểm rất quan trọng về công việc nhận xét tác phong con người. Ngoài động lực tâm lý, hành động của mỗi người trong chúng ta còn tùy thuộc vào môi trường văn hóa, xã hội, và kinh tế, v.v... Thí dụ, *ám ảnh khiếp đảm* của một người bị giam trong trại học tập chỉ là một phản ứng tự nhiên của một nạn nhân bị vô cớ hành hạ nhiều năm chứ không phải là biểu hiệu một khía cạnh của tâm trạng độc tài.

Kỳ thị nữ giới cũng vậy. Tác phong này chưa chắc là triệu chứng của một tâm trạng độc tài. Sinh trưởng trong môi trường Khổng Mạnh, đa số đàn ông Việt Nam, không ít thì nhiều, đều có khuynh hướng coi thường nữ giới (nạn nhân của nguyên tắc *"tứ đức, tam tòng"*). Hành động này phản ảnh văn hóa cổ truyền nhiều hơn là tiêu biểu một tâm trạng lệch lạc.

Văn hóa Khổng Mạnh cũng dạy ta phải tôn trọng đẳng cấp trong xã hội. Tuy nhiên, nếu khuynh hướng này được bộc lộ một cách quá đáng trong đời sống hằng ngày thì ta phải coi tác phong đó phản ảnh một ám ảnh tâm lý lệch lạc chứ không phải là một khía cạnh văn hóa Khổng Mạnh. Thật vậy, thuyết *Trung Dung* mà Khổng Tử đã dạy ta cũng là nền tảng quan trọng của truyền thống tốt đẹp này.

Nói tóm lại, nếu ta không cẩn thận phân biệt giữa một hành động thông thường (ảnh hưởng văn hóa) và một hành động đi ngoài sự đòi hỏi của tập quán (ảnh hưởng tâm lý) ta sẽ dễ đi đến những nhận xét sai lầm làm tổn thương tình đoàn kết trong cộng đồng chúng ta.●

(Trích từ *Văn Tập Thu Đông 1998* - Canada)

Nhà xuất bản AN TIÊM

Tuyển tập

BÌNH NGUYÊN LỘC

Võ Phiến giới thiệu



Tuyển Tập được tuyển chọn:

* Những tác phẩm mà chúng tôi cho là hay nhất,
* Những tác phẩm mà Tác giả từng yêu thích nhất,
* Những tác phẩm được truyền tụng rộng rãi, được quần chúng ưa thích nhất.
* Đầy đủ tài liệu về Tác giả: hình ảnh, bút tích, thư mục v.v...

500 trang, giá 22 MK

Sách do nhà **VĂN NGHỆ**

phát hành, xin liên lạc:

P.O. Box 2301, WESTMINSTER,

CA 92683, USA.

Tel, fax: (714) 527-5761

VIỆT NAM CHƯA HỀ CÓ CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

QUỲNH ANH

Những năm gần đây nhà nước Cộng Sản Việt Nam thường đổ lỗi cho chủ nghĩa cá nhân và ảnh hưởng của văn hóa Âu Mỹ về những tệ đoan xã hội xảy ra trong nước. Chủ nghĩa cá nhân quả thực phát xuất từ các nước tự do dân chủ Âu Mỹ. Trong lịch sử tư tưởng, nó bắt đầu ló dạng vào giữa thế kỷ 17 với triết lý rất cá nhân của Thomas Hobbes bên Anh, được tiếp nối vào cuối thế kỷ với John Locke với ý niệm về các quyền tự nhiên của cá nhân và quyền bình đẳng về chính trị của cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân tiếp tục nở rộ bên Anh Quốc vào thế kỷ thứ 19 với nền công nghệ tư bản và sự ra đời của một tầng lớp thương gia mới. Họ ưa thích tư tưởng của nhà kinh tế học Adam Smith khi ông cho rằng thị trường nên để tự do và chính phủ chỉ nên can thiệp càng ít càng tốt. Họ cũng ưa thích tư tưởng hưởng thụ và thực tiễn của Jeremy Bentham.

Câu hỏi được đặt ra ở đây là tại sao chủ nghĩa cá nhân đã tương đối đem lại một nền kinh tế trù phú, một nền văn hóa và văn học nghệ thuật phong phú, một đời sống tinh thần và đạo đức tương đối trong lành cho các quốc gia dân chủ tự do như Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Ý, Gia Nã Đại và Úc. Trong lúc đó, thì tại Việt Nam chủ nghĩa cá nhân bị kết tội là thủ phạm của mọi tệ đoan xã hội như mãi dâm, trộm cắp, ma túy, lừa gạt v.v... Đây là một câu hỏi mà tất cả các nhà giáo dục và những người định đoạt chính sách giáo dục cần đặt ra và suy gẫm để quyết định có nên đem chủ nghĩa cá nhân vào trong học đường hay không?

Vậy trước hết, chủ nghĩa cá nhân là gì? Chủ nghĩa cá nhân đặt cá nhân là cứu cánh và căn bản cho mọi lãnh vực của đời sống: từ chính trị đến kinh tế, văn hóa và xã hội. Cá nhân có chỗ đứng và giá trị cao quý. Xã hội là phương tiện trong khi cá nhân mới là cứu cánh thực sự. Từ vị thế cao quý của cá nhân, chủ nghĩa cá nhân bênh vực những quyền tự nhiên của cá nhân. Đó là quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền làm chủ cuộc đời mình và quyền mưu cầu hạnh phúc. Chủ nghĩa cá nhân cũng đòi hỏi quyền riêng tư của cá nhân phải được tôn trọng, đòi hỏi mọi người phải tôn trọng cá nhân và xiển dương tinh thần tự lập của cá nhân.

Nhân sinh quan của chủ nghĩa cá nhân cho rằng để phục vụ hữu hiệu nhất cho quyền lợi của cá nhân thì tốt hơn hết nên để cho mọi cá nhân được quyền tự do tối đa và trách nhiệm trong sự chọn lựa mục tiêu của mình và phương cách đạt tới mục tiêu đó. Khi cá nhân hành xử quyền chọn lựa các mục tiêu của mình, cá nhân đóng góp vào sự thăng tiến cá nhân của mình nhưng cũng đồng thời đóng góp vào sự thăng tiến và phúc lợi chung của xã hội.

Về mặt chính trị, chủ nghĩa cá nhân ủng hộ các nền dân chủ tự do. Vai trò của nhà nước là đem lại tối đa sự tự do và cơ hội phát triển cho cá nhân. Chính phủ chỉ nên bảo vệ và duy trì luật pháp, ngăn ngừa không cho các cá nhân vi phạm quyền của nhau và chính phủ cũng bảo đảm sao cho các khế ước được tự ý ký kết giữa các cá nhân được thi hành và tôn trọng. Chủ nghĩa cá nhân chống lại sự áp đặt truyền thống, chống lại chức quyền và chống lại tất cả những hình thức kiểm soát, áp đặt cá nhân nhất là sự kiểm soát, áp đặt đến từ nhà nước. Và đây cũng là một trong những lý do

khiến nhà nước Cộng Sản Việt Nam luôn luôn lên tiếng đả kích chủ nghĩa cá nhân.

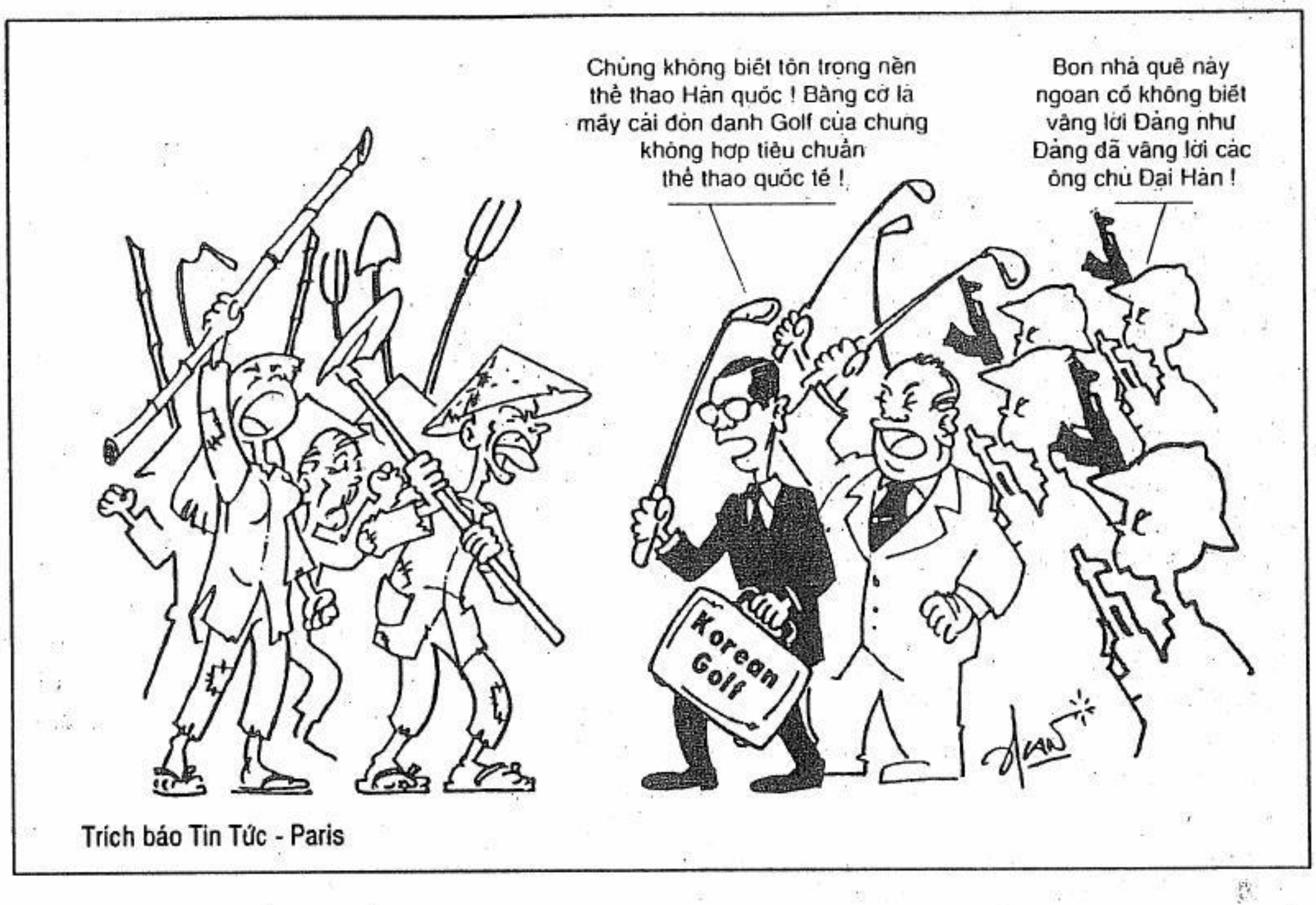
Về mặt kinh tế, chủ nghĩa cá nhân đi đôi với thị trường tự do. Nhà kinh tế Adam Smith cho rằng nên để cho các cá nhân tự do kinh doanh và thị trường sẽ có khả năng tự điều chỉnh của nó. Chính phủ chỉ nên can thiệp tối thiểu vào nền kinh tế mà thôi. Đây là một chính sách kinh tế hoàn toàn ngược lại với chính sách kinh tế chỉ đạo và tập trung của cộng sản.

Chủ nghĩa cá nhân đã được áp dụng từ hai thế kỷ qua tại các nước dân chủ tự do Âu Mỹ. Kết quả là gì? Đời sống con người được nhiều tự do về mặt tư tưởng, kinh tế, văn hóa. Cá nhân con người được nhiều quyền tự do, bình đẳng và nhiều cơ hội thăng tiến. Nhân phẩm con người được trọng vọng. Luật pháp nghiêm minh, văn học nghệ thuật đa dạng và đời sống kinh tế trù phú. Chủ nghĩa cá nhân cũng có những nhược điểm của nó như sự ích kỷ, cách ly khỏi tập thể và xã hội, sự cạnh tranh quá mức. Nhưng nói chung, chủ nghĩa cá nhân tại các nước tự do dân chủ đã đem lại cho người dân đời sống ấm no hơn, hạnh phúc hơn, có nhiều quyền và nhân phẩm hơn so với các nước độc tài cộng sản.

Phần phân tích ở trên cho thấy xã hội Việt Nam chưa hề có nền móng tư tưởng và áp dụng thực tế của chủ nghĩa cá nhân. Người dân Việt Nam hiện nay chưa được tự do, bình đẳng, chưa được quyền làm người đầy đủ, chưa được bầu cử tự do, chưa được làm chủ cuộc đời mình. Việt Nam chưa phải là một xã hội pháp trị. Nền kinh tế cũng chưa theo thị trường tự do thật sự. Thể chế chính trị cũng chưa phải là thể chế tự do dân chủ.

Như thế, Việt Nam chưa hề có chủ nghĩa cá nhân. Những tệ đoan xã hội và xuống dốc đạo đức hiện nay là hậu quả của chủ nghĩa cộng sản, một chủ nghĩa tập thể bóp nát tự do cá nhân và chà đạp nhân phẩm con người.

Nhà nước Cộng Sản Việt Nam tấn công chủ nghĩa cá nhân như một con vật tế thần phải gánh chịu những thất bại và suy đồi đạo đức do chính phủ cộng sản gây ra. Người cộng sản phải tấn công chủ nghĩa cá nhân trong một trận chiến sống còn về ý thức hệ. Chủ nghĩa cá nhân xiển dương quyền tự do cá nhân, quyền làm chủ cuộc đời của cá nhân, quyền bình đẳng và nhân quyền của con người trong một xã hội tự do dân chủ. Đó chính là những giá trị mà chủ nghĩa cộng sản cố tình bóp nghẹt và cũng chính là những giá trị sẽ khơi mào cho sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản lỗi thời.●



Trích báo Tin Tức - Paris

NHÂN MỘT NGÀY SINH

HÀ SĨ PHU

Ngày 3 tháng 10 tây năm nay, chắc hẳn Bùi Minh Quốc phải kỷ niệm ngày sinh của mình một cách đơn độc, trong điều kiện hàng ngày vẫn lên Phường viết kiểm điểm, sáng một bản, chiều một bản. Tôi nhẩm tính đến nay nhà thơ "kiên nhẫn đào hầm" chống Mỹ của chúng ta đã viết khoảng 200 bản, cùng một nội dung vô nghĩa và vô hồn như nhau, giống như kiểu học sinh lười bị cô giáo bắt phạt viết 200 lần một câu nào đó. Đối với một nhà văn, nhất là nhà thơ, phải viết một câu vô hồn chắc đã là một hình phạt nặng rồi, vậy mà cứ ngày ngày, tháng tháng lặp đi lặp lại... Mỗi ngày chỉ viết mấy giòng nhẹ nhàng thế thôi, mà nghe nói anh sút cân đi trông thấy (từ ngày giỗ chị Dương Thị Xuân Quý đầu năm tới nay đã chín tháng tôi không nhìn thấy mặt Bùi Minh Quốc). Có lẽ cây bút trong tay anh lúc này phải nặng gấp nhiều lần chiếc cuốc trong tay bà mẹ đào hầm năm xưa. Và đầu óc anh chắc phải mụ mẫm đi nhiều lắm, chứ đâu có thể hào sảng như ở "nơi hầm tối là nơi sáng nhất" nữa. Là người đã nghiên cứu về hoạt động của não bộ, tôi hiểu rõ hiệu quả của tàn phá của những ức chế lặp đi lặp lại một cách đều đặn như thế.

Cả một thế hệ thanh niên trước đây đã từng say câu thơ "Lên miền tây" của Bùi Minh Quốc:

Tuổi hai mươi khi nghĩa đời đã thấy
Thì gian nan biết mấy cũng lên đường!

Thế mà hôm vừa rồi, tôi nghe người ta đọc:

Tuổi sáu mươi khi nghĩa đời đã thấy
Thì gian nan biết mấy cũng lên... phường!

Cũng không nên giận người đã nhại câu thơ đó, vì câu thơ cứ như tự nó phải "biến tấu" ra như thế, cái hào sảng đã thành cái oan nghiệt tự lúc nào, nó cứ vận vào số mệnh con người đã sinh ra nó, như thể đấy là khí huyết không thể tách rời của một "nhà thơ Lên đường": lên đường Tây bắc đánh giặc đói, lên đường đi Nam đánh giặc ngoại xâm, rồi lại lên đường Dân chủ đánh giặc... dốt nát, tham nhũng, cửa quyền và lưu manh, nghĩa là "Đời chúng ta, đâu có giặc là ta cứ đi!" Ôi chỉ có An Dương Vương mới thấu hiểu khi giặc nằm ngay trong người thân của mình thì khó đánh biết chừng nào!

Cái tên Minh Quốc anh tự đặt cho mình cũng vậy (tên thật của anh là Bùi Trường Đa), như một tuyên ngôn cho lý tưởng quyết dâng hiến thân mình vì một đất nước trong sáng. Nhưng oái ăm thay một sự đồng âm! Minh vừa là sáng, lại vừa là tối (u u minh minh mà) và nhiều nghĩa khác nữa. Quốc vừa là tên anh, vừa nghĩa là đất nước. Cái sáng cái tối, cái chung, cái riêng cứ quyện chặt lấy nhau, bồng bế nhau lên rồi vật lộn với nhau.

Ý từ đó đã khiến tôi bật ra một vế đối chữ Nho thế này:

minh minh quốc
cầm minh quốc bất minh
minh nhật kê minh
minh quốc phục

(cầm là giam giữ, minh nhật là ngày mai, kê minh là gà gáy sáng, phục là hồi phục trở lại).

Tôi không làm được gì cho Bùi Minh Quốc vì tôi cũng vừa bị tù vì cái "tội làm lộ," hiện vẫn còn là đối tượng được "bảo vệ" rất chu đáo. Tôi chỉ biết nói với những cán bộ an ninh cao nhất mà tôi được gặp và phải gặp, rằng: "Tôi chưa nói tới điều rằng anh Quốc, anh Cự là có tội hay vô tội, nhưng Nhà nước muốn trừng phạt công dân thì phải qua sự xét xử minh bạch và công khai của Tòa án, còn phạt hành chính thì không thể dùng hình phạt nặng

nề như thế, nghị định 31/CP là một bước lùi lớn về dân chủ. Dù nói thế nào đi nữa thì không thể đẩy các anh ấy thành thù địch được, vì không ai tin những đảng viên trí thức, văn nghệ sĩ đã dấn thân quá ư tự nguyện ấy lại chống lại đất nước mà vì nó mình đã hiến thân. Vì thế, đây chỉ là sự khác nhau trong nội bộ Dân tộc. Vì là chuyện nội bộ nên nó làm mọi người nhức nhối, nhất là đối với những nhà văn. Chính Nhà nước cũng không đẹp gì trong chuyện này. Vì vậy phải cùng nhau gỡ ra, mà trong việc gỡ ra thì Nhà nước được rộng tay hơn, nên Nhà nước hãy chủ động..." Đấy, tôi đã nói như thế với tất cả sự thẳng thắn và chân thành.

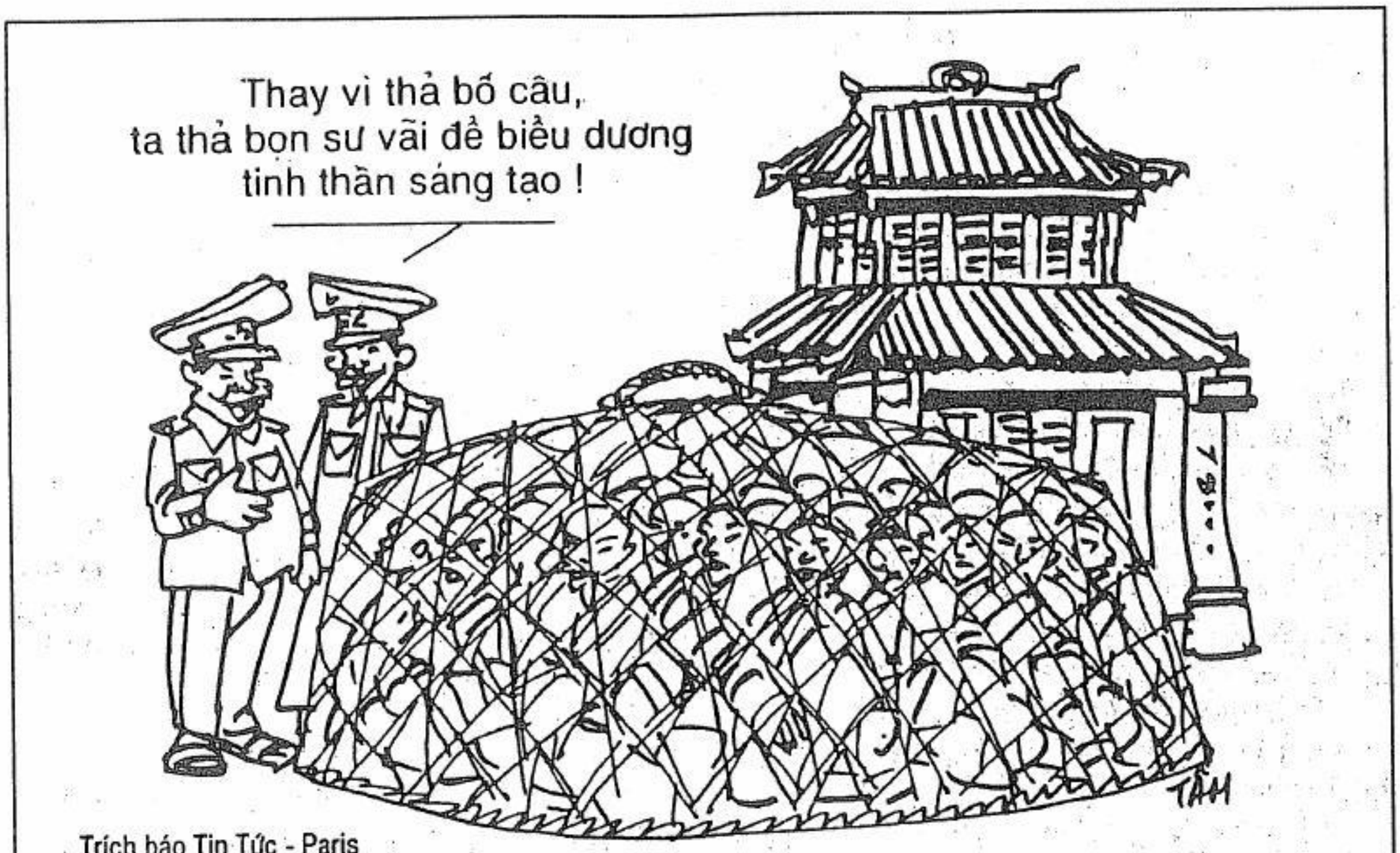
Trở lại chuyện văn chương.

Tấm lòng và nỗi nhức nhối, sự đồng âm mà dị nghĩa, dị mộng nhưng đồng sàng, nghĩa đồng bào và hiện tình đồng chí (*)... cứ bện lấy chữ Quốc, chữ Minh, cứ lớn vởn trong cái định mệnh oan nghiệt của người bạn thơ tài ba dấn thân, suốt đời dấn thân một cách tài tử, nghĩa đạo cùng đắm tình đời cùng say này.

Cái vốn chữ Nho của tôi thì để một con ruồi ăn cũng không đủ. Vậy mà không hiểu sao trước những cảm xúc éo le chòng chéo, trước những nỗi đau muốn khóc, trước những uẩn khúc bi hài, thì tâm trí của tôi lại cứ tự động tìm đến cái chữ Nho, và vế xuất đối nói trên cứ hiện ra rõ mồn một như đã chép sẵn trong một cuốn sổ Đoạn trường nào đó vậy.

Bè bạn văn chương và các bậc túc nho nào có chung mối linh cảm tiền định, xin giảng giải thêm cho, và tìm giúp cho cái vế thứ hai của câu đối. Biết đâu vế đối chẳng đã có sẵn trong một chương nào đó của cuốn sổ Đoạn trường.

Kính cẩn
Hà Sĩ Phu
3.10.1998



Trích báo Tin Tức - Paris

(*) Khi tôi còn nhỏ, bọn trẻ con chúng tôi thường hát vè mách qué rằng "đồng chí mà dí đồng bào, đồng bào xin chào đồng chí, đồng chí vẫn dí đồng bào..."

Xin đặt mua ngay quyển sách đã làm hàng triệu người Mỹ rung cảm:

20 POEMS AND 1000 THOUGHTS

20 bài thơ và 1000 Danh Ngôn Tư Tưởng

của Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Sách in tuyệt đẹp, bìa cứng màu xanh, chữ mạ vàng, do nhà xuất bản Hoa Kỳ PROFESSIONAL PRESS ấn hành. *Nhà xuất bản đã giới thiệu Huy Lực Bùi Tiên Khôi là một nhà thơ lớn, một triết gia, một học giả lỗi lạc, thơ ca và danh ngôn của ông đã làm xúc động sâu xa đủ mọi hạng người.*

Giá 25 đô la, luôn cả cước phí và thủ bút của tác giả.

KHOI TIEN BUI
P.O. BOX 720236 Houston, TX 77272

MỘT CÁI NHÌN TRỞ LẠI

TRẦN ĐỘ

Đây không phải là một luận văn,
mà là một thiên bút ký thổ lộ
nỗi niềm của một người
76 tuổi đời, 58 tuổi Đảng.

Tháng Chín này tôi tròn 75 tuổi (1923-1998). Thấy cũng cần ghi lại những suy nghĩ về cuộc sống và về sự đời, mà lâu nay tâm tư lúc nào cũng bị xáo trộn.

Thế là gần hết thế kỷ 20 rồi. Thế kỷ đã diễn ra những sự kiện lớn làm xáo động cả sinh hoạt của nhân loại:

- Trước hết là chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), tiếp đến Cách mạng Tháng Mười ở Nga.

- Tiếp theo là sự hình thành một loạt nước xã hội chủ nghĩa, hình thành một phe lớn trong hai phe của thế giới, diễn ra cuộc đấu tranh về hai hệ tư tưởng, kèm theo các mặt đấu tranh khác (kể cả quân sự).

- Một sự kiện quan trọng là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật dẫn tới sự bùng nổ thông tin toàn cầu và hoạt động của loài người mở rộng ra không gian vũ trụ: những chuyến thám hiểm, những vệ tinh, những cuộc lên mặt trăng, sao Hỏa. Những vấn đề loài người ra sống ngoài vũ trụ và ở các hành tinh khác cũng đã được đặt ra (di dân, du lịch).

- Cuối cùng, sự kiện quan trọng nhất, là sự xóa bỏ thế giới "xã hội chủ nghĩa hiện thực," việc này làm đảo lộn hoàn toàn các suy nghĩ, các mối quan hệ của loài người giữa các nước.

- Riêng ở nước ta, có một biến động hết sức quan trọng: sau hơn 50 năm tranh đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân ta đã giành được độc lập và thống nhất đất nước, đưa cả nước Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, hòa bình, xây dựng và phát triển.

Do đó, cuộc sống và những suy nghĩ về cuộc sống lúc đầu thế kỷ và lúc ở cuối thế kỷ này hoàn toàn khác nhau. Vì thế kỷ 20 đem lại cho loài người nhiều thắng lợi, nhiều vẻ vang, nhưng cũng đem lại cho loài người nhiều bài học vừa cay đắng, vừa đau đớn.

*

Tôi đã sống 75 năm trong 100 năm sôi động vừa qua. Tôi đã trải và nghiệm ra nhiều điều, nhiều lẽ. Những trải nghiệm này có nhiều điều hay và tốt. Nhưng cũng có những điều đau. Tôi ghi lại để tôi ngẫm cùng tôi, nhưng những điều suy ngẫm ấy có thể giúp ích cho con cháu sau này, cho dù chúng cũng có những trải nghiệm của chúng.

Trải nghiệm một cuộc đời ngót nghét trăm năm không phải là ít, lại càng không phải là sự trải nghiệm một chiều. Nhưng trong những trải nghiệm trong chính cuộc đời tôi làm tôi phải suy ngẫm và trăn trở nhiều có lẽ có hai điều sâu sắc và phức tạp nhất, có tính chất học thuyết và nguyên lý.

Đó là vấn đề "giai cấp" và vấn đề "Đảng cộng sản."

I. Về vấn đề giai cấp

Từ những năm tuổi 14-15, còn đang thời học trò cấp 2 (so với hiện nay), tôi và các bạn tôi đều có một trạng thái tinh thần rất giống nhau: chúng tôi rất sục sôi yêu nước, rất căm phẫn trước tình hình mất nước, tình hình dân

tình đau khổ và sống đời nô lệ. Những cụm từ "nước mất nhà tan," "vong quốc," "hồn nước non"... đều lay động dữ dội tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi thấy hết sức tự nhiên coi mình như đã là những phần tử của một phong trào, một thiên hướng tư tưởng "cứu nước." Mặt khác, hàng ngày, trong đời sống bản thân, trong quan hệ họ hàng và xóm giềng và rộng ra nữa, trong quan hệ hàng tổng, hàng tỉnh, chúng tôi đều trông thấy, nghe thấy biết bao nhiêu điều bất công, tủi nhục và oan khuất. Chúng tôi đều là con nhà nghèo, từ góc độ con nhà nghèo nhìn thấy tình hình xã hội như thế thì tâm tư càng đau khổ nhức nhối. Nhưng chỉ biết đến thế, chứ chưa giải thích được tình hình và tìm ra phương hướng, chưa giải đáp được những vấn đề được đặt ra. Cho nên cũng chỉ lặng lẽ cùng nhau đọc sách và mơ ước. Mơ ước những năng lực phi thường, mơ ước những phương sách lý tưởng và mơ ước đến tương lai huy hoàng của dân tộc. Những mơ ước ấy không thoát ra ngoài những điều đã được viết trong các tiểu thuyết, nhất là những tiểu thuyết lịch sử Trung Quốc, mơ ước có những vị vua anh minh, những tướng quân tài cao chí cả.

Trong trạng thái tâm hồn như vậy, chúng tôi gặp gỡ và tiếp xúc với những ý tưởng mới của chủ nghĩa Mác, trong đó nổi bật là vấn đề giai cấp.

Chúng tôi tiếp xúc với vấn đề giai cấp như một sự bừng sáng mạnh mẽ và rực rỡ trong tinh thần.

Nhờ chủ nghĩa Mác chúng tôi hình dung được những nét lớn trong việc lý giải tình trạng xã hội, lý giải hoàn cảnh mất nước của mình, trên cơ sở nhận thức: "phân rõ giai cấp."

Chúng tôi không còn căm thù chung chung "giặc Tây," lòng căm thù của chúng tôi hướng rõ rệt vào cái gọi là đế quốc Pháp, mà đế quốc Pháp là con đẻ của giai cấp tư sản Pháp và chủ nghĩa tư bản Pháp. Đó là một ánh sáng lớn soi rọi vào vấn đề giai cấp.

Nhìn vào trong xã hội nước nhà, chúng tôi không còn bối rối nhiều. Vì chúng tôi đã nhìn rõ tất cả những bất công, tủi nhục, oan khuất... của nhân dân trong xã hội là kết quả tất nhiên của một xã hội có phân chia giai cấp: giai cấp áp bức bóc lột và giai cấp bị áp bức bóc lột. Cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp đó tác động mọi mặt vào xã hội và là động lực thúc đẩy xã hội tiến lên. Con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, mang lại hạnh phúc cho nhân dân là con đường "phải tiêu diệt cho được giai cấp bóc lột," mà giai cấp ấy giờ đây thể hiện rõ ở thế lực của đế quốc Pháp và bè lũ tay sai (Việt gian). Chúng tôi nhìn vấn đề như vậy từ chỗ đứng và với tư cách người bị áp bức bóc lột, thành ra nhận thức nói trên có một ánh sáng và một sức mạnh đặc biệt.

Dưới ánh sáng của nhận thức về giai cấp, mọi vấn đề, mọi quan hệ xã hội, mọi hiện trạng xã hội đều có thể lý giải.

Chúng tôi sung sướng, chúng tôi cảm thấy hạnh phúc như có được trong tay một bảo bối quý giá để nhìn đời và bước vào đời: đó là sự giác ngộ giai cấp và ý thức giai cấp. Chúng tôi thực sự có ý thức về vị trí giai cấp của chúng tôi. Chúng tôi tôn trọng và thần tượng hóa vai trò của giai cấp bị áp bức bóc lột: công nhân và nông dân, dân nghèo v.v... Chúng tôi nhìn những giai cấp bị áp bức với cảm tình và niềm khâm phục. Họ là động lực thay đổi cuộc sống ngột ngạt hiện tại.

Chúng tôi có một sức mạnh tinh thần mới rất lớn, rất lớn. Càng đi sâu vào cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và quyết liệt (trong chiến tranh), chúng tôi càng thấy rõ thêm, sâu thêm và rộng thêm sức mạnh tinh thần đó. Ý thức của chúng tôi cũng có những biến chuyển từ thấp đến cao. Trong những chuyển biến đó, tôi chú ý đến những chuyển biến sau đây:

- Từ ý thức và tình cảm tự nhiên là "thương người nghèo," chúng tôi đã tiến đến tình cảm và ý thức tôn trọng những người lao động (người nghèo), từ thương cảm đến tôn trọng, đến nhận thức rõ hơn vai trò cách mạng và năng lực cách mạng của công nhân và nông dân. Đặc biệt trong chiến tranh cách mạng, chúng tôi được chứng kiến vô vàn thí dụ về tinh thần hy sinh cao cả và năng lực chiến đấu dũng cảm bền bỉ của những người nông dân, công nhân. Thành ngữ "công nhân lãnh đạo và nông dân là chủ lực" cho cách mạng cứ hiển hiện rõ từng ngày, không cần phải bàn cãi. Nhu cầu cần bồi dưỡng văn hóa, chính trị và năng lực lãnh đạo cho các đồng chí thành phần công nhân, nông dân cũng hiển nhiên rõ ràng. Do đó cần phải có những chính sách ưu tiên, tạo điều kiện cho các đồng chí ấy tiến bộ cũng là điều hiển nhiên và tất yếu.

- Sự chuyển biến thái độ đối xử với người nghèo diễn ra trong toàn xã hội. Tôi biết có gia đình một nhà trí thức cao cấp yêu nước đi ra chiến khu kháng chiến. Gia đình nhiều con

nên có hai người giúp việc: một vú già, một "con sen" (con ở gái), hồi trước còn thêm một "anh xe" (kéo xe) nữa. Khi ra chiến khu, hai người nữ giúp việc cùng sống chung với gia đình nhà trí thức. Người vú già được coi như người mẹ thứ hai của lũ trẻ, còn cô gái thì được coi như con gái lớn trong nhà. Bà vú già khi mất được ma chay báo hiếu trọng thể. Cô gái lớn được đựng vợ gả chồng và được coi trọng đúng như cô chị cả trong gia đình. Sự chuyển biến cái quan hệ xã hội này tốt đẹp biết bao nhiêu.

Nó là kết quả tinh thần của Cách mạng Tháng Tám.

Sự tiếp nhận ý thức giai cấp trong chúng tôi cũng nẩy sinh vấn đề tình cảm: tình cảm giai cấp. Mọi tình cảm đều xoay quanh khái niệm giai cấp, phù hợp với ý thức giai cấp được coi là tốt đẹp, cái gì không phù hợp với tình cảm ấy thì không thể chấp nhận. Điều được coi như cao cả và thiêng liêng là "tình thương yêu giai cấp." Các thứ tình cảm khác như tình yêu, tình bạn, tình gia đình, tình họ hàng... đều phải lấy tình thương yêu giai cấp làm cơ sở và phải phụ thuộc vào nó. Những người thuộc giai cấp không phải nông dân, công nhân, mà tự nguyện nhận ý thức giai cấp, nhận lập trường giai cấp công nông là của mình, thì được khen ngợi, được biểu dương, được người ta lặng lẽ trao tặng một cái như là một danh hiệu tốt đẹp: những người biết "đầu hàng giai cấp," biết bỏ bóng tối tìm ra ánh sáng. Điều này tác động cả vào quan niệm thẩm mỹ. Trong chiến tranh chúng tôi sống ở nông thôn nhiều, thực lòng chúng tôi thấy vẻ chất phác và vóc dáng khỏe mạnh của thôn nữ là đẹp. Mỗi khi về sống lại ở thành phố, thời gian đầu chúng tôi thường dè dặt và xa lánh các cô gái thành thị "áo ve sầu, đầu súp-lơ" với những dáng vẻ ẻo lả mượt mà, mà chúng tôi cho là không đẹp. Định kiến ấy cũng tồn tại một thời gian.

Rồi nữa, chúng tôi đã từng sống nhiều chục năm trong một trạng thái tinh thần hứng khởi, cao thượng và trong sạch. Trạng thái tinh thần này phổ biến trong đa số nhân dân, nó là nền tảng cho những mối quan hệ, đặc biệt quan hệ giữa người và người rất tốt đẹp: giữa cán bộ và nhân dân, giữa quân đội và nhân dân, giữa cấp trên và cấp dưới... Tình trạng đó kéo dài suốt từ trước năm 1945 đến 1975.

Thế mà tại sao đến bây giờ, rất nhiều người, ít nhất là theo tôi thấy được và nghe được, đều than tiếc những điều tốt đẹp của mấy chục năm quá khứ. Những mối quan hệ nói trên cứ dần dần có sự biến đổi. Trong chiến tranh, sự biến đổi không rõ lắm, nhưng từ sau khi sự nghiệp cách mạng giành độc lập và thống nhất đất nước đã hoàn thành, thì sự biến đổi ấy càng rõ rệt và nhanh chóng. Nó đã diễn ra một sự "biến dạng." Nó đã biến dạng thế nào, từ cái gì trở thành cái gì và tại sao?

Qua sự suy ngẫm về diễn biến ý thức của bản thân, qua sự nhớ lại các hành xử của mình và của người khác mà mình thấy được, qua sự quan sát và nghe được chuyện từ nhiều nguồn, tóm lại là qua sự trải và sự nghiệm của bản thân, tôi thấy được mấy điểm:

1. Trước hết hãy so sánh hai bức tranh: ngày xưa (trước 1945 và trước 1954,1975) và ngày nay (những năm 1990). Hai bức tranh biểu hiện hai thời kỳ, hai tình trạng, từ đó xuất hiện một "ước mơ giật lùi": "bao giờ cho đến ngày xưa?"

Ngày xưa, khi những ý tưởng về giai cấp và đấu tranh giai cấp được lan truyền đã làm bùng lên trong lòng mọi người một ánh sáng và tạo nên một sức mạnh tinh thần, thúc đẩy tinh thần yêu nước và cứu nước của toàn thể nhân dân. Tất cả những cái đó trở thành một chất keo tinh thần gắn bó mọi người lại với nhau trong một tinh thần đoàn kết đấu tranh trong sáng và đơn giản, nhằm một mục tiêu lớn và rất rõ rệt: giải phóng đất nước, giải phóng nhân dân lao động khỏi nô lệ, khỏi áp bức.

Chủ nghĩa Mác-Lê đã giác ngộ mọi người một cơ sở lý lẽ như sau: xã hội có nghèo đói, bất công là do có sự áp bức bóc lột của giai cấp thống trị cầm quyền, do có sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Muốn "đổi đời" (giải phóng những người bị áp bức bóc lột) phải đẩy mạnh đấu tranh giai cấp, vừa lấy lại đất nước độc lập, vừa xóa bỏ giai cấp bóc lột, xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Như thế mới có một xã hội vừa độc lập vừa công bằng dân chủ, chính quyền thực sự về tay nhân dân. Những điều đó đã nhân lên bội phần tinh thần cứu nước và tinh thần xây dựng xây dựng một đất nước độc lập, tự do, hạnh phúc. Tinh thần đấu tranh cách mạng nhờ sự giác ngộ đó được nhân cao lên nhiều lần. Lúc đó Đảng cộng sản (nói cho rõ hơn là những người cộng sản) hòa mình trong nhân dân, nhân dân tìm đến những người cộng sản như tìm đến những người thân. Họ là

những người vừa hướng dẫn đấu tranh vừa là những người cần được che chở bảo vệ và cứu giúp (về cả ăn, mặc, cũng như nơi ở an toàn). Trong nhiều hồi ký viết về nhà tù Sơn La, các tác giả miêu tả lại những hình ảnh rất cảm động, khi tù chính trị (những người cộng sản) bị đày từ Hỏa Lò (Hà Nội) lên Sơn La đi qua Suối Rút. Nhân dân Chợ Bờ, Suối Rút đã đón tiếp, chào mời và tự nguyện giúp đỡ từ bát cháo, điếu thuốc, cái chiếu, chỗ nằm. Cho nên, lúc ấy Đảng ở trong dân, Đảng với dân là một. Dân đi tìm Đảng, Đảng cũng đi tìm dân như tìm những người có ân có nghĩa.

Ngày nay Cách mạng đã thắng lợi: đất nước đã thống nhất và độc lập. Chính quyền đã về tay nhân dân. Và những người cộng sản là người thay mặt nhân dân nắm giữ chính quyền. Từ chỗ nhận thức như vậy tất cả những chức vụ quan trọng từ cấp cơ sở đến cấp toàn quốc đều phải do các đảng viên cộng sản nắm giữ. Tất cả những người cộng sản này phải có mức thu nhập và mức sống cao (từ nhà ở, phương tiện đi lại, phương tiện sinh hoạt) để đảm bảo sức khỏe và có điều kiện tốt để làm việc cho dân cho nước. Gia đình các vị này, con cái các vị cũng phải được bảo đảm điều kiện thuận lợi trong đời sống từ việc học hành, chữa bệnh. Phải cho các cháu học hành đầy đủ để có đủ năng lực nối tiếp truyền thống của cha anh mà giữ vững chính quyền nhân dân. Như thế là xuất hiện một tầng lớp người (chưa gọi là một giai cấp) làm việc trong những chức vụ cai trị, chủ yếu là những đảng viên Đảng cộng sản. Chức vụ càng cao thì càng phải do những đảng viên quan trọng (cao cấp) nắm giữ.

Vậy là Đảng với dân đã tách thành hai: một số người (chủ yếu là của Đảng) làm việc cai trị dân. Mà đã cai trị thì phải có chức, đã có chức là có quyền, đã có quyền ắt có lợi. Quyền lực lớn thì có lợi lớn. Đảng đâu còn "hòa trong dân, cùng với dân là một" như trước. Trên danh nghĩa, chính quyền của Đảng khi làm việc gì cũng là thay mặt dân và nhân danh dân, vì lợi ích của dân (chính quyền do dân, vì dân, của dân). Thế mà dân hiện nay đi tìm Đảng là đi tìm những ông bí thư, chủ tịch, bộ trưởng, đại biểu Quốc Hội, ủy viên Trung ương, để khiếu nại tố cáo, kêu oan và cầu xin sự cứu giúp. Có những ông đảng viên già (nhưng không có chức vụ gì, thì cũng như là dân) xếp các đơn kêu xin của mình vào một cái túi nặng hàng chục ki lô, đi lại các cấp các ngành hàng chục năm trời mà vấn đề của ông ấy vẫn không được giải quyết (vì nó phức tạp quá). Khi ông già này còn trẻ bắt đầu giác ngộ và hăng say đấu tranh ông ấy không thể tưởng tượng nổi tình cảnh ông ấy lúc về già.

Không những Đảng với dân đã là hai, mà ngay trong Đảng cũng thành hai. Một Đảng gồm những người không có chức vụ hoặc chức vụ thấp. Một Đảng gồm những người có chức vụ cao và quyền lực, quyền lợi cao. Hàng triệu chiến sĩ và nhân dân khi hy sinh đều không nghĩ rằng một kết quả quan trọng của sự hy sinh của họ lại là tình trạng thế này. Nhà thơ Bùi Minh Quốc đã phải thốt lên:

Trọn tuổi xuân ta hiến dâng cuồng nhiệt
Lại đúc nên chính cỗ máy này !

Và hễ ai muốn nêu vấn đề để tìm ra phương thức lãnh đạo và tổ chức của Đảng trong điều kiện mới cho có hiệu lực và quan hệ tốt đẹp "như ngày xưa" thì lập tức cũng bị bộ máy tư tưởng gán cho tội "phủ nhận Đảng" và bộ máy công an coi là có tội "làm hại đến an ninh quốc gia," cho người theo dõi, canh giữ, giám sát và bỏ tù.

Kẻ viết những dòng này trong năm 1998, từ 25 tháng 7 vào ngôi nhà của con trai út số nhà 116/ 33 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Ở đó dự định cho đến hết tháng 10. Trong hơn 100 ngày đó, trước ngôi nhà này luôn luôn từ sáng đến tối, mỗi ngày đều có từ một đến ba nhân viên an ninh mặc thường phục, hóa trang làm người chữa xe đạp, lái xe ôm, lái xe tắc xi... coi chừng, giám sát, ghi chép, và cả chụp ảnh nữa. Khi kẻ này đi chơi ở Huế cũng có những nhân viên an ninh từ Hà Nội bay vào Huế ở cùng khách sạn để theo dõi những người quen đến thăm kẻ này.

Rất nhiều triết gia Đông và Tây, từ cổ chí kim, đều thừa nhận rằng trên đời này không có sự vật, hiện tượng nào đứng im, nó luôn luôn chuyển động và biến hóa. Vì vậy sự chuyển động và biến hóa (hoặc biến dạng) của xã hội và của Đảng là điều rất tất nhiên, chỉ có điều ta phải xem sự biến dạng đó có kết quả ra sao, tốt hay xấu?

Tình hình xã hội và con người trong thời chống Pháp khác với thời chống Mỹ. Thời chống Mỹ nước ta có hai miền nên cũng có nhiều vấn đề Đảng và dân phải giải quyết, phức tạp và khó khăn hơn thời chống Pháp, nhưng trình độ tư tưởng và tổ chức của Đảng, của dân đã cao hơn, làm việc hiệu quả tốt hơn.

Tuy vậy, cũng có một số mặt kém đi: trong quân đội hiện tượng đào ngũ (B quay) xuất hiện, quan hệ quân dân không tốt hơn, những vụ kỷ luật về vi phạm đến quyền lợi của dân cũng nhiều hơn.

Sự chuyển động và biến dạng kể trên là sự chuyển động và biến dạng lớn nhất, quan trọng nhất, bao trùm nhất. Chính nó chi phối các sự chuyển động và biến dạng bộ phận nối tiếp sau. Mỗi sự vật sự việc đều có hai mặt: một mặt phải (tích cực), một mặt trái (tiêu cực). Trong chuyển động và biến hóa cả hai mặt đều chuyển động và biến hóa khác nhau, khi thì tiến lên, khi thì thụt lùi.

2. Về ý thức giai cấp.

Từ chỗ có ý thức thương yêu tôn trọng, tin cậy những người ngèo khổ bị bóc lột (là công nhân và nông dân), đánh giá cao khả năng cách mạng của họ, ý thức này dần trở thành cực đoan, đi tới chỗ không tin cậy các thành phần khác, chỉ đề cao công nông. Sự tuyệt đối hóa những ưu điểm cách mạng của công nông đã dẫn tới chỗ đánh giá thấp khả năng cách mạng của các tầng lớp khác. Có một dạo đã xuất hiện những từ khinh miệt gọi cánh học sinh và những người thuộc tầng lớp trung lưu là "tạch tạch sè" (tiểu tư sản), và những người này cũng vui vẻ tự gọi mình như thế. Ý thức này đã được chính thức công khai thể hiện trong cái gọi là "đường lối công nông về công tác cán bộ." Chính kẻ viết những dòng này cũng đã từng thuyết giảng nhiều lần về đường lối này và phê phán một cách đầy thuyết phục những hiện tượng vi phạm đường lối công nông.

Trong khi ấy, trong thực tiễn đấu tranh cách mạng có hai hiện tượng rõ rệt: một là, tinh thần dũng cảm chiến đấu và hy sinh rất quyết liệt của các cán bộ và chiến sĩ xuất thân từ công nông, số này chiếm đa số. Mặt khác, phần lớn các đồng chí lãnh đạo ở cấp cao nhất đều không phải xuất thân từ công nông, mà xuất thân từ những tầng lớp trung lưu hoặc tầng lớp trên của xã hội. Các đồng chí đó là những chiến sĩ cách mạng trung kiên, có một ưu thế mà những người xuất thân công nông không có, đó là trình độ học thức cao, ngoại ngữ giỏi. Nhưng tình hình này không được coi là thí dụ của một khả năng cách mạng của những người thuộc tầng lớp phi công nông.

Vấn đề đường lối công nông dẫn đến một số hiện tượng gọi là "thành phần chủ nghĩa," và "chủ nghĩa lý lịch." Hiện tượng này dẫn đến những định kiến, phân biệt đối xử, bỏ qua và lãng phí nhiều khả năng cách mạng, bỏ qua nhiều tài năng, làm cho nhiều tài năng bị thui chột, tổn thương đến tinh thần đoàn kết dân tộc để đấu tranh giành độc lập. Đường lối này và "chủ nghĩa thành phần" tác động vào mọi mặt sinh hoạt của xã hội, làm tổn thương tính công bằng xã hội và tổn thương chính sách xóa bỏ hận thù trong quá khứ để đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước. Càng trong hoàn cảnh thắng lợi lớn và trong hòa bình xây dựng thì tổn thương và tai hại do "chủ nghĩa thành phần" thể hiện thành chính sách của Đảng càng to lớn và không gì bù đắp được. Sự tai hại không chỉ tác động đến những thành phần lớp trên mà còn tác động đến toàn dân kể cả công nông. Hiện tượng nhiều người bỏ nước ra đi sau đại thắng 1975 là sự rạn nứt không chối cãi được của khối đoàn kết toàn dân. Có nhiều người tuy bỏ nước ra đi, nhưng trong lòng vẫn có cảm tình với cách mạng. Họ phải ra đi, bởi vì nếu họ ở lại thì họ không có cách gì sinh sống, trong khi tài sản của họ cũng không còn. Họ ra đi còn kéo theo hậu quả là hàng trăm lao động và gia đình mà trước đây bị họ "bóc lột," nay không còn đường sinh sống. Như thế là có những người ra đi là bị buộc phải ra đi, chứ họ chẳng chống ai, chẳng thù ai. Những người này và cả những người mất việc đều thấy có một sự "khó hiểu" trong chính sách của cách mạng, mà không ai giải thích được cả.

3. Mỗi triết thuyết đều có cái lý của nó. Nhưng cứ giản lược hóa nó, rồi nhấn mạnh vai trò của nó quá mức cần thiết thì tất sẽ dẫn đến hậu quả tai hại khôn lường. Tôi nay đã ngoài 70 tuổi, nhờ đọc thêm được một số sách, nghe thêm được nhiều ý kiến, cũng mới nhận ra được điều này. Vấn đề ý thức giai cấp cũng thế thôi. Từ chỗ tuyệt đối hóa vấn đề giai cấp trong sự bộn bề của đời sống con người và xã hội sẽ đi tới chỗ nguy hiểm do giải quyết nhiều vấn đề không còn chừng mực của nó nữa. Một hệ quả quan trọng của chủ nghĩa thành phần là vấn đề chuyên chính vô sản. Tôi đã trải qua nhiều lần sinh hoạt ở Trung ương (Đảng) các khóa, và tôi nhớ là nhiều lần Trung ương đã thảo luận vấn đề này. Nhưng quả thật sự thảo luận đã không đi đến được sự lý giải rõ ràng và nó dừng lại ở chỗ thỏa thuận với nhau và trở thành tư tưởng chỉ đạo cho đến bây giờ, là:

- Phải chuyên chính với kẻ thù (giai cấp) và

dân chủ với nhân dân lao động.

- Phải có bộ máy mạnh để chuyên chính với kẻ thù.

- Vì chế độ ta là một chế độ dân chủ, cho nên sự thực hiện chuyên chính chỉ nói trong nội bộ, chứ không công khai nói ra làm gì!

Như vậy là cứ làm mà không nói, trong một phương châm hành động cũng không nói ra là: "nói một đàng, làm một nẻo." Như vậy đây là trường hợp làm mà không nói. Có trường hợp khác thì lại cứ nói, nói càng nhiều càng tốt, nhưng chỉ cần nói thôi, chứ không làm. Điều này làm cho nhân dân gặp rất nhiều điều khó hiểu. Điều đó trở thành một đặc điểm của chính quyền cộng sản. Mà không phải chỉ có kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản mới nhận xét thế. Có nhiều người bạn trung thực của phong trào cộng sản, nhiều lý thuyết gia thế giới, cũng nhận xét như thế. Những dẫn chứng cho nhận xét trên đây có rất nhiều trong sinh hoạt hàng ngày của xã hội ta.

(...)

Tôi đã từng biết, từng gặp những đồng chí luôn luôn biểu thị khí thế đấu tranh giai cấp quyết liệt, hò hét tiêu diệt mọi kẻ thù. Quan niệm "kẻ thù giai cấp" đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động của các cơ quan pháp luật. Hầu hết những người làm việc trong các cơ quan pháp luật đều cho rằng hễ ai mà đã phạm luật, hoặc bị nghi ngờ là có vi phạm đều phải coi là kẻ thù của cách mạng và các đồng chí đó đều đối xử với đối tượng ấy như đối với kẻ thù: từ cách nhìn khi gặp gỡ, tiếp xúc, cách hỏi cung, cách dẫn đi, cách cho ăn cho uống... Tôi đã được đọc một số hồi ký của một số người bị bắt và bị tù, nghe lời kể trực tiếp hoặc gián tiếp của thân nhân những người bị tù. Những người bị tù trong chế độ ta không được đối xử như một người "nhân dân," như bất kỳ một công dân nào, mà như một kẻ thù. Số người được đối xử đặc biệt cũng có, nhưng ít ỏi.

Tôi có một bà chị có chồng là tù nhân trong thời đế quốc phong kiến, nay có con rể là tù cách mạng. Chị có kể chuyện về hai cuộc đi thăm tù: trước đi thăm chồng, nay (sau năm 1975) đi thăm con rể. Chị có một ấn tượng rất nặng nề khi phải so sánh hai cuộc đi thăm ấy: tù nhân thời nay cực hơn thời đế quốc. Trước nhận xét thẳng thắn của chị, tôi buồn rầu nghĩ rằng ta đã công bố nhiều chính sách hay, cũng đã có một số việc làm tốt được tuyên truyền rộng rãi. Chẳng lẽ ta không có cách gì xóa bỏ được ấn tượng nặng nề của tinh thần thù địch hay sao?

4. Sự nhấn mạnh quá mức cần thiết về ý thức giai cấp hay tính giai cấp còn có một hệ quả tai hại và ngày càng tai hại cho xã hội. Gần đây Đảng có đề ra khẩu hiệu liên kết công nông với trí thức, mà có người phấn khởi đã gọi tắt là liên kết "công nông trí." Một số trí thức đã hoan nghênh và coi đó là dấu hiệu tốt của con mắt Đảng khi nhìn vào trí thức. Nhưng công thức này vẫn đặt trên nền tảng là công nông. Trí thức chỉ được coi như một bộ phận không thể không có. Cái "ý thức giai cấp" coi thường và không tin cậy đối với trí thức xuất phát từ quan điểm cho rằng khả năng cách mạng của trí thức quá thấp, nhất là trong đấu tranh bạo lực. Điều này là rõ và hiển nhiên. Nhưng ngoài ra cái nhìn về trí thức còn bao hàm ý nghĩa: trí thức thuộc tầng lớp trên, tầng lớp bóc lột. Hình ảnh của họ là những người không thể tin cậy, những người cần phải cảnh giác, nhất là trí thức văn nghệ sĩ. Một bậc đàn anh của tôi đã có lúc ân cần thân mật dặn tôi: "Mày phải cẩn thận, văn nghệ sĩ nó hay xỏ xiên lắm đấy!"

Tài năng không có ý thức để chọn chỗ đầu thai. Cho nên những tài năng có không chọn chỗ đầu thai vào công nông là chuyện bình thường. Nhìn lại lịch sử ta thấy những nhân vật lẫy lừng của cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ XX của ta đều xuất thân từ các gia đình khoa bảng hoặc bản thân là trí thức, kể cả Hồ Chí Minh. Cái nguyên lý đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội không thể khi nào cũng đúng với mọi thời đại và mọi dân tộc được. Nhưng những con người tài giỏi, có trí thức đóng vai trò quyết định số phận của đất nước và của dân tộc thì hình như rất đúng với Việt Nam, cả trong lịch sử xa cũng như lịch sử gần. Thời đại nào, dân tộc nào cũng nổi bật lên vấn đề người tài, và cũng chỉ có người tài mới để lại được những giá trị và ấn tượng tốt đẹp cho các đời sau.

Tôi thấy hình như cái ý thức công nông không có khả năng thấy rõ được vấn đề này. Và khi ai đó đề cập đến vấn đề mà ý thức giai cấp buộc phải lên tiếng thì y như rằng có những người trình bầy như thể các tài năng đều của công nông, đều từ công nông mà ra, đều phải dựa vào công nông mới phát triển được.

Tôi thì tôi thấy ngược lại. "Ý thức giai cấp" công nông không thể nhận biết được hai nguyên lý đơn giản mà tôi học được ở các nhà

khoa học, đó là:

a/ Tài năng là của hiếm.

b/ Tài năng là của tất cả nhân dân.

Vì vậy phải đối xử với tài năng như là của hiếm, và của hiếm đó là tài sản quý của tất cả mọi người. Ngày xưa, vua chúa còn có khi tha tội hoặc xóa tội cho những người tài.

Nhưng "ý thức giai cấp" thì không. Từ "ý thức giai cấp" quá mạnh dẫn đó nhận thức cứng nhắc và mơ hồ chung quanh vấn đề "đức" và "tài." Khi nêu lên quan hệ "đức" và "tài" thì cho rằng "đức" phải là gốc. Hơn nữa, khái niệm "đức" được nói đến chỉ với ngụ ý về một số phẩm chất đặc trưng của công nông. "Đức" chỉ là yêu quý và tích cực lao động (chân tay), không tham ô, hủ hóa, mà ít có gắn đức với những phẩm chất khác như trung thực, khiêm tốn, nhân ái, thương người, làm việc có hiệu quả. Vì vậy rất khó tìm đúng người đặt đúng việc.

Năm 1978, trong cuộc gặp gỡ giữa đồng chí Nguyễn Văn Linh với các văn nghệ sĩ, một nhà lý luận văn học đã phải thốt lên: "Văn nghệ sĩ bị khinh bỉ sâu sắc." Còn nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện thì phàn nàn: "Có những thành kiến như những bản án, mà là án chung thân, treo lơ lửng trên đầu một số văn nghệ sĩ."

Tôi, thì tôi thấy rõ: Cái ý thức giai cấp trong xã hội ta có những đặc điểm sau:

- Không có khả năng và phương pháp để phân biệt tài năng, vì nó không cần đến tài năng, không muốn có tài năng.

- Không có khả năng và không biết sử dụng tài năng, vì nó cho rằng tài năng thường có hại, tài năng không chịu ngoan ngoãn phục tùng.

- Nó lại càng không có khả năng phân biệt tài năng thật và tài năng giả. Nó chỉ thích nghe những điều xuôi chiều và xu nịnh. Nó không thể chịu được những cái độc đáo và không dung tha sự độc lập. Có những hiện tượng tác phẩm được giải thưởng nhưng không ai muốn đọc, muốn xem. Ngược lại, một số tác phẩm càng bị cấm, càng nhiều người tìm đọc. Tôi cho đây là một điều cần nghiêm túc xem xét, chứ không phải chuyện nói đùa chơi.

Đáng buồn là như vậy. Nó (cái ý thức giai cấp) mất luôn cả khả năng phân biệt và nhận biết những lẽ phải thông thường. Có một hiện tượng hết sức nguy hại cho vận mệnh của dân tộc và quốc gia. Đó là hiện tượng học giả, bằng giả, học hàm, học vị mua được bằng tiền. Những tác động nào đã đẻ ra tình trạng đó? Đó có phải là chính sách văn hóa của nhà nước công nhân không? Có cần phải có những chính sách hạn chế được cái giả mà khuyến khích được cái thật không? Riêng một người, hoặc một nhóm ai đó, thì không thể nghĩ ra cái chính sách ấy được. Khuyến khích nghĩ sâu, khuyến khích nói thẳng thì sẽ không thiếu gì giải pháp chính sách. Nhưng khổ nỗi, với cái ý thức giai cấp xơ cứng thì không sao làm được.

Gần đây, và cả hiện nay, có một từ được lưu hành một cách bán chính thức. Đó là từ kẻ sĩ hoặc sĩ phu. Không biết ông trí thức, tác giả một số bài luận văn ký tên Hà Sĩ Phu có ý muốn bộc lộ nỗi lòng mà cất cao giọng hỏi: "Còn ai là sĩ phu nữa hay không? Sĩ phu thời nay là ai và họ ở đâu rồi?" Tôi thấy hiện tượng lưu hành từ kẻ sĩ và sĩ phu là một sự phản ứng tế nhị nhưng dữ dội của giới trí thức trước tình hình bị đánh giá không đúng. Hai từ ấy có tác dụng giúp người ta phân biệt và nhận mặt kẻ giả và người thật.

Kẻ sĩ hay bậc sĩ phu có ngụ ý chỉ người hiểu sâu, học rộng (trí thức), nhưng lại là người trung thực và khẳng khái, dám nói và nói thẳng. Như vậy từ kẻ sĩ có ngụ ý kêu gọi mọi người trí thức dù cao dù thấp, hãy xứng đáng là một kẻ sĩ, xứng đáng là một sĩ phu mà làm tròn trách nhiệm với đời như các bậc sĩ phu tiền bối. Nó cũng có ngụ ý lời tâm huyết của tầng lớp trí thức nói với giới lãnh đạo và quản lý: "Hãy để cho kẻ sĩ tự do nghĩ và tự do nói lời của mình." Mà lời của kẻ sĩ (thật) thì thường khác với lời chính thống. Đó là dấu hiệu tốt để phân biệt thật giả. Mà hiện nay thật giả bị trộn lẫn, khó phân.

Cần khắc phục cái "ý thức giai cấp quá mức cần thiết," cần đánh giá lại vai trò của trí thức, của kẻ sĩ trong sự phát triển của đất nước. Càng nhiều kẻ sĩ góp lời và thi thố tài năng thì đất nước càng có điều kiện phát triển và mới phát triển được. Điều này không hề làm giảm vai trò của Đảng cộng sản, mà trái lại, nó làm rõ thêm, sáng thêm đôi mắt và tấm lòng của Đảng đối với đất nước, đối với kẻ sĩ. Đó mới là chính trị sáng suốt. Ý thức công nông đúng đắn là phải tôn trọng và biết ơn giới trí thức (kẻ sĩ) là những người phát minh, sáng chế, tạo điều kiện cho công nhân sản xuất ra những giá trị vật chất ngày càng cao và cũng chính họ sản xuất ra những giá trị tinh thần cho xã hội rất cần thiết cho sự sinh tồn của một xã hội văn minh. Không thể để cho sự biến dạng ý

thức giai cấp này kéo dài thêm nữa!!!

5- Có một điều lạ là để giải quyết các vấn đề của một dân tộc, một xã hội, phải có sự hiểu biết kỹ và sâu của xã hội đó, dân tộc đó. Đến nay, Cách mạng Tháng Tám 1945 đã được hơn 50 năm, thắng lợi độc lập, thống nhất độc lập dân tộc đã được hơn 20 năm, mà chưa có một ý kiến nào đề ra việc phân tích xã hội ta hiện nay, tuy nhiều người vẫn thấy mình đứng trên lập trường giai cấp rất vững vàng. Riêng tôi, tôi nghĩ lập trường phải phù hợp với thực tiễn đời sống cụ thể, chứ không thể chỉ dựa vào kinh điển và những thứ "kinh điển" cần có dấu hỏi. Hình như hiện nay, khi phân tích xã hội Việt Nam về giai cấp vẫn còn những ý kiến từ trước Cách mạng Tháng Tám, khi đồng chí Trường Chinh còn là tổng bí thư. Bằng chứng là cho đến nay có người vẫn còn sử dụng những ý kiến phân tích giai cấp của xã hội ngày đó.

Còn ngày nay, giai cấp nông dân đang biến động thế nào, trong nông thôn xuất hiện thêm những tầng lớp nào? Tâm lý và nguyện vọng của nông dân hiện nay ra sao? Công nhân đang phát triển thế nào? Có bao nhiêu thứ công nhân? Bao nhiêu tầng lớp nông dân? Ý kiến cho rằng tất cả công nhân viên, cán bộ các cơ quan nhà nước đều thuộc giai cấp công nhân có thỏa đáng không? Những người làm thuê cho các doanh nghiệp tư nhân, liên doanh với nước ngoài có hoàn toàn giống như công nhân các doanh nghiệp nhà nước không? Có thể hiện nay có những lớp người không thể quy là nông dân hoặc công nhân? Dân nghèo thành thị có phải là một giai cấp không? Có cần phải thừa nhận có một lớp người làm các nghề tự do như nhà báo, thầy thuốc, văn nghệ sĩ..., và những người đó có phải là nhân dân lao động hay không? Rõ ràng hiện nay xuất hiện nhiều nhóm xã hội khác nhau ở nông thôn cũng như ở thành thị. Ta cần phân tích và miêu tả nó như thế nào để làm nền tảng cho ý thức giai cấp hiện nay cho thật phù hợp. Không làm việc này mà chỉ hò hét lập trường quan điểm để rồi có người chê là giáo điều, bảo thủ thì lại giận.

Tóm lại, phải thể hiện rõ sự tôn trọng lý thuyết giai cấp của Mác-Lênin ở vấn đề này một cách thiết thực như vậy. Đảng cần tập trung tinh lực, thời gian, trí tuệ, và tiền của vào những công việc nghiên cứu mà kết quả của nó đem lại điều kiện tốt đẹp cho sự lãnh đạo chính trị của Đảng, nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng.

*

Chủ nghĩa Mác-Lê về vấn đề giai cấp gồm nhiều vấn đề sâu rộng. Có thể có nhiều cách diễn giải tốt hơn (tôi không nói đúng hơn, vì có nhiều cách giải thích đúng và cái gì là đúng nhất là điều chưa thể có câu trả lời). Tôi đã được biết những ý kiến thảo luận chung quanh vấn đề giai cấp vô sản và sức mạnh của giai cấp vô sản quốc tế. Có ý kiến cho rằng cái lý thuyết của Mác dẫn Mác đến chỗ Mác phải có kết luận như vậy. Chứ thực ra xã hội loài người đang biến động, và sự biến động này chắc chắn không khớp với những tiên đoán của Mác.

Thật là mênh mông. Tôi chỉ dám đứng ở ngoài ngõ mà nhìn vào thôi. Tôi không đủ sức diễn giải được. Nhưng những gì tôi đã trải qua và nghiệm thấy, tôi thấy rõ trong xã hội ta có một sự hiểu biết vấn đề này quá giản lược và trong quá trình vận dụng sự hiểu biết ấy vào cuộc sống thì có nhiều biến dạng. Những biến dạng đều sinh ra những tai hại trong quan hệ xã hội và chính sách. Tôi cũng là người góp phần vào sự biến dạng đó. Nay tôi viết bài bút ký này với tinh thần phê bình rất thành thật, tôi mong có thể tìm được một bài học chung cho đời. Giờ đây, tôi thấy rất rõ là nếu chỉ biết chủ nghĩa Mác thôi thì chưa đủ, dù cho nó có hay đến bao nhiêu đi nữa, thì vẫn cứ cần phải đọc thêm để có được những hiểu biết về các học thuyết, các triết học khác, của cả phương Đông lẫn phương Tây.

(Hết phần thứ nhất)



DALAT
LANDSCAPING

Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 2054 (M27)
Bolsa Avenue
Westminster,CA 92683
Call: Mr. PHƯƠNG
(714) 418-1928



BÁO NGƯỜI VIỆT ĐƯỢC HAI MƯƠI NĂM

Nhật báo *Người Việt* số 1 ra đời ngày 15 Tháng Mười Hai năm 1978. Trong tháng qua, nhật báo này đã kỷ niệm 20 năm. Tạp chí Thế Kỷ 21 là do các bạn chủ trương báo *Người Việt* lập ra và nuôi nấng cho đến ngày nay. Kể từ khi anh Đỗ Ngọc Yến bắt đầu làm báo *Người Việt*, huy động cả vợ con làm việc trong garage nhà để xe của mình, "bao nhiêu mồ hôi, nước mắt," tờ báo đã thuộc về một công ty tư, trải qua nhiều đời chủ tịch, tổng giám đốc, và chủ bút, trải qua nhiều thăng trầm, đến nay anh vẫn được công ty ủy thác làm chủ nhiệm. Trong số các tờ báo bằng Việt ngữ của tư nhân (không phải của các chính phủ) thì có lẽ *Người Việt* là một tờ báo sống dai nhất, *Người Việt* cũng là nhật báo Việt Nam đầu tiên "on line." Đây là những thành tích đáng kể. Trong số báo kỷ niệm 20 năm, nhật báo *Người Việt* đã đăng một bài xã luận mà chúng tôi xin đăng lại như sau:

"Chúng ta đang sống bên ngoài nước Việt Nam, ở một thế giới với những tờ báo có mặt từ hai, ba trăm năm trước, cho nên con số 20 tuổi thật là khiêm tốn. Những tờ báo còn non tuổi như *Người Việt* có một điều may mắn, là với quãng đời còn ngắn ngủi như vậy, người ta có ít thời giờ phạm lầm lỗi nghề nghiệp hơn các đồng nghiệp cao tuổi. Hành trạng tờ báo cũng giống như đời sống một người, thuở còn non trẻ cũng là thời gian chúng ta dễ phạm nhiều lầm lỗi nhất, khi trưởng thành hơn thì hy vọng sẽ bớt đi. Ít nhất, khi trưởng thành rồi mỗi lần phạm lỗi chúng ta biết ngay mình có lỗi, và tìm cách sửa chữa. Khi trưởng thành hơn nữa thì không những thấy lỗi và sửa chữa, còn biết nhận trách nhiệm về lầm lỗi của mình.

Nhiều tờ báo đàn anh đã nêu tấm gương, họ thú nhận khi loan tin tức lầm lẫn, và xin độc giả tha thứ. Đôi khi họ xin lỗi hơi trễ nhưng không phải vì trễ mà tự bỏ qua lỗi lầm của mình. Thí dụ, đầu Tháng Mười Hai năm 1991, báo *The Observer* ở Anh đăng một mục "Cải chính" nho nhỏ, nói rằng gần hai trăm năm trước, họ đã đăng một tin sai lạc. Đó là tin Wolfgang Amadeus Mozart qua đời, mà họ viết nhầm là ông chết ngày ..., thực ra nhạc sĩ đã tạ thế ngày 5 tháng Mười Hai năm 1791. Báo *Observer* còn cẩn thận nói thêm là nếu tin tức sai lầm trên có gây trở ngại hoặc làm phiền cho các độc giả thì xin quý vị tha lỗi cho họ.

Ở Mỹ, nhật báo *The Wall Street Journal* (WSJ), nhân dịp phim Titanic ra đời, cũng viết một bài thú nhận lỗi lầm khi đăng bản tin đầu tiên về vụ tầu này bị đắm. Trong số báo ra ngày 16 Tháng Tư năm 1912 báo WSJ đăng tựa đề "Tầu Titanic đụng băng sơn nhưng các hành khách được cứu thoát." Thực ra, con tầu bị nạn lúc 2 giờ 20 sáng sáng ngày 15, nhiều hành khách đã chết theo tầu. Đợi đến gần cuối thế kỷ, báo WSJ mới tiết lộ rằng họ loan bản tin đầu tiên sai là vì căn cứ vào tin tức quá lạc quan của hãng chủ tầu White Star, ngày hôm sau họ mới có tin chính xác hơn (năm đó tờ báo này mới có 23 tuổi, còn là một thanh niên.) Cũng ngày 16 Tháng Tư năm 1912, một đồng nghiệp khắc của chúng tôi, nhật báo *The Los Angeles Times* đăng tựa dài suốt bẩy cột bản tin theo điện tín (telegraph): "Một ngàn rưỡi người chết khi tàu Titanic chúi đầu chìm xuống đáy biển."

Coi vậy thì thấy hồi 1912 các nhà báo khó lấy được tin tức chính xác lắm: trụ sở báo LA Times ở phía Tây nước Mỹ, đi sau báo WSJ ở phía Đông ba múi giờ. Thế mà, mới ba giờ trước thì có tin cứu được hết hành khách, sau đó ba giờ thì gần 1500 người chết cả. "Thế mới biết ở đời cần phải khiêm tốn!" là một câu mà những người làm nhật báo *Người Việt* thường hay nói đùa với nhau.

Đời người làm báo có cơ hội học đức khiêm tốn nhiều hơn nữa, vì thường thường mỗi ngày mở báo ra đều nhìn thấy những lỗi lầm mình đã phạm ngày hôm trước, ngay trên mặt báo! Nhiều lầm lẫn quá đến nỗi nếu muốn viết hết các lời cải chính thì phải có thêm một nhân viên làm toàn thời gian! Và nhân viên này phải có thời giờ theo dõi bài vở, và đủ trình độ

để khi đọc tờ báo thì thấy hết các điều cần cải chính. Mong một ngày nào đó, *Người Việt* sẽ viết những dòng chữ cải chính như vậy. Trong khi chờ đợi, vẫn xin quý vị lượng tình thứ lỗi cho!

Chúng tôi không thể quên cảm ơn quý vị độc giả vẫn điện thoại hoặc gửi điện thư (email) chỉ cho các sai lầm. Nhiều quá, không thể kể hết tên quý vị cũng như các điều quý vị chỉ bảo. Nhưng mỗi lần có một cú điện thoại hay email như vậy, chúng tôi thường truyền cho nhau biết, vừa cảm thấy thẹn thùng, vừa vui mừng. Vui, vì biết rằng mình phục vụ các độc giả có trình độ và rất khó tính, nếu mình cố gắng cũng rất đáng công. Nhưng trước hết, vui vì trong những lời ân cần chỉ bảo, quý vị đã chứng tỏ niềm tin nơi tờ báo, nơi những người làm báo.

Một tờ báo cũng là một định chế công cộng, không thuộc riêng một người hay một tổ chức nào. Tờ báo mang trách nhiệm khi được công chúng tin tưởng. Phần thưởng lớn nhất cho một cơ quan truyền thông là niềm tin của công chúng. Người cầm tờ báo đọc phải cảm thấy mình được kính trọng, thấy tờ báo coi độc giả như những người có óc phán đoán, có hiểu biết, không dễ đánh lừa hay lung lạc họ bằng những điều sai lạc hay mị hoặc. Cũng giống như trong hầu hết những mối liên hệ giữa con người với con người, thiện chí của một bên sẽ giúp nảy sinh ra thiện chí của bên kia, người thành thật sẽ được đáp lại với lòng thành thật, người tỏ lòng tôn kính có thể sẽ nhận được sự kính trọng, niềm tin sẽ tạo ra niềm tin. Nghề làm báo mới có ở nước Việt Nam từ giữa thế kỷ 19, với tờ *Gia Định Báo* , nhưng nếu muốn tìm một châm ngôn cho nghề này thì chúng ta có thể dùng một câu tục ngữ của cổ nhân: "Thực thà là cha quỷ quái."

Với quý vị độc giả như các người bạn đường, chúng tôi mong sẽ tiếp tục theo đuổi châm ngôn đó trong 20 năm hay 200 năm tới, nếu lúc đó loài người còn đọc báo. (NGƯỜI VIỆT)

AI NÉM BÙN VÀO MẶT

Kỷ niệm 20 năm ngày ông Đặng Tiểu Bình bắt đầu Đổi mới ở Trung Quốc, Chủ tịch Giang Trạch Dân đã làm cho mọi người thất vọng. Thay vì nói cho người nghe biết con đường đổi mới sẽ tiến xa hơn nữa, ông Giang Trạch Dân dùng cơ hội này để đe dọa những người muốn thay đổi đường lối cai trị độc tài của đảng Cộng Sản Trung Quốc! Và ông đã chứng tỏ bằng hành động.

Ba phiên tòa xử tại ba nơi, với ba bản án ăn nhịp với nhau như bản hòa tấu của một giàn nhạc: Từ Văn Lập (Bắc Kinh) 13 năm, Vương Hữu Tài (Hàng Châu) 12 năm và Tần Vĩnh Mẫn (Vũ Hán) 11 năm. Theo Tân Hoa xã thì ba người trên không bị tù vì các "tư tưởng chính trị" của họ, mà các nhà đối lập này đã bị xử vì "phạm tội phản loạn."

Đảng Cộng Sản Trung Quốc phản đối "dư luận trong cộng đồng thế giới" chỉ trích họ về các bản án trên. Họ nói "tố cáo Hệ thống tư pháp Trung Hoa đàn áp đối lập," là hành động "cố ý ném bùn vào mặt Trung Quốc."

Dư luận thế giới đã lầm lẫn ra sao? Theo lý luận của Bắc Kinh thì người ngoại quốc đã không biết rằng ở Trung Hoa "những người đối lập có ý kiến chính trị khác với nhà nước cũng không hề bị đàn áp, miễn là họ đừng có ý đem áp dụng ý kiến chính trị của họ, dù áp dụng một cách hợp pháp và ôn hòa." Nếu nhóm ông Từ Văn Lập giữ các ý kiến chính trị ở trong đầu thì các ông hoàn toàn được tự do! Cái tội của các ông này là xin đăng ký một đảng, vì tin rằng sau khi Trung Cộng ký vào "Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị" thì việc xin đăng ký một đảng là hậu quả tự nhiên. Những người biết chữ và không mắc bệnh tâm thần ở khắp thế giới chắc cũng hiểu như vậy, cho nên khi thấy ba ông này bị kết án "phản loạn" thì họ ngạc nhiên và phản đối.

Những bản án cho ba nhà hoạt động đối lập chứng tỏ, hoặc là luật pháp nước Trung Hoa còn quá hủ lậu, hoặc hệ thống tư pháp vẫn chỉ là tay sai của nhóm người cầm quyền. Lời giải thích của chính phủ Bắc Kinh khiến người ta phải kết luận một, hoặc cả hai điều này đúng. Như vậy thì chính đảng Cộng Sản đang "bôi tro trát chấu" vào mặt nước Trung Hoa, chứ không ai ném bùn vào mặt họ.

Nhưng tại sao nhà cầm quyền Bắc Kinh lại tự ném bùn như vậy?

Lý do chính là họ sợ. Họ sợ người dân nuôi nhiều hy vọng quá. Những điều mà các ông Từ Văn Lập, Vương Hữu Tài đã nói lên thực ra không có gì mới. Chính phủ Bắc Kinh đã cho phép các nhà khoa học xã hội, các giáo sư, v.v. công khai nói về dân chủ, tự do từ lâu. Ủy ban Khoa học Xã hội còn đặt đề tài nghiên cứu các thể chế chính trị thế giới để so sánh. Tác phẩm của Hayck phê bình chế độ cộng sản đã

được dịch. Những trào lưu đó dẩy kỳ vọng của giới trí thức lên cao quá mức mà ông Giang Trạch Dân chờ đợi! Phải dập tắt các tia lửa hy vọng đó, trước khi giới trí thức bước vào hành động.

Trong thực tế, nền kinh tế Trung Hoa đang thay đổi tạo ra cảnh thất nghiệp của hàng trăm triệu người, nạn tham nhũng gây chênh lệch giầu nghèo quá lớn, đó là những nguyên nhân gây ra bất mãn trong nhân dân, có thể bùng nổ đưa tới các thay đổi chính trị, nếu được những người trí thức tổ chức.

Mối sợ thứ hai là các tranh chấp trong nội bộ các đảng viên có quyền và có tiền. Cuộc cải tổ kinh tế đòi hỏi phải đi thêm các bước mới, nếu không sẽ bế tắc. Thủ tướng Chu Dong Cơ đang thi hành việc cải tổ các xí nghiệp quốc doanh, các tổ chức tài chánh và ngân hàng, bắt quân đội ngưng việc kinh doanh, giảm quyền các sứ quân tỉnh ủy và địa phương. Phe bảo thủ đang cố bám lấy các quyền lợi sẵn có, ngăn trở các bước cải tổ mới, và chính họ có thể gây rối loạn bằng hoạt động đối lập ngay trong đảng, nếu Bắc Kinh không tỏ ra cứng rắn.

MỘT NĂM NHIỀU KỶ NIỆM

Mối lo sợ khiến ông Giang Trạch Dân phải đưa ra bàn tay sắt. Nhưng còn lý do khác, là sang năm 1999 dân Trung Hoa cũng có nhiều dịp kỷ niệm "chu niên" rất lớn. Trong quá khứ, các dịp lễ đó thường tạo cơ hội cho các phong trào phản kháng mới.

Lớn nhất có lẽ là kỷ niệm tám mươi năm Ngũ Tứ Vận động, ngày 4 Tháng Năm năm 1919, sinh viên Bắc Kinh biểu tình chống chính phủ Đoàn Kỳ Thụy, gây ra một phong trào cách mạng rộng lớn thay đổi nước Trung Hoa trong đó có việc thành lập đảng Cộng Sản.

Buổi lễ tưng bừng nhất chắc phải là 50 năm ngày thành lập Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đảng Cộng Sản sẽ tổ chức lễ này nhưng người dân và phe đối lập vẫn có thể lợi dụng cơ hội nhân dịp lễ lớn gây phong trào cách mạng mới!

Buổi lễ sẽ bị ngăn cấm là 10 năm sau biến cố ngày 4 Tháng Sáu ở Thiên An môn, khi các sinh viên và công nhân Bắc Kinh bị đảng cộng sản tàn sát. Trước ngày kỷ niệm biến cố đau thương này còn ngày 26 Tháng Ba, kỷ niệm cuộc đàn áp ở bức tường Dân chủ năm 1979. Ngày 15 tháng Tư là ngày giỗ 10 năm của viên Tổng bí thư Hồ Diệu Bang.

Riêng đối với dân tộc Tây Tạng, ngày 17 Tháng Ba cũng kỷ niệm 40 năm ngày đức Đạt Lai Lạt ma phải từ bỏ quê hương sống lưu vong, và cũng trong một dịp kỷ niệm biến cố này, ngày 8 tháng Ba năm 1989 dân chúng Tây tạng đã nổi dậy ba ngày liền rồi bị đàn áp khiến hơn 50 người chết. Năm tới là giỗ 10 năm của các nạn nhân đó.

ÔNG SADDAM HUSSEIN TUYÊN BỐ ĐẠI THẮNG?

Nhiều người bật cười khi nghe tin ông Saddam Hussein tuyên bố đại thắng, sau khi bị Anh, Mỹ tấn công bằng bom và hỏa tiễn. Chiến dịch này tên là "Cáo sa mạc." Nhưng con cáo nào ở trong sa mạc? Người Tây phương vẫn nhìn cáo như một con vật tinh khôn, giỏi đánh lừa kẻ khác, và trong vụ Anh Mỹ không tập Iraq tuần qua thì con cáo chính là ông Saddam Hussein.

Giữa tháng Mười Một, chính phủ Mỹ đã sẵn sàng đánh Iraq trong lúc dư luận thế giới, kể cả tám nước Á Rập, đang mất cảm tình với ông Hussein vì các hành động ngang ngạnh của ông ta. Chính phủ Iraq bỗng nhiên xin nhượng bộ. Ông Clinton ngưng đánh, vào phút chót. Nhưng sau ba tuần, té ra ông Hussein cũng không nhượng bộ. Để yên thì mất uy tín, thế là ông Clinton phải đánh. Ba tuần lễ đủ để cho tình cảm con người thay đổi, dư luận thế giới bây giờ quay sang chống Mỹ!

Ngay khi trận tấn công bắt đầu, Nga triệu hồi đại sứ ở Mỹ về nước, từ 1917 đến nay họ chưa từng bày tỏ thái độ như vậy. Tại Pháp, hai cựu Bộ trưởng Quốc phòng và hai cựu Bộ trưởng Ngoại giao chỉ trích chính phủ Pháp đã không chống lại hành động của Mỹ một cách mạnh mẽ hơn. Hai nước Nga và Pháp vẫn có nhiều liên hệ mua bán với Iraq và họ đang chờ bao giờ nước này có tiền bán dầu lửa. Trong năm nước thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, Nga, Pháp, Trung Quốc chống lại Mỹ và Anh.

Dân chúng Palestine mới tưng bừng chào đón ông Clinton đến thăm "lãnh thổ" của họ, một tuần sau họ đã biểu tình đốt cờ Mỹ và hình nộm Clinton. Hàng ngàn người ở Jordanie và Maroc biểu tình chống vụ Mỹ đánh Iraq. Đối với nhiều người Á Rập và Hồi giáo, tấn công một nước Hồi giáo trước Mùa Chay Ramadan là một xúc phạm không thể tha thứ. Nếu họ có coi ông Hussein là một bạo chúa, thì họ vẫn đứng về phía "tên bạo chúa

phe ta."

Nhưng ông Hussein thắng lớn khi nhân cơ hội này tuyên bố từ giờ không cho phái đoàn thanh tra Liên Hiệp Quốc vào khám xét nữa - mà không cường quốc nào phản đối. Anh và Mỹ đã bị cô lập. Các cuộc không tập mới khiến Iraq có cơ hội được Pháp và Nga ủng hộ trong đòi hỏi bỏ cấm vận kinh tế. Từ trước đến nay, Mỹ vẫn dùng cấm vận như một vũ khí mặc cả đổi lấy điều kiện Iraq hủy bỏ các vũ khí đặc biệt (hóa học, vi trùng và hạch tâm.) Nay thì việc thanh tra vũ khí hầu như sẽ chấm dứt mà áp lực bỏ cấm vận ngày một lên cao.

Trong tám năm qua, việc cấm vận khiến ông Hussein mất 120 tỷ Mỹ kim tiền bán dầu thô, và Mỹ nói rằng số tiền đó nếu có thì ông Hussein cũng chỉ dùng để củng cố kho vũ khí của ông. Các nước khó lòng buộc Mỹ bãi bỏ việc cấm vận này, nhưng họ sẽ nói rằng chương trình cho phép bán dầu để mua thực phẩm, mỗi năm 10 tỷ Mỹ kim, có thể mở rộng hơn. Và mỗi bước nới lỏng là một thắng lợi của ông Hussein, ông có thể kể công khi dân Iraq được nhập cảng nhiều thứ hàng hóa tiêu thụ. Tờ báo *Al Qadissya* ở Baghdad đã đề nghị nhân dịp "chiến thắng" này chính phủ Iraq hãy tổng phản công ngoại giao "để đạt mục đích chính đáng của chúng ta là bẻ gẫy cái còng của Mỹ."

Thắng lợi của ông Hussein cũng là thất bại của ông Clinton. Ở trong nước, ông bị nhiều người chỉ trích là dùng cuộc không tập Iraq để lái dư luận dân chúng cho quên các tội đã bị đàn hặc. Nhưng điều đó không quan trọng bằng các câu hỏi mà người Mỹ sẽ đặt ra cho ông Tổng thống: "Cuộc tấn công đạt được mục tiêu nào?" và "Sau đây chính phủ Mỹ sẽ làm gì?"

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ BÁN CON" CÒN TRONG BỤNG

Sau đây xin trích một bài trên báo Tiền phong ngày 9-12-1998, của ký giả Nhất Lang ở Việt Nam.

Có một cái chợ ngay giữa trung tâm thành phố Sài Gòn, ở đó người ta không bán những món hàng có thể nhìn thấy được. "Chợ bán con" đã tồn tại từ lâu, hơn cả năm nay. Trước mặt tôi là ba người đàn bà trẻ, người nhiều tuổi nhất chỉ mới 25 tuổi, cả ba đều có bầu - bầu lớn nhất đã chín tháng, đã gần tới ngày sanh. Họ mặc những bộ quần áo rộng thùng thình, trông lôi thôi, lếch thếch, trang điểm cẩu thả... Và khuôn mặt nếu chưa biết tuổi, phải đoán tới ngoài ba mươi.

QUẾ LANG

MỘT NGƯỜI ĐI TRONG THÀNH PHỐ

Tôi là một người cô đơn
đi trong thành phố xa lạ này
Cỏ non công viên
đón chào
cơn gió đầu xuân

Tôi lang thang
qua nẻo đường vắng
hay trên vĩa hè đại lộ đông người
Tôi lang thang
dưới bóng cao ốc khổng lồ
hay bên cạnh hàng cây khẳng khiu

Tôi đi
trong thành phố
hôm nay một ngày hè
đầy nắng đẹp
hay năm kia một chiều đông
tuyết phủ khắp nơi

Tôi đi
trong thành phố
như cánh bèo lạc giữa trùng dương

Tôi đi
qua không gian và thời gian
như một người mải miết theo
những ngày đã mất.

(Mùa hoang trong thành phố)

"Hai anh chị này muốn mua một đứa con đây này! Tụi bây nói chuyện với anh chị!"

Chỉ sau lời bà dẫn mối giới thiệu hai chị em tôi, cả ba nhao nhao lên:

"Anh chị muốn mua con gì, trai hay gái? ở đây tụi em có đủ hết."

Cô có bầu lớn nhất tự giới thiệu:

"Con em là con gái nè. Đi siêu âm dự đoán, bác sĩ bảo 18 này là sanh rồi. Còn cô này - con trai, sáu tháng. Cô kia mới có bầu bốn tháng, chưa biết trai hay gái..."

Tôi quay sang bà chị giả bộ hỏi:

"Sao, chị muốn con trai hay con gái, quyết định lẹ lên."

Bà chị tôi cũng ra vẻ phân vân:

"Chị cũng chưa biết nữa. Mà giá cả ra sao? Con so hay con dạ? Để hỏi các cô thử xem - Rồi quay sang chỗ ba bà mang bầu - Các cô đã bán như thế này bao giờ chưa?"

Cả ba đều trả lời đã từng có con. Cô có bầu lớn nhất tên Hằng còn lấy tấm hình đứa con đầu lòng sáu tuổi ra khoe. Cô có bầu sáu tháng tên Thoa cũng đã có một con ba tuổi...

Chị tôi ướm thử:

"Chị cũng muốn mua một đứa, nhưng chưa biết giá cả thế nào? Đến phần này thì họ có vẻ hoạt bát hơn. Cả ba cùng ngồi xệp xung quanh chúng tôi."

"Giá con gái bao giờ cũng mắc hơn giá con trai một hai triệu chị ạ. Nếu khi sanh xong, chị vô bệnh viện bắt con nào, không cần giấy tờ gì hết thì giá ba triệu con trai, bốn triệu con gái. Còn nếu chị đòi hỏi giấy tờ đầy đủ như giấy chứng sanh, giấy khai sanh, giấy xác nhận gia đình nghèo, cho con của phường chứng thì phải giá 12 triệu con gái, 10 triệu con trai... Chỉ có điều, trước ngày vô bệnh viện sanh, chị cho em ít tiền để bồi dưỡng thuốc thang ăn uống. Sanh xong tụi em giao con, chị giao tiền đầy đủ trong bệnh viện."

Chị tôi bảo:

"Sao em không giữ đứa bé một vài tháng cho cứng cáp. Đứa bé được bú hết sữa non của mẹ rồi hãy giao?"

"Không được đâu chị ạ. Nuôi một ngày là quyến luyến một ngày. Đến lúc mến tay mến chân bán đi không đành. Nhiều đứa ở đây sanh con xong không dám nhìn mặt con nữa..."

Ngồi nói chuyện một lát, xem chừng cuộc mua bán không thành, họ nghoe nguẩy bỏ đi.

... Tôi biết được cái chợ kỳ quặc này qua lời giới thiệu của chị Hương, thành viên một "đội công tác xã hội." Trước kia, chị cũng đã sống nhiều trong giới đi khách (mại dâm). Chị có hai đứa con gái. Khi một đứa tròn 14 tuổi, một đứa 16 tuổi, cả hai cháu theo mẹ ra đây hành nghề. Đến bây giờ thì cả hai đã nhiễm HIV. Ban đêm chị Hương đi quét rác, kiếm tiền nuôi con. Ban ngày chị sinh hoạt trong đội đồng đẳng đi làm công tác xã hội. Chị kể:

"Chẳng biết cái chợ này có từ lúc nào, nhưng có lẽ từ khi những ông bà da trắng, mắt xanh tóc vàng đến Việt Nam, có nhu cầu xin con. Khi những gia đình nhiều tiền của lại hiếm muộn, muốn có một đứa con nuôi, cứ đến đây dạm hỏi qua những tay cò mồi, mối lái, thì gái mại dâm ngoài này có thêm một nghề mới. Trước kia gái đi khách, lỡ có dính bầu đều đi nạo, đi phá. Nay khác, đứa bé trở thành một món hàng đắt giá, cho dù phải mang món hàng nặng nề trong bụng đến chín tháng mười ngày. Gái có bầu sắp bán hay nói đùa, "cũng như chơi hụi góp vậy mà." Họ mang bầu đến tháng thứ năm, thứ sáu nhưng vẫn đi khách. Vừa mới đẻ ra mấy ngày, giao con xong, lại đi khách tiếp. Cái chu kỳ ấy cứ tuần hoàn liên tục. Có những người ở đây đã bán con đến bốn, năm lần. Thậm chí có người bán con đến lần thứ tư, sau không có bầu được nữa bắt luôn đứa con đã bảy tuổi đem đi bán vì kẹt tiền. Cũng không thiếu trường hợp người bán con nhiễm HIV..."

"Nếu họ có bầu mà cho đến lúc sanh vẫn không có ai mua thì sao?" - Tôi thắc mắc.

"Không có trường hợp ấy đâu, ngày nào cũng có người hỏi. Đã gọi là chợ mà, chỉ sợ không có người bán chứ người mua thì không thiếu."

Tôi chỉ còn biết lắc đầu.

Tôi nhớ đến câu nói của chị tôi khi nhìn ba người đàn bà bỏ đi, dáng đi lúc lắc, chậm chạp với những "món hàng" trước bụng: "Không biết, đứa bé ở trong bụng mẹ có nghe được cuộc trả giá này?" Câu nói làm tôi cảm thấy đau nhói...●

Có hai qui luật lớn trong cuộc đời, một tổng quát và một đặc thù. Thứ nhất là ai rồi cuối cùng cũng có được điều mình muốn nếu có cố gắng. Đây là luật tổng quát. Luật đặc thù là mọi cá nhân phần nào đều là ngoại lệ đối với luật tổng quát.

Samuel Butler

NGÀNH CHĂM SÓC HOSPICE

Bác sĩ NGUYỄN ĐẠT *(nguyên văn Anh ngữ)*
Bác sĩ NGUYỄN VĂN ĐỨC *dịch sang tiếng Việt*

"Hospice" là gì?

Theo định nghĩa của Tổ chức Chăm sóc Hospice Quốc gia (National Hospice Organization), **Hospice**: "Cung cấp sự chăm sóc và nâng đỡ cho những người trong giai đoạn cuối của những căn bệnh không còn chữa được, để họ có thể sống những ngày cuối cuộc đời họ càng thoải mái càng tốt. *Hospice* nhận rằng chết là một phần của cuộc sống và nhắm việc giúp duy trì phẩm chất cho những ngày cuối cùng của cuộc đời người bệnh. *Hospice* không nhắm mục đích khiến cái chết đến sớm hoặc trễ hơn, song hi vọng và tin rằng qua sự chăm sóc thích ứng của *hospice*, về mặt tinh thần và tình cảm, người bệnh và gia đình họ sẽ đón nhận cái chết một cách sẵn sàng và dễ dàng hơn." Nói cách khác, *hospice* là một cách chăm sóc cho những người sắp lìa đời, giúp họ sống những ngày cuối cùng của cuộc đời đầy đủ hơn, ít bị đau đớn về thể xác và tinh thần hơn, và thường tại chính nhà họ. Sự chăm sóc chuyển từ mục đích cố chữa khỏi căn bệnh, sang việc chú trọng vào chính người bệnh, và khiến những triệu chứng bớt hành hạ người bệnh.

Đau khổ là một tình cảm xảy ra khi chúng ta cảm thấy sắp bị tàn phá, hoặc bị mất mát một thứ gì đó thuộc về chúng ta: thể chất, tinh thần, tình cảm, quá khứ, tương lai, và nhiều thứ khác... Vì không một ai có khả năng xoa dịu được tất cả những mất mát về mọi mặt để giúp người bệnh bớt đau khổ, nên trong sự chăm sóc cho người sắp chết, cần sự phối hợp của nhiều người.

Cụ thể, nhóm người cùng phối hợp để chăm sóc cho người bệnh (interdisciplinary team) gồm bác sĩ điều trị (attending physician), bác sĩ hoặc giám đốc chương trình *hospice* (hospice physician/medical director), y tá (registered nurse), trợ tá xã hội (social worker), vị phụ trách vấn đề tôn giáo (chaplain/rabbi), người phụ chăm sóc tại gia (home health-aide), và người tình nguyện (volunteer). Nhiều người bệnh còn cần đến những dịch vụ cung cấp bởi chuyên viên vật lý trị liệu (occupational or physical therapist), chuyên viên tập nói (speech therapist), chuyên viên chỉ dẫn cách ăn uống (dietician), tâm lý gia (psychologist), bác sĩ giải phẫu (surgeon), bác sĩ gây mê (anesthesiologist), bác sĩ chuyên khoa ung thư... Khi cần đến, những vị này sẽ trở thành thành viên của nhóm chăm sóc để cùng chăm sóc cho người bệnh.

Lịch sử của ngành hospice

Chăm sóc cho người bệnh tật và người sắp chết là một phần của lịch sử con người. Lịch sử của *hospice* đã được mô tả kỹ từ thời Trung Cổ (Middle Ages) cho đến ngày nay, với những tiến triển mới của ngành này. Từ "HOSPICE" từ chữ La-tinh hospitium, có nghĩa là lòng hiếu khách (hospitality), một nơi để sống (lodging) hoặc quán trọ (inn) mà ra. Cũng từ chữ này mà ra chữ "hospital" có nghĩa "bệnh viện," nơi để chữa cho những người tạm thời bị bệnh (place for the temporay sick). "Hospice," theo nghĩa đen, có nghĩa là nơi sống của người nghèo, tàn tật, điên, và bị những bệnh không chữa được (place of permanent residence for the poor, infirm, crippled, insane, and incurable people).

Và *hospice*, như chúng ta đã biết, nay cũng được dùng để chỉ sự chăm sóc, hoặc một chương trình chăm sóc thể chất và tinh thần cho những người sắp lìa đời vì những bệnh không còn chữa được.

Trong thời Trung Cổ, những nhà trọ cho người nghèo, người đi du lịch (gọi là hospices) thường được điều hành bởi các cơ sở tôn giáo, và được dùng như những chỗ dừng chân của những người đi hành hương tới Thánh Địa (Holy Land). Khách du lịch thời ấy thấy thể xác, trí óc, và cả tinh thần của họ được tẩy rửa với thực phẩm và lòng tốt của những quán trọ "hospices." Ngược lại, qua khách du lịch, các thầy tu và nữ tu học hỏi được những điều mới lạ từ thế giới bên ngoài. Họ hết lòng giúp những khách du lịch, vì cho rằng một ngày nào đó, họ cũng sẽ thực hiện những cuộc hành trình như vậy. Họ cũng nhận thấy rằng, rồi cuối cùng, mỗi khách du lịch cũng sẽ phải tự tìm lấy cho riêng mình một hướng đi.

Các sơ dòng từ thiện người Ái Nhĩ Lan chính thức mở những nhà săn sóc *hospices* ở Dublin vào năm 1879 và ở Luân Đôn năm 1905. Cái chết được xem là một giai đoạn của một cuộc hành trình, và những nhà săn sóc *hopices* của các sơ được xem như thiên đường cho những người sắp chết, khi người thân của họ không còn có thể săn sóc cho họ ở nhà. Quan điểm xem cái chết là một giai đoạn quan trọng của cuộc sống vẫn là tâm điểm của các chương trình *hospice* chăm sóc cho người sắp lìa đời. Bà Cicely Saunders, một y tá, sau trở thành một trợ tá xã hội, rồi học thêm nữa để trở thành một bác sĩ, đã có công phát triển ngành chăm sóc cho người sắp lìa đời *hospice*. Bà làm việc tại nơi dành cho những người bệnh nặng và sắp chết St. Joseph (St. Joseph's Hospice) trong khoảng thời gian 1958 đến 1965. Ở đó, bà nhận thấy một sự chăm sóc, khuyên nhủ người bệnh và gia đình, cũng như hỗ trợ họ về mặt tinh thần khéo léo, đã đem lại những an ủi và khiến người sắp lìa đời vì bệnh (terminally ill) bớt đau khổ rất nhiều. Bà thấy việc cho người bệnh uống chất nha phiến (opioids) cứ mỗi bốn tiếng làm giảm được đau lẫn khó thở. Bà cũng khám phá ra rằng những chất thuốc được dùng phụ vào để làm giảm đau (co-analgesics), như các thuốc có tác dụng chống viêm (anti-inflammatory drugs) và thuốc chống sầu buồn cũng rất hữu dụng để giúp người bệnh bớt đau.

Năm 1967, bác sĩ Cicely Saunders sáng lập cơ sở chăm sóc cho người sắp lìa đời St. Christopher's Hospice. Bà dạy các bác sĩ, y tá, những người có nhiệm vụ khuyên những việc cần được thực hiện (counselors), những vị phụ trách vấn đề tôn giáo (chaplains), và những chuyên viên vật lý trị liệu cách cùng nhau làm việc để thực sự nhận ra và giúp giải quyết những vấn đề xảy ra trong giai đoạn cuối của cuộc sống người bệnh. Như thế, một đường hướng mới để chăm sóc cho những người bệnh nặng ra đời. Việc làm của bác sĩ Saunders và nhóm làm việc của bà đã gây được những ảnh hưởng, và vài năm sau đó, tạo được sự chú ý của các bác sĩ và y tá tại Mỹ. Vậy, vào đầu thập niên 1970, sự chăm sóc cho người bệnh nặng sắp lìa đời theo cách của bác sĩ Saunders được biết đến ở Mỹ, đáp ứng những quan tâm về việc chăm sóc cho những người bệnh nặng không còn cứu được. Theo những thăm dò liên tiếp, đa số người được hỏi đều đã cho biết họ thích từ giã cõi đời tại nhà. Tuy nhiên, đa số những cái chết lại xảy ra ở bệnh viện, nơi mà người ta cho rằng các kỹ thuật trị liệu cản ngăn những chăm sóc thích hợp cho người sắp lìa đời. Ở bệnh viện, rõ ràng là nơi chốn và sự chăm sóc đã không đáp ứng được những nhu cầu rộng lớn hơn của người trong giai đoạn cuối của căn bệnh (terminally ill patients). Do đó, một quan niệm mới về việc chăm sóc toàn diện cho người bị bệnh de dọa đến mạng sống (life-threatening illnesses) và cả gia đình họ xuất hiện và bắt đầu được ứng dụng. Luận điểm chính đã vẫn là, sự chăm sóc cho người sắp chết nên dựa trên những giá trị nhân bản (human values) và mục đính chính của sự chăm sóc theo *hospice* là nên giữ người bệnh trong môi trường thân thuộc ở nhà họ lâu và thích hợp được chừng nào tốt chừng nấy.

Sự phát triển của ngành chăm sóc *hospice* ở Mỹ song song với mối quan tâm càng lúc càng tăng về việc kéo dài mạng sống của con người một cách không cần thiết. Năm 1976, Tối Cao Pháp Viện đã cho phép rút máy thở (ventilator) ra khỏi một phụ nữ bị hôn mê. Sau đó, vào năm 1991, trong một trường hợp bệnh khác, Tối Cao Pháp Viện lại ra một phán quyết tương tự. Việc này quả đã xác định một quyền của người bệnh, quyền có thể từ chối sự chữa trị. Nó còn đưa tới những vấn đề nhiều bàn cãi hơn, như việc bác sĩ giúp bệnh nhân tự tử (assited suicide) và chết trong sự thoải mái (euthanasia), dằng co giữa những ý tưởng trái ngược "quyền được chết" (right-to-die) và

"quyền được sống" (right-to-life).

Sự tiến triển liên tục của ngành *hospice* đã đưa chúng ta đến sự chăm sóc *hospice* của ngày nay với những ích lợi của nó. Định nghĩa hiện tại của chăm sóc *hospice* (hospice care) vẫn là khái niệm chăm sóc, nhưng một chăm sóc được mở rộng để bao gồm thêm nhiều dịch vụ được minh định rõ ràng, cần thiết cho người bệnh sắp lìa đời và cả gia đình họ, với nhiều mức độ và trong những môi trường chăm sóc khác nhau.

Phúc lợi được hưởng sự chăm sóc hospice của Medicare

Vì sự cần thiết của ngành chăm sóc *hospice*, nên năm 1982, Thượng Viện Hoa Kỳ đã thiết lập quyền được thụ hưởng những chăm sóc *hospice* cho những người có Medicare (Medicare Hospice Benefit). Để được Medicare trả, các chương trình chăm sóc *hospice* phải đáp ứng những điều kiện Medicare đòi hỏi. Những điều khoản do Thượng Viện đặt ra xác định: các điều kiện người thụ hưởng Medicare phải có để được hưởng sự chăm sóc *hospice*, tiền trả cho chương trình *hospice*, cho bác sĩ điều trị, và những dịch vụ do các bác sĩ khác cung ứng, các dịch vụ một chương trình *hospice* được Medicare công nhận phải cung ứng, và các mức độ chăm sóc khác nhau hoặc sự liên tục của việc chăm sóc.

Người muốn được hưởng sự chăm sóc *hospice* cần phải có Phần A của Medicare. (Medicare chia ra hai phần: Phần A trả cho việc nằm bệnh viện, Phần B trả cho những dịch vụ y tế ở ngoài bệnh viện, chẳng hạn xe lăn, chân giả, máy đo đường máu dùng ở nhà...) Chương trình chăm sóc *hospice* sẽ hoàn toàn trách nhiệm trong việc xác định và cung ứng các dịch vụ cần thiết cho những chăm sóc riêng cho căn bệnh khiến người bệnh sắp lìa đời. Những chăm sóc khác không liên quan gì đến căn bệnh này vẫn tiếp tục được trả như thường bởi Phần A và Phần B của Medicare, với những qui định thường lệ của Medicare.

Tuy người cần được chăm sóc bởi những chương trình *hospice* thường là những người bệnh ung thư, nhưng càng ngày càng nhiều người đang bị những căn bệnh khác đe dọa đến mạng sống cũng được chăm sóc bởi những chương trình *hospice*: người bị bệnh thần kinh ở giai đoạn cuối (end-stage neurological diseases, như tai biến mạch máu não, bị lẫn), bệnh tim mạch giai đoạn cuối (end-stage cardiovascular diseases), bệnh tắc phổi kinh niên ở giai đoạn cuối (end-stage chronic obstructive pulomnay disease), bệnh thận ở giai đoạn cuối (end-stage renal disease). Người hội đủ điều kiện được chăm sóc bằng chương trình *hospice* là người không sống quá sáu tháng, nếu theo đúng diễn tiến tự nhiên của căn bệnh. Bác sĩ điều trị (attending physician), người bệnh và gia đình (nếu người bệnh không còn tự quyết định được) cùng đồng ý việc trị liệu trong chương trình chăm sóc *hospice* sẽ nhắm mục đích khiến người bệnh bớt đau khổ hơn là nhắm mục đích kéo dài cuộc sống.

Kể từ ngày 5 tháng Tám, 1997, phúc lợi *hospice* của Medicare được chia thành ba giai đoạn. Trước khi mỗi giai đoạn chấm dứt, người bệnh cần được chứng nhận lại là có dự hậu (prognosis) kém hơn sáu tháng (sẽ lìa đời trước sáu tháng) kể từ ngày được chứng nhận lần trước bởi vị bác sĩ *hospice*. Phúc lợi gồm hai giai đoạn khởi đầu, mỗi giai đoạn kéo dài 90 ngày. Giai đoạn thứ ba là cứ 60 ngày mỗi lần được chứng nhận lại, và trên lý thuyết, có thể được kéo dài mãi nếu dự hậu tiếp tục "kém hơn sáu tháng, nếu căn bệnh đi theo tiến trình tự nhiên của nó." Người bệnh có thể vào và ở lại luôn trong chương trình *hospice*, hoặc lựa chọn rời khỏi chương trình một thời gian và rồi trở lại sau đó. Những quyết định của người bệnh được thực hiện sau những thảo luận giữa người bệnh, gia đình người bệnh và nhóm chăm sóc (Interdisciplinary Team).

Nếu thoáng nhìn vào những giai đoạn phúc lợi và sự tái xác nhận của bác sĩ nếu cần, có vẻ như người bệnh có thể ở trong chương trình *hospice* đến nhiều năm. Mặc dầu việc này có xảy ra, nhưng rất hiếm, và đa số các người bệnh sẽ mất trong vòng sáu tháng. Trung bình một người bệnh sẽ ở trong một chương trình *hospice* ít hơn 40 ngày, với hơn một nửa số người bệnh sẽ lìa đời trong vòng tháng đầu. Vấn đề không phải là với những người ở lâu hơn sáu tháng trong chương trình, nhưng đúng hơn, là làm cách nào để giúp những người cần đến sự chăm sóc vào được chương trình sớm hơn.

Chăm sóc theo phương pháp *hospice* đã chứng tỏ là một cách rất tốt để sử dụng đồng tiền một cách hợp lý trong việc chăm sóc cho người bệnh. Cơ quan Quản lý Tài chánh Y tế

(Health Care Finance Administration, cơ quan thanh toán tiền bạc cho các dịch vụ y tế của Medicare) cho biết trong khi sự chăm sóc tốn kém nhất là trong vòng một năm cuối cùng của cuộc sống một người ở Mỹ, đến một nửa (50%) sự tốn kém này được chi dùng vào ba tháng cuối của người ấy. Kể từ năm 1984, đã có rất nhiều khảo cứu, với sự tài trợ của liên bang, được thực hiện để so sánh các tốn kém phải trả cho sự chăm sóc bằng *hospice* và sự chăm sóc theo lối thường vẫn có từ trước tới nay cho người sắp lìa đời. Các kết luận do các khảo cứu này đưa ra căn bản đều giống nhau: "Medicare tiết kiệm được $1.26 cho mỗi $1.0 tiêu ra cho chương trình chăm sóc *hospice*."

Khác với phúc lợi của Medicare thường (standard Medicare), phúc lợi chăm sóc theo phương pháp *hospice* của Medicare (Medicare Hospice Benefit) không đòi hỏi người bệnh phải là người bị nằm liệt trong nhà vì tật bệnh (home-bound). Thực ra, các nhân viên *hospice* hỗ trợ và khuyến khích người bệnh cùng gia đình có những hoạt động bên ngoài nhà để phẩm chất của cuộc sống của người bệnh được tăng thêm.

Các dịch vụ do chăm sóc hospice cung ứng

Những chương trình chăm sóc *hospice* được Medicare công nhận cung ứng các dịch vụ thuộc 4 mức độ chăm sóc sau: chăm sóc thường xuyên tại nhà (routine home care), chăm sóc liên tục tại nhà (continuous home care or crisis care), chăm sóc để gia đình có dịp nghỉ ngơi (respite care), và chăm sóc trong cơ sở *hospice* (general inpatient care).

1. Chăm sóc thường xuyên tại gia:

Chăm sóc ngay tại nhà là chăm sóc chính của các chương trình *hospice*. Việc chăm sóc nhắm mục đích tìm hiểu những vấn đề, những nhu cầu đang khiến người bệnh và gia đình hoặc người đang giữ việc săn sóc cho người bệnh (caregiver) quan tâm, và tìm cách giúp giải quyết những vấn đề này. Việc chăm sóc cũng nhắm làm giảm bớt những triệu chứng của người bệnh, chẳng hạn sự đau nhức, buồn nôn, ói mửa, bón, ngứa, hoặc sự âu lo... Việc hướng dẫn và hỗ trợ cho người đang săn sóc người bệnh (caregiver) cũng là phần quan trọng của việc chăm sóc tại nhà.

2. Chăm sóc liên tục:

Là mức độ chăm sóc mở rộng, và cao hơn mức độ chăm sóc thường xuyên tại nhà một bực. Mức độ chăm sóc này cho phép một y tá có mặt để chăm sóc người bệnh 24 tiếng một ngày, trong những lúc người bệnh có những vấn đề khẩn cấp, phức tạp. Thời gian chăm sóc liên tục như vậy thường kéo từ ba đến năm ngày.

3. Chăm sóc để giúp gia đình nghỉ ngơi:

Sự chăm sóc này có mục đích giúp gia đình hoặc người đang săn sóc cho người bệnh có dịp nghỉ ngơi, không phải săn sóc cho người bệnh trong năm ngày. Trong thời gian năm ngày này, người bệnh được săn sóc bởi nhân viên *hospice* ngay tại nhà, hoặc được chăm sóc trong bệnh viện hay nhà nuôi đặc biệt (nursing home) có khế ước (contract) với chương trình *hospice*.

4. Chăm sóc trong cơ sở hospice:

Là sự chăm sóc để chữa trị những vấn đề cấp tính (như chảy máu, gãy xương, suy hô hấp, tắc ruột, lên cơn kinh giật, mê sảng...), với mục đích thay thế cho việc người bệnh phải vào bệnh viện vì những vấn đề này. Người bệnh được chuyển từ nhà tới một cơ sở *hospice*, một nhà nuôi dưỡng (nursing home) hay một bệnh viện có khế ước với chương trình *hospice* để được trị liệu, và việc trị liệu nhắm mục đích thoa dịu, giúp người bệnh được dễ chịu hơn, chứ không nhắm việc chữa lành căn bệnh hay vấn đề.

Mặc dầu phải va chạm với rất nhiều trở lực (những luật lệ mới, những bàn cãi về luân lý, việc hướng dẫn mọi người để họ hiểu thế nào là sự chăm sóc theo phương pháp *hospice*...), ngành chăm sóc cho người sắp lìa đời *hospice* vẫn tiếp tục phát triển và nhận được những hỗ trợ của giới y khoa. Sự hỗ trợ mới nhất là từ Hội Ung Thư Hoa Kỳ (American Society of Clinical Oncology), đã thấy rằng chăm sóc theo phương pháp *hospice* là chăm sóc lý tưởng cho những người sắp lìa đời. Trong tạp chí Ung Thư (Journal of Clinical Oncology) xuất bản năm nay, 1998, Hội Ung thư Hoa Kỳ viết: "Hội Ung Thư Hoa Kỳ tin rằng ngành chăm sóc *hospice* hiện có ở khắp nơi, là một kiểu mẫu rất tốt cho việc chăm sóc cho những người sắp lìa đời và nên được chúng ta dùng đến nhiều hơn... Hội Ung thư Hoa Kỳ tin rằng việc chăm sóc cho người sắp lìa đời cần đến một dịch vụ chăm sóc tối hảo cung ứng bởi các bác sĩ có khả năng, và khi cần, thêm bởi những chuyên gia của các ngành chuyên chữa trị để làm giảm những khổ đau của người bệnh."●

BÙI GIÁNG... MỘNG BAN ĐẦU ĐÃ XA

MINH HẰNG



Hỏi tên rằng biển xanh dâu
Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa

Nhìn bức ảnh Bùi Giáng mờ khói thuốc trên tờ Thế Kỷ 21, tôi tưởng chừng tất cả những giấc mộng ban đầu thời hoa niên của tôi như một chiếc cầu vồng lơ lửng trên một triền núi Trường Sơn nào đó, đang từ từ tan theo khói mây.

Một thuở nào thanh xuân mơ và mộng, tôi chỉ biết mê những bài thơ Đường luật, thơ tiền chiến, âm điệu êm ả réo rắt, đại loại:

Ôi nắng vàng sao mà nhớ nhung
Có ai đàn lẻ để tơ chùng
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Khiến bước chân đây cũng ngại ngùng
(Huy Cận)

Tình cờ biết Bùi Giáng qua một thư viện nhỏ của Đại học xá Thanh Quan, hai tập sách "Triết Học Heiderger," và "Mưa Nguồn," từ đó tôi thỉnh thoảng thích đọc triết, biết yêu những vần thơ không niêm luật, những âm điệu trúc trắc, vướng víu, lơ lững giữa từng không, của Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, của Quang Dũng, Thâm Tâm, Tuệ Sỹ... những giòng thơ mà khi đọc lên không cần phải hiểu gì cả cũng thấy lâng lâng như người say men:

Đưa người, ta không đưa sang sông,
Sao nghe tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều không sáng, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong...
Người đi, ừ nhỉ người đi thật...
(Thâm Tâm)

Hay:

Đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cũ
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang.
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thắp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn ...
(Tuệ Sỹ)

Nhưng Bùi Giáng cũng dạy cho tôi biết yêu những giòng thơ lục bát quê mùa ,nhưng ngọt ngào ấm áp như ca dao, của Nguyễn Bính lận đận một đời thơ:

Em ơi em ở lại nhà
Vườn dâu em đốn mẹ già em thương
Mẹ già một nắng hai sương,
Bước đi một bước trăm đường xót xa....

Cũng nhờ Bùi Giáng ,tôi được biết đến những giòng thơ thất ngôn với không khí lãng mạn như tiền chiến của một Hoài Khanh lãng đãng :

Con đường đó gió lên từ bãi trắng
Một lần đi không nhớ tự bao giờ
Em ốm yếu mỏi mòn trong bước chậm
Tôi trở về lạc lõng kiếp hoang sơ...

Hoặc những câu vớ vẩn thơ không ra thơ, nói không ra nói, mà lại rất thơ của Đỗ Quý Toàn:

Sáng trời mưa khiến anh nhớ em,
Bây giờ nắng... anh nhớ em nhiều...

(xin lỗi Đỗ Quý Toàn, không nhớ đúng nguyên văn)

Rồi những giòng thơ ngũ ngôn lãng mạn đến lạnh người của Phạm Thiên Thư:

...Xưa em là chữ biếc
Nằm trong lòng quyển kinh
Ta là thiền sư buồn
Ngồi tụng dưới ánh trăng...

Nhưng yêu nhất vẫn là những vần thơ lạ lùng của Bùi Giáng, những giòng thơ được viết vào cái thuở ông chưa biết yêu "Mẫu thân Phùng Khánh và Kim Cương bát ngát." Những câu thơ chẳng hiểu ông muốn nói gì, nhưng kỳ lạ làm sao nó đi vào một góc nhỏ trong hồn tôi và âm ư mãi ở đấy.

Trời bữa đó không nói gì nữa cả
Xanh miên man mà dạ của nhân gian,
Vẫn thổn thức giữa buồn đau em ạ,
Cõi thanh thiên từ lỡ một con đường.
Trời bữa đó không nói gì không nói
Một chút gì xưa đã nói miên man
Lòng với dạ võ vàng thôi đã mỏi,
Nẻo đi về rừng quanh rú sâu hang

Với tâm trạng lâng lâng, say say của "trời bữa đó không nói gì không nói" rất Bùi Giáng, tôi đã đâm ra mơ mộng vẩn vơ rồi yêu một thiền sư có đôi mắt đẹp và buồn từ bao cõi... tôi đã bàng hoàng thức trắng mấy tháng liền chỉ để mơ mộng và ... làm thơ theo lối của Bùi Giáng, những giòng thơ vụng dại nói về một trái cấm, một tình yêu nhẹ nhàng, trong trắng, ngây thơ như tình yêu của Bùi Giáng dành cho đàn dê dễ thương của ông trên núi đồi Trường Sơn năm xưa.

Rồi tình yêu rất thiền đó (nghĩa là không nói gì, không nói) cũng tan vào hư không, nhẹ nhàng, lặng lẽ như lúc nó đến từ hư không, chỉ còn... nẻo đi về rừng quạnh rú sâu hang.

Nhưng những xúc động trong trắng, ngơ ngẩn ấy tưởng chừng như vẫn còn ngưng đọng đâu đây, vẫn cứ êm ả ngân nga như chuông chùa hoàng hôn... mỗi khi trong đầu tôi âm vang một lời thơ Bùi Giáng. Mộng ban đầu thuở nào... tuy xa mà gần. Nó như một nơi nương tựa khi tôi hụt hẫng, như một chỗ ẩn náu khi tôi cảm thấy tâm hồn bất ổn, một chỗ để tôi chơi trò cút bắt với cuộc đời...

Nhưng Bùi Giáng vẫn thường thơ thẩn :

Xin chào nhau giữa con đường,
Mùa xuân phía trước miên trường phía sau...

Bùi Giáng ơi, ông có cả một mùa xuân ở thiên tiên đang chờ đợi, còn chúng tôi ở lại cõi trần gian với giấc miên trường, với giấc mộng lớn, mộng con và mộng bình thường.

Nhưng Mộng Ban Đầu của tôi ơi, từ nay nó đã theo Bùi Giáng bay vút chín tầng mây mất rồi.●

(Lời người viết: Tất cả những giòng thơ trích dẫn trên từ một ký ức mù mờ từ lâu không sử dụng nên chắc chắn không đúng nguyên văn, xin lượng thứ).

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)
TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

CHĂN DÊ CHĂN BÒ TRONG ĐỜI SỐNG VÀ TRONG THƠ VĂN BÙI GIÁNG

THIỆN HỶ

SAO GỌI LÀ LOGOS SƠ NGUYÊN

Từ buổi đó núi về trong gỗ bó
Cột nhà nghe thở củi bếp bập bùng
Thăm núi đồi thì viếng cả mông lung
Và thăm viếng là không viếng thăm riêng cái gì cả

BUỒN THĂM VIẾNG NÚI

Buồn thăm núi thăm núi thăm viếng núi
(.....)
Núi là non mà núi có thể già
Già từ ba mươi lăm tuổi đến trăm năm
Già tự một trăm năm đến non từ núi trẻ
Núi tuổi trẻ từ ngày hoa sim hé
Anh lùa bò vào đồi trái chín sim
Mừng yên vui không kiếm cũng không tìm

BÙI GIÁNG
(Lễ Hội Tháng Ba, Một Hôm Sa Mạc xuất bản, 1972 trang 29)

Từ buổi đó núi về trong gỗ bó: Logos, Lời Sơ Nguyên, Ngôn Ngữ Sơ Khai đã được dựng lập tự ngàn xưa tại xứ thần tiên thơ mộng Hy Lạp. Logos sừng sững, vững chắc, vòi vọi như ngọn núi cao. Nhưng những người sống lâu ngày dưới chân núi, cạnh triền núi quá quen thân với núi lại không hề để ý đến núi, không nhìn thấy núi, họ nhìn núi mà không thấy núi, họ quên mất núi. Cũng như cá tung tăng bơi lội dưới nước cá chỉ nhìn thấy những gì khác với nước, cá không thấy nước, cá quên mất nước. Thi nhân tuy bấy lâu nay sống bên triền núi nhưng vẫn chưa bao giờ thực sự thấy núi, nay muốn gấp gáp tìm núi nên vội vã, lật đật, hấp tấp đến nỗi vấp vào chân giai nhân:

Tìm không thấy núi đâu nên lật đật
Và lao đao vấp ngã cẳng em trầy

(Buồn Thăm Viếng Núi, *Ngàn Thu Rớt Hột*, Lá Cồn xuất bản, 1963 trang 11)

Núi muốn mọi người nhớ đến mình, núi tự biến mình thành gỗ bó. Gỗ bó được mọi người khuân về nhà một cách dễ dàng.

Cột nhà nghe thở củi bếp bập bùng: Gỗ bó được chủ nhà tháo ra dùng làm củi. Củi bị đốt. Lửa của củi cháy bập bùng trong bếp. Lửa của gỗ cũng chính là lửa của núi. Logos đã trở về với mọi người, đang sưởi ấm mọi người. Logos đã ở trong lòng mọi người.

Thăm núi đồi thì viếng cả mông lung: Củi đã cháy hết rồi, chỉ còn lại tro than. Sứ mạng của Logos đã hoàn tất. Ta biết gỗ bó chính là núi. Ta muốn ngắm nhìn lại gỗ bó nhưng gỗ bó không còn, thôi thì ta trở lại ngắm núi. Núi cũng sưởi ấm ta như lửa của gỗ bó vậy. Ta đang thăm núi, ta đang viếng đồi như chính ta đang ôm chân lý vào lòng.

Và thăm viếng là không viếng thăm riêng cái gì cả: Thăm núi viếng đồi chính là viếng cái ruông lung, là trực nhập vào thể tính của Logos, nghĩa là không còn viếng không còn thăm riêng cái gì cả, đáo cùng cũng không thăm núi cũng không viếng non cũng như chưa từng viếng núi thăm non. Theo tinh thần của Kinh *Kim Cang*, thăm núi viếng đồi mà không phải thăm núi viếng đồi ấy mới đích

thực là thăm núi viếng đồi.

Núi là non mà núi có thể già
Già từ ba mươi lăm tuổi đến trăm năm
Già từ một trăm năm đến non từ núi trẻ
Núi tuổi trẻ từ ngày hoa sim hé

Người ta thường gọi núi non. Núi gồm núi già và núi trẻ. Thế nào là núi già? Già từ ba mươi lăm tuổi đến một trăm tuổi, già từ trăm tuổi đến trăm ngàn vạn tuổi, già từ trăm ngàn vạn tuổi đến vô lượng vô biên tuổi. Thế nào là non trẻ? Trẻ là từ khi Logos vừa mới chớm, chớm như hoa sim vừa mới hé.

Anh lùa bò vào đồi trái chín sim: Vào thời niên thiếu Bùi Giáng, một thời gian ngắn, chăn bò chăn dê thực sự. Phạm Xuân Đài, trong bài "Kẻ Cuồng Sĩ Trong Vườn Cây," viết: "Năm 1945 anh đang ở độ tuổi hai mươi (...) Anh về quê, và trong khung cảnh "lúc kháng chiến xa nhà biệt ly đời gấm hoa" anh bắt đầu cuộc đời chăn bò, chăn dê ở khắp các miền núi rừng, và có lẽ trong chính thời kỳ này anh bắt đầu đi vào thế giới thi ca.

Anh lùa bò vào đồi sim trái chín
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim
.....
Cây lá bốn bên song song từng lứa
Sánh đôi nhau như ưa lệ ngàn ngàn
Hạnh phúc với trời đất mang mang
Với bò giữa rừng hoang đang gặm cỏ.

(Hà Nội Trong Mắt Tôi, Thế Kỷ xuất bản, 1994, trang 81).

Cũng theo Phạm Xuân Đài, trong bài "Bùi Giáng Và Nỗi Lòng Tô Vũ" (Nguyệt san *Thế Kỷ 21*, Cali, số 115, tháng 11 năm 1998, trang 60) đã cho chúng ta biết Bùi Giáng đã thực sự chăn dê, trong thời gian ngắn, ở núi đồi Quảng Nam. Bài thơ khá dài "Nỗi Lòng Tô Vũ" của Bùi Giáng, chẳng những ghi lại cảm xúc và "Kỷ niệm một đoạn đời chăn dê" mà còn, theo Phạm Xuân Đài, "...là sự tự lưu đày trên quê hương, với ý thức rất rõ rằng tư tưởng của mình, đời sống trí tuệ của mình đang bắt đầu bị vây khổn." (*Thế Kỷ 21,* nguyệt san đã dẫn, trang 61).

Ấy là sự kiện chăn bò, chăn dê thực sự của chàng tuổi trẻ thi sĩ Bùi Giáng.

Rồi thời gian trôi qua, không rõ bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm Bùi Giáng chăn cái "tâm" của mình. Cái tâm của mình tự do phiêu bồng ngao du trong quá khứ, trong tương lai khắp đó đây. Cái tâm của mỗi người nhảy lóc chóc như con vượn, phóng đi vùn vụt như con ngựa (tâm viên ý mã), như trâu hoang, bò hoang, dê hoang tự do đi lang thang khắp thời khắp chốn:

Nhảy múa tung sườn núi, vút giòng khe
(Nỗi Lòng Tô Vũ)

Cái tâm hoang phế ấy không người chăn dắt nhảy như điên như cuồng:

Nhảy ngang vọt ngửa dọc quỳ xuôi nghiêng
Tam bành tứ trướng cuồng điên
(Đi Vào Núi Chăn Dê)

Bùi Giáng đã từng cột cái tâm của mình lại. Khi cái tâm bị cột, nó giãy giụa như khỉ, như trâu rừng, như bò rừng bị nhốt trong chuồng chật hẹp, nó quẫy đành đạch như cá bị lôi lên bờ. Muốn cho bò rừng, trâu rừng... không còn giãy giụa nữa, muốn cho cái tâm được lắng, được yên, mình phải cố công "định" nó lại, cột chặt nó lại, nghĩa là chỉ thuần túy sống với giây phút hiện tại. Nó càng giãy giụa mình càng cột chặt nó lại thêm nữa khác nào như gã chăn bò chăn dê phải dùng roi quất vào bò dê, bò dê mới chịu thuần phục:

Vung roi vun vút đánh dê đi
Một trăm (đuôi) dê ở phía trước
Nghe tiếng roi vung như trống trận
Trước mặt có một trăm dê
Nghe tiếng roi của tôi rầm rộ như trống trận
Rập rình như quân nhạc nhà ma
(...)
Roi tôi chẳng vung lên bừa bãi
Xem con nào lạc hậu mới đánh cho nó tiến lên
(.....)
Còn con dê bò nào chậm chạp
Thì tôi cầm roi đánh vun vút cho nó đi nhanh

(Đi Vào Núi Chăn Dê, *Lời Cố Quận,* An Tiêm xuất bản, 1972 trang 536 và 537).

Chúng ta thấy rõ Bùi Giáng không hiền, Bùi Giáng dữ lắm, Bùi Giáng thẳng tay vung roi vun vút vào bầy dê bầy bò để cho dê bò không còn giãy giụa, không còn rong chơi tám phương tứ hướng hoặc không còn chậm chạp, ù lì... Nhưng cột cái tâm lại không phải là cứ siết cái tâm càng ngày càng chặt, mà phải biết uyển chuyển nghĩa là có lúc phải thả cái tâm ra, nới lỏng sợi dây ra, thôi không còn dùng roi vọt đánh vun vút vào trâu dê nữa, cho cái tâm đi rong chơi trong chốc lát rồi lại thư thả đưa nó trở về với giây phút thiêng liêng hiện tại, ấy là biết "buông" và "bắt" cái tâm. Bùi Giáng viết: "Cũng tỷ như việc chăn dê chăn bò: có khi phải nhốt chúng vào chuồng, có khi phải thả nó ra đồng thong dong gặm cỏ. Và chính con dê con bò ở ngoài đồng cũng có phong

thái 'bất và buông.' Có lúc nó cắm cúi gặm cỏ miệt mài, có phen nó tung mình nhảy cỡn, có lần nó đứng im lìm, nhìn xa vắng cuối chân trời một cách rất mực đăm chiêu." *(Sương Bình Nguyên,* Võ Tánh Sài Gòn xuất bản năm 1969 trang 119 và 120).

Trọn bài thơ "Đi Vào Núi Chăn Dê," chăn bò chăn dê không còn là một sự kiện, không còn là một kỷ niệm êm đềm thơ mộng thời niên thiếu của thi nhân mà chăn dê chăn bò là biểu trưng cho việc điều phục tâm.



Gã chăn dê chăn bò và triết gia có một điểm giống nhau. Thật vậy sao? Sao lại có thể như thế được? Gã chăn dê bò có nhiều điểm khác với triết gia nhưng có một điểm duy nhất giống với triết gia. Thực vậy, theo Heidegger, triết gia là kẻ "chăn dắt Hữu Thể" (le berger de l'Être), triết gia cũng là một mục tử. Theo Heidegger, nhà tư tưởng là người trầm tư và thể nhận thể tính của tính thể, về tính thể trong toàn thể (l'étant en totalité, das Seiende im Ganzen), khai mở để nhân loại nhận chân Thể *Tính* của *Thể* Tính (l'être de l'être, des Wesens des Seins). (Độc giả vui lòng đọc *Im Lặng Hổ Thẳm* của Phạm Công Thiện từ trang 240 đến trang 245). Đến đây nhiệm vụ của nhà tư tưởng đã hoàn tất, sự chăn dắt hữu thể đã xong xuôi, thong dong thư thả có thể ngồi trên lưng bò khác nào như được ngồi trên thuyền to lướt êm trên dòng sông bát ngát:

Xuyên bình ngưu bối ổn
Như giá bách hộc chu
Sông phẳng lưng bò bằng
Thuyền bự chứa trăm hộc
Bò bự như thiên niên
(Đi Vào Núi Chăn Dê)

(Lão Tử đã cỡi trên lưng trâu bự đi về phương Tây, không phải để chấm dứt mà để khởi đầu cho nền triết lý vi diệu Đông phương).

Triết gia là người đưa Hữu Thể vào tận căn nhà an toàn, ấm áp của mục tử. Trong bài thơ "Ngôi Nhà Của Mục Tử" (La Maison du Berger) Paul Valéry viết:

Kẻ mục tử cẩn nhà ngươi vào mái hiên
(Que le berger t'enchâsse au toit de sa maison)

Kẻ mục tử cẩn cái gì vào mái hiên? Chữ "te" trong câu thơ trên đây thay thế cái gì? Chúng ta thử đọc lại câu thơ thứ nhứt:

Diamant sans rival, que les feux illuminent

Chữ "te" chính là "diamant sans rival," cho nên câu thơ trên đây được dịch như sau:

Kẻ mục tử cẩn viên ngọc quí vô song vào mái hiên
Triết gia là kẻ cẩn viên ngọc lóng lánh đầy màu đủ sắc trước mái hiên nhà của mình để mọi người cùng nhận chân, cùng chiêm ngưỡng. Lúc bấy giờ triết gia *"nhìn thấy từ xa mọi người đều bước tới"* (il faul, pour voir de loin les peuples qui cheminent. Paul Valéry).

Karl Jaspers cũng đưa ra một định nghĩa về triết gia: "Triết gia là những con người sống biệt lập, dám can đảm, chỉ tự tin vào có chính mình."

(Triết Học Nhập Môn, bản dịch của Lê Tôn Nghiêm, trang 197). Có lòng tự tin mãnh liệt như thế triết gia mới chăn dắt Hằng Thể (des Seins) đến kỳ cùng. Chăn dắt Hằng Thể khác nào kẻ mục đồng chăn dắt bò dê.

Anh lùa bò vào đồi trái chín sim

Bò không còn giẫy giụa, không còn nhảy cỡn, không còn "nhảy ngang vọt ngửa," không

còn "dọc quỳ xuôi nghiêng," chúng đã thuần thục cho nên anh không còn chăn bò, không còn đất bò nữa mà anh bắt đầu lùa bò. Không phải anh lùa bò vào đồng cỏ để chúng nó ăn cỏ nhưng anh lại lùa bò vào miền đồi tím hoa sim, vào miền thơ mộng thần tiên. Lúc bấy giờ anh với bò là một, anh với dê là một, anh với bò dê là một, cho nên anh lùa bò dê thì bò dê cũng lùa anh:

Bò lùa anh ra ruộng thênh thang
Dê lùa anh vào đồi sim trái chín
(Đi Vào Núi Chăn Dê)

Anh cứ mải mê phiêu bồng khắp chốn cho nên anh lạc đường lạc nẻo, dê phải cất tiếng gọi anh để anh phải trở về (lúc trước anh phải cất tiếng gọi dê), trở về với miền thơ mộng thần tiên:

Anh lạc đường nghe dê gọi kêu vang
(Đi Vào Núi Chăn Dê)

Cuối cùng, Bùi Giáng chăn dê dắt bò tại Ngã Ba, thường xuyên là Ngã Ba Đường Rừng (Holzwege):

Trăm năm trong cõi người ta,
Chăn dê bò tại Ngã Ba Đường Rừng.

Sao lại chăn dê chăn bò tại Ngã Ba Đường Rừng? Triết học Tây phương đã đi vào ngõ cụt, đang đứng trước một ngã ba mà không thấy ra, không nhận được trong ngã ba ấy có một ngã đã từng được thênh thang rộng mở.

Bùi Giáng gởi đến chúng ta hai câu thơ sau đây về sự kiện trước khi chăn dê bò và sau khi chăn dắt bò dê:

Sơ khai du mục tầm phương thảo
Chung cục phiêu bồng thám vân mông

Sơ khai thì du mục mà chung cục thì phiêu bồng.

Trong bức tranh thứ nhứt của "Mười Bức Tranh Chăn Trâu" gã mục tử phải đi tìm trâu kiếm trâu. Sau đó nhờ dấu chân trâu mà gã tìm được trâu rồi bắt đầu chăn trâu, dắt trâu vân vân... Trong bức tranh thứ chín không còn gã mục đồng, cũng không còn trâu, chỉ trơ lại cây cổ thụ, núi đồi, dòng suối nhỏ, hoa, bướm đìu hiu, quạnh quẽ... Người đâu và vật đâu? Người đâu và trâu đâu? Tâm, cảnh đều tiêu vong. Chỉ còn lại "bản lai thanh tịnh, không vướng một mảy trần" của bậc giác ngộ. (Độc giả vui lòng xem trọn cuốn *Tranh Chăn Trâu* của Hòa Thượng Thích Kế Châu, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản, 1993). Trâu đâu? Sao không đi tìm, đi kiếm trâu lần nữa? Lần nầy khác với lần đầu tiên tâm còn chẳng có thì có trâu đâu để mà kiếm để mà tìm:

Mừng yên vui không kiếm cũng không tìm

Còn lại một niềm vui, niềm vui vì đã trực nhập vào thể tính của Logos, của Lẽ Đạo.

Chữ "mừng" và chữ "vui" trong câu thơ trên đây khiến trọn hai bài thơ "Sao gọi là Logos sơ nguyên" và "Buồn thăm viếng núi" của Bùi Giáng là một khúc hoan ca. Bùi Giáng nói: *"Buồn thăm viếng núi như thế thì rất mực rồi còn gì." (Lễ Hội Tháng Ba,* sđd, trang 30).

"Rất mực rồi còn gì" có nghĩa là vừa "mừng" vừa "vui" vừa "yên," vừa "yên vui," nhưng như thế tại sao Bùi Giáng lại buồn?

Buồn thăm núi thăm núi thăm viếng núi

Nay cất chén quỳnh xin trân trọng hỏi tất cả bạn đọc xa gần: "Tại sao Bùi Giáng buồn thay vì vui sau khi thăm núi viếng non?"

Carrollton, Texas 24/11/1998

Cước chú: Hai bài thơ "Sao gọi là Logos sơ nguyên" và "Buồn thăm viếng núi" được trích trong Lễ Hội Tháng Ba của Bùi Giáng trang 29. Bài thơ này vỏn vẹn chỉ có bốn câu được Bùi Giáng trích lại trong bài thơ "Buồn Thăm Viếng Núi," một bài thơ dài trong tập thơ Ngàn Thu Rớt Hột từ trang 10 đến 11. Bài thơ "Buồn Thăm Viếng Núi" chỉ vỏn vẹn có bảy câu cũng được Bùi Giáng trích từ bài thơ dài nói trên.

Bốn câu thơ ấy trong bài thơ "Buồn Thăm Viếng Núi" nếu không được Bùi Giáng đặt cho cái tên "Sao Gọi Là Logos Sơ Nguyên" thì đối với tôi, khó hiểu được yếu lý của bốn câu thơ ấy.●



TỪ THỨC VỀ TRẦN VÀO DỊP CUỐI NĂM

TƯỞNG NĂNG TIẾN



... Từ Thức cáo biệt, ngồi lên trên xe, đi vừa chớp mắt đã đến nhà. Về đến nơi thì phong cảnh đã khác xưa, nhân dân thành quách không còn gì là giống khi trước, chỉ còn hai bên khe núi thì vẫn còn nguyên.

Từ Thức đem họ tên mình hỏi thăm các cụ giá trong làng thì có một người nói rằng:

"Tôi từ lúc nhỏ, có nghe cụ tổ ba đời nhà tôi cũng có tên như thế, sa vào hang núi đã hơn 80 năm rồi.

Từ Thức buồn rầu lắm...

Nam Hải Dị Nhân - Phan Kế Bính

Người sa vào hang núi hơn tám chục năm trời rồi đột ngột trở về, và phải đối diện với một thế giới hoang vu, trần trụi, trống vắng, xa lạ; thế mà, Phan Kế Bính chỉ buông gọn ba chữ "buồn rầu lắm" rồi... chấm hết!

Cứ theo như lời Vũ Ngọc Phan trong *Nhà Văn Hiện Đại* thì "Nam hải Dị Nhân văn cứng cỏi lời ít ý nhiều là một tập về tiểu sử về sự nghiệp các bậc anh hùng hào kiệt nước ta." Tôi tuyệt nhiên không dám có ý khác với cao kiến của Vũ tiền bối; tuy nhiên, riêng phần kết luận chuyện Từ Thức - như ở đoạn văn vừa dẫn - sợ rằng Phan tiên sinh đã dùng lời hơi quá ... ít. Hoàn cảnh vô cùng đáng thương của họ Từ, rõ ràng và hoàn toàn, không được lưu tâm.

Từ Thức không phải là nhân vật duy nhất ở vào tình cảnh đó. Nói theo Nietzsche, chúng ta vẫn thường bị chê, rất ít khi được khen, và dường như không bao giờ được hiểu. Đây e là

nỗi bất hạnh chung của con người chứ không chỉ riêng ai.

Xin đan cử một thí dụ khác. Cách đây gần mười năm, vào cuối năm 98, bức tường Bá Linh bị đổ cùng với chủ nghĩa cộng sản ở Đông Âu. Giữa rừng người reo hò kích động tiếp tục cố sức đập phá bức tường ô nhục, có một gã đàn ông trung niên đơn độc lầm lũi mang một bị sách từ phía Đông lần về phía Tây nước Đức. Y lặng lẽ vào American Memorial Librairy trả sách - những cuốn sách mà đương sự mượn của thư viện này khi còn là một thanh niên, hai mươi tám năm về trước - chỉ trước khi bức tường oan nghiệt đột ngột dựng lên có vài ngày.

Lưu trữ sách vở tài liệu "phản động" gần ba thập niên trong chế độ cộng sản là một việc làm đòi hỏi nhiều can đảm. Nhờ tấm lòng trân trọng với sách vở hiếm có đó nên đương sự chắc không bị nhân viên thư viện làm khó dễ gì, và những cuốn sách đặc biệt này - sau cơn phong trần dâu bể - có lẽ vẫn cứ được xếp nguyên vào chỗ cũ. Câu chuyện trên được ghi lại vắn tắt không đến mười giòng chữ trong mục *Notes From All Over* của tạp chí Reader's Digest số tháng 5 năm 90, nếu tôi nhớ không lầm. Và tôi nhớ chắc chắn rằng không có một giòng chữ nào tỏ sự quan tâm về số phận của người đàn ông trong câu chuyện, kẻ trở lại cố hương sau nửa kiếp người xa cách.

Tôi không tin là đương sự có thể sắp xếp cuộc đời mình gọn gàng vào chỗ cũ như người ta... xếp lại sách trong thư viện. Tôi cũng không tin là cố hương hớn hở đón chào đón một người không có gì (ngoài tấm lòng yêu sách) trở về chốn cũ, nhất là khi y trở lại lúc tóc đã điểm sương. Nếu ở vào hoàn cảnh tương tự, tôi e là mình đã nhẩy cầu Bình Lợi!

Y *làm gì cho hết nửa đời sau,* hả Trời? Gần mười năm qua, tôi cứ băn khoăn hoài về câu hỏi đó. Mãi cho đến lúc gần đây; gần đây, tôi lại gặp một Từ Thức khác. "Một Binh Sĩ V.N.C.H. Lẩn Tránh Trong Rừng Quảng Ngãi Suốt Mười Chín Năm" - nếu viết nguyên văn theo tựa của một bài báo đăng trên trang nhất của Việt Nam Nhật Báo, số 3136, phát hành tại San Jose, Califronia ngày 31 tháng 10 năm 98.

"Nhà cầm quyền tỉnh Quảng Ngãi cho biết các viên chức kiểm lâm đã phát hiện được một người rừng. Đó là một người lính Việt Nam Cộng Hòa thuộc sắc tộc thiểu số. Vào năm 1979, ông trốn khỏi trại tù cải tạo và trong 19 năm qua ông sống lẩn trốn trong rừng, tự nuôi sống bằng thú hoang và rau rừng."

"Theo chính quyền địa phương, người này dường như tên là Đinh Văn Én (hay Phạm Văn Ên) thuộc sắc tộc Hré, năm nay 60 tuổi, sinh quán tại huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi) tuy đã quên tiếng Việt và phát biểu bằng tiếng Hré một cách khó khăn nhưng tinh thần vẫn còn sáng suốt. Hiện người rừng này đang nằm trong một bệnh xá địa phương để được kiểm tra sức khỏe. Khi người ta phát hiện ông giữa rừng thì ông không còn quần áo mà chỉ còn một chiếc khố rách tả tơi."

Ở một nơi mà

Đầu đường đại tá vá xe

Cuối đường thiếu tá bán chè đậu đen

thì e khó có chỗ cho binh sĩ Đinh Văn Én đứng bán vé số, một cách muộn màng, ở khúc giữa đường. Bài báo vừa dẫn - sau đó - được đăng lại ở nhiều tờ báo Việt Ngữ khác nữa, và không ai viết thêm một giòng chữ nào bầy tỏ sự quan ngại cho tương lai "rất không tươi sáng" của nhân vật chính trong câu chuyện. Tương tự như số phận của những Từ Thức trước, hoàn cảnh "hết thuốc chữa" của ông Từ Thức mới mẻ này - rõ ràng và hoàn toàn - vẫn không được lưu tâm.

Mới đây tờ *Ngày Nay* phát hành ở Houston, Texas - số 402, ra ngày 01 tháng 12 năm 98 - đi tin "Ba Cơn Bão Lớn Tàn Phá Miền Trung." Nguyên văn, theo lời tường thuật của ký giả Lê Trương như sau: *"Miền Bắc Trung Phần Việt Nam đã liên tiếp bị ba cơn bão tàn phá trong khoảng gần hai tuần cuối tháng 11 qua. Thống kê thiệt hại cho thấy hơn 200 người đã bị thiệt mạng, hơn hai triệu người không nơi cư trú, hơn 500 ngàn căn nhà bị hư hại ngập lụt, 136 cầu, 117 trường học bị phá hủy, 1109 trường, 1061 cầu bị hư hại... Cơn bão Dawn chưa dứt thì vài ngày sau tới cơn bão Elvis tiến thẳng vào Bình Định, mang theo mưa lớn trút xuống từ tỉnh Quảng Trị cho đến Khánh Hòa. Trọng tâm của bão là hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi."*

Quảng Ngãi, nơi mà ông bạn Từ Thức người rừng của tôi vừa bị "phát hiện" cách đó không lâu, đang là trung tâm của bão Elvis - trận bão được mô tả như là dữ dội nhất kể từ năm 1964, khi tôi còn là một đứa bé lên mười. Vào thời điểm này, tội còn nhớ rõ, chúng tôi đều nghỉ học, túa đi khắp nẻo đường đi quyên góp tiền "ủng hộ nạn nhân bão lụt miền Trung." Đây là một phong trào rầm rộ, tự phát từ quần chúng. *"Năm đó, giữa khi chiến tranh*

lan rộng, nhiều đoàn thanh niên, sinh viên và học sinh đã từ những thành phố lớn ở miền Nam mang tiền bạc và phẩm vật cứu trợ đến các làng xóm miền Trung, đưa tận tay đồng bào - theo như ghi nhận của ông Vương Hữu Bột, người có tham dự trực tiếp vào việc cứu trợ ba mươi bốn năm trước, qua thư tòa soạn của tạp chí Thế Kỷ 21, số 116, phát hành tại Garden Grove, California tháng 12 năm 98.

Thử nhất thời giã, bỉ nhất thời giã. Chuyện cứu lụt ngày nay không như thế nữa. Bây giờ đây là chuyện riêng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, và đảng này ủy nhiệm cho "Cố Vấn Võ Văn Kiệt Thăm Đồng Bào Miền Trung Bão Lụt" - nếu ghi đúng theo tựa của báo Nhân Dân, số 86, phát hành ngày 8 tháng 12 năm 98 tại Việt Nam.

Xin đọc nguyên văn: *"Tiếp tục chương trình thăm và làm việc với các tỉnh bị bão lụt ở miền Trung, từ ngày 3 đến 5-12, Cố vấn Võ Văn Kiệt đã thăm một số vùng bị bão 3, 4, 5 và lũ gây thiệt hại nặng ở các tỉnh Quảng ngãi, Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng."*

"Cố vấn Võ Văn Kiệt nghe lãnh đạo các địa phương báo cáo tình hình khắc phục hậu quả; thăm và tặng quà những gia đình bị sập, trôi nhà gồm các ông Phan Quang Hải, Phan Minh Châu (xã Điền Thọ) bà Nghuyễn Thị Phong (Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng) bà Nguyễn Thị Ngân (mẹ liệt sĩ) ở xã Điện Hồng, bà Nguyễn Thị Tơ, ông Nguyễn Văn Chiến ở xã Đại Hòa thuộc tỉnh Quảng Nam; ông Nguyễn Hòa Quí thuộc thành phố Đà Nẵng. Trao đổi ý kiến với chính quyền và nhân dân các xã trên, Cố vấn xúc động trước những suy nghĩ, việc làm ở địa phương thể hiện sự bình tĩnh, vững vàng trước những khó khăn, mất mát cùng với sự năng động trong việc đối phó với thiên tai trải qua mấy trận bão lũ liên tiếp vừa qua. Tại các buổi làm việc với lãnh đạo các tỉnh, cố vấn đặc biệt quan tâm các giải pháp về sản xuất, ổn định đời sống, nhất là ở các vùng bão lụt thường lập đi lập lại, thể hiện quyết tâm cao trong việc bảo đảm vụ sản xuất đông xuân tháng lợi cả về diện tích, năng xuất và sản lượng đề bù lại những tổn thất vừa qua."

"Về làm việc tại Quảng Ngãi, Cố vấn đã đến thăm khu công nghiệp Dung Quất, trong đó có nhà máy lọc dầu số 1 được chính thức khởi công tháng 1-1998. Cố vấn đã thăm một số hạng mục công trình như đường nối quốc lộ với nhà máy lọc dầu, cầu cảng xuất dầu thành phẩm, khu tái định cư của các hộ trong khu xây dựng của nhà máy lọc dầu."

Bài báo luộm thuộm cẩu thả vừa dẫn của tờ Nhân Dân tuy viết hơi nhiều chữ nhưng rất ít nghĩa. Nó chuyên chở một thứ nội dung bưng bít và khốn nạn. Sự kiện hơn 200 người chết,

HỒ MINH DŨNG

NHỚ BẠN HÀNH QUÂN

Bạn còn nhớ vầng trăng lên
Bên nầy đồi Ái Tử
Dưới kia bãi lầy nhái bén kêu
Đời thủy sinh sống được mấy ngày
Vận nước nổi trôi ngàn năm mấy buổi?

Đứng với nhau một vài lần
Dưới thân mít quả đơm sát gốc
Lắng tai nghe ngọn sóng mất mùa
Rát cổ quạ kêu mịt mù mặt đất
Tử sinh không biết đâu lần mò
Sờ soạng tìm nhau ngày sắp tắt
Nhớ ơi, bước chân Trảo Trảo về
Cứu được ngai vàng - lưỡi gươm dính máu
Nợ đòi, mấy chủ, qua truông cát
Bới nắm xương khô vái bốn bề.

Từ độ mình xa nhau
Được mấy năm thì nước mất
Bạn phiêu dạt phương nào
Còn sống, còn nghe lời Trảo Trảo
Đêm khuya nhái bén kêu vang trời.

Atlanta 12.98

hai triệu người không nơi cư trú, và 500 căn nhà bị hư hại ngập lụt... không hề khiến cho Võ Văn Kiệt bận lòng. Thiên hạ đang chết vì đói lạnh nhưng ông cố vấn phớt lờ, ông chỉ "xúc động trước những suy nghĩ việc làm tại địa phương, thể hiện sự bình tĩnh vững vàng trước những khó khăn, mất mát cùng với sự năng động đối với thiên tai trải qua mấy trận lũ liên tiếp vừa qua."

Võ Văn Kiệt đi qua ba tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam và Đà Nẵng nhưng chỉ ghé thăm bẩy gia đình nạn nhân bị thiên tai. Ông tuyệt nhiên không bận tâm đến hơn một ngàn ngôi trường và hơn một ngàn cây cầu bị phá hủy. Ông dùng thì giờ đi thăm công trường nhà máy và tập họp nhân dân địa phương đến... hô khẩu hiệu: "thể hiện quyết tâm cao trong việc vụ bảo đảm vụ sản xuất đông xuân thắng lợi cả về diện tích năng xuất và sản lượng để bù lại những sản xuất vừa qua."

Nói tóm lại thì Đảng và nhà nước, hoàn toàn và tuyệt đối, không dính dáng gì đến những thiệt hại về tài sản cũng như nhân mạng do thiên tai gây ra. Mấy chuyện loại này do "nhân dân quản lý." Mọi người cố gắng khắc phục và chịu khó đợi đến "thắng lợi của vụ đông xuân" để đền bù lại những mất mát đã rồi. (Lỡ mà vụ đông xuân tới lại thất bại nữa thì chờ vụ hè thu, chớ sao? Và vụ hè thu cũng thất bại luôn thì kể như là ... thấy mẹ!)

Ông Đinh Văn Én không phải là cha mẹ liệt sĩ, và cũng không có công lao gì - dù mơ hồ - với "cách mạng;" đã thế, bản thân ông còn là một ngụy quân, can tội "làm tay sai cho Mỹ Ngụy đánh phá cách mạng." Ông Võ Văn Kiệt sẽ không có lý do gì để đến thăm ông Đinh Văn Én. Và cũng không ai kỳ vọng điều này. Tôi còn sợ rằng ông bạn Từ Thức tân thời này không đủ tiêu chuẩn để nhận được sự ủy lạo hay an ủi từ bất cứ ai, kể cả những lời an ủi xuông - theo kiểu nói huê vốn, và nói lấy rồi - của ông cố vấn.

Sự kiện ông Đinh Văn Én được "nằm trong một bệnh xá địa phương để kiểm tra sức khỏe" đã là chuyện khó tin và khiến tôi vô cùng xúc động. Một người "chỉ còn một cái khố rách tả tơi" như ông ta mà sau khi kiểm tra sức khỏe lại được giữ lại để điều trị ở bệnh viện nữa là chuyện không có trong mơ của bất cứ ai, kể cả các em nhi đồng. Cá nhân tôi, dù xa đất nước đã lâu và cũng hay mơ mộng hão, cũng không có những ước mơ xa xỉ đó. Chỉ cầu xin nhân viên nhà thương đừng gọi công an chuyển ngụy quân Đinh Văn Én qua nhà tù (về tội trốn trại cải tạo mười chín năm về trước) là quí hóa lắm rồi.

Câu hỏi "y làm gì cho hết nửa đời sau" vẫn ám ảnh tôi trong gần mười năm qua về ông Từ Thức trước bỗng hóa ra thừa. Dù không phải là thầy bói, tôi vẫn biết được hậu vận của ông Đinh Văn Én. Ông ta - nếu không phải vào tù - chắc chắn sẽ vẫn đóng cái khố rách tả tơi, đứng ăn xin ở chợ Quảng Ngãi (nếu cái chợ này chưa chìm trong biển nước) và khó mà tồn tại quá mười chín ngày. Sống ở rừng sâu với thú dữ dễ hơn sống "trong lòng cách mạng" rất nhiều.

Giữa tôi và ông Đinh Văn Én ngoài tình đồng bào, còn có tình chiến hữu; do đó, tôi không tránh được chuyện dài lời - và cũng có đôi lời cay đắng - khi đề cập đến số phận không may bị "phát hiện" của ông. Tuy nhiên, nghĩ cho cùng, đây cũng chỉ là... chuyện nhỏ. Chuyện riêng của một Từ Thức thời này.

Nay mai - nhờ một phép lạ nào đó - bỗng dưng đảng Cộng Sản Việt Nam hóa từ tâm, giải phóng hết cả dân tộc Việt khỏi thiên đường xã hội chủ nghĩa thì cả trăm triệu Từ Thức đồng loạt về trần. Sau năm mươi năm bị giam hãm trong nghèo đói, đốt nát, và thù hận..., chả hiểu khi về trần, tập thể Từ Thức sẽ loay hoay làm gì "cho hết nửa đời sau?"

Vẫn cứ theo như Phan Kế Bính thì "về sau Từ Thức mặc áo khinh cừu, đội cái nón nhỏ, vào núi Hoàng Sơn ở huyện Nông Cống (Thanh Hóa), không biết lên tiên hay là đi đâu mất." Ôi ước ao sao mà cả dân tộc tộc Việt đều còn có áo khinh cừu mà mặc, mũ nón mà đội và - đến khi cùng quẫn quá - cũng có thể "biến mất" một cách dễ dàng, giản dị như Từ Thức ngày xưa.

Dân số thế giới mỗi lúc một tăng, khả năng cưu mang của quả đất mỗi ngày một thêm mỏng mảnh. Rồi ra - e sẽ không còn áo khinh cừu hay mũ nón gì nữa đâu - mỗi người dân Việt "chỉ còn một cái khố rách tả tơi," và sẽ đứng lóng ngóng ăn mày ở ngưỡng cửa Thế Kỷ 21, thế thôi. Tôi viết những giòng chữ này vào lúc 10 giờ 5 phút tối ngày 14 tháng 12 năm 98. Còn 382 ngày, 1 giờ, và 45 phút nữa, chúng ta sẽ bước vào một thiên niên mới.

Time is running out. Chỉ còn bấy nhiêu ngày giờ nữa thôi mà vẫn chưa thấy có dấu hiệu gì là Đảng Cộng Sản Việt Nam "sắp" hay "sẽ" chịu "cởi trói" để cho bẩy mươi lăm triệu Từ Thức Việt có cơ hội rời khỏi... thiên đường.●

TUỆ TRÍ

NINH HẠ NGUYỄN ĐỨC TÂM

1.

Trên bàn thờ Phật hương tàn đã lâu. Hai cây nến đỏ cháy cũng gần hết. Ánh sáng lung linh mờ ảo chiếu gương mặt Phật ẩn hiện nét cười hiền, siêu thoát. Điện Phật tĩnh lặng, lẩn quất thanh thoát mùi trầm hương, mùi hoa huệ.

Trời đã khuya.

Sư Tuệ Trí tọa thiền bất động chừng đã lâu lắm. Hai hàng nước mắt lăn dài trên má. Những giọt nước mắt tưởng đã khô cằn từ lâu lắm. Trước ngày xuất gia, những nhục nhằn cay đắng buồn đau khổ lụy của đời chưa hề làm cho sư ứa lệ.

Lần sau cùng sư khóc là ngày được tin mẹ mất. Và nay chỉ những khi nhớ đến mẹ với tất cả dạt dào thương cảm lẫn với niềm ray rứt ân hận vì không được cận kề ngày mẹ bệnh, mẹ mất để săn sóc báo hiếu; chỉ những khi nhớ đến những ngày mẹ con gần gũi bên nhau; hay chỉ những lúc quỳ gối trước bàn thờ quán niệm danh hiệu Phật để cầu cho mẹ... Chỉ những lúc đó Tuệ Trí mới rơm rớm khóc.

Thế mà những ngày gần một người phụ nữ khác đã làm Tuệ Trí ứa nước mắt dễ dàng mỗi khi hình dung đến. Những giọt nước mắt cưu mang nỗi đau đang cuồn cuộn trong lòng Tuệ Trí. Lồng ngực nặng nề như muốn vỡ tung. Tâm thần động loạn rã rời. Bao nhiêu công phu thiền tập giờ đã vô dụng. Những câu thiền chú và quán niệm trở thành nhạt nhẽo vô nghĩa, không còn giúp Tuệ Trí theo dõi được hơi thở để tâm mình vắng lặng, trong sáng như trước đây .

Cầm tà áo tràng nâu sồng lên lau khô nước mắt. Tuệ Trí sửa lại thế ngồi, thẳng lưng tập trung nhẩm tụng thiền chú. Thời gian lặng qua. Dù nhất tâm quán chỉ, Tuệ Trí vẫn bị vọng tưởng lôi kéo suy nghĩ miên man và khẽ gọi tên người thiếu phụ. Sư bỗng lại thấy mình ứa nước mắt, tràn trề đau khổ. Gục đầu thổn thức, nước mắt rơi ướt đẫm trang kinh. Tuệ Trí thờ thẩn đứng dậy, vội vàng đảnh Phật, nhìn dáo dát sợ có người bắt gặp.

Chánh điện vẫn tĩnh lặng. Cây nến trên bàn thờ tắt ngấm từ lâu. Tượng Phật đã lẩn vào bóng tối dấu đi nét bao dung trên khuôn mặt đấng Từ bi.

Cúi đầu đi thẳng vào hậu liêu, cởi vội chiếc áo tràng, Tuệ Trí lên giường nằm, lâm râm niệm Phật cố đi vào giấc ngủ. Nhưng nét mặt thiếu phụ nhất là ánh mắt nhìn, nụ cười và một cái gì đó mông lung bàng bạc cứ lãng vãng trong tâm trí, sư không thể nào chợp mắt.

Chuông chùa thong thả đổ báo thời công phu sáng. Tuệ Trí mệt mỏi gượng ngồi dậy lẩm nhẩm. "Lại một đêm ta mất ngủ!"

Tám năm trời thanh thản trôi qua kể từ ngày Tuệ Trí được sư cụ Tuệ Giác nhận làm đệ tử, vào chùa xuất gia tu học.

Trình độ tri thức, phong cách chững chạc, những kinh nghiệm thực tế đau thương phi lý của cuộc đời và nhất là ý nguyện tu học đã giúp Tuệ Trí tiến nhanh trên đường tầm đạo. Tuệ Trí đã tìm được sự tĩnh lặng an trú, quên đi những phiền trược của cuộc đời sóng gió trước đây. Một đôi khi nếu có nhớ lại thì cũng thoáng qua mà không để lại bất cứ muộn phiền oán trách nào. Sư đã hiểu được cái nghiệp mình phải trả cho những điều dây dưa từ thuở kiếp nào.

Tuệ Trí mãn nguyện đã tìm đi đúng đường, đúng lúc để được thỏa mãn những thao thức

bẩm sinh về tâm linh, tri thức. Giờ đây Tuệ Trí lại có đủ điều kiện lăn xả vào hạnh nguyện bố thí quên mình giúp người giúp đời.

Sự việc hôm nay đến với Tuệ Trí căn nguyên từ một hạnh ngộ tình cờ.

Cách đây mấy năm, một ngày cuối hạ Tuệ Trí xuống làng để cùng dân chúng thu dọn một khu nhà đổ sập sau cơn bão rớt trái mùa. Dân làng thân quen gần gũi với sư, không những bởi tấm lòng từ bi xả thân vì mọi người mà còn bởi tư chất thông minh hiểu rộng lại rất hồn nhiên vui đùa dí dỏm. Điều này ít có ở giới tăng ni thường đạo mạo, thích được cung kính hay được khúm núm vái chào. Tuệ Trí được người già tin cậy, người trẻ thân tình và trẻ con quấn quít.

Hôm đó, vừa lui cui dọn dẹp, Tuệ Trí lại vừa pha trò làm cho lũ thanh niên cười ngặt nghẽo, ai nấy hăng hái làm quên mệt. Đang lúc ngước đầu chùi vội mồ hôi giỏ giọt trên trán, Tuệ Trí chợt thấy một thiếu phụ trung niên phúc hậu đang vỗ về an ủi một gia đình buồn rầu vì cơ nghiệp bao đời bị thiên tai cuốn sạch.

Thoáng nhìn khuôn mặt nàng, Tuệ Trí bỗng thấy xao động sững sờ, tưởng như gặp một người thân yêu đã từ lâu xa vắng. Sư cũng thoáng thấy trong đôi mắt người lạ một thoáng xao xuyến kỳ lạ nào đó mà sư chỉ cảm nhận, không giải thích được. Tất cả chừng như thoáng nhanh trong một sát na.

Từ đó đến chiều Tuệ Trí ở trong một tình trạng mâu thuẫn khổ tâm. Một mặt muốn lẩn tránh điều mà sư linh cảm như một nghiệp chướng bất ngờ đưa đẩy đến, mặt khác lại bị thôi thúc bởi một động lực vô hình mạnh mẽ muốn nhìn lại khuôn mặt mới lần đầu gặp gỡ mà dường như đã thương yêu gần gũi lâu đời. Có lẽ thiếu phụ cũng ở trong tâm trạng như vậy nên những lúc vô tình gặp nhau trong sân làng cả hai lúng túng nhìn vội nhau rồi lại ngoảnh mặt đi cố tránh.

Chiều đến lúc chia tay mọi người, Tuệ Trí gặp nàng đầu hiên nhà. Nhìn nhau cả hai chẳng nói với nhau lời nào dù chỉ là lời từ biệt thường tình, nhưng ánh mắt như xuyên suốt tận cõi lòng âm u.

Đêm đó Tuệ Trí đã thêm vào khóa kinh nhật tụng lời sám hối về những vọng tưởng si mê.

Chống đỡ lẩn tránh, ngày hôm sau lấy cớ mệt Tuệ Trí nhờ một sư đệ xuống làng thay mình. Quá trưa sau giờ thọ trai của tăng chúng, Tuệ Trí bồn chồn thấp thỏm đứng ngồi không yên như có điều gì thôi thúc. Xế chiều, lòng nóng như lửa Tuệ Trí đành buông xuôi, viện cớ phải xem xét công việc bỏ dở hôm qua, lấy nón vội vàng xuống núi.

Thật ra chùa chỉ nằm trên ngọn đồi không cao lắm nhưng tách biệt với làng xóm. Ở đó sáng chiều tiếng chuông chùa quen thuộc êm ả lan tỏa tận cuối thôn. Tuệ Trí qua cửa tam quan ngôi cổ tự, lần theo mấy chục bậc cấp, rồi theo con đường sỏi đất đỏ đến làng.

Thấy sư mọi người chào hỏi tíu tít thân tình. Công việc dọn dẹp cũng đã tạm xong. Tuệ Trí cố nhìn quanh tìm khuôn mặt người thiếu phụ hiền hậu. Tìm hoài chẳng thấy. Buồn bã, thiếu vắng, sư chậm bước quay về chùa. Trên đường về, vừa đi vừa quán chỉ hành thiền cố xua đuổi phiền não chợt đến mà sao đã nặng nề.

Kể từ hôm đó, thỉnh thoảng trong giấc mơ Tuệ Trí bất chợt thấy rõ ràng khuôn mặt của người phụ nữ dù chưa hề quen mà đã làm sư vấn vương khó giải thích. Tình cảm thương yêu và nhớ nhung vừa gây men hạnh phúc cho con tim ứa tràn sức sống, lại vừa làm cho sư mang một nỗi buồn cháy ruột. Sư chú tâm vào công phu tu tập và dành thì giờ lăng xả vào công việc từ thiện. Công việc bận rộn đầu tắt mặt tối cũng giúp cho Tuệ Trí khuây khỏa và tưởng chừng như đã quên được bóng dáng thân yêu.

*

Mấy tháng nay chùa lập thêm một trạm xá cho dân chúng quanh làng.

Tuệ Trí được sư phụ Tuệ Giác giao phó trông coi. Sư bàng hoàng vui mừng và cũng thấy lo vu vơ khi biết được trong những người làm công quả có Nhân Ái, người thiếu phụ sư đã tìm cách quên đi lâu nay. Chỉ sau một thời gian ngắn Tuệ Trí nhận ra rằng tên và người tưởng như là một. Như thực và ảnh trước tấm gương soi. Nhân hậu và đơn giản. Nhân hậu với mọi người và đơn giản khiêm tốn trong cung cách sống, điều này chỉ có thể có với những người có một đời sống nội tâm phong phú và đã hiểu được giá trị giới hạn của những phù du bên ngoài.

Nhìn Nhân Ái săn sóc người bệnh, an ủi người già cả ốm yếu tật nguyền hay vỗ về vui đùa với trẻ nhỏ, Tuệ Trí xúc động thật sự và có một niềm thương phục, một nguồn cảm thông chỉ có giữa những người đồng điệu biết

quên mình vì đồng loại, những người nếu chưa vươn tới được cái tâm của Bồ Tát thì cũng đã vượt qua cái nhỏ nhen ích kỷ thường tình. Những người mà quanh họ dường như như tỏa trùm một không khí đầy tình thương và tạo được giữa mọi người sự tin cậy thân tình vui vẻ.

Cái duyên hạnh ngộ đã đưa Tuệ Trí đến cái nghiệp yêu thương.

Càng ngày Tuệ Trí càng thấy không thể cưỡng chống lại một tình cảm sâu đậm nhớ thương cuồn cuộn dấy lên trong lòng mình, một trạng thái tình cảm chưa hề kinh nghiệm dù đã trải qua đời sống chồng vợ trước khi vào chùa. Tuệ Trí bắt đầu cảm nhận những kỳ diệu của tình yêu và những xót xa của một nỗi buồn quay quắt lúc xa vắng. Sư cầu nguyện, trì tụng kinh chú và thiền định để tâm vắng lặng, trong sáng thoải mái, thảnh thơi... Tất cả dường như bất lực.

TRẦN LỘC

Ở CHỖ GIỮA MỘT VÀ HAI

ta quảy ngàn xuống biển
em dội sóng lên rừng
tới chỗ mây dầm nước
chào nhau. rồi quay lưng

em tìm đường lên đỉnh
chiều. bóng núi ngập ngừng
dấu chân ai nằm lại
sầu. bụi đỏ bay tung

đôi ta không là một
cũng chẳng thể là hai
như mưa rơi giọt một
chẳng giọt nào song thai

giữa ta, em, và núi
cột dấu chấm không cùng

2.

Sư cụ trụ trì Tuệ Giác gần đây nhận thấy có một sự bất an nào đó thể hiện qua thái độ bồn chồn và nét mặt đau khổ cố che đậy của người trưởng tử, người mà sư cụ rất thương yêu tin cậy và có ý định truyền y bát trước khi viên tịch để kế tục cai quản chùa, thay mình hướng dẫn tăng chúng tu học.

Chiều nay gặp Tuệ Trí trên hiên chùa, sư cụ nhỏ nhẹ. "Con theo ta." Nói xong, lặng lẽ chống cây thiền trúc chậm rãi đi trước về phía sân chùa nơi có những cây thông lâu niên và hàng dương liễu vi vu trong gió chiều. Tuệ Trí thấp thỏm cúi đầu nặng nề bước theo chân thầy.

Qua khỏi sân chùa, hai thầy trò đến khu bảo tháp nơi cất giữ nhục thân các vị trụ trì quá vãng. Khu tháp sạch sẽ và thoáng mát. Ngồi xuống trên tảng đá dưới gốc thông già, sư cụ chỉ tay cho đệ tử ngồi cạnh.

Tuệ Trí linh cảm có điều gì nghiêm trọng, nhưng nhìn nét mặt, thấy thầy mình bình thản tự tại nên cũng vơi nỗi lo.

"Tuệ Trí con. Ta thấy con có điều gì bất an nên âu sầu ủ rũ?"

Cúi mặt xuống đất để tránh ánh mắt sư phụ, biết không thể che dấu và thật lòng chẳng có điều gì muốn dấu sư phụ, Tuệ Trí ngập ngừng tự thú:

"Dạ... dạ thưa thầy có."

"Con nói cho ta nghe... may ra ta có cách gì giúp được con hay không?"

Ngẩng đầu rụt rè nhìn sư phụ, thấy người đang nhìn với ánh mắt đầy thương yêu, Tuệ Trí hết ngại ngùng kể lại cho sư phụ từ đầu mối tình vọng tưởng, nỗi đau chất chứa và tâm thần động loạn bất trị hiện nay.

Sư Tuệ Giác lắng nghe. Tiếng gió chiều và tiếng thông reo đã lấn tiếng thở dài nhẹ và buồn của vị tăng già luống tuổi. Tuệ Trí hồi hộp chờ đợi.

"Mô Phật. Ta hiểu và không trách mắng gì con."

"Cám ơn thầy. Con biết mình phạm tội và phụ lòng thầy nhưng con không thể nào kiểm soát con được nữa. Con... con thật cố hiểu mà không thể hiểu được!"

Tuệ Trí thổn thức.

Đặt tay bóp nhẹ vai người học trò như chuyền thêm nội lực và tình thương thông cảm. Sư Tuệ Giác trầm giọng:

"Ta hiểu được!"

Tuệ Trí ngạc nhiên nhìn thầy.

"Ta nghĩ, ngay lần đầu gặp gỡ con đã bị động tâm chẳng qua vì Nhân Ái có nét mặt rất giống con. Thầy cũng đã tự hỏi phải chăng hai đứa này là anh em hay sao mà có những nét giống nhau?"

Tuệ Trí thoáng giật mình, xúc động. Việc này tưởng chỉ mình biết, đâu ngờ sư phụ cũng đã theo dõi và cố tìm cho ra một lời giải thích.

Thấy đệ tử nhìn mình với đôi mắt mở lớn, Sư Tuệ Giác mỉm cười:

"Này con! Chúng sinh dù nam hay nữ, may mắn được sinh ra với dung nhan đẹp đẽ tuấn tú hay không may có bộ mặt chẳng dễ coi, có khi tật nguyền... nhưng chẳng ai ghét được mặt mình. Ngày ngày nhìn ảnh mình trong gương soi, tất cả nét hình của mình dội vào tiềm thức ghi dấu và tích lũy âm thầm ở đó. Cho nên giữa đám đông người xa lạ lại có cảm tình quyến luyến đặc biệt với một người nào đó, cho dù người này không đẹp không duyên dáng bằng những người khác, chẳng qua dưới tác động của tiềm thức ta có khuynh hướng tìm về những nét thân quen. Con chỉ thấy Nhân Ái một lần rồi đem lòng thương yêu tưởng nhớ quay quắt, bởi vì... bởi vì con đã gặp lại... chính mình!"

Tuệ Trí im nghe sư phụ giải thích, lắc đầu nhè nhẹ nghi ngờ:

"Thưa thầy điều này cũng có lý phần nào vì con thấy nhiều cặp vợ chồng quả có khuôn mặt hao hao giống nhau. Nhưng... nhưng..."

Thấy đệ tử còn có vẻ nghi ngờ, sư cụ nói thêm:

"Cũng có thể trong một kiếp nào đó con và Nhân Ái đã là anh em gần gũi thân thiết. Những kinh nghiệm và hành động trong quá khứ đã hằn sâu trên hành trình của tâm thức. Đến kiếp này khi điều kiện cho phép, như sự gặp gỡ tình cờ của chúng con, thì một động lực chuyển vào tâm trí thúc dục con có tình cảm yêu thương và ước mong gần gũi."

Tuệ Trí trầm ngâm rồi ngước nhìn thầy giọng man mác buồn:

"Thưa thầy nếu như con thương hình bóng con, đó là tình cảm giữa hai anh em và cùng lắm là hai anh em sinh đôi thì đâu đến nỗi si tình không chống đỡ được."

Sư cụ Tuệ Giác cười nhẹ khó hiểu, chống gậy run run đứng lên. Tuệ Trí bật dậy đỡ thầy.

"Cứ để mặc ta. Ta còn khỏe lắm, chỉ muốn đi một vòng cho dãn gân cốt."

"Hay con đưa thầy về chùa nghỉ?"

"Không. Không. Thầy vẫn muốn vẫn thích nói chuyện với con. Con cứ nói hết ra đi. Chỉ khi nào nhận ra được nguyên nhân của khổ lụy thì mới đoạn trừ được."

"Bạch sư phụ. Thầy cũng đã dạy cho con biết tâm thức vốn vô thủy vô chung. Không bắt đầu mà cũng không chấm dứt. Không được tạo ra hay hủy diệt mà chuyển hóa không ngừng. Thân xác con và Nhân Ái chỉ mang tâm thức được tái sinh của một ai đó trong tiền kiếp. Và nếu như vậy chúng con không thể là anh em hay bạn hữu vì kinh nghiệm của tâm thức về tình cảm anh em không thể giống như tình yêu trai gái. Mà thưa thầy ... trường hợp của con..."

Tuệ Trí ngập ngừng rồi ấp úng thú nhận:

"Trường hợp của con... là một khao khát yêu đương mong nhớ nóng cháy tâm can."

Sư cụ Tuệ Giác quay người nhìn thẳng mặt đệ tử cười lớn:

"Vậy thì kiếp trước hay một kiếp xa xôi nào đó các con đã là vợ chồng!"

Tuệ Trí vẫn đăm chiêu, nét mặt nhuốm khổ đau vì bị khơi lại một dĩ vãng tưởng chừng đã quên lãng.

"Có thể là vậy. Nhưng trong đời sống vợ chồng thế gian có bao nhiêu đôi lứa thương yêu nhau thật sự tận cuối đời để khao khát được gặp lại trong đời sau?"

Sư Tuệ Giác lại cười lớn thú nhận.

"Điều này thì thầy không kinh nghiệm vì ta đi tu từ thuở lên sáu."

Tuệ Trí xuống giọng như nói cho riêng mình.

"Nhiều gia đình trông vào đôi vợ chồng vẫn chung sống với nhau đầm thắm hạnh phúc nào con với cái. Nhưng thật ra hoặc vợ hoặc chồng và có khi cả hai đều mang một nỗi cô đơn trống vắng thiếu hẳn thương yêu thông cảm sẻ chia của người bạn đường. Vì luân lý đạo đức, vì những ràng buộc hệ lụy kết chằn họ đã nhẫn nhục kéo dài cuộc sống không hạnh phúc vì trách nhiệm, vì quyết định lựa chọn của mình."

Sư cụ hỏi chận:

"Ý con nói những cặp vợ chồng đó sống với nhau vì nghĩa, vì bổn phận chứ không phải vì tình. Phải không? Nhưng theo ta, đó là cái cao

quý nhất. Bởi vì nghĩa gắn liền với hy sinh. Chỉ cho, mà không nhận. Và... cũng có thể do cái nghĩa vợ chồng ràng buộc đó từ kiếp nào mà giờ đây các con tìm đến nhau."

Tuệ Trí không trả lời vì biết thầy mình khó mà hiểu được rằng yêu mà chỉ nhận về cho mình không mà thôi thì đó không phải là yêu mà chỉ sự hưởng thụ ích kỷ. Ngược lại yêu mà chỉ cho, chỉ hy sinh thì là đó là một hình thức nô lệ được bào chữa và ca tụng nhân danh đạo lý. Tình yêu thực sự là một tặng phẩm rất tuyệt vời mà chúng sinh có được, vừa nhận lại vừa cho một cách tự nhiên không tính toán để đôi lứa cùng chia sẻ hạnh phúc, không ai phải chịu đựng ai mà rất cần có nhau. Có được tình yêu, kinh nghiệm được sự kỳ diệu của nó, lại được sống với tình yêu và can đảm giữ được tình yêu, trên đời này bao nhiêu người?

Thấy Tuệ Trí không trả lời mà lặng thinh khó hiểu, sư cụ kiên nhẫn chờ.

Mặt trời đã gần khuất sau những ngọn tháp chỉ còn thoi thóp những tia nắng xiêng khoai. Cũng sắp đến giờ cơm chiều mà câu chuyện giữa hai thầy trò vẫn còn đang dở.

Tiếng chuông chiều thong thả vang dội, âm thanh phá tan cái tĩnh lặng của chiều hè và đưa Tuệ Trí ra khỏi dòng suy tư.

"Thưa thầy, nếu vì nghĩa thì có gặp nhau cũng chỉ là cái nợ phải lo lắng, đó thuộc về cái lý của cái đầu. Chứ đâu có cái nhớ thương ray rứt của cái tình thuộc về con tim."

Tuệ Trí vừa dìu sư phụ trở lại chùa, vừa đi vừa nói lòng vẫn nặng nề trầm uẩn.

"Thưa thầy, cơ duyên đưa đẩy để gặp lại người từ tiền kiếp đã là muôn một hiếm hoi. Vợ chồng thương yêu gắn bó như người bạn đường vẫn mong hạnh ngộ trong kiếp sau lại là một hiếm hoi khác. Hai cái hiếm hoi cùng xẩy ra thì không thể nào có được."

"Như vậy thì theo ta, chắc chắn ở một kiếp nào đó con và Nhân Ái là hai kẻ đang yêu nhau ý hiệp tâm đầu. Do một ngang trái nào đó, có thể là tai nạn hay chiến tranh... mà phải chia ly tức tưởi để lại trong nhau một niềm đau mất mát tận cùng. Kinh nghiệm đó đã ghi trên dòng tâm thức chuyển đi. Qua bao đời bao kiếp các con đã đi tìm nhau trong vô minh, vì... vì chính các con cũng không biết. Trong mỗi các con hình như mang một nỗi cô đơn khắc khoải trống vắng, một khát khao mơ hồ nào đó. Cơ duyên hiếm hoi diệu kỳ, các con đã gặp nhau và bỗng chốc phát hiện cái thiếu vắng mình đang kiếm tìm. Thế nên, mới thấy mà đã yêu nhau và tưởng chừng đã gần gũi quen nhau biết nhau, ràng buộc nhau từ lâu... lâu lắm."

Tuệ Trí chợt sững người trước cách lý giải của thầy. Thoáng mừng như có chỗ để bám víu:

"Nếu như vậy con và Nhân Ái đâu có tội lỗi gì. Vì đây... vì đây chỉ là cái nghiệp của chúng con."

Thấy Tuệ Trí hăng hái biện hộ, Sư cụ Tuệ Giác cười ra tiếng:

"Không con! Nghiệp chỉ là động lực thúc đẩy, nhưng hành động hay không là trách nhiệm do mình lựa chọn, do trình độ tỉnh thức."

Tuệ Trí xuống giọng:

"Thưa thầy, tình cảm mà mức độ cao nhất là tình yêu miên man như sông như suối chảy mãi không ngừng, tuôn tràn như thác đổ... Có thể nào... thưa thầy! Có thể nào dùng sự tỉnh thức để ngăn thác nước ngừng chảy nửa chừng cao?"

Chưa kịp trả lời cho Tuệ Trí, hai thầy trò đã về đến hiên chùa. Câu chuyện bỏ dở. Đến giờ cơm chiều chúng tăng đã tề tựu đông đủ và đang chờ sư phụ ở trai phòng.

Sáng tinh mơ hôm sau. Ngoài trời vẫn còn tối đen. Bên trong chánh điện đèn nến sáng rực.

Đến giờ khoá kinh sáng thường lệ, mọi người nghiêm trang trầm mặc vân tập quỳ gối tại điện Phật. Sư cụ Tuệ Giác vẫn chưa thấy bóng dáng Tuệ Trí đâu. Thường ngày Tuệ Trí đến sớm hơn hết để lên đèn thắp hương, điều khiển tăng chúng. Bao năm nay chưa hề sai trễ. Nghĩ rằng đệ tử mệt nhọc ngủ quên. Vẫy gọi chú tiểu, sư cụ sai chạy vào hậu liêu đánh thức. Một lúc sau chú tiểu hốt hoảng chạy ra nói nhỏ điều gì với sư cụ. Người vội vã đi về phía sau chánh điện.

Đến trước cửa phòng của Tuệ Trí, sư cụ thoáng ngần ngại rồi đẩy mạnh cánh cửa gỗ vào phòng gây nên tiếng rít khô khan.

Phòng vắng lạnh. Chiếc áo tràng nâu sồng Tuệ Trí thường mặc treo trên cột nhà. Trên chiếc bàn nhỏ, chuỗi tràng hạt, vật bất ly thân, được để ngay ngắn trên cuộn sách kinh đã gấp lại. Gối mền vẫn còn thẳng nếp trên khung giường nhỏ cuối phòng.

Tuệ Trí đã bỏ chùa ra đi, dễ chừng từ đầu hôm lúc trăng vừa mọc.●

4.98

NGƯỜI VIỆT NAM CÓ SÁNG KIẾN ĐẦU TIÊN LẬP DỊCH VỤ ĐƯỜNG DÂY NGÔN NGỮ AT&T

NGUYỄN ĐỨC MAI

1. Một người không quen biết giàu lòng nhân ái

Một buổi sáng giá lạnh tại sân bay Denver, tiểu bang Colorado. Một thiếu phụ Việt Nam bật khóc nức nở khi biết mình đến đến trễ và người bạn quen biết đi cùng chuyến bay đợi không được đã phải đi trước một mình. Thiếu phụ này mới di cư đến Mỹ và không nói được tiếng Anh. Một người đàn ông Mỹ trắng khoảng chừng 50 tuổi ái ngại tiến đến gần người thiếu phụ. Có thể ông này từng tham chiến ở Việt Nam, bập bẹ hỏi bằng tiếng Việt: "Nguoi Vietnam?" Khi thiếu phụ gật đầu, người Mỹ tốt bụng kia đưa thiếu phụ Việt Nam đến một máy điện thoại công cọng gần đó và sau khi bỏ mấy đồng xu vào máy, nhấc máy lên nói một hồi bằng tiếng Anh, rồi trao máy cho người thiếu phụ. Khi nghe được giọng nói của một người Việt Nam qua máy người thiếu phụ như người đắm tàu vớ được tấm ván, mừng rỡ và trình bày hết những khó khăn gặp phải. Qua cuộc nói chuyện tay ba giữa người Mỹ nhân từ, thiếu phụ Việt Nam và người thông dịch trên máy điện thoại, người thiếu phụ Việt Nam đã được người Mỹ mình không hề quen biết giúp đỡ tận tình mọi thứ. Việc thứ nhất là đưa thiếu phụ đến quầy vé ghi danh chuyến máy bay kế tiếp đi New York và việc thứ hai là gọi điện thoại về người nhà ở New York báo tin là trễ chuyến bay số 1432 của hãng hàng không United Airlines và sẽ đến trên chuyến bay kế tiếp.

Làm sao kiếm ra được người dịch tiếng Việt nhanh như thế? Thật ra người Mỹ tốt bụng kia đã sử dụng một dịch vụ ngôn ngữ trên điện thoại hiện rất phổ biến tại Mỹ. Đó là DỊCH VỤ ĐƯỜNG DÂY NGÔN NGỮ AT&T (AT&T Language Line Services), trụ sở đặt tại 1 Lower Ragsdale Drive, Building 2, Monterey, CA 93940 ở phía Nam Vùng Vịnh, Bắc California.

2. Dịch vụ Đường dây Ngôn ngữ có tự bao giờ?

Nói chung ở Mỹ, nhất là tại tiểu bang California nơi có nhiều người Việt sinh sống, rất nhiều thứ đã do người Việt bày ra trước tiên rồi dần dà trở thành phổ biến cho tất cả mọi sắc dân khác. Phổ biến nhất là món phở, rồi sau đó là hành lá, tỏi, ngò thơm mà bây giờ chợ Mỹ nào cũng có bán. Nhưng chắc khó có người tin rằng một công ty lớn như Công Ty Dịch vụ Đường Dây Ngôn ngữ cũng do người Việt lập ra đầu tiên. Chuyện xảy ra như sau :

Sau khi Sài Gòn sụp đổ vào cuối tháng 4 năm 1975, những năm kế tiếp sau đó tiểu bang California và nhất là vùng San Jose tràn ngập những làn sóng người tỵ nạn đến từ Đông Nam Á châu. Thành phố San Jose lúc đó không có đủ tài nguyên, phương tiện cùng tổ chức hạ tầng cơ sở để đáp ứng các nhu cầu thông dịch ngôn ngữ cho các dân tỵ nạn.

Lúc đó Sở Cảnh sát Thành phố San Jose dùng những cựu quân nhân của Quân lực Việt nam Cộng hòa, nhưng cũng không làm thế nào có đủ người. Có những lúc vào ngay nửa đêm, một viên chức cảnh sát lúng túng phải cầu cứu một cựu quân nhân Việt Nam cũng đã quá mệt mỏi đến để giúp mình vượt qua hàng rào ngôn ngữ. Và nhờ thế mọi chuyện cũng qua được êm xuôi.

Đầu tiên, một nhóm người tự nguyện mang những máy nhắn tin điện thoại (pagers). Họ đặt tên cho công ty của họ là CALL là chữ viết tắt cho Đường dây Ngôn ngữ và Liên lạc (Communication And Language Line). Họ dùng thời gian và tiền bạc của chính mình

trong cố gắng giúp đỡ cho đồng bào của mình. Cuối cùng họ phát hiện hơn 40 nhóm thiểu số khác trong vùng. Công ty bắt đầu lớn mạnh và dời trụ sở về Monterey là vị trí lý tưởng cho loại dịch vụ như thế này với các nguồn tài nguyên về ngôn ngữ sẵn có tại địa phương: Viện Ngôn ngữ Quốc phòng và Viện Nghiên cứu Quốc tế Monterey.

Năm 1989, công ty AT&T nghe nói về dịch vụ này, nhận ra được tiềm năng vô giá của nó và mua lại công ty. Tên công ty được đổi thành danh xưng dùng hiện nay, là DỊCH VỤ ĐƯỜNG DÂY NGÔN NGỮ AT&T (AT&T Language Line Services) và cung cấp dịch vụ thông dịch cho 140 thứ tiếng khác nhau. Những ngôn ngữ được dùng nhiều nhất đứng đầu là tiếng Tây Ban Nha, kế đến tiếng Trung Hoa (gồm có Quan thoại và Quảng Đông) rồi sau đó là tiếng Việt, tiếng Nhật và Tagalog (Phi luật tân).

3. Khách hàng của DỊCH VỤ ĐƯỜNG DÂY NGÔN NGỮ AT&T (AT&T Language Line Services)

Dịch vụ Đường dây Ngôn ngữ AT&T có khách hàng khắp nước Mỹ và Canada và đang có khuynh hướng lan dần ra các nước khác. Gần đây nhất cũng thấy có khách hàng ở Singapore và Úc sử dụng dịch vụ này.

Có hai nhóm khách hàng chính. Nhóm thứ nhất là nhóm đăng ký dịch vụ dài hạn để sử dụng các thông dịch viên cho cơ quan của họ. Đây thường là các cơ quan thuộc chính phủ như các sở cảnh sát, các trung tâm điều phối cấp cứu 911, các ty xã hội, sở nhập cư và quốc tịch, các học khu, trường học, các công ty điện nước, công ty điện thoại, các công ty bảo hiểm, bệnh viện, các hãng hàng không và các doanh nghiệp lớn khác. Các công ty khác của AT&T cũng là khách hàng của Đường dây Ngôn ngữ thuộc loại này. Những khách hàng thông dịch cơ quan (service interpreter customers) này phải trả một khoản lệ phí hàng tháng và được chiết giảm trong giá tính theo từng phút sử dụng thông dịch viên.

Nhóm khách hàng thứ hai gọi là nhóm khách hàng cần dịch vụ thông dịch tư nhân (personal interpreter customers). Đây là quảng đại quần chúng, các doanh nghiệp nhỏ, hoặc những người không thường xuyên nhận những cú điện thoại bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, hoặc là lâu lâu mới cần sử dụng thông dịch viên một lần. Người Mỹ tốt bụng trong câu chuyện mở đầu bài viết này thuộc vào loại khách hàng thứ hai này.

Sự kiện thông dịch qua điện thoại (OPI - Over-the-Phone Interpretation) đã làm thay đổi hẳn phương cách các khu vực tư nhân và công quyền tiến hành công việc của họ trong thập kỷ vừa qua. Các bệnh viện và các trung tâm điều phối cấp cứu 911 bây giờ thường xuyên sử dụng thông dịch qua điện thoại để trợ giúp khẩn cấp cho những người không nói được tiếng Anh. Các ngân hàng thâu nhận đơn xin vay tiền, cấp thẻ tín dụng hoặc trả tiền hay thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng khác qua điện thoại. Các công ty bảo hiểm thu thập lời khai có ghi âm từ những khách hàng không nói được tiếng Anh với sự trợ giúp của các thông dịch viên thuộc Dịch vụ Đường dây Ngôn ngữ AT&T.

4. Thông dịch qua điện thoại cho các toà án

Việc chấp nhận thông dịch qua điện thoại cũng đã tiến hành trong lãnh vực toà án. Thí dụ như tiểu bang New Jersey đã hoàn tất một chương trình thí điểm để thông dịch cho các phiên xử tại toà án qua điện thoại. Chương trình đã đi đến kết luận rằng việc thông dịch qua điện thoại rất thích hợp cho những phiên xử kéo dài dưới 15 phút. Văn phòng Hành chánh của Tòa Án Hoa Kỳ đã tài trợ cho Chương trình Thông dịch Điện thoại của Tòa Án Hoa Kỳ kể từ tháng Giêng năm 1991.

Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng của dịch vụ thông dịch qua điện thoại cho các tòa án đạt được yêu cầu của khách hàng, Đường Dây Ngôn Ngữ AT&T lưu ý các cơ quan sử dụng rằng ngoài một số thông dịch viên của công ty đã được cấp chứng chỉ làm thông dịch viên tòa án, đa số các thông dịch viên khác chưa được tòa án chứng nhận khả năng cho nên không nên sử dụng các thông dịch viên này cho các phiên xử kéo dài, có nhiều bên tham dự hoặc có bồi thẩm đoàn. Những phiên xử loại này cần những thông dịch viên toà án đã có chứng chỉ hành nghề và dịch tại chỗ.

Thông dịch qua điện thoại cho tòa án chỉ nên sử dụng cho các thủ tục tiến hành trước hoặc sau việc đăng đường, như các phiên ấn định tiền tại ngoại, thông báo tội danh, hay truyền đạt lệnh giới hạn tiếp xúc với nạn nhân. Khi sử dụng thông dịch viên qua điện thoại, vị chánh án đảm bảo có thiết bị điện thoại tốt, giới hạn tối đa các tiếng ồn nơi làm

việc, và điều khiển cuộc trao đổi ý kiến làm thế nào mỗi lần chỉ một người nói, và nói vừa đủ để thông dịch viên ghi nhớ được và thông dịch lại đầy đủ chi tiết. Phương thức thông dịch áp dụng là lối dịch theo sau (consecutive interpretation), nghe hết câu rồi mới dịch.

Chất lượng thông dịch qua điện thoại cho tòa án được chứng minh bằng các con số thống kê giữ trong cơ sở dữ liệu về sử dụng của khách hàng. Chỉ riêng trong năm 1997 mà thôi, hằng trăm thông dịch viên đã thông dịch qua điện thoại cho nhiều ngàn phiên toà bằng 67 thứ tiếng cho các tòa án trên 27 tiểu bang của Hoa Kỳ. Như đã dự liệu từ trước trong khuyến cáo gửi cho khách hàng, các phiên xử có thông dịch qua điện thoại trung bình là ngắn - chỉ 12 phút.

5. Thông dịch viên điện thoại

Đường Dây Ngôn Ngữ AT&T cung ứng dịch vụ thông dịch qua đường dây điện thoại cho các khách hàng cơ quan cũng như tư nhân. Lực lượng thông dịch viên chính không làm việc tại trụ sở chính của công ty tại Monterey mà lại bao gồm những người làm việc tại nhà riêng của họ rải rác trên khắp các tiểu bang của nước Mỹ.

Tất cả những cú điện thoại của khách hàng gọi vào đều quy về trụ sở chính của công ty tại Monterey. Người trả lời đầu tiên là người trợ lý thông dịch viên (interpreter assistant). Sau khi thu thập các thông tin về khách hàng cũng như phương cách trả tiền, người này sẽ nối đường dây đến người thông dịch viên của ngôn ngữ được yêu cầu thông dịch.

Thông dịch viên thông dịch cuộc nói chuyện giữa khách hàng nói tiếng Anh và một khách hàng Việt Nam qua điện thoại. Nội dung của các cuộc điện đàm này có thể là các đề tài từ đơn giản đến phức tạp, sử dụng ngôn ngữ bình thường hay nặng tính chất kỹ thuật trong các lãnh vực tiện ích công cọng như điện, nước, hơi đốt, các cơ quan công quyền, xuất nhập cảng, sản phẩm tiêu dùng, săn sóc y tế, tài chánh ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, khách sạn, thuê xe, cũng như các toà án, trại tù, trung tâm điều phối cấp cứu 911 và các cơ quan cưỡng chế thi hành pháp luật khác.

Dịch vụ thông dịch buộc phải trung thực, chính xác, không thiên vị và trong nhiều trường hợp đòi hỏi thông dịch viên phải có một trình độ nghiệp vụ và kiến thức tổng quát cao trong nhiều lãnh vực. Kho tự vựng cần phải lớn và nhất là phải cập nhật hoá và mở rộng qua thực tiễn công việc thông dịch cho khách hàng mỗi ngày.

Một cuộc lấy lời khai về tai nạn xe hơi của một hãng bảo hiểm thường kéo dài từ 40 đến 60 phút. Trong cuộc hỏi đáp thường rất căng thẳng này đôi khi có cả một luật sư Việt Nam theo dõi mức độ chính xác của thông dịch viên. Các lời khai được ghi âm lại và có khi được trưng ra làm bằng chứng tại toà án trong các cuộc tranh tụng. Công ty Dịch vụ Đường dây Ngôn ngữ phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự chính xác và khả năng dịch thuật của thông dịch viên. Do đó thông dịch viên phải tập trung cao độ để nhớ hết và dịch chính xác các chi tiết liên quan đến tai nạn. Thuật ngữ thường bao gồm cả ba lãnh vực: các bộ phận xe hơi, nhiều thuật ngữ về y khoa và pháp lý.

6. Các vai trò của người thông dịch

Theo định nghĩa, thông dịch viên là người nối nhịp cầu thông hiểu bằng cách chuyển ý nghĩa của một ngôn ngữ này — ngôn ngữ nguồn (source language) sang một ngôn ngữ khác — ngôn ngữ mục tiêu (target language) và ngược lại. Nhưng cần phải nhớ rằng cần có

THẢO CHI

MỘT NỬA

Nửa một ngày qua. Nửa một đời
Nửa ngày còn lại. Nửa xuân trôi...
Nửa tay ôm nửa sầu ai gửi
Nửa sợi tóc xanh. Nửa bạc rồi!

Nửa giấc mộng đầu. Tan nửa mảnh
Nửa hàng lệ rớt. Nửa khăn rơi...
Nửa khuya xé nửa vành trăng khuyết
Buộc nửa hư hao. Ném nửa vời!

11/98

sự thông hiểu là vì khách hàng muốn đạt mục đích cuối cùng. Đó là giải quyết công việc trôi chảy thuận lợi giữa khách hàng và khách của khách hàng.

Cho nên phải tùy trường hợp và từng giai đoạn mà người phiên dịch phải đóng nhiều vai trò khác nhau. Dĩ nhiên trong sự lựa chọn nào thông dịch viên cũng phải có sự ưng thuận của khách hàng vì họ là người trả tiền và hoàn toàn có quyền sử dụng thông dịch viên theo ý họ.

Vai trò lý tưởng nhất mà thông dịch viên phải cố gắng chu toàn trong hầu hết các tình huống dịch là vai trò làm nhịp cầu, ống máng, ống dẫn (conduit) để tạo sự thông hiểu giữa hai bên ngôn ngữ bất đồng. Khi đóng vai trò này, thông dịch viên theo đúng các quy phạm của nghề thông dịch: chính xác, đầy đủ, không thêm bớt, không thiên vị, không góp ý. Vai trò này hoàn toàn thích hợp khi thông dịch cho các toà án, các cơ quan thi hành pháp luật, vì toàn bộ là các lệnh, huấn thị hay thông báo có tính chất pháp lý, như khi đọc bảng thông báo các quyền hiến định (Miranda warning) cho một người bị bắt giam chẳng hạn.

Thế nhưng trong những trường hợp khác thì thông dịch viên phải đóng vai trò người soi sáng (clarifier) sau khi hỏi ý kiến khách hàng vì vai trò thứ nhất không tạo được sự thông hiểu và do đó công việc bị bế tắc. Vai trò này cần đến nhiều nhất trong địa hạt y khoa. Nếu cứ dịch chính xác thuật ngữ *circumcision* để dịch câu bác sĩ sản khoa hỏi một thiếu phụ sắp sinh một bé trai rằng: "Chị có đồng ý cho cắt bỏ bao qui đầu của cháu không?" thì thiếu phụ chẳng biết trả lời làm sao thay vì nói: "Chị có muốn bác sĩ hớt bỏ chủm cau cho chim cháu bé không," thì đầu đang chuyển bụng đau đến xanh mặt vẫn cười và trả lời đồng ý và ký vào giấy cho phép ngay.

Vai trò giải thích, làm sáng tỏ nghĩa của nhiều thuật ngữ cũng phải cần đến trong khi dịch cho bảo hiểm xe hơi. Rất nhiều đồng bào Việt Nam khi được thông báo là họ chỉ mua bảo hiểm trách nhiệm (liability coverage) chứ không có bảo kê đụng xe (collision coverage), thì họ không hiểu ất giáp gì, nhưng nói rằng bảo hiểm của họ mua là một chiều chứ không phải hai chiều là hiểu rõ ngay.

Vai trò kế tiếp nữa là vai trò làm người môi giới văn hoá (culture broker). Mỗi dân tộc có văn hoá riêng và mỗi nền văn hóa có ngôn ngữ phong tục tập quán riêng. Văn hoá y học cũng thế, có những cách ứng xử, những luật lệ qui điều riêng. Hai giá trị thuộc bản chất của văn hoá y học gây nhiều khó khăn cho thông dịch viên là ngôn ngữ và tính tự trị của bệnh nhân. Nền y học sinh học có ngôn ngữ riêng của nó. Mặc dầu các bác sĩ đều được khuyên nên nói tiếng Anh tiêu chuẩn, nhưng đôi khi họ quên bẵng đi và không thay đổi được tập quán dùng đặc ngữ nghề nghiệp (jargon) và phần lớn là từ viết tắt. Đối với họ thì OB (âu-bi) là sản khoa và GYN (gi-oai-en) là phụ khoa và chích vào tĩnh mạch là IV (ai-vi).

Tính tự trị (autonomy) của văn hoá sinh-y (biomedicine) buộc bác sĩ phải nói hết thông tin về bệnh tình cho bệnh nhân cũng như các phương cách chữa trị được đề nghị để bệnh nhân chọn lựa và quyết định. Người thông dịch phải chịu cảnh nhà cháy hai đầu. Nghe bác sĩ nói ra toàn thuật ngữ dạng tiếng lóng nghề nghiệp và phải hiểu là một chuyện khổ; dịch lại cho bệnh nhân đa số thuộc giới bình dân cho họ hiểu lại càng khổ hơn. Có mấy người phụ nữ sống tại Mỹ còn biết được chứng rong kinh (menorrhagia) là gì?

10. Kết luận

Trên đây là một số nét giúp chúng ta biết về một dịch vụ hữu ích trong cuộc sống hiện tại của kỷ nguyên thông tin. Trong các cuộc giao tiếp hằng ngày với các tổ chức cơ quan nói tiếng Anh, ta có quyền yêu cầu có thông dịch viên tiếng Việt Nam để làm việc được thoải mái hơn và để hiểu được rõ hơn các chi tiết của công việc và nhờ đó giúp mình tránh khỏi các phiền toái và thiệt thòi do hàng rào ngôn ngữ gây ra.

Một số các doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu sử dụng dịch vụ này và số lượng khách hàng đến với họ đông hơn vì đa dạng hơn về mặt dân tộc và ngôn ngữ. Một lần nữa xin nhắc lại địa chỉ của trụ sở công ty Dịch vụ Đường dây Ngôn ngữ AT&T:

AT&T Language Line Services 1 Lower Ragsdale Drive, Bldg 2 Monterey, CA 93940, USA.

Quý vị cần sử dụng dịch vụ thông dịch xin gọi đến :

Marketing Department 1-800-752-0093

Quý vị muốn tham gia lực lượng thông dịch viên xin gọi đến :

Human Resources Department 1-800-532-4441

NGƯỜI MẤT TÍCH

TRẦN HOÀI THƯ



Thưa ông,

Trước hết xin ông tha lỗi cho lá thư được viết từ một người không quen biết. Tôi xin tự giới thiệu tên tôi là Hạ hiện ở tiểu bang X. Hôm ấy, tình cờ tôi được một người bạn mang đến một tạp chí, và nói với tôi: Có tên chồng bà được nhắc trong bài thơ này. Hãy đọc đi... Thú thật, từ trước đến nay tôi không hề quan tâm đến thơ văn, cũng ít khi đọc báo chí, nhưng rõ ràng, chiều hôm ấy, mấy câu thơ của ông đã làm tôi phải bàng hoàng. Cả một quá khứ từ lâu ngỡ như bị dấu kín, chôn vùi trong tận đáy lòng bỗng nhiên sống lại, khiến tôi nghĩ là phải gọi ông, để hỏi ông sự thật về bài thơ tựa là Trung đội, trong đó có một đoạn như sau:

Đồng đội ta những người đã chết
Những Vọng, Nai, Nga, Bình Lò Heo
Những Chấn, Hảo, Sơn, Tài Xóc Dĩa
Bầy diều hâu bỏ núi khóc òa

Nước mắt tôi chảy ràn rụa. Tôi đã ngồi bất động trong tiệm. Lúc ấy tôi muốn được gọi ông ngay lập tức, để hỏi rõ về những tên tuổi mà ông đã viết trong bài thơ. Có phải những người mà ông nhắc là những người đã chết thật sự, hay chỉ là những tên hư cấu. Có phải anh ấy đã chết thật sự rồi sao? Tôi không tin. Những Chấn, Hảo, Sơn, Tài Xóc Dĩa... Bốn tên người đồng đội mà ông đã nhắc lại trong bài thơ, có hai người tôi biết. Biết rất rõ. Hảo và Tài Xóc Dĩa. Hảo là tên chồng tôi. Và Tài Xóc Dĩa là tên người bạn thân của anh ấy.

Thưa ông,

Tôi đã gọi toà báo để nhờ họ cho số điện thoại của ông. Tôi cần gấp câu trả lời của ông. Tôi phải thú thật. Tôi không tin ở câu đầu trong đoạn thơ: Đồng đội ta những người đã chết... Tôi không tin anh Hảo chết. Mãi đến giờ phút này tôi vẫn chưa nhận bất cứ một cái gì để chứng tỏ ảnh chết cả. Cấp trên nói ảnh bị mất tích, phi đoàn cũng bảo với tôi là ảnh bị mất tích, bạn bè cũng nói như vậy. Mà mất tích thì còn hy vọng có ngày về... Nếu không một ngày, thì một tháng. Nếu không một tháng, thì một năm. Nếu không một năm thì một thế kỷ. Chết khác với mất tích. Chết có nghĩa là hết. Còn mất tích là còn niềm tin, dù niềm tin ấy le lói đi nữa. Có thể anh bị bắt khi tàu anh bị bắn và anh nhảy dù xuống vùng địch. Có thể anh lạc lõng trong rừng già như trong câu chuyện những người lính Đồng Minh lạc trong rừng già Á châu vào thời kỳ đệ nhị thế chiến. Có thể anh đang có mặt tại xứ Mỹ này. Vâng, một người bạn tôi đã cho tôi biết là có một người tên Hảo cũng ở trong binh chủng Không quân hiện có mặt tại California... Tôi tin anh còn sống. Thưa ông tác giả bài thơ Trung Đội, ông hãy cho tôi biết anh Hảo còn sống hay đã chết. Và ông có quen biết với nhà tôi và anh Tài Xóc Dĩa không. Cho tôi biết càng sớm càng tốt để tôi yên tâm. Nếu quả thực, anh không bao giờ về nữa thì tôi cũng đành coi là số phận của bất cứ người đàn bà Việt Nam nào trong thời chiến. Và tôi sẽ coi cái ngày anh ấy mất tích là ngày giỗ để tôi còn thắp nhang cầu nguyện, để linh hồn của ảnh được siêu thoát...

Thưa ông,

Tôi đang viết thư này mà nước mắt tôi chảy đầm đề cả trang giấy. Mong ông tha lỗi nếu ông không đọc được những lời tôi viết. Tôi cứ thấy lại hình ảnh của Hảo trong buổi cuối cùng trước khi Hảo từ giã tôi lên Pleiku. Hảo đã nói với tôi những điều như thể báo trước một điềm gở. "Anh hiểu em yêu anh. Nhưng anh không thể bắt em phải sống với một người chồng như anh trong khi em vẫn còn son trẻ." Hảo đã nói với tôi bao lần như thế. Tôi giận và khóc với Hảo: "Bộ anh xem em là một người đàn bà hư thân mất nết hay sao." "Không, anh không bao giờ nghĩ như thế. Nhưng anh không can đảm nhìn em phải hy sinh đời em vì anh."

Tôi hiểu Hảo cũng vì thương tôi. Nhưng tôi giận Hảo bởi vì Hảo đã không hiểu tình yêu của tôi cho anh là to lớn như thế nào. Thưa ông, đến giờ phút này tôi phải thú thật, Hảo đã không còn là một người đàn ông theo đúng nghĩa của hai chữ đàn ông nữa. Hảo đã mất khả năng tình dục trong một một phi vụ. Tàu anh bị bắn. Và miếng thép oan nghiệt đã làm teo bộ phận sinh dục của ảnh. Biến cố này xảy ra trong thời gian chúng tôi tôi yêu nhau, trước ngày tôi chính thức làm vợ của Hảo. Hảo cũng thổ lộ điều này trước khi Hảo ngỏ ý muốn kết hôn. Lúc ấy tôi mới hai mươi tuổi. Tôi yêu Hảo, lại càng yêu Hảo vô cùng tận khi hiểu rằng Hảo đã bị mất mát một phần quan trọng nhất của con người. Không phải lỗi của Hảo. Hảo vô tội. Hảo đáng được an ủi hơn ai hết, nâng đỡ hơn ai hết. Không thể để một người đang ở trong tuổi thanh niên phải sống trong nỗi đau thương của một con mãnh hổ tật nguyền. Phải cứu Hảo. Phải mang lại niềm tin cho Hảo. Tôi đã nói trăm ngàn lần, anh Hảo ơi, em vẫn bên anh, em sẽ theo anh bất cứ chân trời góc biển nào. Sẽ nấu cơm cho anh, sẽ chong đèn thức đợi anh về, sẽ canh anh ngủ, hát cho anh nghe, kể bao nhiêu giấc mơ thật đẹp cho anh khỏi buồn. Tình yêu đâu cần đóng khung trong hai chữ xác thịt. Hảo hiểu không. Như tình yêu của Chúa và Phật đối với loài người. Như tình yêu của những người đã hy sinh đời mình cho nhân loại trong các trại cùi, hay cô nhi viện. Như tình yêu của một người mẹ hiền. Em sẽ vì tình yêu để đến bên anh, bất chấp tất cả.

Vâng. Tôi đã bất chấp gia đình ngăn cản, bất chấp ba tôi từ tôi, bất chấp mẹ tôi vì thương tôi phải nhuốm bệnh. Và bất chấp những lời khuyên lơn của bạn bè. Họ đều đúng. Tôi hiểu vậy. Bởi vì tôi là đàn bà, có nghĩa là tôi phải được quyền làm mẹ. Tôi không thể nhìn đời tôi khô rụi không sản sinh. Nhưng tôi không thể bỏ Hảo. Bỏ thì quá tàn nhẫn. Chúng tôi đã yêu nhau, đã từng thề nguyền mãi mãi sống bên nhau mà. Bởi vậy, tôi chỉ còn một cách là bỏ nhà ra đi. Tôi đành cam tâm làm một đứa con gái hư thân mất nết.

Vì thế tôi bằng lòng làm vợ Hảo. Lòng tôi hân hoan như ngập tràn những giọt nắng hạnh phúc, đến nỗi tôi phải khóc. Môi Hảo nhấp lấy giọt nước mắt của tôi. Những ngón tay của Hảo chùi lấy giòng lệ lăn trên má tôi.

"Tại sao em lại khóc?" Tôi cười, dấu nỗi yếu mềm. "Em hạnh phúc lắm, Hảo à."

Thưa ông,

Tôi đã cố giữ Hảo. Tôi ngỡ tình yêu của tôi sẽ giúp Hảo quên đi quá khứ. Nhưng rõ ràng tôi đã bất lực. Đàn ông thanh niên có những điều thật lạ kỳ. Họ chẳng bao giờ bằng lòng với hiện tại. Họ cũng chẳng bao giờ muốn bình an. Họ cứ bị những điều gì đó thúc dục, quyến rũ. Với Hảo, đó là tiếng gọi của con tàu xưa, của gió lồng lộng, của mây trời, của tiếng ì ầm của động cơ phản lực, của cánh quạt, của tiếng nổ, của trái phá... Hảo cứ nhắc hoài những lần bay, dưới thấp là rừng xanh, và xung quanh là một không gian vô tận. Hảo cũng kể lại những trái hoả tiễn tầm nhiệt bắn lên từ dưới đất, và con tàu đã nhiều lần trúng đạn lỗ chỗ đầy cả thân trong mỗi phi vụ. Và Hảo cũng nhắc những người bạn của anh, trong đó có anh Tài, mà anh em phi đoàn đặt biệt danh là Tài Sóc Diã bởi vì anh ta là một danh tài cờ bạc. Chính vì cứu người bạn thân này, mà tàu Hảo đã bị đạn phòng không, và một miểng đạn đã bắn ngay vào chỗ bộ phận sinh dục. Hảo cứ nhắc đến Tài, cả người bị xẽo thịt phơi nắng giữa bãi rừng lau. Tôi bảo Hảo đừng kể nữa. Tôi không muốn nghe mà cũng chẳng bận tâm. Tôi nói với Hảo là anh đã hy sinh rồi. Ngay cả cái vật quí báu nhất để truyền giống anh cũng đã hy sinh, thì giờ đây,
anh phải được quyền ngồi lại đằng sau. Anh đã yêu nước quá đủ. Tôi la, tôi khóc. Tôi đấm vào người anh, khi anh ngồi yên lặng như pho tượng, hay đứng bất động bên khung cửa sổ trong trại gia binh để nhìn những con tàu đáp xuống hay cất cánh. Trời ơi phải chi chúng tôi có một đứa con. Ít ra đứa con mới làm mềm lòng anh xuống, chùn bước chân anh lại, kiềm chế con tim và tiếng dục lên đường đến một cõi nào mà ai cũng phải hãi sợ.

Tôi nói trong giận dữ: Anh ích kỷ lắm. Anh chỉ biết riêng cho bản thân anh. Anh không cần biết những người ở lại. Như cha mẹ anh, và như vợ anh. Anh đâu có hiểu nỗi lo âu đau khổ của họ. Anh cứ viện dẫn mấy chữ tổ quốc, đồng đội, bảo vệ quê hương để lao vào cõi chết. Nếu kể đến hai chữ hy sinh, thì chính tôi là người hy sinh hơn ai hết. Tôi hy sinh cả một thời thanh xuân. Tôi hy sinh cả vai trò được làm mẹ. Tôi đã bị cha mẹ, gia đình từ bỏ. Như vậy ai hy sinh hơn ai hết. Cũng vì anh. Để cuối cùng tôi nhận được gì?

Tôi nói hết, như trút hết tất cả nỗi lòng của tôi.

Nhưng Hảo trả lời như anh đã quyết định

TRẦN MỘNG TÚ

KHÓI THU

Sáng hôm nay khói phủ kín mặt sông
Anh biết đó lòng em rồi cũng khói
Chiếc metro đi theo bình minh gọi
Cả chuyến xe trôi xuống vịnh sương mù

Anh biết đó mùa thu mang vàng tới
Em cứ ngẫm hoài hai chữ quan san
Ở đầu sông có bức tường trắng lắm
Em đứng cuối sông mà thấy ngút ngàn

Anh biết đó hàng cây kia rồi đỏ
Lá thu phong phủ kín bước em đi
Em bối rối khi chọn màu son mới
Đón thu sang là vuột mất xuân thì

Anh biết đó ngọn đồi kia rồi ướt
Mặt trời lên sẽ run rẩy trong sương
Vì sao mai đánh thức bình minh dậy
báo tin. Thu đã chặn mọi ngả đường

Anh biết đó mùa thu rồi cũng gió
Em sẽ nhớ anh trên cả hai vai
Em nhớ anh khi bàn tay em lạnh
Em nhớ anh rồi...

Anh sẽ nhớ ai!

Nov.98

từ lâu lắm:

"Chính vì thế mà anh muốn em đừng hy sinh vì anh nữa. Em cần phải có con. Em cần phải được làm mẹ. Em cần phải hưởng cái hạnh phúc mà bất cứ một người phụ nữ nào đều nhận từ Thượng Đế. Anh hiểu em yêu anh, và chưa bao giờ anh lại yêu em như lúc này. Nhưng anh không thể nhìn em vì anh..."

Tôi hét lên:

"Nếu anh muốn thế, tôi cũng sẵn sàng chìu lòng anh."

Nói xong, tôi thu dọn đồ đạc trở về quê. Tôi đã trả tự do lại cho ảnh.

Phải, tôi đã bất lực. Anh lại thêm một lần tình nguyện trở lại phi đội ở cao nguyên. Cái tật nguyền mất mát dường như càng làm anh táo bạo, hung dữ hơn. Anh lăn xả trên các chiến trường dữ dội nhất. Anh lái thế cho bạn bè mỗi khi họ cần. Những phi vụ hiểm nguy nhất anh đều tình nguyện. Thưa ông, tôi không phải là một chuyên gia về tâm lý học, nhưng tôi biết một điều là tất cả bắt nguồn từ một hậu quả. Đó là cái hậu quả của chiến tranh. Nó bắt anh phải lao tới, điên rồ lao tới để tìm nỗi quên. Và cũng để trả thù. Cho người bạn đã bị xẻo từng lát thịt, phơi thây dưới đất.

*

Không ngờ lần gặp gỡ ấy là lần gặp gỡ cuối cùng. Con tàu của Hảo được ghi nhận là mất tích sau một phi vụ yểm trợ một lực lượng bộ binh bị vây khổn tại vùng Kontum vào khoảng đầu năm 1975. Phi đoàn cho tin và dành cho tôi phương tiện để bay lên Pleiku vào ngày hôm sau. Tôi đã khóc hết nước mắt. Tôi giận Hảo hay thương Hảo. Cả thương và giận. Ngày trước mỗi lần lên thăm anh ở căn cứ, tôi vẫn mang chiếc áo dài màu tím hoa cà, màu áo mà Hảo rất thích. Và bây giờ cũng vậy. Tôi mang lại chiếc áo xưa, mà cõi lòng đứt đoạn. Tôi không thể mang chiếc áo đen như một người thiếu phụ đi nhận xác chồng. Ngồi trong lòng phi cơ, tôi nghĩ là mình đang đi đến một cõi chết. Rõ ràng tôi đã thật sự mất Hảo. Từ đây.

Ngày cuối cùng, tôi ngồi trong lòng xe quân đội, thay vì người tài xế là Hảo, hôm ấy, là một người bạn của Hảo. Tôi cắn đến độ bầm cả môi, để cố nén nỗi tủi thân, và đau khổ tột cùng. Nắng trải vàng thắm trên phi đạo, trên những hangar, những hàng rào dây kẽm. Rồi tôi khóc. Người bạn của Hảo nói như an ủi tôi: "Phi đoàn vẫn tiếp tục tìm kiếm anh ấy. Xác tàu được tìm ra, nhưng không thấy phi hành đoàn." "Như vậy...?" "Vâng, vẫn còn hy vọng là ảnh vẫn còn sống. Và có lẽ ảnh bị bắt làm tù binh..."

Tiếng máy bay quân đội tiếp tục gào xé như thể bừng vỡ cả một thinh không. Chiến tranh vẫn tiếp tục. Và tiếp tục những con người như Hảo lao vào cõi hung bạo. Một con tàu vừa vút bay lên không, tiếng máy dội ầm, và đường khói trắng in đậm trên nền mây xanh. Đàn ông thanh niên thật kỳ lạ. Tôi lại có ý nghĩ này thêm một lần nữa khi tôi đứng trong căn phòng của Hảo. Những áo quần bay bề bộn. Vài cuốn sách. Vài tạp chí bơ vơ. Ở đâu tôi cũng đều thấy Hảo, nghe hơi hướm của Hảo. Một cơn gió bỗng thốc vào khiến tôi phải bật run. Tự nhiên cổ tôi nghẹn lại. Tôi ôm lấy mặt mà nức nở. Không biết tôi khóc cho Hảo hay khóc cho tôi. Từ câu lạc bộ sĩ quan vọng về lời ca của Lệ Thu nức nở qua bài hát: Hôm nay đi nhận xác chồng... Tôi đâu có đi nhận xác chồng sao mà tôi lại đau đớn. Hảo ơi. Hảo ơi. Lần đầu tiên tôi mới cảm nhận được nỗi mất mát to lớn như thế nào. Mất rồi những lần anh trở về, tôi dọn cho anh một bữa ăn nóng sốt. Mất rồi những buổi anh đèo Honda chở tôi từ Sài Gòn về quê, đợi phà qua bắc, tôi đã nép vào người anh để tránh gió. Cũng mất rồi những lần anh đau đớn như con hổ sa cơ, khi nhớ lại định mệnh oan nghiệt của mình.

Vâng, ngày ấy tôi đã không hiểu anh, và bây giờ lại cũng không hiểu anh nữa. Tại sao giữa lúc người ta bỏ tiền bỏ bạc chạy nhau đi xin một chỗ không tác chiến, thì anh lại lao vào cõi hung bạo. Hảo, Hảo, em ghét anh, anh chỉ nghĩ đến bản thân, anh không bao giờ nghĩ đến nỗi đau khổ của người khác. Anh có biết rằng, mấy mươi năm sau, chính những kẻ càng hô hào chiến đấu vì tổ quốc, hy sinh, danh dự, trách nhiệm, là những kẻ bỏ chạy trước hơn ai hết không. Và bây giờ họ đang sống phè phỡn ở xứ này, con cháu họ học hành đỗ đạt thành tài không? Chỉ có anh là dại. Anh biết không?

*

Thưa ông,

Xin ông tha lỗi cho những điều tôi vừa viết. Lâu lắm tôi mới được dịp tâm sự, và được dịp trút hết nỗi lòng. Hảo là người tình đầu tiên, người chồng đầu tiên, và người đã cho tôi được nếm bao nhiêu hạnh phúc lẫn đau khổ. Tôi cố quên hình ảnh của Hảo nhưng làm sao mà quên được. Ở đây, gặp lại một số bạn bè

của Hảo, thấy họ đầy đủ gia đình vợ con, tôi lại càng cảm thấy tủi thân. Lúc này hầu như tất cả mọi người đều quên hết chuyện cũ. Chỉ có những người trong cuộc mới không thể nào quên được.

Nghĩ càng tủi thân, khi ở Mỹ, chánh phủ đã tốn biết bao nhiêu tiền bạc để đi tìm người mất tích. Mỗi xương cốt tìm ra người ta chở máy bay về, có lính gác, có kèn quân, có buổi lễ trọng thể, nhưng cũng có một nơi mà: Người mẹ Bắc lên non tìm xác. Người mẹ Nam xuống biển tìm con. Thơ của ông đấy. Non và biển làm sao mà tìm được hả ông?

Năm vừa rồi, tôi có về Việt Nam. Bạn bè có giới thiệu tôi đến một ông thầy có linh cơ huyền nhiệm chuyên giúp tìm người mất tích. Ông giúp con cháu tìm lại mộ ông bà bị thất tán vì chiến tranh. Ông cũng chỉ dùm những xác cốt bị máy cày máy ủi cày nghiến ở nghĩa trang quân đội cũ. Người ta kể ông là một đạo sĩ. Trước khi Ban Mê Thuột bị mất cả bốn năm tháng ông đã lên thành phố này để đi giữa đường, vừa đi vừa khóc. Người ta đồn thêm, ông ta có thể chỉ rõ, nơi nào chôn gửi nắm xương vô thừa nhận, những người chết trên biển, trên núi...

Tôi đã được ông tiếp vào một buổi chiều. Ông bắt tôi ngồi trước bàn thờ. Căn phòng tối mờ nồng nặc mùi nhang trầm đầy những hình hay những tượng thần và những hình Bát Quái... Sau khi hỏi tôi về ngày sinh tháng đẻ tên họ của Hảo, ngày Hảo mất tích, ông đã ngồi tịnh một hồi, rồi ông bỗng nhiên oà lên khóc. Chắc Thần linh đã nhập vào ông. Ông hét lên: Ta là Sơn thần cao nguyên trấn, ta không tìm ra hồn ma nào như ngươi cầu xin ta giúp đỡ. *Ta chỉ thấy những con thú vật kỳ lạ, nửa người nửa vượn miền Tây vực vất vưởng trong mấy mươi năm cứ thỉnh thoảng hú lên những tiếng thật thảm thiết...* Tôi thật sự không hiểu ông ta nói gì. Người mất tích nào có liên quan gì đến những con vượn ấy đâu. Tôi chỉ muốn biết Hảo còn sống hay đã chết. Thế thôi.

*

Tôi đã nhận bì thơ dày của chị Hạ được chuyển bởi Toà soạn của một tạp chí mà tôi cọng tác. Cả sáu trang giấy chi chít chữ thỉnh thoảng ố nhòa có lẽ vì chị không cầm được nước mắt và nước mắt đã nhỏ trên trang thơ. Tôi đọc mà lòng oà vỡ xúc động. Cả đời tôi cầm ngòi viết, khi viết, cố gắng xử dụng chữ nghĩa, và sự sáng tạo để cho tác phẩm mình được nhiều tình tiết, để cho các nhà phê bình tung hô... nhưng khi đọc thư này, tôi nghĩ là cả công trình của tôi cũng trở thành số không. Từ trước đến nay, tôi chỉ nhắm vào tôi, vào bạn bè đồng đội mình, tôi đã quên những người ở đằng sau. Nói như chị Hạ: Anh ích kỷ lắm. Anh chỉ biết riêng cho bản thân anh. Anh không cần biết những người ở lại. Như cha mẹ anh, và như vợ anh. Anh đâu có hiểu nỗi lo âu đau khổ của họ. Anh cứ viện dẫn mấy chữ tổ quốc, đồng đội, bảo vệ quê hương để lao vào cõi chết. Nếu kể đến hai chữ hy sinh, thì chính tôi là người hy sinh hơn ai hết. Tôi hy sinh cả một thời thanh xuân. Tôi hy sinh cả vai trò được làm mẹ. Tôi đã bị cha mẹ, gia đình từ bỏ. Như vậy ai hy sinh hơn ai hết. Cũng vì anh. Để cuối cùng tôi nhận được gì?

Tôi đã gởi thư về chị Hạ để xác nhận về hai người Hảo, Tài Xóc Dĩa đã tử trận vào ngày 9 tháng 5, 1968. Họ thuộc đơn vị thám kích chứ không phải thuộc binh chủng không quân. Có điều tôi phải thắc mắc là những lời của vị đạo sĩ:

Ta chỉ thấy những con thú vật kỳ lạ, nửa người nửa vượn miền Tây vực vất vưởng trong mấy mươi năm cứ thỉnh thoảng hú lên những tiếng thật thảm thiết...

Tại sao ông lại xuất thần bằng những lời như thế. Ngôn ngữ thần linh khó mà giải thích trừ phi có người được linh cơ huyền nhiệm hay được cơ hội nhìn được sự thật. Và sự thật này không phải là một cá nhân, nhưng là một chính quyền. Qua một bản tin trên báo vào tháng 11 năm 1998, theo đó, chính quyền Quảng Ngãi vừa bắt được người rừng. Anh ta nguyên là một hạ sĩ quan Biệt Động quân, người gốc Hré, vượt trại cải tạo cùng với hai người bạn vào năm 1979. Khi bị bắt anh chỉ còn mặc chiếc khố bằng vải rằn, hầu như quên tiếng mẹ đẻ, và chỉ thốt lên, hay hú những tiếng hú bi ai...

Tôi tự hỏi có nên gởi bản tin này về chị Hạ hay không?●

NJ 16/12/98

> Thưa Ngài, giữ sổ sách kế toán là vô ích, khi một người tiêu pha chính đồng tiền của mình, và không cần phải chứng minh giải thích cho ai cả. Ngài sẽ không ăn ít thịt bò hôm nay hơn do vì đã ghi giá cả của nó vào sổ ngày hôm qua.
>
> **Samuel Johnson**

MỐI TÌNH HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ NGUYỄN DU

NHẤT UYÊN PHẠM TRỌNG CHÁNH*

Nỗi ám ảnh lớn nhất trong thơ Nguyễn Du là hình ảnh một người đàn bà tài sắc vẹn toàn mà phải chịu nhiều cảnh gian truân:

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
hay
Ma đưa lối quỷ dẫn đường
Cứ tìm những lối đoạn trường mà đi.

Nếu không gặp những người hồng nhan đa truân cụ thể trong cuộc đời, thì Nguyễn Du chắc khó lòng mà đem một nàng Kiều trong tiểu thuyết Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, một tác gia Trung Quốc, phổ thành thơ lục bát với tất cả tấm lòng.

Nguyễn Du đã gặp lại trên đường đi sứ, lúc ghé qua Thăng Long nhân bữa tiệc tiễn sứ tại Nha Tuyên Vũ, người nhạc nữ cung vua Lê cũ đánh đàn Nguyễn cầm, hai mươi năm xưa nhan sắc rực rỡ tiếng đàn làm say đắm lòng người, nay đã phong trần, tàn tạ... (bài Long Thành Cầm giả ca). Nguyễn Du đã cảm xúc vô hạn khi đi ngang qua quê hương Dương Quý Phi, "chỉ vì cả triều đình đều như phỗng đứng, mà nghìn năm cứ đổ oan cho sắc đẹp nghiêng thành" (bài Dương Phi cố lý).

Nhưng nào ai biết, Nguyễn Du, còn có một nỗi đau đa diết, từ khi nhận được bài thơ của người tình cũ, bài thơ chữ nôm tựa:

Cảm Cựu Khiêm trình Cần Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu (Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền nhân)

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung
Mượn ai tôi đấy gửi cho cùng
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập
Phấn son càng tủi phận long đong
Biết còn mảy chút sương siu mấy
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong

Người viết ký tên là Hồ Xuân Hương.

Hai thế kỷ sau, khi tìm lại được Lưu Hương Ký thơ của Hồ Xuân Hương chúng ta lại bị bất ngờ: Nguyễn Du là người tình đầu tiên của Hồ Xuân Hương và tâm sự tài mệnh tương đố mà Nguyễn Du gửi gắm khi viết truyện Kiều, chính là lòng chàng xót xa cho người tình hồng nhan đa truân Hồ Xuân Hương.

Năm 1971, khi hai cụ Lê Thước và Trương Chính trình dẫn đầu tiên trên báo Văn Nghệ (số 428 ngày 24-12-1971) bài thơ Hồ Xuân Hương gửi Nguyễn Du, nhà thơ Xuân Diệu cũng chỉ dám nghĩ "Hồ Xuân Hương phục người có tài hơn mình Nguyễn Du" *Xuân Diệu stk tr 90.*

Nhưng đọc bài thơ, thì GS Hoàng Xuân Hãn đã quả quyết "Một tài tử đa tài, đa tình như Nguyễn Du cũng đã vướng vào mạng lưới hấp trường của tài danh nữ sĩ." *HXH stk tr 119.*

Thật vậy, nếu không từng là người yêu nhau thì làm sao viết "muôn nghìn nỗi nhớ nhung." Và mối tình đó trong ba năm, và vì một biến cố lịch sử hay gia đình nào đó chàng đã đứt áo ra đi và tình tan vỡ như giấc mộng.

Bài thơ này làm sau tháng 2 năm Quí Dậu 1813, năm Nguyễn Du được thăng Cần Chánh Học Sĩ, tước Hầu; được chọn làm Chánh Sứ đi tuế cống triều Thanh. Có lẽ tin này đồn ra đến Thăng Long đã nhắc cho Hồ Xuân Hương nhớ đến chàng, đã cùng yêu nhau trong ba năm. So sánh năm tháng những biến cố lịch sử và những biến cố hai cuộc đời Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du chứng minh mối tình này nằm trong khoảng thời gian 1790-1793. Thời gian

ấy Hồ Xuân Hương 18 đến 21 tuổi và Nguyễn Du từ 25 đến 28 tuổi. Năm ấy Nguyễn Du ở Giám Hồ, tại nhà anh cùng mẹ là Nguyễn Nễ đang làm quan cho Tây Sơn, và chấm dứt lúc Nguyễn Du lên đường về Hồng Lĩnh.

Thời gian này nằm trong quãng đời Nguyễn Du gọi là "10 năm gió bụi," 1786-1796. Thời gian đó Nguyễn Du hình như chỉ một thân một mình, ăn nhờ ở đậu nay đầu sông, mai cuối biển. Cho đến khi Nguyễn Du ra làm quan nhà Nguyễn năm 1802, mới thấy trong thơ văn Nguyễn Du nhắc đến vợ con. Gia phả chép Nguyễn Du có ba vợ, vợ cả sinh bốn lần nhưng chỉ nuôi được một con (bà là con thứ sáu của Đoàn Nguyễn Thục, đậu Hoàng Giáp, làm chức Phó Đô ngự sử đời Lê) sanh một trai tên Nguyễn Tứ, năm 1813 có theo cha đi sứ về nước được vài năm thì mất, vợ kế sanh một trai tên Nguyễn Ngũ và vợ thiếp sanh 10 trai sáu gái.

Chữ tình chốc đã ba năm vẹn, ba năm ấy Nguyễn Du gặp gỡ Hồ Xuân Hương chỉ có thể là năm 1790 đến 1793. Năm 1793 Nguyễn Du về Hồng Lĩnh cùng Nguyễn Ức, lý do có lẽ được Nguyễn Nễ giao phó cho việc mang tiền bạc về xây dựng lại từ đường họ Nguyễn, xây lại chùa, đình, cầu Tiên, nhà cửa làng Tiên Điền bị đốt sạch sau vụ khởi nghĩa của Nguyễn Quýnh, mà Nguyễn Nễ vì bận việc quan, không thể trực tiếp trông coi. Các công trình xây dựng đều do Nguyễn Ức vẽ kiểu và trông coi, có lẽ từ đó Nguyễn Ức nổi tiếng là người có tài kiến trúc.

Giấc mộng rời ra nửa khắc không. Mối tình Nguyễn Du-Hồ Xuân Hương ba năm mặn nồng đành chấm dứt.

Nguyễn Du trở về Hồng Lĩnh đi săn với con chó vàng, trong thơ ông tự xưng là Hồng Sơn liệp hộ, và đi câu cá biển Nam Hải xưng hiệu Nam Hải điếu đồ. Thời gian này Nguyễn Du giao du với nhà sư Huyền Hư Tử nghiên cứu kinh Phật, đọc kinh Lăng nghiêm hơn ngàn lần, nhưng tâm đắc với Thiền Tông của ngài Huệ Năng hơn, thời gian này ông viết Văn Tế Chiêu hồn thập loại chúng sinh. *(Bài thơ Phân kinh Thạch đài. skt bài 126 Bắc Hành Tạp lục, trang 424)*. Nguyễn Du còn một toan tính khác là tìm đường vượt biển vào Gia Định giúp Nguyễn Ánh. Năm 1795 việc bại lộ Nguyễn Du bị Quận Công Nguyễn Thận tướng Tây Sơn bắt, nể tình bạn thân là Nguyễn Nễ và nể tài thơ văn Nguyễn Du nên chỉ giam ba tháng.

Những ngày tại Hồng Lĩnh, Nguyễn Du có viết bài thơ Ký Mộng, ghi lại giấc mộng chép trong Thanh Hiên Thi Tập bài số 30. Nguyễn Du nhớ ai? Tôi ngờ rằng Nguyễn Du nhớ người tình vừa xa. Tôi dịch bài thơ này như sau:

GHI LẠI GIẤC MỘNG

Giòng nước ngày đêm chảy
Người đi mãi tha phương
Bao năm không gặp mặt
Làm sao hết nhớ thương?
Trong mộng rành rành thấy
Tìm ta nơi bến sông
Dung nhan vẫn như trước
Áo quần buồn biếng chăm.
Trước kể nỗi đau ốm
Rồi than những ngày xa
Nghẹn ngào không nói hết
Đường cách bước màn sa.
Bình sinh không thuộc lối
Mộng hồn biết thật chăng?
Núi Điệp đầy hổ báo
Sông Lam lắm thuồng luồng
Đường đi thật hiểm trở
Phận gái nhờ ai không?
Mộng đến ngọn đèn sáng
Mộng tan gió lạnh lùng
Người đẹp nào thấy nữa
Lòng ta rối tơ vương
Nhà trống vầng trăng xế
Soi manh áo cô đơn.

Nguyên tác phiên âm Hán Việt *bài số 30 Thanh Hiên Thi Tập* như sau:

KÝ MỘNG

Thệ thủy nhật đa lưu
Du tử hành vị quy,
Kinh niên bất tương kiến,
Hà dĩ úy tương tư.
Mộng trung phân minh kiến,
Tầm ngã giang chi mi,
Nhan sắc thị trù trích,
Y sức đa sâm si.
Thỉ ngôn khổ bệnh hoạn,
Kế ngôn cửu biệt ly,
Đãi khấp bất chung ngữ,
Phảng phất như cách duy.
Bình sinh bất thức lộ,
Mộng hồn hoàn thị phi?
Điệp sơn đa hổ trĩ,
Lam thủy đa giao ly.
Đạo lộ hiểm thả ác,
Nhược chất tương hà y?

Mộng lai cô đăng thanh,
Mộng khứ hàn phong xuy.
Mỹ nhân bất tương kiến,
Như tình loạn như ti,
Không ốc lậu tà nguyệt
Chiếu ngã đan thường y.

Trong bài thơ trên có điển tích *cách duy*, cách bức màn (câu dịch: Dường cách bức màn sa), tích vợ Vua Hán Vũ Đế là Lý Phu Nhân, sắc đẹp và giỏi múa, chết sớm, vua rất thương tiếc, có người phương sĩ nói có thể chiêu hồn Lý Phu Nhân về, vua bằng lòng. Ban đêm người ấy bên giường màn, đốt nến để Vua ngồi trong màn, nhìn sang một bức màn khác, thấy bóng một người đàn bà giống Lý Phu Nhân. Trong bài thơ trên Nguyễn Du gọi là *mỹ nhân*, người đẹp, chứ không gọi là vợ. Có lẽ Nguyễn Du nằm mơ thấy Hồ Xuân Hương đã chết rồi hiện hồn tìm về quê quán Hoan Châu báo mộng cho Nguyễn Du. Hai người từng hẹn hò nhau bên bến sông, bên hồ Tây, nay trong mộng cũng gặp nhau trên bến sông. Tỉnh dậy Nguyễn Du lo lắng không biết giấc mộng có đúng không?

Cụ Đào Duy Anh trong Khảo luận về truyện Thúy Kiều cho rằng bài thơ này Nguyễn Du nhớ đến vua Chiêu Thống. Cụ Lê Thước, Trương Chính trong *Thơ Chữ Hán Nguyễn Du Văn học. 1965 tr 89* cho rằng Nguyễn Du nhớ đến vợ, em Đoàn Nguyễn Tuấn.

Tôi cho rằng bài thơ Ký Mộng rất phù hợp với câu thơ *Giấc mộng rồi ra nửa khắc không* của Hồ Xuân Hương và với bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký Nguyễn Du làm sau đó.

Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập
Phấn son càng tủi phận long đong.

Năm 1813, Nguyễn Du đã là quan Chánh Sứ, một thê, hai thiếp và không thiếu kẻ hầu hạ. Hồ Xuân Hương đã trên 40 vẫn còn số phận long đong.

Biết còn mảy chút sương siu mấy
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Nàng mừng và ước thầm Nguyễn Du trên bước đường sứ lòng có bịn rịn nhớ thương người tình cũ mà ghé thăm Cổ Nguyệt đường nàng vẫn còn chiếc bóng. *Sương siu* theo GS Hoàng Xuân Hãn một danh từ cổ có nghĩa là bịn rịn thường gặp trong các tác phẩm thế kỷ 18, 19.

Nguyễn Du đã trở lại thăm Cổ Nguyệt đường từ những năm 1802-1804 khi theo Vua Gia Long ra Bắc Hà làm tri huyện Phù Dung trấn Sơn Nam và sau đó làm tri phủ Thường Tín, gần Thăng Long và được giao phó cho việc soạn thảo thơ văn tiếp sứ Tàu sang phong Vương cho Gia Long tại Thăng Long. Nguyễn Du đã bao lần thăm lại chốn xưa. Nhưng cảnh vườn cũ Tây Hồ đã hoang vu, hỏi thăm gia cảnh nàng, trong cơn loạn lạc, nàng đã nhận lời lấy lẽ Cai Tổng Cóc ở tận Vĩnh Yên, nghe đâu vợ cả ghen tuông lắm. Nguyễn Du lo sợ số phận Hồ Xuân Hương rồi sẽ như nàng Tiểu Thanh họ Phùng, một người con gái tài sắc, sống vào đầu thời Minh cách năm 1804 ba trăm năm. Nàng lấy lẽ một người tên Phùng vì tránh tên chồng nên gọi là Tiểu Thanh. Vợ cả ghen, bắt ở một ngôi nhà trên núi Cô Sơn cạnh Tây Hồ, chẳng bao lâu buồn mà chết, bấy giờ mới mười tám tuổi. Nay ở Cô Sơn tỉnh Triết Giang hãy còn mộ. Tiểu Thanh có một tập thơ nói tâm sự của mình, lúc nàng chết rồi, vợ cả ghen lấy đốt đi, còn sót lại một số bài, người ta chép lại gọi là Phần Dư Cảo.

Nguyễn Du tự coi mình cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nết phong lưu. Và tự hỏi rằng không biết ba trăm năm sau, thiên hạ ai người sẽ khóc một người thiếu nữ tài sắc như thế, ám chỉ Hồ Xuân Hương và lo ngại Xuân Hương số phận sẽ giống như nàng Tiểu Thanh. Bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký ghi số 78, bài thơ cuối cùng trong tập Thanh Hiên Thi Tập thời gian viết năm 1804, nằm trong các bài thơ Nguyễn Du viết lúc làm quan trí huyện, tri phủ tại Bắc Hà 1802-1804. Lúc này Nguyễn Du được 37, 39 tuổi, đường hoạn lộ mới bắt đầu, chưa viết Truyện Kiều, chưa làm Chánh Sứ, tuổi thanh niên đang sung sức thì không thể nào có thể tự hỏi một câu: "ba trăm năm nữa ai người khóc mình."

Việc khám phá mối tình Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đã phản bác bút hiệu TỐ NHƯ mà người đời sau gán cho Nguyễn Du, tố như chỉ có nghĩa là người đẹp tài sắc giống như thế. Vì không hiểu được việc Nguyễn Du mượn chuyện Tiểu Thanh để nói đến tâm sự lo âu cho Hồ Xuân Hương, nên mới cho rằng Tố Như là bút hiệu Nguyễn Du khiến cho bài Độc Tiểu Thanh Ký ý tứ trở nên sai lệch.

Nguyên tác phiên âm Hán Việt bài cuối số 78 Thanh Hiên Thi Tập, như sau:

ĐỘC TIỂU THANH KÝ

Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư,
Chi phấn hữu thần liên tử hậu,

Văn chương vô mệnh lụy phần dư,
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kỳ oan ngã tự cư,
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp tố như.

Mà tôi xin dịch như sau:

Tây Hồ vườn cảnh đã hoang vu
Bên cửa viếng nàng một áng thư
Son phấn có thần chôn vẫn hận,
Văn chương vô mệnh cháy còn dư
Mối hờn kim cổ trời khôn hỏi
Cái án phong lưu khách lụy sầu
Ba trăm năm nữa trong thiên hạ,
Còn Nàng, ai nhỏ một niềm đau?

Sáu câu đầu Nguyễn Du nói chuyện về nàng Tiểu Thanh, mượn cảnh Tây Hồ ở Triết Giang để nói lên cảnh Tây Hồ thành Thăng Long vườn cảnh đã hoang vu vì thiếu Xuân Hương Hồ Phi Mai. Thăm viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ.

Hai câu cuối bỗng dưng Nguyễn Du tự hỏi ai khóc mình:

Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa
Người đời ai khóc Nguyễn Du chăng?

thì quả là chẳng ăn nhập gì với sáu câu trước.

Nguyễn Du hiệu là Thanh Hiên có lẽ ý Nguyễn Du muốn viết tác phẩm để đời như Tây Sương Ký: *Mái Tây còn để tiếng đời, Noi gương kim cổ cho người soi chung.* Nguyễn Du muốn viết truyện Mái Lầu Xanh như truyện Mái Tây chăng?

Bút hiệu Thanh Hiên, Nguyễn Du ghi rõ ràng trên Tập thơ Thanh Hiên thi tập, nhưng Tố Như chỉ thấy trên bài Độc Tiểu Thanh Ký. Hiện nay không có một bút tích nào chứng tỏ Tố Như là bút hiệu Nguyễn Du.

Thật ra hai câu

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp tố như

Cụ Lê Thước, Phan Sĩ Bàng trong "Truyện cụ Nguyễn Du" soạn năm 1924 dựa theo lời cụ Nghè Nguyễn Mai nói rằng đó là hai câu thơ khẩu chiếm, cụ Nguyễn Du trăn trối trước khi mất. Nhưng cụ Đào Duy Anh năm 1943 lại khám phá ra đó chỉ là hai câu cuối trong bài Độc Tiểu Thanh Ký viết khoảng năm 1804, lúc Nguyễn Du mới 39 tuổi. Mối hồ nghi vẫn chưa được ai giải đáp.

Nhưng rồi Xuân Hương không đau buồn và mất như nàng Tiểu Thanh, Cai Tổng Cóc cũng không chết sớm vì gò má lưỡng quyền sát phu như các thầy bói rùa tiên đoán. Nàng đã dứt tình với Tổng Cóc bằng bài thơ gọi cả họ hàng nhà Cóc, chàng, bén, nòng nọc... thiếp bén duyên chàng chỉ thế thôi vì anh chàng Cóc chẳng làm cho nàng hạnh phúc, một tháng đôi lần có như không, chịu đấm ăn xôi xôi lại hỏng. Về sự kiện này, có thể truy tìm được năm mất của Tổng Cóc tại nhà thờ tự ông tại Vĩnh Yên.

Xuân Hương trở lại Cổ Nguyệt đường với mẹ. Không biết rằng Nguyễn Du có để lại tặng nàng tập thơ phần dư cảo của Tiểu Thanh và bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký trước khi từ chức Tri phủ Thường Tín xin về quê nghỉ bệnh một tháng mùa thu năm 1804 không? Trong bài "Chơi Tây Hồ nhớ bạn" của Hồ Xuân Hương chép trong Quốc Âm thi tuyển bản khắc chữ nôm năm 1914 hiện lưu trữ tại thư viện Hoàng Xuân Hãn, Xuân Hương dường như có lời nhắn gửi Nguyễn Du qua bài thơ sau:

Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa
Người đồng châu trước biết bao giờ
Nhật Tân đê lỡ nhưng còn lối
Trấn Bắc rêu phong vẫn ngấn thơ
Nọ vực Trâu vàng trăng lạt bóng
Kìa non Phượng đất khói tuôn mờ
Hồ kia thăm thẳm sâu dường mấy
So dạ hoài nhân dễ chứa vừa.

Nguyễn Du về quê được một tháng thì được triệu vào Kinh đô Huế thăng chức Đông Các Học Sĩ và sau đó được cử làm Quan Bố Chính Quảng Bình. Về Huế, nhìn những hồ sen kinh đô lòng Nguyễn Du không khỏi nhớ đến ngày xưa đã cùng Xuân Hương Hồ Phi Mai chèo thuyền hái sen Tây Hồ, năm ấy nàng vừa mười tám, đẹp rực rỡ như một đóa sen. Bài thơ được chép trong "Nam Trung Tạp ngâm" sau bài buổi sáng sớm trên đường qua núi Phượng Hoàng, nghĩa là vừa đến kinh đô Nguyễn Du đã nằm mơ thấy hái sen. Bài thơ chữ Hán, "Mộng đắc thái liên" tôi dịch thơ như sau:

MƠ THẤY HÁI SEN

I.

Xắn gọn quần cánh bướm
Chèo thuyền nan hái sen
Nước hồ dâng lai láng
Bóng người soi nước trong

II.

Tây Hồ hái hái sen
Hoa, gương chất mạn thuyền
Hoa tặng người mình kính
Gương tặng người mình thương

III.
Sáng nay đi hái sen
Hẹn nàng bên đi với
Nàng đến tự bao giờ
Cách hoa nghe cười nói?

IV.
Hoa sen ai cũng yêu
Cọng sen nào ai thích
Trong cuống có tơ bền
Vấn vương hoài không dứt.

V.
Lá sen màu xanh xanh
Hoa sen đẹp xinh xinh
Hái chớ làm lìa ngó
Năm sau sen chẳng sinh.

Nguyên tác thơ chữ Hán Mộng Đắc Thái Liên bài số 2 Nam Trung tập ngâm, phiên âm Hán Việt như sau:

MỘNG ĐẮC THÁI LIÊN

I.
Khẩn thúc giáp điệp quần
Thái liên trạo tiểu đĩnh
Hồ thủy hà xung xung,
Thủy trung hữu nhân ảnh.

II.
Thái thái Tây hồ liên,
Hoa thực câu thướng thuyền
Hoa dĩ tặng sở úy,
Thực dĩ tặng sở liên.

III.
Kim thần khứ thái liên
Nãi ước đông lân nữ
Bất tri lai bất tri,
Cách hoa văn tiếu ngữ.

IV.
Cộng tri liên liên hoa
Thùy giả liên liên cán
Kỳ trung hữu chân ty,
Khiên liên bất khả đoạn.

V.
Liên diệp hà thanh thanh
Liên hoa kiều doanh doanh
Thái chi vật thương ngẫu
Minh niên bất phục sinh.

Mượn chuyện hái sen Nguyễn Du ghi lại mối tình mình, như cọng sen có tơ bền, vấn vương hoài không dứt

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng
Kiều gốc về 2241-2242

Mối tình Nguyễn Du Hồ Xuân Hương tạm dứt ở đây. Từ năm 1804 đến năm 1813 Nguyễn Du làm Đông Các học sĩ, làm quan Bố Chánh Quảng Bình cho đến ngày được thăng Cần Chánh Học Sĩ, làm Chánh Sứ đi triều cống nhà Thanh. Cuộc đời mỗi người đi mỗi ngã, Nguyễn Du vui duyên mới, một thê, hai thiếp và Hồ Xuân Hương sau ba lần dang dở vẫn số phận long đong: Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong.

Năm 1819, khi người chồng sau cùng của Hồ Xuân Hương, viên quan Tham Hiệp Trấn Yên Quảng Trần Phúc Hiển bị xử tử, từ kinh đô Huế chắc Nguyễn Du cũng hay biết, nhưng nào ai cản được cái án đã phê bởi Vua Gia Long.

Năm sau Nguyễn Du được cử đi sứ một lần nữa, nhưng ông bị bệnh nặng, ông không chịu uống thuốc, trước khi mất, ông hỏi người nhà xem tay chân đã lạnh chưa, người thiếp nói lạnh, ông nói: "Được," rồi lặng lẽ ra đi.

Nguyễn Du để lại cho đời Truyện Kiều, giọt nước mắt khóc thương những người đàn bà tài sắc mà mệnh bạc:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng mệnh bạc vẫn là lời chung.

Nếu phút lâm chung Nguyễn Du trí óc có bừng sáng nhắc lại hai câu:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp tố như

như cụ Nghè Nguyễn Mai cháu 10 đời kể lại, thì cũng không phải vì lo cho ba trăm năm sau ai sẽ khóc mình, mà lo cho ba trăm năm sau ai sẽ khóc cho Xuân Hương Hồ Phi Mai người tài sắc vẹn toàn nhưng mệnh bạc, mong manh như một cành mai trước gió xuân.●

Paris 4-1998

Tài liệu tham khảo:

- *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Văn Học 1965
- Hoàng Xuân Hãn. *Tình sử và văn thơ Hồ Xuân Hương*, tạp chí Khoa Học Xã Hội số 10-11 Paris 1983.
- *Thơ Hồ Xuân Hương*, Minh Phúc biên soạn. Nxb Đồng Nai 1996.
- Xuân Diệu, *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*. Tập II. Hồ Xuân Hương. Nxb Văn Học. Hà Nội 1982.

* Tiến sĩ Khoa Học Giáo Dục. Viện Đại Học Paris V. Sorbonne, nhà thơ.

VỀ CHÂN LÍ KHOA HỌC VÀ CHÂN LÍ TỐI HẬU

NGUYỄN KẾT

Trong tương quan khoa học-tông giáo có một niềm tin phổ cập về một phân cách hay khoảng cách tuyệt đối giữa khoa học và Chân lí, theo đó khoa học, vì trong bản chất không là Chân lí hay có quan hệ gì với chân lí, nên thấp kém, xấu xa, mù lòa, vô nghĩa lí, không đáng tin, vv. và phải được chỉ huy, hướng dẫn, soi sáng bởi các sự thật thiêng thánh, 'vượt khỏi lí trí khách quan' (nói tắt là siêu lí) để khỏi lầm đường lạc nẽo và thật sự đắc dụng. Niềm tin nhị nguyên này thỉnh thoảng gây ra những tranh cãi gay gắt trên báo chí tây phương, do sự... ngang ngược của người tin theo nó. Nhưng hiển nhiên không chỉ người tông giáo *fundamentalist, creationist* tây phương mới có niềm tin này. Và trên báo Thế Kỷ 21, ông Phạm Ngọc Khôi cũng đã hơn một lần làm nghĩ đến nó, chẳng hạn khi ông nói đến một chọn lựa dứt khoát giữa "một nguyên lí sáng tạo vượt khỏi lí trí con người" và "thuyết 'tình cờ' vô nghĩa lí mà rất nhiều khoa học gia bám víu để che dấu sự thiếu hiểu biết của họ." (TK 21, số 110)

Đó là lí do khiến tôi đưa lời góp ý, nhắc nhở về sự vững chắc lí thuyết và thực nghiệm của khái niệm tình cờ, tức sự đắc dụng, có ý nghĩa của nó trong bối cảnh khoa học (số 111), với một ẩn ý rằng chúng ta không thể chối bỏ hay chống lại những điều được khoa học gia đồng thuận sự thật, mà chỉ có thể sửa đổi hoặc chống lại cái nhìn sai-sự-thật của mình hoặc người khác. Lời góp ý của tôi được đáp lại, với những điều mà góp chung lại thì trở thành sự cổ vũ niềm tin trên.

Ông Khôi chẳng hạn đã tạo ra một ấn tượng rất xấu về khoa học và khoa học gia, theo đó, mặc dù ông vô tình, không có ý ấy, nhưng người đọc dễ cảm thấy chính mình bị lên án như "tin tưởng mù quáng," "không chịu khó read between the lines" (sic), "để cho họ đánh lừa hoặc dẫn dụ." Nghĩ như thế không chỉ tôi, người trong cuộc, mà còn có tác giả Trần Chung Ngọc (số 115) và những người mà tôi quen biết, người học hỏi, tìm hiểu khoa học tự nhiên qua các sách phổ thông.

Do khoa học, theo sự tiến bộ của nó, hầu như luôn luôn có những hiểu biết thoạt nhìn có tính thách đố hay đe dọa một số niềm tin siêu lí (vượt khỏi lí trí), và do đặc tính của các niềm tin này, nên người Việt chúng ta có lẽ trước sau gì cũng có những người đi đến thái độ xem thường và thù nghịch khoa học nói riêng và lí trí nói chung, như thấy nơi các xã hội khoa học và thế tục. Điều này được tin như một 'qui luật.' Nhưng nếu không thể ngăn chận được sự phát sinh của hiện tượng này thì cũng không nên để mặc nó phát triển: ngoài những hệ quả tai hại hiển nhiên, nó hoàn toàn không có lí do hợp lí gì để hiện hữu, như sẽ nói phần nào trong bài này.

*

Tôi muốn khẳng định rằng, những gì nói về ông Khôi ở trên chỉ dựa vào văn từ chữ nghĩa chứ tôi không hề nghĩ ông có niềm tin nêu trên. Có một hai điều còn cho thấy ông có lẽ chỉ vô tình mà thôi, không có ý như lời ông viết. Những lời đó có thể tạo ra nơi người đọc cảm giác rằng chúng không đơn giản là sự hoài nghi lành mạnh về một số khái niệm, ý niệm khoa học và một số khoa học gia nào đó, mà là những phán quyết nhiều thiên kiến đối với toàn thể khoa học và khoa học gia và như thế có thể đưa đến những hậu quả không tốt.

Xin được nói rõ hơn về nhận định này.

Khi nói lời ông nhiều thiên kiến, tôi muốn nói những điều ông nói dễ dàng được nhìn theo cách khác, uyển chuyển và xác thực hơn. Xin minh họa với một câu chuyện mà người đọc khó lượng định so với những điều khác mà ông Khôi đề cập: câu chuyện Einstein và việc làm bom nguyên tử, được đưa ra như một phản-ví dụ cho câu nói của tôi, rằng chúng ta sẽ hoàn toàn sai lầm nếu nghĩ, ngay trong lãnh vực của họ mà đa số khoa học gia cũng không biết những gì họ tin.

Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu ông Khôi có các chứng liệu cho version của ông. Nhưng nó vẫn không đủ xác thực, ở điểm không có chỗ cho, và không tương hợp với, nhiều sự kiện. Đáng kể là những điều mà sinh viên vật lí lí thuyết có thể biết khi học qua vật lí hạt nhân: các kết quả lí thuyết mà Niels Bohr tìm ra từ đầu thập niên 30, có tính quyết định là một công trình có sự hợp lực với John A. Wheeler, một trong nhiều học trò phương xa của Bohr; cùng với một khám phá thực nghiệm quan trọng về sự phóng xạ nguyên tử, cũng có trong thời gian này, các kết quả này cho biết rằng phản ứng hạt nhân dây chuyền là điều có thể tạo ra được.

Thứ hai, và do đó, cho đến các năm đầu thập niên 40, các chuyên gia về vật lí nguyên tử và hạt nhân đã biết rằng việc vận dụng năng lương nguyên tử hay chế tạo một thứ vũ khí kinh khủng như thế là điều trên nguyên tắc thực hiện được. Vấn đề còn lại là kĩ thuật. Trình độ kĩ thuật vẫn thường không theo kịp hiểu biết khoa học lí thuyết, và điều này càng đúng hơn nữa cho trình độ kĩ thuật trước đây.

Thế nên nếu các chuyên gia làm cố vấn chính phủ có tỏ ý nghi ngại, thì vấn đề không phải khoa học, mà *engineering* mới là chính yếu, trừ phi họ chỉ là những kí sinh trùng, chuyên gia hữu danh vô thực. Quả thật, không có hàng ngàn vật lí gia và kĩ sư hợp sức đêm ngày để giải quyết các vấn đề phần lớn là kĩ thuật, thì quả bom nguyên tử đầu tiên đã không có. (Hiểu biết về vật lí hạt nhân ngày nay trong căn bản không khác xưa nhiều lắm, nhưng kĩ thuật chế tạo thì đã đến mức ai cũng có thể làm được một quả bom nguyên tử nếu có đủ khí cụ và vật liệu cần thiết, cùng kiến thức tối thiểu về việc sử dụng các khí cụ đó.)

Nhưng có đúng là những gì ông nói vô tình đụng đến đến toàn thể khoa học và khoa học giới? Cho dù ông thành thật khi nói, ông chỉ hướng những đánh giá nặng nề của mình đến một số khoa học gia, rằng họ lừa mình dối người, phóng đại khả năng của các kiến thức khoa học v.v. khi bám víu vào "thuyết tình cờ vô nghĩa lí" v.v. đối nghịch với "nguyên lí sáng tạo vượt khỏi lí trí con người," nhưng nếu đúng như thế thì người tin ông dần dần sẽ đi đến chỗ có ác cảm với khoa học và toàn thể khoa học giới. Vì đọc khoa học gia nào, tác phẩm khoa học phổ thông đúng nghĩa nào chúng ta cũng có thể thấy tác giả tin vào thuyết tình cờ, hoặc nếu không muốn tin thì cũng không cho rằng nó vô nghĩa lí hay không vững chắc, trừ phi vô phúc gặp phải một vài quyển sách biện minh cho niềm tin cùng hạng với *The Philosophical Scientists* của David Foster và các bài viết thấy trên những địa chỉ *internet* của người *fundamentalist* và *creationist*.

Lí do là, thuyết tình cờ ngầm được cho là thiếu căn bản khoa học, "không liên hệ gì với... *quantum mechanics*" (sic), thì thật ra có quan hệ mật thiết với khái niệm tình cờ như một trong các khái niệm nền tảng nhất của vật lí lượng tử và, như thế, của khoa học tự nhiên nói chung. Để nói cụ thể hơn, khi ông Khôi định nghĩa thuyết tình cờ như "chỉ là giả thuyết cho rằng vũ trụ được ngẫu nhiên tạo thành và thế giới sinh vật cũng được hình thành một cách tình cờ ngẫu nhiên," thì vế đầu của định nghĩa này (Vũ trụ hình thành do tình cờ) là nhận thức ắt có của việc áp dụng vật lí lượng tử vào vũ trụ học! (Xin người đọc kiên nhẫn: 'tình cờ' trong khoa học tự nhiên không có nghĩa xấu.)

Đi sang những chuyện khác, tôi xin bắt đầu với một trong các nhận định sai lầm về tôi, đụng đến danh dự của tôi như một người viết tự trọng. Góp ý với ông Khôi (xin xem lại số báo 111), tôi nói đến sự vững chắc lí thuyết và thực nghiệm của ý niệm tình cờ ở bình diện của vật lí lượng tử, rằng khái niệm tình cờ của nó có nội dung thực nghiệm và ý nghĩa khoa học xác định chứ không vô nghĩa lí.

Niềm tin vào sự vững chắc của khái niệm tình cờ có một hệ quả — mà tôi nói đến chỉ vì muốn ông Khôi xét lại quan điểm của ông — , đó là sự kiện đa số các nhà vật lí đã không lưu tâm đến, hay không có hảo cảm với, những niềm tin, triết thuyết và giải thích khoa học trong đó khái niệm này bị phủ nhận (sự tình cờ ngẫu nhiên bị tước mất tính cách 'căn bản' của nó). Và tôi đưa ví dụ Fritjof Capra và Paul Davies như hai đại biểu của nỗ lực giải thích

khoa học tự nhiên theo lăng kính siêu lí, một New Age, một Kitô giáo, nói rằng các giải thích vật lí của hai chuyên gia này dù rất được xem trọng bên ngoài khoa học giới nhưng bị họ xem như không có giá trị.

Cho đến đây tôi đã không làm gì hơn là đưa ra một thông tin. Nhưng hiểu lầm đã phát sinh. Có lẽ có không ít (hơn hai) người đã như bị dính chặt vào đây, không thể đọc bài viết như một toàn thể để thấy rằng, ở cuối bài tôi mới nói đến cái chủ quan của mình, rằng tôi không chịu cách giải thích tuyệt đối về khái niệm tình cờ của nhiều khoa học gia. Hiểu lầm này chấp nhận được. Nhưng vô lí là sự lên án rằng tôi nhận định vô căn cứ và hời hợt về Paul Davies và sự nghiệp khoa học của ông ta.

Nhận xét này không đúng vì thứ nhất tôi chỉ nói đó là ý kiến của đa số khoa học gia chứ không phải của tôi, và thứ hai sự xem thường kia chỉ giới hạn trong các giải thích khoa học có màu sắc siêu lí, hoặc từ khởi điểm siêu lí, như chúng được thấy trong các tác phẩm khoa học-huyền học đông phương và khoa học-thần học của Capra và Davies chứ không liên hệ đến sự nghiệp khoa học của riêng Davies (hay các tác phẩm khoa học phổ thông thuần túy của ông ấy).

Và tôi có cân nhắc và có bằng chứng cho những gì mình viết chứ không vì định kiến mà suy diễn bừa bãi. Người đọc chỉ cần kiểm chứng ở một tác phẩm như của Victor Stenger, *The Unconscious Quantum* (1995). Khoa học gia-tác giả này cho thấy rõ các lí do khiến đa số các nhà vật lí phải không chấp nhận các giải thích khoa học có tính siêu lí, bất kể đó là của Davies hay của những chuyên gia mà sự nghiệp khoa học lớn hơn Davies nhiều.

*

Những điều nói trên không có nghĩa là đa số khoa học gia có ác cảm hay thái độ thù nghịch với các giải thích khoa học từ viễn cảnh siêu hình và xem mọi chuyên gia để tâm đến chuyện đó là cá mè một lứa. Nhiều chuyên gia duy vật hoặc không tin gì hơn là tri thức khoa học (nhưng không đến mức của người theo chủ thuyết duy khoa học, *scienticism*) còn có vẻ cảm thông và có phần biết ơn Capra, dù họ không tin là nỗ lực của ông có điểm tựa khoa học.

Một trong các lí do là Capra, trong *The Tao of Physics*, rất cẩn thận trong giải thích siêu hình của ông, khác với nhiều người khác, và khác xa những tường thuật bên lề, trong đó Capra được 'phong' là 'khoa học gia thượng thặng' và được nói là chứng minh được niềm tin về cái Nhất thể trong đạo học siêu lí (mysticism, huyền học) của đông phương vv. và vv. Và các lí do khác: với tác phẩm này, Capra được nhìn nhận như khoa học gia đầu tiên cho thấy khoa học và tông giáo có thể sống chung hòa bình với nhau (nếu tông giáo đi đến mức độ của đạo học đông phương), cũng như đã làm không ít chuyên gia nghĩ đến khả năng mô tả tâm thức bằng ngôn ngữ vật lí (nếu ngôn ngữ vật lí đến gần hơn đạo học đông phương hơn một chút nữa, như được ngụ ý trong tác phẩm đó).

Nhưng sự kiện là đa số khoa học gia đã nặng lời đối với những người như Capra, trong khi đối với Davies v.v. thì nhẹ tay hơn. Có công lớn nhưng Capra cũng đụng đến một số 'cấm kị,' quan trọng nhất có lẽ là, thứ nhất, trong tác phẩm kế tiếp, *The Turning Point*, ông nghiễm nhiên xem đạo học đông phương như một khuôn mẫu (*paradigm*), như định hướng tư tưởng cho khoa học tự nhiên, và thứ hai, đạo học đông phương 'của ông' là huyền học, 'vượt khỏi lí trí'. Về điểm này không ít người tông giáo đông phương cũng đồng ý với các nhà khoa học tự nhiên. Có những ngụ ý rằng Capra đã làm hại Phật giáo (trong tương quan khoa học-tông giáo) khi giữ nó trong dạng dễ làm ông đặt nó chung với các dạng thức đạo học siêu lí.

Davies cũng siêu hình nhưng không bị lên án nhiều không hẳn vì sự nghiệp khoa học của ông lớn hơn Capra (nếu thế thì David Bohm đã không lao đao cả đời, vì sự nghiệp khoa học của ông lớn hơn Davies nhiều), mà vì ông đã giữ mình không quá xa cách thuyên giải chính thống khi đưa ra giải thích khoa học của mình. Bác bỏ tín điều cùng thần học truyền thống trong tác phẩm *God and the New Physics*, Davies trở thành một trong các trường hợp hiếm hoi gần như thoát được tình trạng 'phân đôi tâm trí,' hay nhảy cóc giữa lí trí và niềm tin, nơi nhiều chuyên gia khi họ bàn về vấn đề này. Sau đó ông còn cho thấy rõ hơn nữa ý muốn dựa vào hiểu biết khoa học và thuyên giải chính thống về chúng, giới hạn suy tưởng siêu hình của mình trong những 'khe hở' do hiểu biết mới mang lại (khác với Capra vv. với nỗ lực giải thích hiểu biết khoa học bằng siêu hình tông giáo, hay sửa đổi thuyên giải chính

thống bằng siêu hình tông giáo).

Vì cách thế tiếp cận như thế, Davies được thấy như không phải là một đe dọa; quả thật ông chỉ tiếp tục truyền thống suy tưởng siêu hình tây phương, với tư thế và ý thức khoa học gia. Hai điều này khiến cái 'Nguyên lí Thần thiêng' của ông thành một mường tượng thi vị và thiếu nội dung thần học cụ thể và vì thế có thể tránh được sự 'sợ hãi' mà khoa học gia có đối với một khái niệm thần học truyền thống bị họ xem như phản lí, phi lí, quanh quẩn (*antirational, irrational, circular*).

Nhưng 'Nguyên lí Thần thiêng' của Davies cũng là một ý niệm siêu lí, không có như một đòi hỏi của lí luận thuần lí, không thể hiểu bằng lí trí, một *"genuine transcendent reality"* như chính ông đã nói. Lí luận thuần lí và thực nghiệm chẳng hạn chỉ cho phép nói đến xu hướng tự phối trí *(self-organisation)* làm nên các 'đại trật tự' trong Vũ trụ, nhưng Davies còn tạo ra nguyên lí này và đặt để nó đằng sau sự tự phối trí (xem *The Cosmic Blueprint*).

Đây là cung cách tư duy mà khoa học không muốn có: đã có thể nói về hiện tượng bằng các khái niệm, nguyên lí hợp lí nhưng vẫn cứ nói đến một nguyên lí khác nằm phía sau hay ở trên. Và nó là lí do chính khiến giải thích khoa học từ căn bản siêu lí hoặc có màu sắc siêu lí, của cả Capra lẫn Davies hoặc bất kì ai khác, bị khoa học gia xem như không có giá trị, tức bị xem như không giá trị khoa học. Chúng có thể rất đẹp, thi vị, và tất nhiên có thể có nhiều giá trị tông giáo, nhưng khoa học gia — số ít khoa học có quan tâm về tông giáo hay các vấn đề siêu hình — dù không muốn cũng quên ngay khi ngồi tính toán, lí luận, thảo luận, làm thí nghiệm, lập giả thuyết v.v.

Ngoài ra thì một giải thích như thế còn có thể làm khoa học gia cảm thấy bị đe dọa; họ đã quen với sự kiện rằng các ý niệm siêu lí một khi được sử dụng như nguyên lí giải thích thì còn có thể làm hại cho tinh thần thực nghiệm và, như thế, là "chướng ngại hiển nhiên cho phát triển khoa học." Chúng ta thử đặt mình vào vị trí của họ để cố mà hiểu sự kiện này.

Không là một khái niệm khoa học, một khái niệm siêu lí có thể quá rộng và mông lung (đối với khoa học), có khả năng 'ngụy biện,' nói quanh quẩn ngược xuôi gì cũng được, như tôi có lần đã nói. Nói theo một tín ngưỡng thần giáo Phi châu: Có một đứa con là Ơn phúc của Thần, nhưng nếu nó chết đi thì đó ý muốn tốt lành gì đó của Ngài, hoặc đã đến lúc Thần lấy lại những gì thuộc về Ngài! Ngay từ căn bản, nó như thế không chấp nhận rằng lúc nào nó cũng có thể bị điều chỉnh, sửa đổi nội dung, hoặc bị thay thế bởi một khái niệm khác, trái ngược hoàn toàn với các khái niệm khoa học. Một vài khoa học gia do đó mà cũng thiếu thiện cảm với khái niệm Đạo của Lão giáo và nói chung những khái niệm bất nhị theo như Capra hiểu.

Thế nên chúng ta, nếu hiểu khác hơn, thì hãy cho thấy là sự siêu việt đối đãi v.v. không phải là tính cách quẩn quanh, phản lí, phi lí làm họ sợ, chứ nghĩ họ thiếu hiểu biết thì cao nhất cũng chỉ đúng... một chiều. Và thử tưởng

TRẦN VẤN LỆ

HOA CỎ MAY

Bây giờ là tháng Chạp, đồng trắng hoa cỏ may...
Cỏ may và mây trắng nổi bật quần em đen lướt trên cánh đồng vắng trở thành hình ảnh quen!
Bây giờ là tháng Chạp, tôi nhớ mười năm xưa, xe đò qua Tùng Nghĩa về Đà Lạt buổi trưa, em là một nàng thơ đi trên cánh đồng trắng hoa cỏ may dính đầy hai gấu quần đen sạm, Việt Nam thời u ám, một củ khoai cũng thèm.
Em đi vào rừng thẳm, tìm những bụi khoai mài, khoai sẽ là của ai với hai tay nứt nẻ...
Khoai sẽ là của anh nơi hai con mắt lệ! Thương em ôi vô kể thời Việt Nam thê lương, chúng ta thèm miếng cơm và em quần rách gấu hoa cỏ may dính đầy!
Bây giờ là tháng Chạp! Bây giờ em ở đâu? Hỡi những lòng biển sâu chôn chăng khu rừng thẳm, chôn chăng đồng cỏ may? Tôi nghĩ em hai tay đưa cao hơn sóng trắng, trời ơi chỉ là mây, không là hoa cỏ dại...
Việt Nam thời xa ngái mút cánh đồng cỏ hoang, chúng ta đành lang thang giống như trời mây khói!
Em ơi mình hết đói, thôi đừng vào rừng sâu...

tượng một nhà khoa học mà cách suy nghĩ bị qui định bởi những nguyên lí siêu lí dễ đưa đến lối tư duy 'bất khả tư nghị', rằng mỗi khi gặp một khó khăn nào đó trong công tác khảo cứu thì ông, bà ta vì thế dễ có xu hướng nghĩ khó khăn này như chứng minh cho một chân lí 'không thể nghĩ bàn' nào đó. Hiển nhiên những người như thế lỡ mất cơ hội giải quyết vấn đề. Và nếu không chỉ dăm ba người, mà số đông khoa học gia đều bị qui định bởi cách suy nghĩ như thế thì khoa học có phát triển nổi, hay tiếp tục phát triển nữa không?

*

Nhưng khoa học và tông giáo không nhất định phải luôn ở quan hệ kính nhi viễn chi. Nhiều điều tôi đưa ra trong phần còn lại của bài này cho thấy rằng, một quan hệ gần gũi hơn có thể là điều có thể có.

Trước hết, phác họa về Capra và Davies ở trên gợi ý rằng siêu hình mà không (hoặc ít) siêu lí và như thế không hàm chứa những quanh quẩn, phi lí có-thể-có, thì không có vấn đề gì đáng kể trong mắt khoa học gia. Có một công trình phê bình (*critique*) khoa học tây phương muốn làm hụt chân nhiều giả định được xem như chân lí hiển nhiên trong khoa học nhưng lại được một số khoa học gia đón nhận với sự trân trọng và có thể nói là có ảnh hưởng gián tiếp đến những tác phẩm triết khoa học về sau. Nó được nói đến như "biệt lệ" khi góp ý với ông Khôi, và căn bản triết học của phê bình này là triết học Trung đạo của truyền thống Ấn-Tạng.

Ở đây cũng xin minh họa thêm, với các chuyên gia Phật tử mà một trong các trường hợp sáng chói là Francisco Varela. Varela làm việc trong nhiều lãnh vực (sinh học, miễn nhiễm học và nhận thức học), một bác học theo đúng nghĩa của từ ngữ này. Ông 'đáng lí' bị phê phán nặng nề vì ông không chỉ mường tượng như Davies hay nói 'khơi khơi' như Capra vv., mà đang làm công việc thay các khái niệm khoa học tây phương bằng khái niệm có nội dung Phật giáo, rộng hơn. Cùng với nhà tâm lí Eleanor Rosch và triết gia Evan Thompson, Varela đã sử dụng triết và tâm lí học Phật giáo trong nỗ lực tạo ra một định hướng khoa học mới mẻ.

Nỗ lực này hấp dẫn nhiều chuyên gia, có ảnh hưởng ít nhiều trên trào lưu chính của khoa học (xem *The Embodied Mind: Cognitive Science and Human Experience*, 1990, 1993, một tác phẩm khó, chính yếu viết cho giới chuyên gia). Và nó đưa đến những nhận thức mới lạ và mang tính thách thức trào lưu chính. Varela còn tuyên bố rằng Phật giáo có quan hệ mật thiết với nghiên cứu khoa học của ông, rằng các khái niệm nền tảng của vật lí và sinh học là 'Phật giáo trá hình,' và Phật giáo cần thiết cho khoa học vv. và vv.

Đặt mình vào vị thế khoa học gia với niềm tự hào rằng, không phải bất kì học thuật nào khác, mà chính khoa học đã từng chút một và gian khổ đưa đến cho con người bao nhiêu hiểu biết và nhận thức mới mẻ, vững chắc và có ứng dụng cụ thể, chúng ta có thể hiểu là Varela 'bạo phổi' ra sao. Thế nhưng ông cũng chỉ bị một số chuyên gia khó tính phê phán như đang làm chuyện khó hiểu, hiểu ngầm là khó hiểu nhìn từ hiểu biết khoa học (ví dụ, xem *The Third Culture*).

Lí do chỉ có thể là, triết và khoa học Phật giáo đang thường xuyên đàm luận với khoa học tây phương trong nhiều lãnh vực, có khi còn sát cánh cộng tác và đã đem đến một số kết quả bất ngờ cho khoa học tây phương, về tâm thức và bệnh lí học. Ở một vài nước, đã có những học viện chính thức sử dụng thiền tập Phật giáo trong trị liệu, và trong chính việc đào tạo chuyên viên và chuyên gia. Chúng ta cũng thấy một sự kiện từ khá lâu đã trở thành định lệ hàng năm: những đối thoại khoa học nghiêm túc, kéo dài hàng tuần lễ, giữa các khoa học gia tiếng tăm do Varela mời gọi, và Dalai Lama cùng các học giả-hành giả thuộc truyền thống Trung đạo Ấn-Tạng. Trong các đối thoại này, khoa học gia ngồi nghe giải thích về các quyền năng siêu thường mà không cười!

Những sự kiện như thế quả thật dễ làm nghĩ đến một viễn ảnh mới lạ. Không phải chỉ giữa khoa học và một hai ngọn nến Phật giáo lập lòe hiện nay mà thôi. Khoa học gia tất nhiên phải cởi mở hơn nếu thấy phía tông giáo có những điều có giá trị (khoa học), đó là có điểm tựa thực nghiệm, không xa rời tri thức thực nghiệm và có lợi cho, cần thiết cho sự khảo sát một khía cạnh nào đó của thực tại. Và nhiều tông giáo thì có khả năng tiếp thu và thích nghi cao, đến mức có thể lột xác hoàn toàn, như sử học cho thấy. Người tự xem mình như chiến sĩ bảo vệ tín điều siêu lí hôm nay do đó rất có thể sẽ chứng kiến việc mình bị lên án như ru ngủ và làm cản trở bước tiến của ý thức tông giáo, ngày mai.●

VỀ TẮM AO XƯA - CÔN ĐẢO

BÙI DƯƠNG CHI

Cô kiểm vé ở quầy thủ tục sân bay trực thăng Tân Sơn Nhất bảo tôi phải cân và gửi hành lý. Ghi trọng lượng xong, cô ấy mời tôi lên cân luôn. Chưa hết ngạc nhiên thì một cậu ăn bận thường phục xin phép mở sách tay để kiểm tra an toàn. Vào phòng đợi, tôi thấy đã có khoảng hơn chục khách, phần lớn là người nước ngoài. Chờ mới được ít phút thì một khách ta khệ nệ bước vào. Ông này chẳng kể tới ai, om xòm phản đối cho rằng chỉ có mình phải đăng ký (kê khai) hành lý. Cậu kiểm tra an toàn giải thích thế nào cũng không được. Càng lúc ông càng to giọng, nặng lời. Một cô ở phía ngoài đi vào từ tốn nói chuyện phải trái nhưng ông vẫn không phục thiện mà còn nạt nộ đòi gặp cấp trên.Tôi nghe cô nhân viên nghiêm giọng tự giới thiệu là trưởng toán và yêu cầu ông khách ra ngay quầy thủ tục. Một lúc sau, ông ta im lặng quay vào ngồi ở cuối phòng.

Cậu thanh niên mời mọi người xem video chỉ dẫn an toàn trước khi lên trực thăng. Tôi lên sau cùng để ngỏ lời khen cô trưởng toán. Cô bảo lẽ ra không cho ổng đi nhưng phải thông cảm bỏ qua vì người ta có thân nhân ở nơi bị bão ngoài huyện Côn Đảo.

Đợi cho mọi người ngồi vào chỗ xong, anh phi công bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, yêu cầu khách đeo áo phao, cột dây an toàn và dùng ống nghe để được hướng dẫn thoát hiểm nếu có sự cố (trục trặc). Thấy anh vẻ mặt thư giãn, ăn nói điềm đạm nên tôi đỡ sợ phần nào vì trực thăng xem ra rất cũ mà đồ hàng lại quá nhiều, xếp kín cả lối đi. Lúc cất cánh, chắc chở nặng nên nó kêu ầm ầm và phải chạy lấy trớn một đoạn dài mới bốc lên được.

Bay hơn nửa tiếng đã tới biển Đông. Nhìn mầu nước chỗ đục chỗ xanh với những giải trắng lăn tăn, tôi đoán biển vẫn còn động mạnh. Tôi để ý thấy gần bờ thì còn một số tàu bè đi lại nhưng càng ra xa càng thưa thớt.

Tới Côn Đảo thì mặt biển hoàn toàn vắng lặng. Qua ống nghe, anh phi công báo máy bay sửa soạn đáp xuống phi trường.

Phi trường thực ra chỉ là một đường bay hẹp và ngắn. Hai bên rìa nhiều chỗ bị vỡ lộ cả đá lót. Phi cảng là một căn nhà hai gian. Một phòng có cột ăng ten, chắc là đài liên lạc vô tuyến. Một phòng là chỗ đưa đón hành khách và quầy giải khát. Tôi thấy mái nhà bị bão cuốn mất, chỉ còn khung sắt. Phương tiện chuyên chở là một xe buýt cũ kỹ, chắc cũng trên ba chục tuổi là ít. Tuy nhiên, tôi tự nhủ cảnh quang, phương tiện phải như vậy thì chuyến đi mới có cái hương vị phiêu lưu.

Đường về thị trấn vòng vèo qua mấy chỗ đèo cao hiểm trở. Nhiều đoạn đất đá lổn nhổn vì đang được mở rộng nâng cấp. Tới những khúc sát biển, nhìn xuống các vũng xâu, tôi thấy có thuyền đánh cá bị lật úp ngoài khơi, có cái nằm chênh vênh trên bờ đá. Một người địa phương đi quá giang bảo toàn là tầu bè ở các tỉnh khác chạy vào lánh nạn nhưng không ngờ bão lại ập đúng ngay vào đây. Nhiều cái bị đắm. Số người chết chưa biết bao nhiêu, quê quán ở đâu. Dân của huyện may không ai thiệt mạng nhưng nhà cửa có nơi bị xập đổ trăm phần trăm. Anh than thở đồi núi, ven đường

mới tuần trước còn xanh tươi đẹp đẽ, nay tàn lụi hết. Nguyên nhân là gió lốc mạnh quá, thổi nước biển lẫn dầu cặn của một xà lan và các tầu đánh cá bị chìm vào hướng này nên cỏ cây hoa lá chết tiêu hết.

Xe tới thị trấn, tôi thấy các tàng lá của hàng bàng cổ thụ chạy dọc theo đường bờ biển trông như bị cháy khô. Nhà cửa ở khu này đều bằng gạch đá kiên cố nên ít hư hại trừ một số bị cây đè làm bể mái, xập tường. Nhà khách của Saigon Tourist không hề hấn gì nhưng vườn tược trông rất tiêu điều.

Sắp xếp phòng ngủ xong, tôi ra đi bộ dọc theo bờ biển. Đi được chừng nửa cây số là tới cầu tầu lịch sử. Nghe nói thời Pháp thuộc, đây là chỗ các người bị lưu đầy tập họp và chia tay trước khi bị dẫn giải về các trại giam. Ngay cạnh cầu tầu là vũng neo thuyền. Trên bãi cát và ngoài bờ nước, tôi thấy thuyền bè nằm ngổn ngang, nghiêng ngả. Có nhiều cái bị vỡ, lộ cả khoang. Có cái chỉ còn bộ khung. Trên bờ, dân chúng túm tụm quanh mấy người mang cặp, tay cầm giấy bút và điện thoại di động. Hỏi ra họ là các nhân viên bảo hiểm đi kiểm kê để lập thủ tục bồi thường.

Đi quá chút nữa, tôi thấy ba thanh niên quần áo rách rưới, loang lổ vết dầu, đứng ngồi cạnh một gốc bàng. Một cậu chân đất đá đá lá khô, một cậu co ro bất động, một cậu cầm cọng cây gạch gạch xuống cát. Tôi lại gần mời thuốc. Chờ cho mỗi cậu rít xong mấy hơi thật dài, tỉnh như sáo sậu, tôi mới hỏi chuyện. Ba cậu bảo quê ngoài Thanh Hóa, vào Bình Định đi đánh cá thuê. Tầu bị bão đánh hỏng hết. Một bạn mất tích. Chủ tầu không mua bảo hiểm nên phải điện thoại tìm người ở Quy Nhơn vay tiền sửa chữa. Tôi hỏi thế mấy hôm nay ăn ngủ ở đâu. Chả thấy nói gì. Đã nhắn tin về làng chưa. Một cậu trả lời chắc nhà sợ lắm nhưng chịu, chả có cách nào. Một cậu khác nói đi biển cả tháng nay, bị vố này không biết làm sao. Tiền ăn không có. Tiền về quê cũng không có. Ở đây thì biết đến bao giờ tầu mới chữa xong. Sẵn một nghìn đôla của anh Th. ở bang Virginia đưa để làm việc công ích, từ tâm, tôi gửi mỗi cậu ít tiền ăn đường, xe pháo về quê.

Quay lại nhà khách, tôi bảo hai cô lễ tân (tiếp khách) chỉ cho tôi đường đi thăm chỗ nào nhà cửa bị xập nhiều để tôi giúp đỡ nạn nhân. Một cô bảo đường đèo xa và khó đi lắm, để cô xin ý kiến giám đốc. Trong khi chờ đợi, cô kia lấy xe gắn máy chở tôi đi tham quan.

Trong thị trấn, trụ sở nhà nước có mấy cái rất rộng rãi mới mẻ nhưng nhà dân hầu hết lại cũ kỹ quá. Mặt tiền của Trường Phổ Thông Võ Thị Sáu, cấp II và III cũng vậy. Đường vào sân cỏ cỏ mọc lởm chởm bừa bãi. Khu buôn bán chính có hai đường. Tiệm ăn, cửa hàng và quán giải khát, tổng cộng khoảng hơn chục cái. Cà phê Karaoke, tôi thấy hai chỗ. Đi xe quanh quẩn chừng 15 phút là hết thị trấn. Nghe nói không kể bộ đội biên phòng, cả đảo chỉ có khoảng hai ngàn người.

Cô lễ tân còn đưa tôi đi xem Nghĩa Trang Hàng Dương. Nhà tưởng niệm mới xây theo kiểu đền chùa, mái ngói đỏ, kèo cột bằng gỗ trông cũng hợp cảnh. Mồ mả, đường đi, cây cối ở chung quanh được thiết kế và trông nom khá chu đáo. Sau khi chụp ảnh kỷ niệm, tôi bảo cô lễ tân quay về nhà khách.

Tắm rửa cơm nước xong, tôi vào phòng xem tin đài truyền hình CNN. Được một lát, có điện thoại của anh giám đốc. Tôi ngỏ ý muốn được đi thăm nạn nhân bão ở địa phương và chuyển tận tay ít tiền giúp đỡ của một người bạn phương xa. Anh bảo để báo cáo cho Ủy Ban Cứu Trợ của Huyện trước rồi sẽ định chương trình.

Sáng hôm sau, trong bữa điểm tâm, anh đề nghị sớm mơi sẽ đưa tôi đi xe ra hướng phi trường. Gần đó có 22 gia đình, nhà cửa xập hết. Nếu tôi đồng ý anh sẽ báo họ trước. Tôi cảm ơn anh đã sốt sắng lo giùm và xin đừng bày vẽ tiếp rước gì cả.

Tôi ra phòng lễ tân nhờ chỉ chỗ tìm xe ôm mới biết huyện không có. Một nhân viên nhà khách đề nghị tôi đi chung xe tham quan với các người nước ngoài. Tôi bảo muốn đi riêng để được tự nhiên. Xe đạp của ai để ngoài sân cho tôi mướn. Nhân viên nói cứ lấy mà đi, xe của nhà khách, không phải trả tiền. Chọn xong, thấy xe không có khóa, tôi quay vào hỏi thì cô lễ tân bảo ở đây để xe ngoài đường cả đêm cũng không bị mất.

Đường xá bên trong và quanh thị trấn tuy hẹp nhưng phần lớn đều khá tốt và có tráng nhựa. Xe cộ còn ít nên tôi vừa đạp vừa xem cảnh hết sức thoải mái. Tôi rất ngạc nhiên thấy đâu đâu cũng có cột và giây điện, kể cả ở các đường biên. Hỏi thăm thì nghe nói chỉ chiều tối mới có điện.

Chợ Côn Đảo xây cất có vẻ vững chãi. Bên trong, sạp hàng được thiết kế ngay ngắn. Hàng tạp hóa có nhiều nhưng thịt thà, hoa quả và rau cỏ không được bao nhiêu. Mấy chị nấu ăn

ở nhà khách bảo giá sinh hoạt ở đây đắt lắm. Dân có trồng lúa, trồng rau và nuôi súc vật nhưng vẫn phải buôn thêm từ đất liền ra. Mỗi lần các thuyền chài tấp vào mua lương thực thì cả tuần sau thứ gì cũng hiếm.

Ghé mua bao thuốc ba số 5, một ổ bánh mì, chuối và một chai nước khoáng nhân tiện hỏi đường ra bãi biển thì đúng là gía cả cao hơn trong đất liền nhiều. Theo lời chỉ dẫn, tôi đạp chưa tới nửa tiếng đã đến khoảng rừng thưa có lẫn ít dừa và dương. Để xe bên ngoài, theo đường mòn độ hai ba chục thước, tôi thấy bãi biển ngay trước mặt. Bãi không dài nhưng rất rộng. Đi cả trăm bước mới tới bờ nước. Ngoài xa là các hòn đảo nhỏ, phải trái là đồi núi không cao lắm, sau lưng là khu cây cối rậm rạp. Bãi biển đẹp, sạch sẽ và không có hàng quán nên chưa thấy biển đã nghe rõ tiếng sóng gió rì rào. Nếu không bị bão, chắc cát phải trắng và mịn như ở Đại Lãnh.

Tìm được mấy vỏ sò làm kỷ vật xong, tôi ra lấy xe đi xem một bãi nữa, nghe nói cũng đẹp lắm. Gò lưng đạp một hồi trên đường đèo, tôi bỗng thấy một thung lũng nhỏ, xanh mầu lúa nước, nằm ngay phía dưới. Tôi đổi ý, không ra biển nữa.

Quanh co một hồi mới xuống tới khu đồng ruộng. Gặp một xe trâu chở hàng, tôi xin bám theo cho đỡ mỏi chân. Hỏi chuyện bão thì bác đánh xe bảo vùng này hên lắm. Nhờ có núi chắn nên đỡ gió giật, chỉ có một hai nhà bị tốc mái. Hỏi ở đây dân có trồng rau đậu gì không, bác bảo ít lắm, không đủ nước, chỉ trông vào mưa là chính. Cây ăn trái cũng khó trồng. Gà vịt thì nhà nào cũng nuôi năm bẩy con lấy trứng. Có dê nhưng trâu bò thì không được bao nhiêu. Hỏi bác đây có nhà thờ, chùa chiền gì không. Bác bảo không có nhà thờ. Chùa có một cái ở trên núi. Có đền bà Phi ở mé kia. Cứ đi riết một hồi, đụng ngã ba là tới. Tôi cảm ơn bác, đạp xe đi trước.

Đến ngã ba, quẹo phải, đi thêm một đỗi nửa là tới đền. Sân đền nhỏ, tươm tất, có mấy bụi hoa, có một cây sứ và hai cái ghế đá. Đền mới xây. Mái ngói còn đỏ tươi. Nước sơn tường màu vàng sáng. Một ông lớn tuổi, chắc là người giữ đền ra mời chào. Tôi vào điện thờ thắp hương. Tò mò hỏi tích chuyện, mới biết trước kia chúa Nguyễn ra đây lánh nạn. Binh tướng nhà Tây Sơn truy đuổi. Kíp quá, chúa Nguyễn không đem theo được tất cả nên phải hạ lệnh giết bà. Đúng ra gọi là đền bà vương phi mới phải. Bây giờ đây là một điểm tham quan của huyện.

Tiễn tôi ra, ông bảo huyện nhỏ nhưng chỗ nào cũng có di tích lịch sử. Phải cái đi lại khó khăn nên khách du lịch còn ít. Thấy bảo Singapore, Đài Loan dự tính đầu tư thì cũng có triển vọng lắm.

Về tới nhà khách, cô lễ tân nói anh giám đốc nhắn sáng mai xe đón lúc bẩy giờ. Anh đã thông báo các nơi đầy đủ cả.

Đúng bẩy giờ, tôi vừa ra cổng thì tài xế và anh giám đốc đến. Đi khỏi thị trấn một lúc thì gặp năm cháu nam nữ xin theo xe về nhà giúp gia đình. Tài xế bảo tụi này là học sinh trường Võ Thị Sáu. Một cháu lớp 12, ba cháu lớp 11, một cháu lớp 10. Lên đèo tôi hỏi có biết bài Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan không? Một cháu trả lời có. Tôi bảo đọc nghe. Hai ba đứa tranh nhau đọc. Trần Tế Xương? Có. Đoàn thị Điểm? Có. Tôi khảo sử địa. Biết tàm tạm. Hỏi về các nước lân bang. Biết ít quá. Học ngoại ngữ nào? Anh văn. Dễ dễ thì hiểu nhưng mắc cở, không quen nói. Hỏi thầy cô có nghiêm không? Mỗi đứa trả lời một đằng. Hỏi có thích lên đại học không? Không biết nữa. Phải về Bà Rịa Vũng Tàu luyện thi mắc tiền lắm. Đứa nào có bà con cho ăn nhờ ở đậu thì mới đỡ tốn kém.

Còn đang vui chuyện thì anh giám đốc bảo tới nơi rồi. Tài xế quẹo vào đường đất cho mấy cháu xuống trước. Anh giám đốc đề nghị đến gặp tổ trưởng cho phải phép. Chúng tôi đi bộ tới một căn "nhà" dựng tạm. Anh tổ trưởng và hai đại diện các hộ tiếp chúng tôi. Những người khác mắc bận làm ruộng và vào rừng kiếm cây để dựng chỗ ở tạm. Tôi tự giới thiệu và xin thay mặt bạn phương xa gửi chút tiền giúp 22 hộ. Ngồi giường chuyện trò một hồi, anh tổ trưởng mời tôi đi xem chòm xóm và thăm hỏi bà con. Sau đó chúng tôi còn ra ruộng gặp bốn năm phụ nữ và hai thanh niên đang lội bùn cấy mạ để chụp hình lưu niệm.

Trưa cùng ngày, tôi về tới Tân Sơn Nhất. Một cậu của Saigon Tourist hỏi đúng tên và mời tôi về chỗ ở bằng xe riêng của hãng. Tôi ngạc nhiên, cố giữ vẻ thản nhiên nhưng bụng thì mong hành khách đứng gần đó thấy tôi mở cửa ngồi vào ghế sau của cái Toyota trắng tinh như thể việc tôi có xe đưa người đón là chuyện đương nhiên, thường tình.

Bà cụ bán xôi quen ở gần chợ Tân Định biết chuyện bảo: "Của người phúc ta đấy thầy ạ".●

Côn Đảo 11/97.

NHÂN ĐỌC NHỮNG CUỘC ĐẢO CHÁNH CUNG ĐÌNH VIỆT NAM CỦA TRẦN GIA PHỤNG

HOÀNG ĐÌNH HIẾU

Trong buổi lễ nhận giải thưởng Văn chương do Hàn lâm viện Pháp tổ chức năm 1957, Albert Camus đã phát biểu một câu nói có liên quan đến vấn đề lịch sử và những hệ lụy của lịch sử như sau: *"Trong thế giới có rất ít người làm lịch sử, nhưng lại có vô số người phải nhận hậu quả đau thương của lịch sử vốn do người khác gây nên."*

1. Từ Đảo chánh, đến Cách Mạng và Làm Lịch Sử

Làm lịch sử hiểu theo nghĩa thuần túy tích cực thì thật khó để điểm mặt, đặt tên. Làm sao kể hết những công trình lịch sử vốn được thực hiện trong âm thầm lặng lẽ, nhưng kết quả của những công trình ấy lại có khả năng làm thay đổi bộ mặt xã hội, cải tiến đời sống nhân loại, từ lạc hậu, kém văn minh, đã tiến lên cao trên từng nấc thang kỹ thuật khoa học thời đại, và sẽ không ngừng lại ở một biên độ tự mãn nào cả, như chúng ta đang chứng kiến hôm nay.

Bởi vậy, có phải câu nói của Albert Camus muốn ám chỉ những người, do tham vọng cá nhân, chuyên gieo rắc đau thương tang tóc cho người khác, mà không đếm xỉa gì đến lợi ích chung của xã hội?

Chúng tôi cho rằng, mỗi người trong phần hành của mình, khi sống chung với mọi người, thực sự đã làm lịch sử của mình. Duy có một điều, hậu quả của những việc làm như vậy, có ai biết đến hay không, là một vấn đề còn tùy thuộc nhiều yếu tố phức tạp của xã hội chi phối. Thành ra, *làm lịch sử* cần phải hiểu ở cả hai mặt tích cực lẫn tiêu cực của một vấn đề. Đàng khác, những cái rầm rộ, những cái nổ bùng, những cái ồn ào thường thấy trong cuộc sống chưa hẳn là những cái làm nên lịch sử.

Nếu người xưa quan niệm rằng: *"Khẳng khái cần vương dị, Thung dung tựu nghĩa nan"* thì nấc thang giá trị câu chuyện làm lịch sử không dễ đánh giá qua cái nhìn bên ngoài là đủ.

Khi tập chú vào các biến cố lịch sử ở mặt bùng nổ, trong chiều dài lịch sử Việt Nam suốt 983 năm, từ năm 905 đến năm 1888, tác giả Trần Gia Phụng quả đã có cái nhìn thật đặc biệt, để lần lượt chỉ cho độc giả thấy lại các biến cố lịch sử nổi bật nhất, mà ông đặt tên là *Những Cuộc Đảo Chánh Cung Đình Việt Nam (NCĐCCĐVN).*

Quả thật, thời gian lịch sử, tính từ Khúc Thừa Dụ cầm quyền chính (905- 907) cho đến biến cố "bốn tháng ba vua" kết thúc với việc vua Hàm Nghi bị bắt năm 1888, chế độ chính trị Việt Nam không đi ra ngoài khuôn khổ của nền quân chủ phong kiến, và cho dù theo tác giả Trần Gia Phụng, đã có mười lăm cuộc đảo chánh khác nhau xảy ra, thì chế độ chính trị Việt Nam vẫn quanh quẩn ở chốn cung đình mà thôi. Có lẽ khi nghiên cứu *những cuộc đảo chánh cung đình Việt Nam,* tác giả Trần Gia Phụng đã muốn tìm hiểu qua các biến cố chính trị gọi là đảo chánh nầy, có cái gì đó đã đi ngược lại một giềng mối có sẵn, mà người làm chính trị, tức người cầm đầu cuộc đảo chánh, xem ra đã làm một việc bất hợp pháp. Vì *"đảo chánh là một sự lật đổ chính quyền một cách bất hợp pháp bằng bạo động và đảo chánh cung đình là... các cuộc thay đổi ngôi vua hay triều đại không theo qui tắc thế tập dưới chế độ quân chủ, mà bằng các phương thức bạo lực."(NCĐCCĐVN,* tr. 7)

Thật là khó để có thể phân biệt tính hợp pháp và bất hợp pháp trong bất cứ một cuộc

đảo chánh nào đã xảy ra trong lịch sử. Người đang nắm quyền chính, bao giờ cũng cho rằng mình cầm quyền hợp pháp, đơn giản vì chính họ đang nắm cả pháp luật của quốc gia. Nhưng người chủ trương thực hiện một cuộc đảo chánh thì lại cho rằng kẻ đang cầm quyền đã làm nhiều điều phi pháp, cần phải lật đổ đi để tái lập sự công bình, no ấm, thịnh vượng hơn cho người dân. Bởi đó, không ai gọi cuộc phá ngục Bastille, lật đổ ngai vàng của vua Louis XVI năm 1789 ở Pháp là một cuộc đảo chánh bất hợp pháp, nhưng phải gọi đó là một cuộc Đại Cách Mạng của thế giới xảy ra ở Pháp. Đảo chánh, đơn giản là một biến cố chính trị mang tính chủ quan của người thực hiện, dùng bạo lực và mưu kế của mình để lật đổ một cơ chế đang cầm quyền, hầu tiếp tục thực hiện một việc cầm quyền khác theo cách thức riêng của mình. Một cuộc đảo chánh, hợp với nguyện vọng của đa số quần chúng, tập hợp được sự hậu thuẫn đông đảo của nhân dân, tất nhiên đó là một cuộc cách mạng. Như vậy, bước đầu của bất cứ cuộc cách mạng nào, cũng không thể bỏ qua thể thức của một cuộc đảo chánh. Hợp pháp hay bất hợp pháp là do nội dung và hậu quả của cuộc đảo chánh ấy tạo nên mà thôi.

2. Viết lại lịch sử quê hương mình

Để đi vào nội dung cuốn NCĐCCĐVN của tác giả Trần Gia Phụng, chúng tôi thấy cần thiết phải nói đôi điều về tác giả và phương pháp sử học mà tác giả đã xử dụng để hoàn thành tác phẩm nghiên cứu nầy. Một điều khá đặc biệt là, mới trong vòng chưa đầy ba năm được thoải mái làm việc, tác giả Trần Gia Phụng đã cho ra đời liên tiếp ba tác phẩm nghiên cứu lịch sử. Đó là: *Trung Kỳ Dân Biến*, (TKDB),1996; *Những câu chuyện Việt sử*, (NCCVS), 1997 và *Những cuộc đảo chánh cung đình Việt Nam*, 1998. Chúng tôi thấy hình như tác giả Trần Gia Phụng đã mau mắn bắt mạch được tính cấp bách của thời gian, nghĩa là những gì liên quan đến lịch sử trước thế kỷ XX, tất phải nói cho xong ở những năm cuối cùng của thế kỷ nầy. Do đó, dù mới định cư ở Toronto, Canada chưa đầy bốn năm, tác giả Trần Gia Phụng đã có một nỗ lực phi thường, trung bình một năm có một tác phẩm nghiên cứu lịch sử ra đời. Đây là một cố gắng hiếm thấy nơi những người đồng thời và đồng cảnh ngộ với tác giả.

Chúng tôi đã có dịp gặp gỡ và tâm sự với cố Giáo Sư Nguyễn Phương trước năm 1993 tại Hoa Kỳ. Khi điểm lại từng môn sinh xuất thân từ hai trường Đại Học Văn Khoa và Sư Phạm thuộc Viện Đại Học Huế mà giáo sư đã có phần góp công đào tạo trước năm 1975, đến chỗ biết được người còn, người mất, người lưu lạc, vô tình giáo sư đã có một nhận xét về tác giả Trần Gia Phụng như sau: "Dù mất liên lạc, tôi tin Anh Phụng vẫn tiếp tục thu nhận được nhiều điều học hỏi có ích, vì Phụng có quyết tâm, sống có lý tưởng, làm việc có mục đích và khá khôn ngoan để sống trong mọi hoàn cảnh." Không ngờ những điều cố giáo sư Nguyễn Phương (từ trần năm 1993) nói với chúng tôi cách đây gần mười năm, nay đang xảy đúng như lòng kỳ vọng của một bậc thầy nghĩ về người học trò cũ của mình.

Tác giả Trần Gia Phụng sinh ra và lớn lên tại Quảng Nam, tốt nghiệp Trường Đại Học Sư Phạm và Văn Khoa Huế và ngày ra trường năm 1965, được bổ nhiệm về dạy tại trường Trung Học Công Lập Phan Chu Trinh ở Đà Nẵng. Trước năm 1975, ngoài Huế là cố đô, nơi có Viện Đại Học và những ngôi trường nổi tiếng lâu đời, thì thành phố Đà Nẵng là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế... chung cho cả vùng dân cư ở phía nam đèo Hải Vân. Chúng tôi thấy rằng, do mười năm dạy học ở Đà Nẵng, tác giả Trần Gia Phụng đã có cơ hội, điều kiện và môi trường để thu thập tài liệu về những biến cố lịch sử đã xảy ra trên chính quê hương của mình. Cuốn *TKDB* ra đời năm 1996, cuốn *NCCVS* ra đời năm 1997 là những bằng chứng có tính thuyết phục cho sự quan tâm của một người đã học sử, dạy sử, nghiên cứu sử, đồng thời cũng có dịp chứng kiến những hệ lụy, những trùng lặp của lịch sử đang thực sự xảy ra ngay trong thời đại của mình.

Một điều mà ít có ai dám làm, thì tác giả Trần Gia Phụng đã thực hiện, ấy là viết lại cho đúng, dù đó là bảng phong thần của Năm Đại Bàng Cùng Bay (Ngũ phụng tề phi) của đất Quảng Nam. Thật ra, tác giả chỉ muốn làm cái công việc đã có từ thời xa xưa, đó là Cái gì của Caesar hãy trả lại cho Caesar *(Caesar Caesaris)* mà thôi. Nhưng công việc ấy vốn không dễ, nhưng lại rất dễ chịu tai tiếng với những ước lệ của dư luận, lâu năm rồi trở thành niềm tự hào của một địa phương (Ngũ Phụng bay về đâu, *NCCVS*, tr 45); ngàn năm đã là thành kiến đối với một nhân vật lịch sử (Chân Dung Lê Long Đĩnh, *NCĐCCĐVN*, tr.

61).

Trong quá trình lịch sử Nam Tiến của dân tộc, Quảng Nam - Đà Nẵng vốn là mũi nhọn thẩm nhập sinh tử, mở ra từng đợt tiến công quyết liệt về phía nam. Cư dân ở đây, chắc chắn Trời đã phú cho một khả năng đặc biệt để biết nhận định mau chóng, đối phó kịp thời và nhất là biết ổn định hữu hiệu trong mọi tình huống để phát triển đời sống riêng tư, góp phần tạo nên sự sinh tồn vững mạnh cho cả dân tộc mở rộng cương giới về hướng Nam. Quảng Nam, một địa danh để gọi cả đất lẫn người, hàm chứa một sức sống kiên cường, một nhiệm vụ phải hoàn thành trong lịch sử, hẳn cũng nên tự hào vì Quảng Nam qua mọi thời, không thiếu những anh hùng làm lịch sử, để lại nhiều di sản quí báu cho cả dân tộc Việt Nam.

3.- Viết lại lịch sử đảo chánh cung đình

Ngọ Phong Ngô Thời Sỹ (1726 - 1780) viết cuốn *Việt sử tiêu án* có nội dung *kể* lại các chuyện mưu phản, khuynh đảo trong cung đình xảy ra từ thời Hồng Bàng đến thời ngoại thuộc nhà Minh. Ngô Thời Sỹ chú trọng về truyền thuyết, lược kể tiểu truyện của các nhân vật có ít nhiều liên quan, rồi nhân đó nhắc lại lời của sử cũ, cọng thêm *lời bàn* và *lời xét* của tác giả để đi đến một kết luận nặng về việc đàn hạch cá nhân đã lỗi đạo thánh hiền hơn là chú trọng tìm ra nguyên nhân, trình bày diễn tiến và xét đến hậu quả của từng biến cố lịch sử đã xảy ra. Hãy đọc lại một đoạn của *Việt sử tiêu án* để có thể nhận ra phương pháp viết sử của một sử gia thế kỷ XVIII, đoạn nói về nhà Triệu với Triệu Đà:

Lời bàn: *"Tự khi Triệu Đà chiếm giữ Ngũ Lĩnh, lại thôn tính cả nước của An Dương, được vài đời thì mất, khiến cho đồ bản, sổ sách nước Nam phải nhập vào nhà Hán, để làm lợi cho Trung Quốc, nào là châu báu chất đầy phủ, quả quít và quả vải xếp thành nhà. Nếu không có Triệu Đà gây nên mối binh đao, thì tuy rằng Hán Vũ Đế có muốn mở rộng nước, thích lập công, bất quá cũng chỉ diệt họ Triệu để lấy lại quận, huyện của nhà Tần xưa mà thôi, chứ không nuốt đến Giao Chỉ. Nước ta bị nội thuộc vào nước Tàu từ đời Hán đến đời Đường truy nguyên thủ họa chả Triệu Đà thì còn ai nữa ? Huống chi Triệu Đà chia nước ta làm quận, huyện, duy chỉ biết biên sổ thổ địa, thu thuế má, cung cấp ngọc bích cho nhà Hán, đầy túi tham của Lục Giả mà thôi. Còn về phần giáo hóa, phong tục không để ý đến một chút nào. Việc cày cấy là cối gốc lớn để nuôi dân, việc hôn thú là luân thường lớn của dân sinh, lại phải đợi đến Tích Quang,*

HÀ THƯỢNG NHÂN

BAO GIỜ CHO ĐỦ

Rượu uống nửa chừng, cười ngoảnh lại,
Từ xa đất nước, còn gì nói?
Ta ơi! Ta ơi! sách trăm xe,
Đã phủ đầy chưa một lớp bụi?

Bạn bè lơ thơ như lá thu,
Mùa lạnh hoa cúc đã tàn lụi.
Học được gì đây giữa lúc này?
Có phải mấy chữ lòng tro nguội?

Có phải thơ gửi cho gió bay,
Có phải chưa vừa một cơn say?
Rừng phong thu nhuộm màu quan tái!
Mở Ngõ Phù Vân,* người đi đâu?
Đi về biển Đông cười điên dại,
Đi về miền Nam tìm cố nhân,
Cố nhân! CỐ nhân! Người ở đâu?
Có nghe thành dựng nỗi oan cừu?
Ta sẽ vì ngươi cười vỡ lở,
Ta sẽ vì ngươi chất ngất sầu.
Vì ngươi ta viết thơ ta đó,
Ngươi đọc mà chờ ngọn gió Thu,
Thổi lộng ngàn xưa tình Đỗ Phủ.
A! Ngõ phù vân! Ngõ phù vân!
Mở đến bao giờ cho nó đủ?

San Jose, tháng Chín năm 1998

* Tên một tập thơ của Huệ Thu

Nhâm Diên, bảo có công đức mà như thế à ? Đến việc xướng ra cơ nghiệp đế vương trước tiên, tán tụng Triệu Đà có công to, Lê Văn Hưu sáng lập ra sử chép như thế, Ngô Sĩ Liên theo cách chép hẹp hòi ấy, không biết thay đổi, đến như bài sử tổng luận của Lê Trung, thơ vịnh sử của Đặng Minh Khiêm thay nhau mà tán tụng, cho Triệu Đà là bậc thịnh đế của nước ta. Qua hàng ngàn năm mà không ai cải chính lại, vì thế mà tôi phải biện bạch kỹ càng.

Sử thần bàn rằng: Người trước có câu: 'Nước đến lúc loạn mới mong có vị tướng giỏi, nhà bị lúc suy là khởi tại đàn bà.' Cù thị là một gái trăng hoa ở Hàm Đan, may gặp được con tin của nước Nam mà nhảy lên ngôi hoàng hậu một nước. Đạo làm vợ, cách làm mẹ, ơn của chồng, mưu của con, khởi hữu thị lại không biết gì sao? Lại còn thèm muốn trai đẹp, cam tâm làm tì thiếp cho Hán, con đàn bà dâm ô điên cuồng như thế, chả trách làm gì. Chỉ có vị sứ thần của Trung Quốc há lại không có một người nào có thể sai khiến được, mà tất phải dùng đến gả thiếu niên tình nhân của Cù thị, có phải rõ ra cái ý đưa mỡ đến miệng mèo, còn có cái gì quá quắt hơn thế nữa không? Lữ Gia cầm quyền chính, giữ binh quyền, nếu thấy có một chút trái mắt, phải ngăn cấm ngay, những lời ở sứ quán không cho lọt vào cung cấm, bọn con sen con nụ không được vào cung vua, lấy lễ mà tiếp sứ thần, lấy lời nhũn nhặn nói lại cùng vua, bề ngoài thì thành kính nước lớn, bên trong thì phòng bị ngăn ngừa việc chinh chiến, họ biết nước mình có người giỏi, tự nhiên phải bỏ lòng tham thôn tính, mà ngăn được nạn binh đao. Nhưng lại mặc cho Cù thị tư tình với Thiếu Quý, để chúng bàn nhau thành âm mưu đi sang Hán, đến lúc đã sắp sửa hành trang rồi, mới dâng thư can gián, bất hòa trong bữa tiệc, xảy cái mưu khởi loạn, đến khi quân Hán đã vào đất nước rồi, không có kế gì đối phó, chỉ làm chóng mất nước. Xem thế thì biết sự dâm ô của Cù thị và sự ngu muội của Lữ Gia, và nguyên nhân họ Triệu mất nước đã có ngay từ lúc mới lấy Cù thị làm cung phi và khi đặt Lữ Gia lên ngôi Thừa tướng đó vậy. (Ngọ Phong Ngô Thời Sỹ, *Việt sử tiêu án*, Bản dịch của Hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu, Nxb. Văn Sử, San Jose, USA, 1991, tt 34- 36).

Chúng tôi không nghĩ rằng sử quan Ngô Thời Sỹ đã lầm lẫn về các sự kiện lịch sử được tường thuật khi nói về vai trò của họ Triệu bắt đầu với Triệu Đà, nhất là thời Triệu Ai Vương với Lữ Gia và Cù thị là những nhân vật ít nhiều phải chịu trách nhiệm về việc làm mất nước về tay nhà Hán, nhưng thấy rằng, thay vì làm tròn nhiệm vụ của một sử gia, là tường thuật khách quan sự kiện lịch sử, thì sử quan Ngô Thời Sỹ, một lúc đã bao giàn nhiều vai trò khác nhau. Lúc thì như một quan tòa, lúc thì khoác áo một nhà giảng thuyết về luân lý, có lúc ông lại trở thành một quân sư làm cố vấn ngoại giao, kiêm nhà phê bình các sử phẩm của các sử quan tiền bối.

Có lẽ người viết sử không nên đưa ra những nhận xét chủ quan, khi một biến cố lịch sử đã được tường thuật đầy đủ với tất cả những chi tiết có liên quan được chọn lọc, xét như những sử liệu khả tin, phù hợp với nội dung của biến cố đang trình bày. Một khi, toàn bộ sự tường thuật khách quan cần thiết như vậy được trình bày trước nhãn quan của người đọc, thì đó chính là tấm hình sống động của lịch sử đã được xây dựng lại. Người đọc lịch sử muốn thấy lại tất cả, chứ không phải là một hai sự kiện được đẽo gọt do người viết sử cố tình tạo nên.

Nội dung đoạn sử trong *Việt sử tiêu án* trích dẫn trên đây, xem ra không khác nhau nhiều lắm khi đem so với câu chuyện "Đảo chánh trong phủ chúa Trịnh" của tác giả Trần Gia Phụng thuật lại trong *NCĐCCĐVN*, (tt 216-232). Nói về nhân vật thì một bên có Triệu Ai Vương, Lữ Gia và Cù thị; một bên có Trịnh Sâm, Hoàng Đình Bảo và Đặng Thị Huệ. Nói về nội dung thì chuyện khuynh loát triều thần đều bắt nguồn từ một người đàn bà vừa nhiều tham vọng chức quyền vừa nhiều tham vọng nhục thể. Cả hai bối cảnh lịch sử đã xảy ra tuy cách xa nhau về thời gian lẫn không gian, nhưng hậu quả có chung một mẫu số, đó là quyền chính phải chịu mất vào tay người khác. Thân bại danh liệt chung cho tất cả những người trong cuộc, để tiếng bất nghĩa lại trong lịch sử!

Duy có một điều khác nhau, tác giả *Việt sử tiêu án*, khi kể lại câu chuyện, đã làm thay tất cả mọi việc dành cho người đọc, đến nỗi khi gấp sách lại, họ chẳng còn điều gì nữa khác cần phải suy nghĩ thêm. Trái lại, đọc từng chi tiết biến cố "Đảo chánh trong phủ chúa Trịnh," người ta có cảm tưởng được xem lại một cuốn phim thời sự, mà đạo diễn chính là tác giả tường thuật sự kiện, không cần lời thuyết minh dài dòng. Tác giả đã dành cho người đọc một khoảng trống nhận thức, để từ đó có thể đánh giá sự xác thực của biến cố lịch

sử được mô tả, đồng thời có thể kiểm chứng lại toàn bộ bối cảnh lịch sử trong đó biến cố xuất hiện xét như một tất yếu của lịch sử.

Đã hẳn, có nhiều chi tiết được tường thuật lại chung quanh một biến cố, không phải là cốt lõi của biến cố ấy, nhưng giá trị những chi tiết chọn lọc đem vào chung quanh một biến cố lịch sử chính là yếu tố làm cho việc tường thuật lịch sử có thêm bằng chứng khả tin. Không ai chối được chuyện Đặng Thị Huệ nuôi tham vọng giành ngôi thế tử cho Trịnh Cán, khi biết thêm Đặng Thị Huệ có Quận Công Hoàng Đình Bảo nằm chung phe cánh, vì vợ Hoàng Đình Bảo là con gái của Trịnh Doanh, em của Trịnh Sâm, rất thân thiết với Đặng Thị Huệ. Từ chỗ nghi ngờ Hoàng Đình Bảo, Trịnh Sâm nghe lời cung phi sũng ái Đặng Thị Huệ, chẳng những hóa giải được mối ngờ mà còn làm cho Trịnh Sâm phải chiều lòng Đặng Thị Huệ, thuận đưa Hoàng Đình Bảo về phục vụ trong phủ chúa, đồng thời kiêm nhiệm chức trấn thủ Sơn Nam, thao túng cả trong triều đến ngoài nội. Không ai biết rõ ràng nguồn gốc *loạn kiêu binh tam phủ,* nếu không có lời tường thuật có bằng chứng xuất xứ từ một nguyên nhân sâu xa trong lịch sử thời trung hưng về ý niệm tự hào từ ấp thang mộc nơi nhà Hậu Lê phát sinh ở Thanh Hóa.

Đọc tác giả Trần Gia Phụng, kể chung ba cuốn biên khảo lịch sử đã xuất bản, ngoài nội dung từng chương, mô tả khá đầy đủ về các đề tài chính của cuốn sách, phần chú thích là sự mở rộng tầm đối chiếu các nguồn sử liệu khác nhau, vừa giúp làm sáng tỏ vấn đề đang bàn thảo, vừa giúp độc giả tìm thấy các câu chuyện tưởng như bên lề, nhưng thật ra cũng là vấn đề ấy, được nói một cách khác, ở một chỗ khác và do nhiều người khác cùng quan tâm.

Nói về các cuộc đảo chánh cung đình là một vấn đề vốn không mới, vì người xưa đã nói đến, đã viết thành sách, như Ngô Thời Sỹ với bộ *Việt Sử Tiêu Án* gồm 10 quyển, được tác giả bộ Lịch triều hiến chương loại chí là Phan Huy Chú (1782-1841) có lời khen ngợi là đã *"sửa chữa những chỗ sai lầm của sử cũ, bút pháp tinh tường."*

Cái tinh tường của người xưa, như chúng ta đã thấy, phần nhiều không nhằm mô tả trung thực sự kiện lịch sử, cho bằng đề cao việc phò luân đạt lý, dùng đạo đức thánh hiền để đo giá trị của một nhân vật, luận công tội một nhóm quyền thần thì phải rập khuông phó bản hoàng kim một nền quân chủ phong kiến xa xưa trong sử sách Trung Quốc, bàn xét việc riêng thời kỳ đặc thù của lịch sử, cũng đem gương chuyện kim cổ làm mẫu mực để răn đe. Bởi vậy, dù có một kho tàng sử liệu của người xưa để lại, thì việc tái tạo khung sườn cho một vấn đề lịch sử nằm trong quá khứ, người viết sử, bằng phương pháp sử ngày nay, hà tất dám coi mọi việc quá dễ dàng?

Chắc chắn không phải ai cũng đồng tình với ông Trần Gia Phụng khi thấy tác giả đánh giá lại một số nhân vật lịch sử *theo quan điểm hoàn toàn mới mẻ,* như khi nói về Lê Long Đĩnh, về Hồ Quý Ly, về Mạc Đăng Dung, về Tự Đức, về Tôn Thất Thuyết, về Nguyễn Văn Tường... Ví dụ các bộ sử thời quân chủ, bộ *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, các bộ sử của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội, đều lên án Lê Long Đĩnh, Mạc Đăng Dung, nhưng tác giả Trần Gia Phụng, đã đưa ra những sử liệu cụ thể cho người đọc thấy rằng Lê Long Đĩnh cũng như Mạc Đăng Dung đều là những minh quân trong lịch sử Việt Nam.

Chúng tôi nghĩ rằng, *việc xét lại theo cách nhìn mới cần thiết phải được đặt ra,* không phải để gỡ tội cho ai cả, nhưng cần cẩn án ở những chỗ lịch sử còn trong mờ tối, còn nặng thành kiến, còn chịu áp lực của dư luận, và nhất là khi bối cảnh lịch sử, chưa một lần được giàn dựng lại cho gần đúng như thời điểm biến cố lịch sử xảy ra. *Công việc truy tầm sự thật lịch sử, qua việc cẩn án các nguồn sử liệu khác nhau là một điểm nổi bật, thấy rõ trong các tác phẩm biên khảo của tác giả Trần Gia Phụng.*

Và chỉ nguyên một nổ lực có phương pháp nầy mà thôi, chắc chắn tác giả *NCĐCCĐVN* sẽ tiếp tục cống hiến cho ngành sử học nhiều công trình nghiên cứu tốt đẹp khác, như tác giả đã bắt đầu từ điểm khởi hành năm 1965.●

Grand Prairie, Texas, Mùa hạ 1998

> Không gì khó hơn là đạt được kết quả trong thế giới này nếu ta có lòng độ lượng và nhân từ. Con người đạt được thành công thường phải là một cá nhân chỉ có độc một ý tưởng, hoàn toàn chú tâm vào ý tưởng đó, và tàn nhẫn đối với những người khác và ý tưởng khác.
>
> **Corine Roosevelt Robinson**

ĐÊM BÃO TUYẾT

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Hồi mới sang định cư, tôi được vương quốc Hòa Lan cấp một cuốn thông hành đầy đủ tên, họ, ngày, tháng, năm và nơi sanh nhưng phần quốc tịch được thay bằng một gạch màu đen đậm. Tôi hải hành khắp đó đây với cuốn thông hành không quốc tịch ấy.

Lần đầu tiên tôi ghé Leningrad. Có lẽ thấy tôi là người vô gia cư, vô tổ quốc và đối với cộng sản thuộc thành phần phản động, nên khi tàu vô tới vịnh Phần Lan, thuyền trưởng hỏi tôi:

"Mầy có sợ lắm không?" Tôi chưa kịp trả lời thì ông nói tiếp:

"Đừng sợ, mầy bây giờ là người Hòa Lan rồi."

Người Hòa Lan! Tôi là người Hòa Lan sao? Nghe thiệt chướng tai, nhưng vì ngoại ngữ của tôi chỉ bập bẹ đủ để đi đường, còn câu chuyện muốn giải thích thì dài dòng, nên tôi chỉ biết cười trừ và thầm xót xa cho thân phận. Thiệt tình tôi hổng sợ gì ráo. Tuy nhiên khi tàu tiến lần vô hải phận Liên Xô, tôi có cảm tưởng như mình đi từ vùng ánh sáng vô một cõi tối tăm nào!

Phiền hà nhứt khi tàu cặp bến, hải quan kéo xuống cả trung đội chia nhau vô từng phòng lục lạo, rọi đèn pin dưới gầm giường, moi móc trong hóc tàu, kẹt tủ. Xuống kho dự trữ thức ăn, các ngài lấy sắt nhọn đâm lủng mấy bao gạo, bột mì... Còn công an thì ông nào ông nấy mặt lạnh như đồng, bắt thủy thủ đứng xếp hàng cho điểm mặt, rồi mới chịu đóng dấu vô sổ thông hành.

Theo luật lệ hồi còn nhà nước Cộng Sản, thủy thủ chỉ được lên tới hội quán, nếu chịu trả năm Mỹ kim cho mỗi đầu người, thì cuối tuần họ sẽ cho se bus xuống tận nơi rước đi thắng cảnh. Trước khi đi, du khách phải tập hợp lại, nghe hướng dẫn viên đọc mấy điều lệ như: không được chụp hình bừa bãi, không được tách ra khỏi đoàn và không được tiếp chuyện với người bản xứ... Sau đó mọi người mới được lên xe, chạy một lèo lên bảo tàng viện lớn của nước Nga nằm bên bờ sông Neva, vườn hoa Mùa Hạ, đài Chiến Sĩ Trận Vong và tòa Cách Mạng Tháng Mười trước cửa có tượng ông Lê Nin, trông ông hao hao giống tượng cụ Hồ dựng đứng ở mấy ngã ba ngã tư trên quê hương tôi.

Sau một ngày được "chỉ định" thắng cảnh, chiều về hội quán, đã sẵn sàng bia, rượu và gái mặc sức cho thủy thủ nhảy nhót vui chơi. Nhưng trước mười hai giờ; một lần nữa, nhân viên kêu bà con tập hợp lại, điểm danh từng người, chừng nào đầy đủ họ cho hết lên xe bus rồi mới chở xuống tàu.

Trong hội quán có một cửa hàng bán xa xỉ phẩm miễn thuế. Những loại rượu mạnh, bia và thuốc lá ở đây nhập từ thế giới tự do, nên khách mua hải trả bằng Mỹ kim, Đức mác hoặc những loại tiền có giá trị quốc tế chớ tiền Rúp chỗ nầy hổng xài. Trong những ngày

tàu đậu lại cảng nầy, tôi làm quen với bà bán hàng. Chiều nào tôi cũng đem lên cho bà một gói thuốc thơm và một hộp đậu phộng. Những lúc bà rảnh rang, tôi mời bà ly rượu, hỏi thăm và nghe bà kể chuyện. Nhờ vậy mà tôi biết chuyện trước khi vô trong cửa hàng nầy, bà phải lo lót tiền cho viên thủ trưởng. Suốt hơn năm năm bà ngồi bán hàng, không nghỉ một ngày. Còn chồng bà làn không đủ tiền lo cho gia đình nên mới trốn trách nhiệm bỏ đi đâu mất. Bà hiện sống với hai đứa con gái trong một chung cư, đứa nhỏ lên tám, đứa lớn mười bảy. Đứa lớn làm tiếp viên trong hội quán mà bà giới thiệu cho tôi. Mỗi tối tôi mời con gái bà uống với tôi một chai Champagne, sau đó kéo nàng ra sàn nhảy "giựt" vài bảng Disco. Bà ngỏ ý mời, tôi về nhà ăn cơm, tối ngủ lại nhà.

Bà nói:

"Nếu cậu thấy con gái tôi được mắt thì cậu cứ dẫn nó qua Hòa Lan."

Tôi đưa chéo hai tay ra dấu bị trói, nói:

"Tôi sợ tù lắm..." Định nói thêm, "nhứt là tù Cộng Sản nhưng tôi kịp dừng."

Có lẽ bà bắt kịp ý tôi nên bà xua tay, nói:

"Lo gì, chỉ cần chai rượu mạnh, cây thuốc thơm và vài chục đô là ổn thỏa mọi đàng."

Nếu tôi không phải là người Việt, thì tôi sẽ sẵn sàng làm một thằng điếc không sợ súng. Đằng nầy tôi đã có kinh nghiệm bao năm sống với chánh quyền Cộng Sản trên quê hương tôi, vì vậy tôi cần phải đề phòng. Biết đâu nghe theo bà tôi làm ẩu rồi chuyện gì sẽ sảy ra giữa cái "thiên đường" phức tạp!

Nhưng đó là những hình ảnh tôi ghi nhớ được cách đây tám chín năm về trước, cái lúc Leningrad chưa được đổi tên và cả liên ban Xô Viết còn treo cờ đỏ búa liềm...

*

Mùa đông năm 1991. Những hội từ thiện ở khối Âu Châu gởi tặng dân Nga một số lớn thực phẩm, áo, quần, thuốc men. Công ty chúng tôi nhận chở số hàng ấy từ cảng Rotterdam - Antwerpen sang cảng St.Peterburg. Sau đó xuốmg chì và đồng chở đem về lại Rotterdam. Hải quan Nga dạo nầy không còn lục lạo tùm lum như trước kia nữa. Tuy công an vẫn máy móc, mặt lạnh như đồng, nhứt là mấy ông già có cấp bực mà cấp bực càng cao thì mặt mày càng... ngầu, nhưng được một cái là thủ tục nhập cảnh không còn rườm rà như trước nữa. Thủy thủ có quyền đổ bộ nhậu nhẹt thâu đêm suốt sáng, muốn đi đâu thì đi. Hy vọng trong tương lai, thời gian dần dà đào thải những tối tăm trong cuộc sống, cho những gương mặt "hắc ám" của nhân loại mỗi ngày một thánh thiện, để đời được sáng tươi thêm.

Tôi trở lại đây, thế sự đã đổi thay, thành phố mang tên Lê Nin nay trở lại tên ông St.Petersburg. Cờ tam sắc thay cờ búa liềm tung bay trước các trụ sở và trên đường phố.

Chiều lên hội quán, tôi nhận ra ngay bà bán hàng, bà vẫn còn ngồi sau quày bán xa xí phẩm, thân thể bà mập ra, mặt tô dầy phấn nhưng vẫn không lấp hết vết nhăn của thời gian in đậm. Ông nhạc sĩ già ngồi sau chiếc phong cầm, đánh những bản nhạc thời đại nghe giựt gân, tình tứ và hấp dẫn hơn xưa. Các cô chiêu đãi trẻ trung, mơn mởn, duyên dáng, áo quần đủ màu, đủ kiểu tiếp khách rất lịch sự. Mấy lần tôi định tới bắt tay, xưng danh tánh và gợi lại kỷ niệm xưa, hy vọng bà ngồi bán hàng nhận ra tôi. Nhưng bao năm trôi, dòng sông Neva đã trải qua bao mùa tuyết đổ, hội quán đã thay đổi nhiều người. Tôi thì biền biệt, chưa bao giờ nghĩ mình sẽ trở lại chốn nầy. Bây giờ tên của bà, có chẻ óc tôi moi cũng hổng ra, huống hồ chi bà ngồi đó, mỗi ngày chứng kiến hàng trăm thủy thủ, đủ cả giống người, tới vội vã rồi hấp tấp ra đi. Tôi cũng chỉ là một trong những người lướt qua mặt bà như chiếc bóng, thì mắc mớ gì bà phải nhớ tới tôi.

Cuối cùng tôi nghĩ ra một cách thử gợi lại trí nhớ của bà. Ngày hôm sau tôi gói một hộp đậu phộng và một gói thuốc thơm. Chiều lên hội quán, tôi tới trao cho bà:

"Tặng bà đó."

Bà sửng sờ trố mắt nhìn tôi... Để tránh sự lúng túng của bà, tôi cười một cái, bỏ đi vô phía trong, tìm một góc khuất ngồi kêu bia ra uống.

Không ngờ trò chơi lại công hiệu. Tối đó, khi mọi người tụ hết vô trong hội quán và nhạc trỗi lên cho bà con nhảy nhót, cửa hàng bên ngoài đã vắng khách, bà bán hàng đi vô, ngó dáo dác tìm... Khi thấy tôi bà sà tới vừa bắt tay vừa hỏi thăm sức khỏe và hỏi tôi có vợ chưa? Tôi lắc đầu. Bà tiếp chuyện nói, cô gái lớn của bà đã có chồng người Ba Lan hiện làn thủy thủ tàu du lịch. Bà chỉ tay về phía một người con gái bận nguyên bộ đồ đen có viền kim tuyến, nàng bấu một gã đàn ông râu quai nón xồm xoàm đương bước theo điệu nhạc. Bà giới thiệu cô ấy tên Lu Ba, con gái kế của bà. Trong ánh đèn màu lờ mờ cặp trai gái mê

mang quay theo điệu nhạc, tôi không rõ mặt Lu Ba, nhưng vóc dáng cao ráo, tóc xỏa phủ vai làm tôi mường tượng lại cô chị của nàng cách đây tám chín năm về trước. Nãy giờ chú ý nghe bà nói hết chuyện nọ đến chuyện kia làm tôi quên mời bà uống nước. Tôi đứng dậy đi qua quày rượu mua một chai Champagne và một dĩa đậu phộng.

Những tụ điểm ăn chơi, nơi nào cũng vậy, càng về đêm càng hấp dẫn. Người ta dồn hết ra sàn nhảy, để những chiếc bàn chai, ly ngổn ngang. Trai gái chen nhau lắc lư theo điệu nhạc... Mười giờ rưỡi nhạc Disco ngưng, sàn nhảy nhường lại cho đoàn vũ khỏa thân. Bảy tám vũ nữ rất trẻ, thân hình đầy đặng, ngực bốc lửa. Mỗi cô khoát lên người một miếng vải màu hồng từ trong đi ra múa chầm chậm theo diệu nhạc êm. Khán giả vỗ tay rân lên một lượt. Các vũ nữ tiếp tục múa. Hễ mỗi lần các cô gở một miếng vải trên người liệng ra, thì bà ta con huýt sáo ầm ĩ. Có nhiều thủy thủ chơi xộp móc tiền nhét vô quần xì líp của các cô, trông đâu thua những dân chơi thứ thiệt ở xứ Cờ Hoa. Đến đoạn chót, khán giả ngồi bàn trước nghiêm nghị, người ngồi bàn giữa thẳng lưng, những người bàn ngoài đứng dậy nhón giò. Tất cả như bị thôi miên, mặt hướng về các "tiên nữ" sắp sửa cởi quần, uốn éo giữa ánh đèn màu hồng. Trong không khí nực nồng mùi rượu, bia và thuốc lá. Nhạc sang qua điệu dồn dập, chợt nhiên bảy tám chiếc quần xì-líp từ phía các vũ nữ liệng tung vãi lên đầu, lên cổ khán giả. Vậy mà bà con hoan hô, la ó cùng tiếng vỗ tay vang vội tưởng chừng căn phòng hội quán muốn vỡ tung!

Tôi đứng dậy bắt tay người đàn bà:

"Tui phải đìa."

Bà giơ tay ra, chỉ vô chiếc đồng hồ, nói:

"Mười lăm phút nữa mới có xe bus."

"Tui biết, nhưng tui muốn đi bộ."

"Ở ngoài tuyết nhiều lắm."

"Hổng sao, tui muốn coi tuyết ở Nga nhiều cỡ nào."

Nói đoạn tôi rút chiếc khăn choàng quấn lên cổ và khoác chiếc áo da lên người. Bà đứng dậy hỏi tôi:

"Ngày mai còn ở đây không?"

"Thưa bà còn, tui đi lại nơi đây ít ra cũng sáu tháng."

"Vậy chiều mai cậu có lên đây nữa không?"

"Chưa biết, nhưng tui sẽ thường ghé thăm bà, được hông?"

Mặt bà rạng rỡ:

"Dĩ nhiên, chừng nào cậu lên tôi cho Lu Ba tới tiếp chuyện với cậu."

Tôi cười đánh tay lên chiếc vai thịt của bà, nói:

"Còn gì bằng, vậy thì tui sẽ lên mỗi ngày."

Chợt nhớ ra, tôi hỏi:

"Ừa, xin lỗi bà tên gì."

"Ve-ra, còn cậu ?"

"Tui tên Tấn, ngày mai gặp đừng quên."

"Không bao giờ."

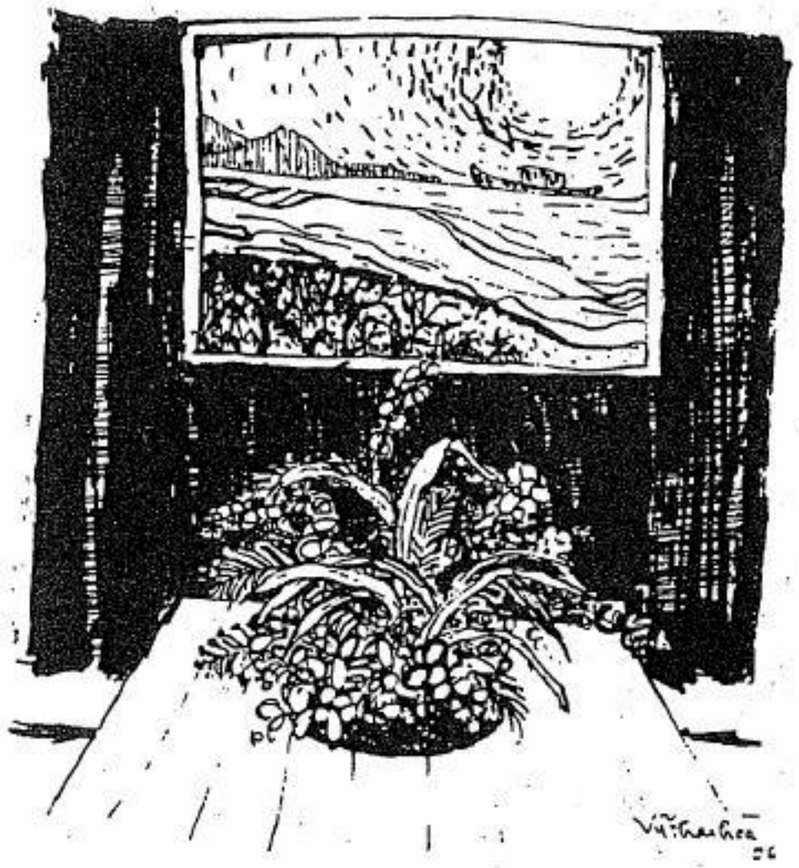
Bắt tay và nhón giò lên hôn từ giã bà. Tôi bước ra cửa. Ngoài đường tuyết ngập tới mắt cá chưn. Ấy vậy vậy mà trên trời tuyết vẫn tiếp tục rơi trắng giả. Tôi dẫm tuyết đi lần theo bờ kinh rồi men ra khu phố nhỏ hướng về bến cảng. Tôi lụi hụi cắm cúi bước những bước thiệt dài, nhưng hơn nửa tiến đồng hồ rồi mà chưa tìm được đường xuống cảng. Gió nổi lên xoáy tuyết cuồn cuộn. Tôi kéo chiếc khăng choàng cổ quấn ngang bịt tai và mũi. Hơi tôi thở ra vướng lại đóng đá nơi vành khăn, tóc sửng lên cứng ngắt và đầu tôi ê ẩm. Chiếc áo da không ngăn nổi cái lạnh bên ngoài, lạnh đến độ hai hàm răng không còn sức để đánh bò cạp được nữa. Ngó quanh quất, phố xá vắng tanh, một chiếc xe điện lạnh lùng rổn rẻn lướt trên con đường sắt. Trong bụng bắt đầu lo, sợ chết lạnh dọc đường nên không dám đi tiếp về phía trước. Tôi bèn quay lại nhắm hướng có nhiều đèn bước cầu may, hy vọng tìm được một quán cà phê hay một nhà nào còn mở cửa hỏi xin đục nhờ còn chuyện gì thì sau sẽ tính...

Đi được một đỗi, thời may tôi thấy đèn một chiếc xe hơi từ phía trước lần lần chạy tới. Mừng quá, tôi ra đứng án giữa lộ và quơ cả hai tay. Người ngồi trong xe ngừng lại mở cửa. Không khách sáo chào hỏi, tôi nhào đại lên xe. Anh ta hỏi tôi bằng tiếng Nga. Tôi hổng hiểu gì ráo, nhưng lặp cập nói bừa bằng tiếng Anh: " Đi... đi xuống bến cảng..." Anh ta giơ hai tay, lắc lắc đầu làm dấu không hiểu tôi nói gì! Tôi bèn móc túi áo, mò túi quần một hồi mới tìm ra địa chỉ bến cảng giơ cho anh...

Xe mệt nhọc chạy trên con đường trơn, thỉnh thoảng bánh xe trợt, thân xe chao xuống lề đường, vậy mà anh tài xế vẫn cố gắng vượt khó khăn đưa tôi tới bến. Trước khi xuống xe, tôi móc hết số tiền trong túi trả công. Anh không nhận, tươi cười nói mấy câu bằng tiếng Nga. Tuy không hiểu anh nói gì, nhưng tôi cũng đoán chừng, anh lưu ý tôi đừng nên ra đường giữa cơn bão tuyết.●

NHỮNG NGÔI MỘ

VÕ DOÃN NHẪN



Tôi ngồi ở yên sau chiếc Honda do đứa cháu trai lái chạy trên quốc lộ 1 Nha Trang - Thành (hình như nay được đổi là đường 23/10), đến xã Vĩnh Trung. Đi hết đoạn đường cái quan tráng nhựa — còn bỏ dở nhiều chỗ vì cạn kinh phí, vì thi công cục bộ địa phương, vì không thống nhất kế hoạch — xe chở hai chúng tôi rẽ vô một hương lộ hướng về Đồng Nhơn rồi Bút Sơn, hai thôn nằm cận kề núi. Cũng như rất nhiều hương lộ khác ở ngoại thành, hương lộ này là một con đường đất, có đoạn thẳng tắp, có đoạn quanh co ngoằn ngoèo. Đường hẹp và bụi bặm. Mỗi khi có chiếc xe hơi chạy ngược chiều về phía chúng tôi, thằng cháu phải dừng lại sát lề để tránh xe và để... hứng một đám bụi tung lên mù mịt. Hai bên đường, nhà cửa mới được dựng lên khá nhiều và cũng khá kiểu cọ với một lối kiến trúc... khác thường, chẳng phải Tây, chẳng phải Mỹ, chẳng phải Liên xô, chẳng phải Tàu, chẳng phải Ta, nghĩa là chẳng giống ai. Bằng một cái nhìn dễ dãi bao dung, một người thấy đất nước đang phồn vinh. Bằng một cái nhìn nghiêm nghị cẩn trọng, một người khác sẽ đặt thêm câu hỏi về hai tiếng phồn vinh ấy: phồn vinh thật sự hay là phồn vinh giả tạo, thứ phồn vinh miền Bắc đã gán cho miền Nam trước 75, một nếp sống đồi trụy đầy dẫy ăn chơi trác táng, cộng Mafia ma túy buôn lậu buôn người và buôn cả đất nước.

Càng vào sâu, con lộ càng đưa hai chúng tôi vào cảnh trí nông thôn đồng ruộng. Rải rác những đám ruộng mới cày bừa xong còn nặng mùi đất ải, xen lẫn những ruộng lúa chín chưa gặt thoảng mùi thơm ngày mùa trong gió sớm. Một ao sen hoa trắng nở rộ ngào ngạt hương làm ngơ ngẩn khách qua đường. Tôi đưa mắt nhìn xa xa: đàn cò trắng lượn lờ trong nắng mai in lên nền núi xanh, chấm phá cho bức tranh thôn dã với những lớp nhà ngói đỏ, lũy tre xanh, những hàng cau thẳng tắp song song vụt lên; làng mạc rất đỗi thanh bình êm ả.

Vượt ngang qua con đường sắt tuyến Sài Gòn - Nha Trang, chúng tôi đến một vùng

toàn cây dại từng khóm từng bụi hàng hàng lớp lớp và thấp thoáng mồ mả nhấp nhô trên một dải đất chạy dài sát chân núi. Đứa cháu ngồi cầm lái phía trước đưa tay chỉ:

"Nghĩa trang này đây, chú."

Tôi đang tìm đến một nghĩa trang và nó đang chờ phía trước.

Dựng xe vào một gốc cây gần đó, cháu tôi đứng ngó quanh quất một lúc để định hướng rồi dẫn tôi vào nghĩa địa. Không cổng vào, không tường rào quanh, không lối đi, không một luống hoa, trơ trọi chơ vơ một "linh đường" và chằng chịt những cây hoang cỏ dại dây leo. Khó tìm được chỗ đặt chân đi tới, tôi phải lom khom lần dò từng bước đi theo đứa cháu dẫn đường trên vạt đất chôn người bậc thang ấy. Rõ ràng không một bàn tay chăm sóc dọn dẹp, tôi muốn nói bàn tay những người có trách nhiệm quản lý trông coi nghĩa trang, tôi muốn nói bàn tay đã nhận tiền mua một chỗ để nằm từ thân nhân người quá cố.

Tôi nghĩ: trang 2 Tôi nghĩ:

"Phải gọi đây là một bãi tha ma, nhiều lắm là nghĩa địa. Nghĩa trang nỗi gì."

Cũng có dấu vết của bàn tay vun vén, chăm sóc nhưng chỉ trên những ngôi mộ lớn bề thế và những ngôi mộ mới.

Thỉnh thoảng Dũng cháu tôi dừng lại nhìn quanh định hướng trước khi tiếp bước. Sau cùng nó cất tiếng:

"Đây rồi, chú."

"Đây" là sinh phần của mẹ tôi và tôi tìm đến nghĩa địa Bút Sơn xa xôi này cốt để biết để thấy chỗ nằm sau này của mẹ. Người già thường an tâm khi biết mình có được một sinh phần — ngôi mộ xây sẵn, còn được gọi là "kim tỉnh" (giếng vàng) để đó, đợi ngày đặt quan tài vào. Mẹ vẫn thường tỏ ý mong muốn khi đã "trăm tuổi già" bà được "nằm" bên cạnh cha tôi đã nằm lâu nay trong khu vườn trước nhà, có gió khua lách tách trên những đọt dừa, rì rào trong khóm tre, trăng lên trăng mọc trăng tà cùng năm tháng. Nhưng không phải lúc nào trời cũng chiều lòng người, người cũng chiều người. Nói là để bảo vệ sinh môi chính quyền ra lệnh cấm dân chôn người chết gần nhà. Cũng đúng thôi. Vả, anh chị em tôi là những công dân vốn rất nghiêm túc trong việc chấp hành luật pháp, bất kể luật pháp từ đâu tới (giống Socrate?) — nói nôm na là nhát — nên không dám không tuân lệnh. Vẫn có người dám... không tuân lệnh, không chấp hành lệnh trong im lặng. Lợi dụng nhà ở vào khu vực vắng vẻ xa cơ quan công quyền, người ta chờ đêm đến lén lút ra vườn sau đào huyệt, lén lút khiêng cỗ quan đặt xuống, vội vàng hối hả lấp đất, không đèn đuốc, không kèn trống, không kêu gào khóc lóc và không cả việc chọn giờ "lành" di quan. Khi chính quyền địa phương phát hiện việc "chôn lén" thì sự đã rồi. Thời buổi này, ai dám ra lệnh quật mồ người chết? Đã đến lúc tránh được càng nhiều rắc rối phiền hà càng tốt. Chỉ cần nộp tiền phạt vạ do chính quyền địa phương tùy nghi ấn định là chuyện sẽ êm. Một cách chịu đấm ăn xôi. Như những người chịu mất tiền đặt cọc ở thư viện, ở nơi cho thuê truyện để "cuỗm" một quyển sách hay, sách hiếm. Ngay cả thầy N. một học giả nổi tiếng ở Nha Trang - "Chỉ nổi tiếng ở Nha Trang thì ăn thua gì," theo lời thầy — cũng đã mách nước như thế với đứa học trò của thầy là tôi, khi muốn tư hữu một quyển sách nào.

Sở dĩ anh chị tôi chọn cho mẹ một chỗ nằm khá xa nhà là nghĩa địa Bút Sơn như thế vì gần đây có tin đồn tất cả những nghĩa địa nghĩa trang thuộc khu vực thành phố đều nằm trong dự án được giải tỏa để mở rộng thành phố. Dân thị tứ ngày càng đông. Người sống chiếm đất người chết khiến những hồn ma phải làm công việc tái định cư theo chỉ định của người sống. Tôi liên tưởng đến truyện ngắn "Đến Khi Ma Chết" của nhà văn Võ Phiến: những con ma phải "sống" lang thang vất vưởng vì chúng... không một nấm mồ. Thôi thì để mẹ nằm xa một chút nhưng đỡ phải lo nghĩ chuyện dời chỗ nằm rất có thể cho mẹ.

Trước đó một tuần, tôi có đến thăm ông Tự, một người chú họ xa. Ông là một thầy địa lý, chuyên về phong thủy. Ông hỏi thăm tình trạng sức khỏe mẹ tôi. Dần dần câu chuyện được chuyển sang vấn đề chuyên môn của ông Tự. Ông cho biết nếu ngôi mộ sau này của mẹ tôi nằm theo hướng tây-đông, tức là đầu người chết quay về phương tây, chân quay về đông thì rất tốt, con cháu sẽ được phúc đức dài lâu. Đó là hướng nước chảy xuôi từ nguồn ra biển. Khi về nhà, tường thuật lại cùng các anh chị những lời ông Tự, tôi được cho biết kim tỉnh của mẹ tôi đã không được xây theo hướng Tây-Đông.

Tôi hiện đang đứng bên cạnh sinh phần của mẹ. Tôi nhìn quanh: tất cả bao nhiêu ngôi mộ lớn nhỏ mới cũ xa gần trong nghĩa địa này đều nằm quay đầu nhìn về một hướng: hướng Bắc. (Liệu những hồn ma nơi đây có... yêu nhau

không, vì họ đều nhìn về một hướng, hỡi tác giả *Terre des Hommes*, ông Saint-Exupéry?) Tôi thấy trong hiện tình tôi không thể chọn hướng cho một ngôi mộ theo ý tôi, nói cho đúng theo ý ông thầy địa lý, vì điều này trái với qui hoạch của chủ nhân nghĩa địa, theo tôi đoán là một tập thể. Dù tôi được quyền chọn hướng cũng rất khó thực hiện: Kim tỉnh mẹ chỉ rộng một mét hai, dài hai mét tư, bốn bề san sát mộ và mộ, làm sao xoay hướng đổi chiều trong một diện tích giới hạn như thế? Chỉ còn một cách là tìm một nghĩa địa khác đã có định hướng tây-đông sẵn và đành phải bỏ sinh phần của mẹ tôi ở nghĩa địa Bút Sơn này. Nhưng dự kiến của tôi cũng bị bà chị gián tiếp bác bỏ. Chị hỏi:

"Có nên bỏ một kim tỉnh đã xây để đi xây một kim tỉnh khác không?"

Câu hỏi của chị khiến mọi người trong gia đình có cái sợ của một người bảo người khác đi mua một quan tài vì nhà có người chết, đã năn nỉ người bán quan tài "biếu" thêm một chiếc quách để dành!

Khi trẻ, tôi không tin ảnh hưởng của địa lý, phong thủy lên nếp sống cuộc đời của một cá nhân, một dòng họ, lên sự thạnh suy của một triều đại, một dân tộc. Tôi đã đánh giá mê tín dị đoan những niềm tin ấy. Giờ đây, tôi đã chuyển thái độ "không tin" ngày xưa sang thái độ hoài nghi, và hoài nghi... không là tin, nhưng cũng không phải là không tin. Hoài nghi chẳng xác quyết được gì. Tôi nghĩ đó không phải là một thái độ. Người hoài nghi mang tâm trạng khắc khoải chơi vơi hụt hẫng với một ý thức rất rõ về một hư vô, một trống rỗng. Người xưa nói: tứ thập nhi bất hoặc. Bốn mươi tuổi thì không còn hoài nghi. Tôi đã quá bốn mươi từ lâu sao hoài nghi vẫn còn đeo đẳng. Tôi hoài nghi sự huyền bí của khoa phong thủy nhưng tôi vẫn đồng ý để vợ con tôi kêu người đến đổi vị trí một cửa ra vào, đổi hướng bếp, mở rộng thêm bề ngang nhà dưới cho bằng bề ngang nhà trên, vân vân. Và tôi e một thời gian không xa, tôi sẽ không còn đủ nghị lực để hoài nghi những điều tôi đã từng hoài nghi nữa. Tôi sẽ tin những điều tôi đã không tin lúc trẻ, tôi sẽ tin những điều tôi đã hoài nghi lúc đã luống năm mươi. Tôi sẽ tin những điều trên lúc tôi bước vào tuổi "cổ lai hi." Già, tôi sẽ không còn hơi sức để hoài nghi. Già, tôi cần một an nghỉ. Niềm tin sẽ cho tôi một an nghỉ.

Không tin, sau đó hoài nghi, sau cùng tin, đó là "tam trạng" (chữ của Auguste Comte) của đời một người, chí ít là của cá nhân tôi. Cũng chí ít là tôi không tự mâu thuẫn như chị B. khi bà bực bội hỏi tôi:

"Em tin những điều mơ hồ huyễn hoặc như vậy để rồi em không chịu cải táng mộ Ba, để con cháu nhà họ Võ phải gánh chịu những tai họa về sau sao?"

Điều được chị B. coi là "mơ hồ huyễn hoặc" là giấc mộng của tôi. Đã hơn một lần nằm mộng tôi thấy được một thần nhân cảnh cáo tôi không được sửa hoặc bốc mộ cha tôi — một việc tôi chỉ mới có ý định — vì chưa phải lúc và nhất là vì tôi là đứa con nhỏ nhất trong gia đình. Tôi tự hỏi: Cái gì là mơ hồ huyễn hoặc? - Giấc mộng của tôi? Cái gì không mơ hồ huyễn hoặc? - Những tai họa con cháu nhà họ Võ phải gánh chịu vì tôi không cải táng mộ cha?

"Hãy sống như thể bạn không bao giờ chết."

Hãy sống như thể bạn bất tử! Bạn thừa biết bạn sẽ chết nhưng hãy sống như thể bạn sẽ sống đời đời. Lạc quan đến mức ngụy tín! Khó quá! Chung quanh tôi số người bị ý tưởng về cái chết chi phối nhiều vô kể. Biết bao nhiêu người mua bảo hiểm nhân thọ, đóng tiền cho một hội bảo thọ, bao nhiêu người làm di chúc, thừa kế? Làm sao có thể sống như thể không bao giờ chết những người lính ngoài chiến địa thường xuyên cọ xát với tử thần? Ngay cả những ngày giờ được nghỉ phép phù du ngắn ngủi ở thành phố, họ sống bạt mạng ăn chơi đập phá cũng chỉ vì họ thấy cái chết rất gần. Đã đành những phó thường dân khố rách áo ôm thường xuyên lo nghĩ đến cái chết, bậc vua chúa quyền uy giàu sang bậc nhất cũng lo nghĩ không kém. Có khi lo nghĩ nhiều hơn: cho xây lăng tẩm giả lăng tẩm thật để đánh lừa những kẻ có manh tâm, để chôn giấu vàng bạc châu báu. Những người có ít nhiều lãng mạn trong huyết quản sẽ dặn dò người sống hãy chôn mình bên cạnh người thân yêu, như Auguste Comte ao ước được an táng bên cạnh mộ nàng Clotilde de Vaux, và... như mẹ tôi. Apollinaire, nếu không có những thao thức về cái chết sẽ không thể là tác giả của Adieu, những vần thơ tuyệt mỹ:

Nous ne nous verrons plus sur terre

(Đôi ta sẽ chẳng còn thấy nhau nữa trên cõi đời này)

Et souviens-toi que je t'attends

(Em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em)

"Hãy sống như thể bạn không bao giờ chết." Bậc chân tu khuyên chúng ta bằng lời khuyên trái ngược lại: hãy sống như thể bạn sắp chết. Phải nghĩ đến cái chết có thể đến với bạn bất cứ lúc nào. Có như thế, mỗi chúng ta mới chuyên cần tu tập đạo hạnh. Không suy nghĩ về cái chết loài người sẽ không có tôn giáo. Tác giả "Hai nguồn mạch của đạo đức và của tôn giáo" đã nhận định: "Vì loài người biết mình sẽ chết nên loài người có tôn giáo". Nói cách khác, nếu không có những thao thức về cái chết, một người sẽ không thể là một tín đồ. " Hãy sống như thể bạn không bao giờ chết ", suy cho cùng là tư tưởng của một người vô thần. Không suy tư về cái chết, triết gia mất đi một chủ đề; không xúc động vì cái chết, nghệ sĩ mất đi một nguồn cảm hứng; không có cái chết, tôn giáo không đặt vấn đề tu tập, cứu rỗi, giải thoát, thiên đường, địa ngục.

"Sein ist sein zum Tode." Sống là sống cho cái chết.

Đứng giữa nghĩa địa mồ mả chen chúc nhấp nhô cao thấp, tôi để mặc tâm tư đắm chìm trong triền miên mông lung suy nghĩ.

"Đây là hai chỗ để dành cho ba má con," vừa nói Dũng vừa đưa tay chỉ hai cái "hộc," tức là cái huyệt được xây gạch chung quanh, đầy cát nằm bên cạnh sinh phần mẹ tôi.

Vậy sao? Tôi buột miệng, hơi ngạc nhiên thấy ông anh bà chị tôi lo hậu sự của họ hơi sớm. "Hơi sớm" chỉ vì tôi nghĩ không "chín" thôi. Lâu nay tôi cứ cho rằng trong gia đình chỉ một mình mẹ là già. Tôi chưa kịp nhận — hay là không muốn nhận — ra rằng anh chị tôi cũng đã già cả hai người đều quá bảy mươi. Không thấy anh chị mình già có nghĩa không muốn thấy chính mình đã già; lại một thái độ tự đánh lừa. Tôi không "tư duy" về cái chết chắc chắn của bản thân, tôi chỉ đề cập chung chung về cái chết... không của riêng ai, cái chết của mọi người vì ngoài tình yêu đau khổ và cái chết thì đời còn gì để nói? Nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ đến hậu sự của tôi, chẳng hạn được mai táng hay hỏa táng, chẳng hạn sẽ cống hiến những bộ phận nào của cơ thể như tim tôi gan tôi thận tôi mắt tôi cho người bệnh nào cần — chắc gì những bộ phận ấy của tôi còn... dùng được, chẳng hạn được nằm chỗ tôi thích, bởi hiện tại tôi rất không ưa cảnh sống chen chúc đông đảo của người chưa chết cũng như cảnh mồ mả hàng hàng lớp lớp san sát liền nhau đến nỗi không có một lối đi nhỏ để đạo tì đặt chân lúc khiêng quan tài tới huyệt là cái nghĩa địa này. Tôi vốn thích ngôi mộ cha tôi cùng cảnh vật chung quanh: mộ không kiểu cọ cầu kỳ, không sơn phết màu mè lòe loẹt, một mình trong khu vườn yên tĩnh. (Tôi ngại bốc mộ cha tôi một phần vì tôi thích nó). Định luật tâm lý ngày xưa tôi học: "trẻ con sống với hiện tại, thanh niên sống với tương lai, người già sống với quá khứ," bây giờ tôi thấy không

ĐỖ THÌ KÊNH G

CUỐI NĂM, NGHE MƯA, NHỚ NHÀ

Mưa từ Bên Ấy mưa qua
Từ Bên Ấy ấy, mưa nhòa nhòa mưa
Mưa từ Xa ấy, mưa xưa
Từ Xa xa quá, từ xưa xưa nhòa.
Mưa từ Bên Ấy mưa qua
Từ Bên Ấy ấy, mưa nhòa nhòa xanh
Mưa từ lẫm chẫm ngày xanh
Từ xanh xanh quá, từ xanh xanh đời.
Mưa rơi... mù mịt... mua rơi
Có bao giờ ngớt hột vơi hột đầy?
Mưa từ Bên Ấy sang đây
Chẳng bao giờ tạnh tiếng đầy tiếng vơi
Mưa rơi... mù mịt... mưa rơi
Từ Bên Ấy ấy, từ đời xanh xanh
À ơi mưa xuống mái tranh
Ơi hời tí tách chum sành hiên khuya
Cuộn trong lòng mẹ khuya xưa
Đắp lời mưa ấm say sưa giấc lành
Mưa từ lẫm chẫm ngày xanh
Từ xanh xanh quá, từ xanh xanh đời
Mưa rơi... mù mịt... mưa rơi...

California, quê người, đêm mưa cuối năm 1998

đúng: người già thường xuyên lo nghĩ đến hậu sự, đến cái chết và những gì xảy ra sau cái chết, nói chung là... tương lai của họ. Tôi cũng chưa hề để tâm suy nghĩ hoặc tưởng tượng đến giờ phút hấp hối của một người và linh hồn sau đó của người mới chết, cho đến một ngày kia tôi đọc TẠNG THƯ SỐNG CHẾT. (Tôi không nhớ được tên tác giả vì khó nhớ mặc dù tôi có ý ghi nhớ. Tôi chỉ biết tác giả là một thiền sư Tây Tạng, tác phẩm được đức Đạt Lai Lạt Ma giới thiệu và được ni sư Trí Hải chuyển ngữ). Từ kinh nghiệm sau khi đọc xong quyển sách, tôi suy đoán rằng đối với những tâm hồn phàm tục và nhạy cảm như tôi, Tạng Thư Sống Chết rất có trọng lượng theo nghĩa bóng của từ, trong lúc hiểu theo nghĩa đen của từ vẫn không sai: quyển sách khá dày. Mấy đêm liền tôi khó ngủ vì bị ám ảnh bởi những mô tả quá "hiện thực," quá chi tiết quá "phong phú" giờ phút lâm chung của một người. Bảo rằng tôi có hơi "khớp," hơi "ngán," hơi "ghê" đều đúng cả. Giờ đây hồi tưởng lại, tôi cảm thấy bình an, không còn cảm xúc. Chỉ còn hoài niệm về một cảm xúc.

Đã lâu lắm rồi, cách nay ngót ba mươi năm có thể, tôi có đọc "Sống Chỉ Một Lần" của Mai Thảo. Nhân vật chính của tác phẩm vẫn tiếp tục sống mặc dù tác phẩm đã được đóng lại. Sống, nhưng xem như không còn sống vì tác giả nói: "bây giờ em sống với Phan, không sung sướng mà cũng không đau khổ..." Tôi thấy đúng là câu nói của một người đã chết, vì sống như thế — không sung sướng mà cũng không đau khổ — thì có khác gì loài vô tri. Vô tri sẽ dẫn đến vô cảm như loài gỗ đá. Vì vậy mới có từ "nhân cách hóa" trong ngôn ngữ. Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt, nước còn cau mặt với tang thương. Lời thầy Nguyên ngày tôi còn mài đũng quần ở các lớp trung học vẫn còn văng vẳng trong đầu: "Il a vécu. Ông ấy đã sống. Nhưng sống ở đây không có nghĩa là hít thở khí trời, ăn uống, ngủ và... giao cấu. Sống là cái gì khác hơn thế." Nhờ thầy vỡ lòng, ngày nay tôi lờ mờ hiểu "ăn nằm" với nhau, "ngủ" với nhau chưa phải là "sống" với nhau đúng nghĩa. "Giao cấu" lại càng không. Những từ "ăn nằm," "ngủ," "giao cấu" mang ý nghĩa thuần tuý sinh vật, không mang một ý nghĩa hiện sinh, không mang tính người. "Làm tình" nghe còn được. "Yêu" cao hơn chút nữa. "Sống" là trải qua, kinh qua đau khổ và sung sướng, cả tinh thần lẫn thể xác, là "mùi tục lụy lưỡi tê tân khổ" (Nguyễn Gia Thiều), là "Bi hoan ly hợp tổng vô tình" (Tưởng Tiệp). Người không trải qua những mùi tục lụy ấy, những ly hợp bi hoan ấy, chưa sống! Coi như chết! Và tôi thấy tôi không thương một người đã từng trải sung sướng đau khổ cho bằng một người không biết thế nào là sung sướng và thế nào là đau khổ. Người khác không nhận ra sự có mặt của họ đã đành, chính họ cũng không thấy, không biết họ đang sống. Âm thầm. Những nấm mồ... di động mang theo mộ bia là bản khai lý lịch trích ngang. Nếu họ được xem như một cái bóng cũng còn đỡ, cũng còn được phần nào an ủi, vì một cái bóng dù sao vẫn là một cái gì. Điều bi thảm là sống không được như một cái bóng...

Trong một lúc vui chuyện, tôi đã nói với một người bạn vong niên: "Con người chết chỉ một lần, nhưng sống có thể nhiều lần" và tôi được khen đã nói một câu đẹp, và được hỏi câu đó của người vừa nói hay của một... nhà tư tưởng nào khác — làm như thể tôi cũng là một nhà tư tưởng (!), tuy rằng tôi cũng là "một cây sậy tư tưởng" như ai. Nhưng ngay sau khi phát biểu tư tưởng chẳng có gì lớn đó, tôi thấy có điều không ổn: nếu "sống" được hiểu theo nghĩa của chủ thuyết hiện sinh thì "chết" cũng phải được hiểu trong chiều hướng đó: con người một khi đã được tái sinh bao nhiêu lần, tất nhiên đã "chết" cũng bấy nhiêu lần.

"Mối tình chết đã có người hồi sinh." (Nguyễn Bính)

Có bao nhiêu người hồi sinh cho tôi, tất nhiên tôi có bấy nhiêu mối tình đã chết.

Có những người chết tuy" không một nấm mồ " nhưng đã để lại cho người sống và cho hậu thế biết bao tiếc thương và ngưỡng mộ. Những người ấy vẫn còn sống trong tâm hồn người khác. Nói theo lời thơ của cụ Nguyễn đình Chiểu " Lòng đây tưởng đó mất như còn." Khi nghe tin Kiều trầm mình ở sông Tiền Đường (coi như mất xác), Kim Trọng vô cùng tiếc thương, lập đàn giải oan cho người bạc mệnh. Kiều chết — ấy là Kim Trọng tin như vậy — mất xác, không được an táng, không được mồ yên như Đạm Tiên (mả thì không được đẹp): "sè sè nấm đất bên đường, dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh"; "hàn gia ở mái tây hiên, dưới dòng nước chảy bên trên có cầu," nhưng Kiều vẫn còn được người tình tưởng nhớ:

Ngọn triều non bạc trùng trùng,
Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.

Lời ca bài Dòng Sông Hát (sau đổi là "Ngày Xưa"): *"Dòng sông Hát nước xanh mờ sâu, êm đềm trôi về đến nơi đâu? Sóng đưa lăn tăn con thuyền ai xuôi, theo gió đưa tiếng ca âm thầm trầm rơi... Ngày xưa kia nơi đây đã từng vang hình bóng..."*

Và đây lời ca của bài Chiều Buồn Trên Sông Bạch Đằng: *"Chiều dần rơi sương buông non ngàn xa trầm ngâm trong đêm vắng. Bạch Đằng Giang sầu mơ trên lau xanh với bến nước xa xôi. Thuyền ai kia xuôi theo dòng sông xanh không vang một tiếng người. Chiều nay sóng ngừng ca thời oai linh ngày xưa muôn ức đời..."*

Cách nay non hai ngàn năm, hai vị nữ anh hùng đầu tiên của nước ta đã gieo mình xuống dòng sông Hát. "Đôi quần thoa đem máu đào hòa nước sông nhà." Đằng đẵng hai thiên niên. Trùng trùng hai mươi thế kỷ. Và biết bao nhiêu hồn tử sĩ của quân ta và quân giặc — Nam Hán, Nguyên Mông — còn phảng phất, còn vất vưởng trên sóng nước Bạch Đằng? Không một nấm mồ cho ai, vua chúa, công hầu, sĩ tốt. Tôi chưa hề được vinh hạnh đặt bước chân viễn du đến bờ những dòng sông lịch sử chứng tích đau thương và chứng tích quang vinh ấy, nhưng tôi bùi ngùi cảm thương, thán phục anh hồn những người đã chết vì non sông tổ quốc, kể cả những người bị gọi là giặc, xét cho cùng. Cho đến ngày nay quá nửa trăm năm, tôi vẫn hằng ao ước một ngày nào được đứng bên bờ hai con sông lịch sử để một phút tưởng nhớ người xưa đã khuất, từ lâu, rất lâu, mãi mãi không một nấm mồ. Có những người chết không cần một nấm mồ: nắm tro tàn còn lại sau khi hỏa thiêu được đem rải trên một dòng sông, trên biển cả, trên rừng cao núi thẳm. Nói cho đúng, mộ của những người ấy là đất trời, là thiên nhiên, là tất cả không gian và chẳng còn ai lo nghĩ đến chuyện dời mộ, bốc mộ, đào mộ của họ nữa. Khoa địa lý phong thủy không có tác dụng gì. Không một nấm mồ nhưng... chỗ nào cũng có. "Vô tức hữu, hữu tức vô." Tôi vốn lãnh đạm vô tình với những lăng mộ bề thế kềnh càng, xây cất lắm công nhiều của, theo tôi, chưa hẳn là nơi an nghỉ cuối cùng của những người nằm trong đó. Rõ ràng họ chưa an nghỉ, không thể an nghỉ, vì họ phải đón tiếp biết bao nhiêu người sống trong một ngày, những người cũng theo suy nghĩ nông cạn của tôi, đến "thăm cho biết." Còn tôi? Đã hơn một lần tôi có dịp đứng gần, rất gần những ngôi mộ ấy, những lăng tẩm được xây cất vô cùng tốn kém ấy, nhưng lần nào cũng vậy, tôi thấy lòng tôi dửng dưng, không một chút xúc động dù rất nhỏ. Công trình kiến trúc ấy, tôi thấy như thể tôi không thấy gì. "Thị nhi bất kiến." Vô duyên đối diện bất tương phùng. Dĩ nhiên tôi không thể làm công việc "thăm" ngôi mộ ấy, cho dù chỉ "thăm cho biết với người ta," cho dù tôi vẫn không ngừng bồi dưỡng vun vén tâm hồn hoài cổ cố hữu của tôi.

Mặt trời trên nghĩa địa đã cao. Cảnh vật chung quanh im sững. Những ngôi mộ im lìm, người chết yên nghỉ. Bản chất của mồ mả lăng tẩm là tĩnh, trầm mặc, không lời. Tôi, người đến nghĩa địa không thấy gì ngoài đôi câu ba chữ vắn tắt ghi tạc ở bia nói về người nằm bên trong mộ. Tôi hi vọng trong nghĩa địa này mỗi người chết có được một ngôi mộ, và chỉ một thôi. Hi vọng gì lạ vậy? — Không lạ, vì đã có những người chết có đến hai, ba ngôi mộ trong cùng một nghĩa trang. Nghĩa trang liệt sĩ, mấy tỉnh miền Trung, như báo chí trong nước đưa tin. Tôi e người chết không thích sở hữu nhiều gia cư địa ốc như người còn sống. Họ bị người sống lợi dụng, khai thác cái chết của họ một cách táng tận. Vì người chết chỉ biết im lặng. Nhưng lắm khi sự im lặng ấy khiến người sống bất mãn, nên thỉnh thoảng có cảnh quật mả đào mồ, hi vọng phát hiện phanh phui một nỗi niềm oan khuất người chết mang theo, hoặc may ra khám phá một bí mật cũ rích bị chôn vùi hàng ngàn năm trước, hoặc... quyết tâm đem đầu lâu kẻ thù xiềng vào ngục tối, nơi tiểu tiện của tù nhân, hoặc đem hài cốt của họ ném xuống sông, cho ác thú gặm, với mục đích duy nhất: trả thù.

Người chết mang theo ít nhiều bí mật cuộc đời xuống suối vàng, điều ấy hẳn nhiên. Tôi, người sống, cũng có nỗi niềm u ẩn riêng tây, một ít ê chề nhục nhã cay đắng, muốn thổ lộ lên trang giấy, "muốn kêu một tiếng cho dài kẻo căm." Đã có lần tôi định viết để thổ lộ, để đỡ bức xúc, để xả bớt đồn nén, nói tóm để... défouler (mấy nhà phân tâm học rất khoái dùng từ này), thì... rất dịu dàng, rất mềm mỏng như chưa bao giờ dịu dàng hơn, mềm mỏng hơn, vợ tôi lên tiếng can gián: "Thôi mà anh, chuyện đã mười năm qua rồi, viết lại làm gì cho người ấy khổ. Bộ anh không tội nghiệp 'người ấy' sao?"

Những ê chề nhục nhã cay đắng gì của tôi?

"Người ấy" là ai vậy?

Tôi đành mang theo những nỗi niềm u ẩn ấy xuống... đất đen thôi. ●



QUẬN CAM

Giáo sư Lê Hữu Mục và nhạc sĩ Phạm Duy vinh danh thi hào Nguyễn Du

Gần 200 khán giả đã tham dự buổi lễ Vinh Danh Nguyễn Du trong một buổi sinh hoạt tại hội trường nhật báo Việt Báo Kinh Tế, thành phố Santa Ana vào chiều Chủ Nhật, 6 tháng Mười Hai năm 1998 do các nhóm ái hữu của Huế-Thừa Thiên, Quốc Học - Đồng Khánh và Viện Đại Học Huế tổ chức với các diễn giả giáo sư Lê Hữu Mục và nhạc sĩ Phạm Duy cùng với một số danh ca nhạc sĩ.

Buổi sinh hoạt có hai phần chính: phần trình bày của diễn giả Lê Hữu Mục nói về thông điệp của thi hào Nguyễn Du qua Truyện Kiều và nhạc sĩ Phạm Duy minh họa Truyện Kiều bằng âm nhạc.

Giáo sư Lê Hữu Mục đã nói đến thông điệp của thi hào Nguyễn Du qua truyện Kiều là sự trong sáng của tâm hồn. Ông nói thi hào Nguyễn Du đã đặt nàng Kiều vào trong một tình huống khó khăn và khó xử để đến nỗi phải bán mình vào thanh lâu mà vẫn giữ được sự trong sáng của tinh thần. Ông cho rằng tinh thần trong sáng ấy của dân tộc Việt Nam được thể hiện qua văn chương chữ Nôm và từ thế kỷ 16, 17 trở đi trong văn học Việt Nam đã có rất nhiều tác phẩm chữ Nôm, trong đó rực rỡ nhất là Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du.

Giáo sư cũng nói đến nhạc ở trong Truyện Kiều bằng trích dẫn những câu thơ nói về đoạn nàng Kiều đánh đàn cho Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải... Ông cũng nhắc đến những "gắn bó của thi hào Nguyễn Du với Xứ Huế" qua những ngôn ngữ mà thi hào Nguyễn Du đã viết nên Truyện Kiều.

Xen vào các trích đoạn của giáo sư Lê Hữu Mục trình bày là những tiết mục văn nghệ do các ca sĩ Kim Tước, Bích Liên, Thùy Hạnh, được khán giả hoan nghênh.

Giáo sư Lê Hữu Mục đã giảng dạy tại các đại học Việt Nam trước năm 1975 và cũng hoạt động trong các lãnh vực văn hóa, âm nhạc và báo chí. Ông đã trước tác hơn 60 tác phẩm về văn chương và văn hóa Việt Nam, trong đó có nhiều cuốn biên khảo về chữ Hán và chữ Nôm. Giáo sư Mục cũng là một nhạc sĩ, đã sáng tác những ca khúc được nhiều người biết như Hẹn Một Ngày về, Chèo Bơi Đi...

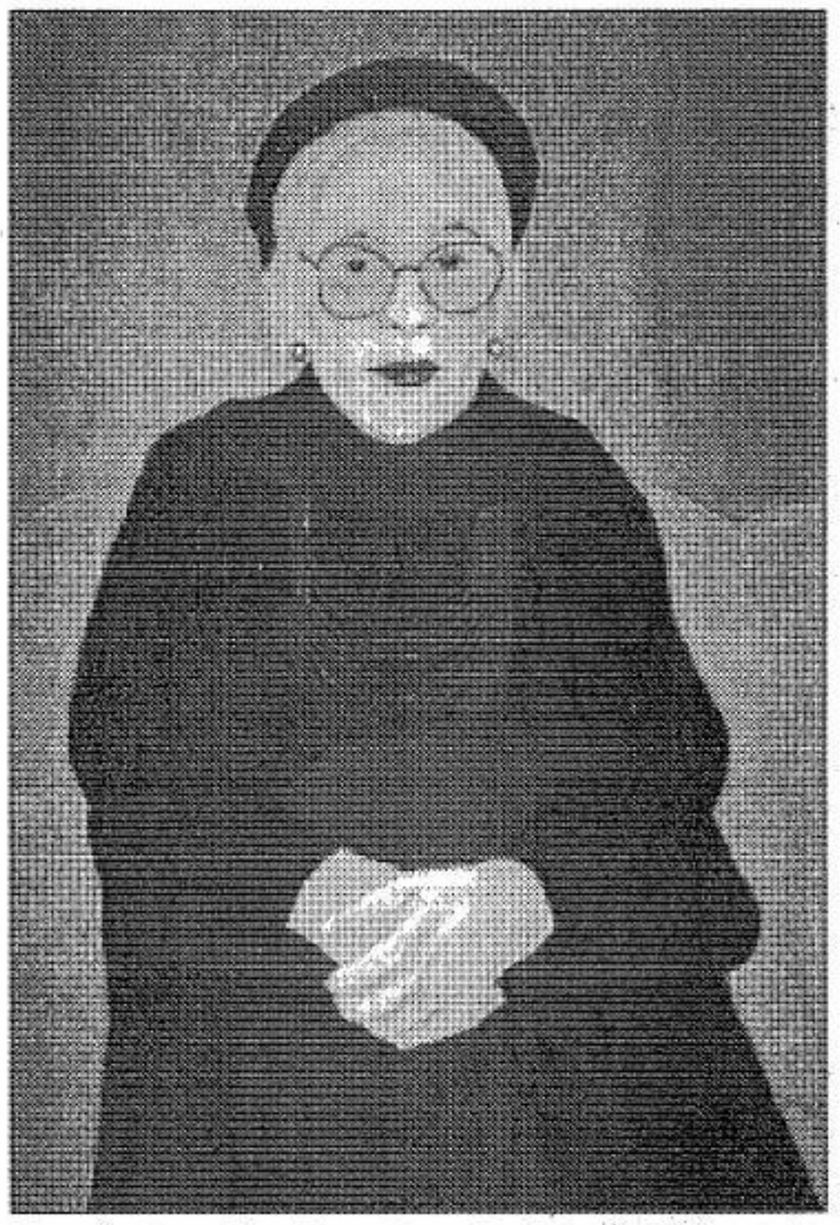
Kế tiếp, bác sĩ Hà Thúc Như Hỷ đã giới thiệu nhạc sĩ Phạm Duy với sáng tác mới nhất của ông là Minh Họa Truyện Kiều bằng âm nhạc. Nhạc sĩ Phạm Duy cho biết ông đang cố gắng thực hiện tác phẩm này, mà ông nói có thể là tác phẩm cuối cùng trong sự nghiệp sáng tác của ông, để Vinh Danh thi hào Nguyễn Du. Nhạc sĩ Phạm Duy vừa dẫn giải Truyện Kiều vừa giới thiệu những trích đoạn Minh Họa Truyện Kiều mà ông soạn rất công phu với nhạc sĩ Duy Cường cùng sự đóng góp của các ca sĩ Ái Vân, Thái Hiền, Thái Thảo, Tuấn Ngọc...

Triển lãm tranh Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đanchi

Trong khuôn khổ chương trình cuối tuần "Mỹ thuật, Âm nhạc và Hoa lan," cuộc triển lãm tranh của đôi họa sĩ Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp và con gái Nguyễn Đan Chi đã mở cửa trong hai ngày 11 và 12 tháng Mười Hai 1998, tại phòng Sinh hoạt của nhật báo Người Việt, Little Saigon, California, với sự hợp tác tổ chức của ban Hợp xướng Ngàn Khơi và N'go Orchids Nursery.

Cũng đã khá lâu đôi họa sĩ Hợp Đồng mới lại có triển lãm riêng, kể từ cuộc triển lãm riêng trước của hai anh chị, do Phân khoa Mỹ Thuật của trường đại học Irvine Valley tổ chức cách đây năm năm, có tên *Images of Peace*.

Triển lãm kỳ này không có chủ đề, nhưng có một điều "bí mật" nho nhỏ được rỉ tai nhau trong vòng thân hữu: đáng lẽ triển lãm phải được đặt tên là "Ba Mươi Năm Đồng Hành" (mượn một nhan đề sách của Huỳnh Phan Anh), vì năm nay là năm thứ ba mươi cuộc sống chung của hai họa sĩ. "Bí mật" này được "bật mí" trong buổi trình diễn âm nhạc tối thứ bảy 12 tháng Mười Hai khi ban Tam ca Ngàn Khơi có nhã ý hát tặng mừng kỷ niệm 30 năm thành hôn của Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị



Nguyễn Đanchi. Chân Dung Bà Ngoại, *Mầu nước.*

Hợp.

Thật ra nếu lấy chủ đề "30 năm" cho cuộc triển lãm này thì cũng khá đúng, vì trong phòng tranh, ngoài những tranh lụa, sơn dầu, mầu nước, còn có một số những tác phẩm minh họa và ấn họa ký tên chung Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp đã được xuất bản ở Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Anh, Thụy Sĩ, Nhật, Úc... trong nhiều năm qua.

Và càng đúng hơn nữa, đó là sự góp mặt của Nguyễn Đanchi, ái nữ của Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp. Nguyễn Đanchi không chọn mỹ thuật làm ngành chuyên môn. Cô dạy dương cầm, tiếp tục học sinh ngữ, và chỉ vẽ như một hobby. Nhưng tranh của Nguyễn Đanchi đã được người xem chú ý về cách bố cục và sử dụng màu sắc. Đặc biệt bức *Chân dung Bà Ngoại* bằng màu nước của cô được rất nhiều người tán thưởng.

Xét về số lượng người đến xem tranh và mua tranh, phòng triển lãm này được nghi nhận là rất thành công.

Phòng tranh Bé Ký

Cuộc triển lãm "41 năm vẽ tranh" của Bé Ký đã mở cửa vào trưa ngày 19 tháng Mười Hai 1998 tại phòng Sinh Hoạt nhật báo Người Việt. Bác sĩ Trần Ngọc Ninh và ông Thị trưởng thành phố Westminster đã cắt băng khai mạc trước một số đông thân hữu và nghệ sĩ. Phát biểu tại lễ khai mạc có ông Thị trưởng Frank Fry, bác sĩ Trần Ngọc Ninh, nhạc sĩ Phạm Duy, nghệ sĩ Kiều Chinh, Thượng tọa Thích Quảng Thanh.

Sức sáng tạo của Bé Ký ngày nay vẫn dồi dào như độ nào, vẫn toát lên đặc tính mộc mạc nhưng nhạy bén trong cảm nhận cũng như bút pháp. Và người hâm mộ vẫn không sút giảm, nếu không nói là tăng lên. Có lẽ đúng như Thụy Khuê đã viết: *Người xem tìm thấy nguồn vui tự tại trong tranh, kèm nỗi nhớ nhung vô bờ và nỗi buồn man mác, về những ký ức tuổi thơ không bao giờ trở lại.*

FLORIDA

Ra mắt Chi hội VAALA tại Florida và tuyển tập đầu tay của Chi hội

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) ra đời cách đây tám năm tại California, qua các hoạt động của mình, đã góp phần duy trì gìn giữ và phát triển nền văn học Việt Nam tại hải ngoại. Trong những năm qua, anh Lê Đình Điểu Chủ tịch Hội đã cố gắng phát triển sự hoạt động của VAALA sang các tiểu bang khác của nước Mỹ. Các chi hội Oklahoma rồi Florida lần lượt được thành lập. Ngày 7 tháng Mười Một 98 vừa qua Chi hội Florida đã chính thức ra mắt sau một năm thành hình và phát triển, đồng thời cũng là dịp trình làng tuyển tập đầu tiên do chính các hội viên của Chi hội thực hiện. Dịp này nhạc sĩ Lê Văn Khoa, đại diện VAALA trung ương đã từ California bay sang tham dự.

Hơn 150 quan khách và hội viên đã tề tựu



Từ trái qua phải: Nhạc sĩ Lê Văn Khoa, nhà văn Ái Khanh, nhà văn Thụy Lữ, họa sĩ Vũ Đức Thanh, nhà thơ Trần Minh Hiền.

tại nhà hàng China Jade Buffet, thành phố Orlando, để cùng nhau chứng kiến và chia sẻ sự thành hình của một tổ chức mang lại các hoạt động văn học nghệ thuật cho cộng đồng người Việt tại đây. Chi hội Florida tuy mới thành lập đã tập hợp được nhiều người yêu thích các bộ môn như hội họa, văn chương, thi ca, âm nhạc... thuộc đủ mọi lứa tuổi. Nhà văn Ái Khanh đã được bầu làm Chủ tịch, nhà văn Thụy Lữ Phó chủ tịch, họa sĩ Vũ Đức Thanh Tổng thư ký. Có cả những hội viên đến từ những tiểu bang láng giềng như nhà thơ Lưu Nguyễn từ Alabama, nhà văn Huỳnh Văn Phú từ Pennylvania...

Sau các lời phát biểu của nhà văn nữ Ái Khanh, của nhạc sĩ Lê Văn Khoa và một số văn nghệ sĩ địa phương về đường hướng và ước vọng nuôi dưỡng cùng phát triển văn học nghệ thuật Việt Nam tại hải ngoại, một chương trình văn nghệ đã được trình diễn với nhiều tài năng đa dạng như giọng ngâm thơ của Kim Uyên, Thiên Thanh, tiếng hát của Thanh Sơn, Bảo Côn, Tố Anh... cùng giàn nhạc với Mã Đình Sơn, Nguyễn Đức An, Thụy Lữ v.v...

Với một buổi ra mắt thành công và với một tuyển tập khá phong phú làm hành trang lên đường, VAALA Florida trong các hoạt động của mình chắc chắn sẽ mang lại nhiều màu sắc tô điểm cho đời sống tinh thần và tình cảm của cộng đồng người Việt tại địa phương này trong tương lai.

HOUSTON

Ra mắt tác phẩm của Dạ Sỹ và Bích Ty

Gần 200 người đã đến tham dự buổi ra mắt hai tập kịch thơ "Người Việt Nam nhớ về nguồn gốc Việt Nam" và "Anh hùng và Giai nhân" của Dạ Sỹ cùng những băng cassette và CD thơ nhạc của Bích Ty tại Houston vào ngày 8 tháng Mười Một vừa qua.

Dịp này khán giả được nghe lại giọng ngâm thơ ngọt ngào đầy tình cảm của Bích Ty một thời nào từng vang trên làn sóng điện đài phát thanh tại Sài Gòn và các giọng hát nổi tiếng của Houston ngày nay. Nhà văn Dạ Sỹ, tức bác sĩ Phạm Nguyên Lương, ngỏ lời cùng khán giả, đã đề cao việc gìn giữ văn hóa Việt Nam trong cộng đồng người Việt hải ngoại, mà quan trọng nhất là việc dạy tiếng Việt, dạy nguồn gốc, lịch sử, phong tục nước nhà cho các thế hệ kế tiếp. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ cho rằng kịch và truyện lịch sử của Dạ Sỹ sẽ giúp giới



Bích Ty và nhạc sĩ Phan Đình Minh

trẻ Việt Nam sống lại với quá khứ oai hùng của ông cha và nhận lấy trách nhiệm của mình đối với đất nước.

Không khí thơ nhạc và tình cảm hướng về quê hương đất nước đã khiến người tham dự có cảm giác như về lại cố hương.

HÒA LAN

Kỷ niệm Cái Đình năm tuổi

Vào chiều Chủ nhật 18 tháng Mười 1998, nhà xuất bản Cái Đình đã tổ chức buổi sinh hoạt văn thơ nhạc đặc biệt kỷ niệm năm năm Cái Đình chính thức góp mặt với sinh hoạt văn học.

Buổi sinh hoạt quy tụ được trên 100 văn thi hữu và đại diện một số các hội đoàn, báo chí tại Hòa Lan và Âu châu. Phần tường tình sinh hoạt do anh Nguyễn Hiền, trưởng nhóm Cái Đình trình bày với dẫn giải bằng hình chiếu. Hoạt động chính của Cái Đình gồm việc xuất bản sách, tổ chức những buổi sinh hoạt văn thơ nhạc, và giới thiệu những cây bút khắp nơi đến với các bạn yêu văn thơ tại Hòa Lan.

Trong buổi họp mặt này cũng cho ra mắt cuốn tuyển tập văn thơ nhạc Mùa Đất Thấp gồm 45 sáng tác của 15 thi, văn, nhạc sĩ (Việt và Hòa Lan) đang cư ngụ tại vùng đất thấp này. Đây là một tuyển tập quy tụ được hầu hết những cây bút tại Hòa Lan, dù có thể khác nhau về hướng sáng tác, về chính kiến và cách suy nghĩ.

Trong phần đàm luận, người tham dự đã đưa ra một số ý kiến đóng góp cho chủ đề: 'Sinh hoạt văn học tại Hòa Lan trước ngưỡng cửa năm 2000.' Và buổi sinh hoạt được xen kẻ bằng những đoạn thơ văn trong tuyển tập Mùa Đất Thấp được trích ngâm, đọc, và một chương trình nhạc chọn lọc với sự đóng góp của các ca sĩ quen thuộc tại Hòa Lan.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đường Mây Trong Cõi Mộng

sách biên khảo về Đại sư Hám Sơn do **Thích Hằng Đạt** và **Nguyên Phong** phóng tác, Văn Nghệ xuất bản, 415 trang, giá US$18.00, ngoài nước Mỹ $20.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2310, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

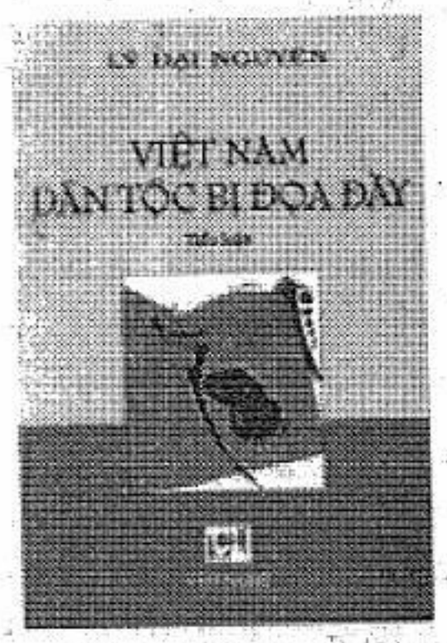


Đại sư Hám Sơn là một vị cao tăng Trung Quốc sống vào thế kỷ 16, đời nhà Minh. Sau khi Chu Nguyên Chương lập nên nhà Minh, Phật giáo phát triển rất mạnh, đích thân nhà vua tham gia tổ chức giảng kinh, thuyết pháp, in ấn kinh sách, khuyến khích quần chúng tu học. Nhưng càng về sau, vì nhu cầu chính trị, chính quyền nắm chặt tổ chức Phật giáo, kiểu như "quốc doanh" thời nay tại các nước cộng sản, biến Phật giáo thành một sinh hoạt chuyên lo cúng bái, mất đi cái tinh túy của mình. Đại sư Hám Sơn sinh ra trong bối cảnh đó, quyết tâm tu tập để xiển dương Phật pháp, mặc dù gặp nhiều hoạn nạn do chính quyền gây ra. Chính ý chí cùng nhân cách ấy đã góp phần duy trì truyền thống rực rỡ của Phật giáo Trung Quốc, và đời sau coi Đại sư Hám Sơn như một tấm gương sáng để cho quần chúng Phật tử theo đó mà tu hành.

Tuy tên sách *Đường Mây Trong Cõi Mộng* gợi một hình ảnh ẩn tu, rời xa trần thế để tìm đạo nơi thâm sơn cùng cốc, nhưng nội dung lại không phải như thế. Đây là cuốn sách kể lại cuộc đời tích cực của ngài Hám Sơn, tham khảo từ năm cuốn sách chữ Hán và năm cuốn tiếng Anh viết về ngài. Chính vì nguồn tài liệu dồi dào như thế, sách không chỉ đề cập những biến cố, những hành tung cùng công phu tu tập trong cuộc đời vị sư từ lúc ra đời cho đến khi viên tịch, mà còn rất nhiều trang trình bày về tình hình chính trị, xã hội, tôn giáo thời nhà Minh. Lối viết linh động như tiểu thuyết, các biến chuyển thời sự của đương thời được trình bày rõ ngọn nguồn, khiến người đọc nhìn rõ được chân dung và sự quan trọng của một nhân vật vượt lên khỏi thời đại của mình để nêu cao ngọn đuốc tinh thần hướng dẫn xã hội đi theo hầu qua được giai đoạn "pháp nạn" mà nhà cầm quyền gây ra do nhu cầu chính trị bè nhóm.

Việt Nam Dân Tộc Bị Đọa Đày

tiểu luận của **Lý Đại Nguyên**, Văn Nghệ xuất bản, 261 trang, giá US$13.00, ngoài Hoa Kỳ $15.00. Liên lạc: như cuốn trên.



Sách được chia thành những phần chính: Khởi đề, Chính đề, Hợp đề và Kết đề. Theo tác giả, trên nửa thế kỷ, Việt Nam đã bị buộc vào thế phải làm "quân cờ thí" cho những toan tính quốc tế. Dân tộc Việt Nam đã bị đày đọa trong một cuộc chiến tranh có nhiều chiêu bài hoa mỹ hào nhoáng, mà kẻ hưởng lợi lại không phải là nhân chúng Việt Nam. Cuốn sách đã phân tích những thế cờ quốc tế để hiểu rõ hơn về thân phận đó, giải thích bản chất của chủ nghĩa Cộng sản và chính quyền Việt Cộng hiện nay, và cuối cùng vạch ra hướng thoát cho nước Việt Nam trong phần Hợp đề và Kết đề, dựa trên lập trường Nhân chủ rút ra từ tư tưởng Phật giáo.

Lý Đại Nguyên là một cây bút tranh đấu cho tự do dân chủ từ thời chính quyền Ngô Đình Diệm, đầu thập niên 60 đã viết bộ Tổng Thức Vận, tổng hợp các nền tư tưởng cổ kim đông tây, và nhấn mạnh khả năng dung hóa của dân tộc Việt Nam. Vì thái độ tranh đấu

này, ông đã bị bắt bớ, truy đuổi trong cả đệ nhất và đệ nhị Cộng Hòa, và cuối cùng, sau khi Cộng sản chiếm miền Nam, ông lại bị bắt vào tù cải tạo trên 10 năm.

Ông là người thấm nhuần tư tưởng Phật giáo và văn hóa dân tộc, đồng thời theo dõi và nắm vững các trào lưu và biến cố trên thế giới, nên điều ông viết ra người Việt Nam cảm thấy vừa quảng bác vừa rất gần gũi với mình. Có thể nói nội dung cuốn sách này là kết quả suy nghiệm máu xương của một người ròng rã mấy mươi năm sống với những trang sử bi đát nhất của Việt Nam, và đề nghị con đường tương lai cho đất nước của tác giả không phải là một lý thuyết nào xa lạ, mà bắt nguồn từ một vốn liếng có sẵn trong tâm thức của mỗi người dân Việt. Các ý tưởng của ông sẽ góp sức làm các vốn liếng có sẵn ấy vận động.

Những Bậc Thầy Của Tôi



ký sự văn học của **Xuân Vũ,** Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, 300 trang, giá US$15.00, ngoài Hoa Kỳ $17.00. Liên lạc: Cành Nam Publishers, 2607 Military Rd. Arlington, VA 22207. Tel: (703) 525-4538.

Thầy đây là thầy của nghề viết văn, mặc dầu ngay từ đầu sách, tác giả đã nói về giới viết văn rằng ... *những trang sách mà họ viết lên bằng con tim thổn thức, không với khuôn mẫu nào cả, không có thầy dạy nào cả*, và trích một câu của Thạch Lam mà tác giả rất tâm đắc: *Nhà văn (hay nghệ sĩ) là một sản phẩm kỳ dị của Hóa công ... Không phải muốn là được, học mà nên...*

Viết văn hẳn nhiên không phải là một môn hễ học là được. Thực ra cũng cần phải học nhiều thứ nhưng điều kiện căn bản là phải có văn tài, là cái trời cho. Trong hồi ký của mình, Xuân Vũ kể lại từ thời thơ ấu, cho đến tuổi thiếu niên, rồi thanh niên, đến tuổi trưởng thành, những yếu tố nào, những người nào đã tác động, ảnh hưởng đến tâm hồn và nhận thức của mình về văn học, nghệ thuật. Thật là một thiên hồi ký kỳ thú: thuở vừa mới đi học ở quê thuộc tỉnh Bến Tre, những trang truyện tàu đầu tiên được đọc, những bài thơ đầu tiên được nghe; lớn lên một chút lên học trường quận, "thế giới nghệ thuật" mở rộng hơn với tiểu thuyết mới, với những đêm coi cải lương tuồng đấu phép; rồi lên trường tỉnh, mọi chuyện lại thêm một bước mới, đi coi cải lương đã được nghe những bản tân nhạc Buồn Tàn Thu, Thu Trên Đảo Kinh Châu... Giai đoạn này tác giả chỉ ôn lại những yếu tố văn hóa, văn nghệ mà mình đã được thụ hưởng từ nhỏ, chưa có những người "thầy" cụ thể. Giai đoạn Nam Bộ kháng chiến, tác giả ở vào tuổi 17, bắt đầu lăn lộn với văn nghệ kháng chiến, mới có dịp gần gũi với những người viết văn, làm thơ, mà trước kia khi còn bé, ông cho là những người xa vời ở tận đâu đâu không bao giờ mình có thể giáp mặt được. Và ông bắt đầu có những "ông thầy," đó là Xuân Tước, Diệp Minh Châu, Sơn Nam, Hà Huy Hà. Sau khi tập kết ra Bắc năm 1954 thì sự học hỏi những bậc đàn anh trong nghề văn mới thật sự mở rộng và sâu sắc: Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Công Hoan...

Những điều tác giả viết ra từ kinh nghiệm của những bậc thầy là những bài học thực sự hữu ích cho những ai cầm bút, nhất là những người mới bắt đầu. Nhưng những trang hồi ký cũng vẽ lại hình ảnh của một thời, và tác giả đã thực hiện điều ấy cực kỳ khéo léo và cảm động: chẳng hạn cuộc kháng chiến đánh Tây tại Nam Bộ, dù phần lớn được viết lại chỉ dưới khía cạnh văn nghệ, cũng vẫn là những trang sử tuyệt vời, rất nồng ấm, rất thật, sẽ truyền lại cho thế hệ sau biết thế nào tình yêu nước trong một thời kỳ mà dân tộc đang đầy cảm hứng về nền tự do độc lập của mình.

Theo Chân Những Tiếng Hát

bút ký của **Hồ Trường An,** Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản, 385 trang, giá US$20.00, ngoài Hoa Kỳ $25.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Đây đúng là một cuốn lịch sử âm nhạc Việt Nam, được viết theo một lối riêng. Tác giả đã viết tất cả những gì ông biết và thưởng thức được từ nền âm nhạc Việt Nam, từ khi tân nhạc thành hình hồi cuối thập niên 30 cho đến tận ngày nay. Ông viết theo trí nhớ, từ những kỷ niệm âm thanh thuở thơ ấu nửa đầu thập niên 40, và tuổi đời lớn dần theo sự trưởng thành phát triển của phong trào âm nhạc Việt

Nam, rồi riêng miền Nam. Ông có thể khái quát một cách khá chính xác tính chất âm nhạc mỗi thời kỳ mà ông phân chia, nói rõ vào thời kỳ đó có những nhạc sĩ nào, sáng tác những bản nhạc gì, được trình diễn bởi ai, dưới dạng nào... Ông đã tạo nên những hoạt cảnh đầy đủ về sinh hoạt âm thanh của quá khứ.



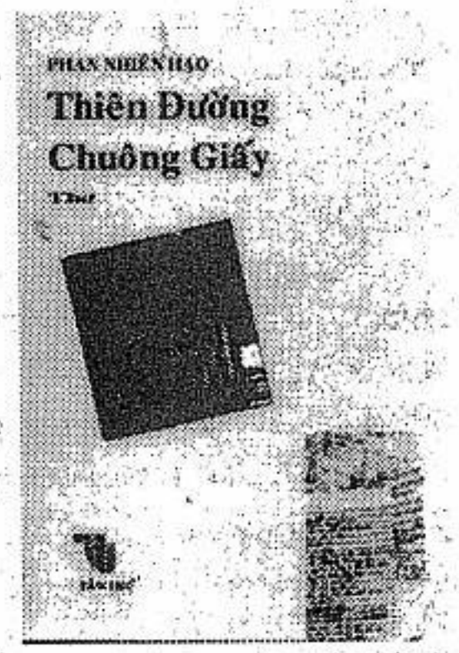
Tác giả không phải là nhà nhạc học cũng không phải là nhà nhạc sử. Chỉ thuần túy là kẻ thưởng ngoạn, nhưng có một khả năng quan sát và ghi nhớ phi thường về nhân vật, hình ảnh, màu sắc, âm thanh, và có tài diễn tả lại vô cùng linh động bằng văn chương. Có lẽ không một nhà viết lịch sử âm nhạc nào có thể tái tạo một ca sĩ thời danh trên trang sách như ông đã làm: ca sĩ ấy xuất thân từ đâu, cuộc đời ái tình và sự nghiệp có gì đáng nói, vóc dáng ra sao, ăn mặc thế nào... và điểm chính yếu là miêu tả giọng hát của người ấy. Trong những tác phẩm đã xuất bản trước đây, Hồ Trường An đã tỏ ra có biệt tài tả dáng người và y phục, nhất là về màu sắc của áo quần thì ông có một kho ngôn từ riêng rất đặc biệt làm nổi lên đặc tính của từng màu, dù là loại rất hiếm hoi, huyền ảo. Để tả giới ca sĩ trong cuốn sách này, những khả năng trên vẫn rất đắc dụng, nhưng điều đáng nói ở đây là tài miêu tả âm thanh, tức là tiếng hát của từng ca sĩ. Thường viết về một giọng hát, người ta phải dựa nhiều vào bản nhạc được hát để nhấn mạnh khả năng diễn đạt của ca sĩ. Nhưng Hồ Trường An không làm như thế, ông bóc trần từng giọng hát, theo phương pháp và ngôn ngữ của riêng ông — giống như khi tả màu sắc vậy. Nếu không dùng sức mạnh của sáng tạo nghệ thuật thì không cách gì có thể nói một cách đầy đủ về một nghệ thuật khác. Nếu có những lời ca phù thủy, những tiếng hát liêu trai, thì người diễn tả lại những thứ đó phải là kẻ cao tay ấn, cũng có khả năng sai bảo âm binh của riêng mình — ở đây là đám ngôn ngữ và nghệ thuật hành văn. Trong lãnh vực này, Hồ Trường An là một kỳ tài.

Không chỉ chân dung từng người ca nhạc sĩ được dựng nên, tác giả còn dựng lại thế giới âm thanh của từng thời kỳ. Không những các nhà viết nhạc sử sẽ biết ơn ông mà độc giả thường, nhất là những kẻ cùng trang lứa với ông, cũng biết ơn ông, có lẽ còn nhiều hơn: ông không dẫn họ vào thế giới xa lạ của hư cấu, mà dẫn họ về những thế giới thật mà họ đã sống, mà họ đã có biết bao rung động của một thời. Những thứ ấy đã qua lâu rồi, ký ức mỏi mòn của họ không tài nào làm tái hiện được. Thì nay, *theo chân những tiếng hát*, tim họ lại rung động những nhịp gần giống như ngày xưa...

Thiên Đường Chuông Giấy

thơ của **Phan Nhiên Hạo**, Tân Thư xuất bản, 86 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Tân Thư, P.O. Box 277, Garden Grove, CA 92842, USA. Tel: (714) 265-1394.

Phan Nhiên Hạo tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn năm 1989, sang Mỹ năm 1991, hiện đang theo học ban Cao học. Ông bắt đầu làm thơ từ cuối thập niên 80, đăng báo trong nước, rồi ngoài nước.



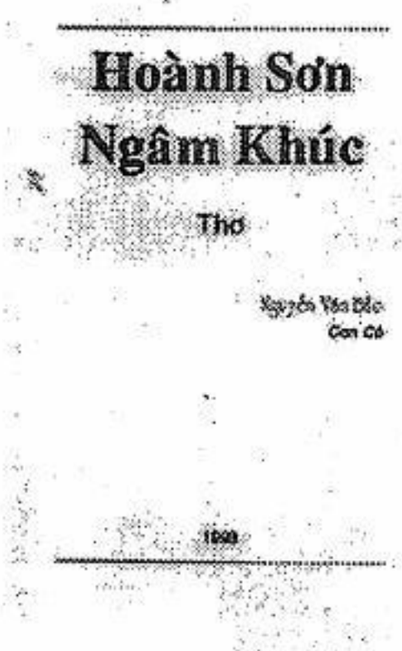
Tác giả làm thơ tự do. Ở đây không có sự thích thú về vần điệu do các âm thanh hợp nhau theo một quy luật định sẵn. Chỉ là một sự tập hợp chữ nghĩa tự do, từ đó gợi nên những cảm nhận mới mẻ. Trong cuốn thơ này, một lần nữa người ta thấy lại cái bí mật của thơ ca, những câu có thể người đọc không rõ nghĩa nhưng vẫn đem lại sự xúc động thẩm mỹ. Do âm thanh khi đọc lên gợi ra, do ấn tượng của ngôn ngữ dùng tạo nên, hay do chính toàn thể tập hợp ấy... Thơ Phan Nhiên Hạo đạt được điều đó, người ta cảm thấy đâu đây một người làm thơ có tài làm mới ngôn ngữ của mình, tạo nên những cảm xúc không mòn mỏi theo những lối đi đã quá quen thuộc. Hãy xem một cách ghép hình tượng:

trên bàn đầy xương cá
tất cả ảo tưởng đã được gặm sạch
hoặc những ý nghĩ về 'Chuông giấy'
căn phòng — một thùng đựng xăng sáu vạn gallons

đầu tôi là mồi lửa đi vào
mở cửa
mọi sự hỏa thiêu
linh hồn vẫn không bay lên được
vì những chiếc chuông giấy không vang

Hoành Sơn Ngâm Khúc

thơ của **Nguyễn Văn Bảo** bút hiệu *Con Cò*, tác giả xuất bản, 190 trang, giá US$10.00. Liên lạc: M.S.D.C. PO Box 77, Butlerville, IN 47223, USA.



Tác giả là một bác sĩ y khoa niên tuế đã cao, đang hành nghề tại một thị trấn hẻo lánh thuộc một tiểu bang miền trung bắc Hoa Kỳ. Ông vừa chữa bệnh vừa làm thơ. Có thể coi *Hoành Sơn Ngâm Khúc* là một trường ca, vì dài đến 2643 câu do ghép nhiều đoản khúc lại với nhau, chia làm nhiều chương: *Bối cảnh lịch sử, Tuổi thơ trong ngoại xâm, Trưởng thành trong nội chiến, Thời lưu vong, Thời nhàn tản du lịch.*

Thơ ông có một sắc thái riêng biệt, lắm khi phảng phất khí vị ngọt ngào êm ái của ca dao, gợi nhiều âm hưởng nơi người đọc, nhất là những người gần với thế hệ của tác giả. Bằng Đoàn Vạn Lý viết trong Lời Tựa: *Hồn thơ của Con Cò lãng đãng trong mỗi câu thơ, hòa với các tứ thơ; chữ và hồn như cặp tình nhân nam nữ phải lòng nhau. Hồn thơ ông như mạch nước trong, lâu nay chảy ngầm giữa lòng đất quê hương. Cái hồn thơ tàng ẩn lâu năm ấy bây giờ trỗi dậy như cây lành trồng đất tốt, như nắng hạn gặp trời mưa, khi gặp tình tình xúc động, khi gặp cảnh cảnh bừng tươi, đã nở hoa rực rỡ.*

Mùa Đất Thấp

tuyển tập những cây bút tại Hòa Lan, Cái Đình xuất bản, 254 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Cái Đình, Den Uylstraat 36, 8015 DZ ZWOLLE, The Netherlands.

Năm năm về trước, một số anh em người Việt tại Hòa Lan đã thành lập nhà xuất bản Cái Đình để in và phát hành những sáng tác của người Việt tại đây. Năm nay để kỷ niệm dịp Cái Đình lên năm tuổi, tuyển tập *Mùa Đất Thấp* được xuất bản, quy tụ những sáng tác phẩm thuộc mọi khuynh hướng của các văn, thi, nhạc, họa sĩ hiện đang sống tại Hòa Lan, vùng đất được mang danh là "đất thấp."



Các tác giả đóng góp bài vở cho tuyển tập gồm có: Cao Xuân Tứ, Đào Quốc Bảo, John Kleinen (người Hòa Lan, viết bằng tiếng Hòa Lan), Miên Thụy, Ngô Thị Ngoạn, Nguyễn Hiền, Nguyễn Hoàn Nguyên, Nguyễn Khảng, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Nguyễn Quyết Thắng, Lại Mạnh Cường, Nhược Trần, Phạm Hải Anh, Phạm Thị Tú Minh, Võ Đức Tiến.

Hòa Lan là một nước nhỏ, số người Việt tị nạn tại đây không nhiều nhưng lại có sinh hoạt văn học nghệ thuật phong phú. Số tác giả có bài vở đóng góp tương đối thường xuyên trên báo chí Việt ngữ trên thế giới rất đáng kể. Nhưng đáng kể hơn cả là những người cầm bút tại đây đã tập họp nhau lại để tổ chức nên nhà xuất bản Cái Đình, gây nhân tố trực tiếp để tạo cảm hứng cho sự tìm tòi, sáng tác. Cái Đình đã xuất bản sách văn, thơ, và cả CD nhạc, và nay trong tuyển tập *Mùa Đất Thấp* lại chứng tỏ khả năng đa dạng của các tác giả. Đúng là Cái Đình đã *khơi lại được sinh hoạt sáng tác tại Hòa Lan, một sinh hoạt mà ở thời điểm vài năm trước đây, nhiều người tưởng đã tàn lụi trước những biến chuyển xã hội tại Việt Nam và những chuyển hướng trong lãnh vực truyền thông toàn cầu.*

Đi Vào Cõi Thơ và Thi Ca Tư Tưởng

hai cuốn nhận định về thơ của **Bùi Giáng**, Am Tiêm tái bản, cuốn đầu 143 trang, giá US$10.00; cuốn sau 186 trang, giá US$12.00. Liên lạc: An Tiêm, 3 rue Vincent Van Gogh 95170 Deuil-La-Barre, France. Tel: (01) 39 84 00 84. Hoặc nhà phát hành Văn Nghệ P.O. Box 2310 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Hai cuốn làm thành một bộ nhận định về thơ của nhiều tác giả do Bùi Giáng viết, xuất bản lần đầu năm 1969 tại Sài Gòn, đây là lần đầu được nhà An Tiêm tái bản ở hải ngoại.

Nhà xuất bản cho biết sau hai cuốn này Bùi Giáng còn tiếp tục viết nữa về nhiều nhà thơ khác *nhưng rồi hoàn cảnh đứt đoạn, cuộc biển dâu đã gây nên, khiến tác giả đành bỏ dở công việc.*



Chúng ta đều biết Bùi Giáng là một nhà thơ, một nhà viết khảo luận văn học, một nhà nghiên cứu triết học..., nhưng tất cả những "nhà" ấy là do sự phân chia từng lãnh vực của người đời, chứ riêng đối với ông, tất cả là một. Đọc bộ nhận định này ta sẽ thấy điều đó. Ông đọc thơ người khác với con mắt của người làm thơ nhưng với cái tâm và cái trí vượt xa khỏi thi ca hiểu theo nghĩa thông thường, vượt xa các cảm xúc nhất thời do vần điệu gây nên để hòa vào một cõi lòng mông lung thiên cổ. Những điều ông viết sẽ lý giải được đôi phần bí mật của thi ca, cái làm người ta say mê mà không rõ được từ đâu. Giống như những tấm không ảnh chụp từ vệ tinh bao quát cả một vùng đất đai thổ nhưỡng khí hậu, những điều ông viết về một tác giả, dù chỉ đôi ba dòng hay dài đến mươi trang, đều nhìn thấu hết thần thái tâm hồn một con người được thể hiện ra khi làm thơ. Đó không thể chỉ là cái nhìn chuyên môn của một người chuyên "nghiên cứu" về thơ, mà là một cảm nhận tổng hợp của một tâm hồn xem thơ như là cách thế diễn đạt trực tiếp đầy đủ nhất những cõi uẩn áo phiêu bồng của con người.

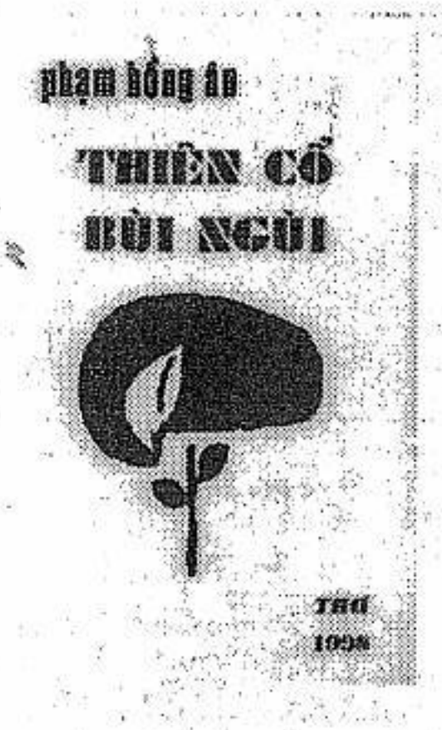
Đây là cách làm việc của tác giả: *Đi vào cõi thơ theo lối ngẫu nhiên tao ngộ. Cơ duyên sẽ dun dủi... chẳng nên gò ép cưỡng cầu. Người viết sách này có dụng tâm không sắp đặt theo thứ tự loại thường thấy. Những bài thơ đến rồi đi. Lời 'nhận định' cũng đi rồi đến...*

Có lẽ cũng nên đọc *Đi Vào Cõi Thơ* và *Thi Ca Tư Tưởng* theo một cung cách như thế.

Thiên Cổ Bùi Ngùi

thơ của **Phạm Hồng Ân**, tác giả xuất bản, 99 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Phạm Hồng Ân, 4170 43rd street # 10 San Diego, CA 92105, USA.

Tác giả tự nói về thơ mình: *Thơ tôi chỉ là mảnh vụn của sỏi đá, là giọt nước của ao tù, là tia nắng mong manh cuối ngày, là viên đạn lép trong nòng súng đã rỉ, là thứ ngôn ngữ bất lực của một thế hệ chịu lắm đọa đày.*



Ông muốn người khác đọc thơ ông với một tình bằng hữu, nghĩa là coi mọi thứ thân thiết, chia sẻ. Với một mở lối như thế, người đọc sẽ đến với thơ ông dễ dàng, sẽ thấy các tâm tình của ông cũng là của mình để nhiều phen rung động theo...

Vietnamese Macrobiotic Cookery Book

sách về dinh dưỡng bằng tiếng Anh của **Nguyễn Thị Thu Ba**, tác giả xuất bản, 92 trang, giá US$12.00 cộng cước phí. Liên lạc: Ô. Tôn Thất Hanh 1671 Aldéric Beaulac, Montreal QC H2M 2S7 Canada.

Tác giả đã có duyên gặp gỡ ông bà Ohsawa tại Việt Nam vào năm 1965 và đã được trực tiếp truyền dạy các cách thức nấu ăn theo phép dưỡng sinh mà người Việt Nam thường gọi là "phương pháp Ohsawa" hoặc "gạo lứt muối mè." Do theo phương pháp này, bà đã tự chữa lành các chứng bịnh kinh niên trầm trọng, và cho rằng mình được "hồi sinh." Vì thế ở đầu cuốn sách tác giả đã có câu đề tặng:

To my own *parents to whom I owe that precious life*

To my spiritual *parents Georges and Lima Ohsawa to whom I owe my* **"Rebirth"**

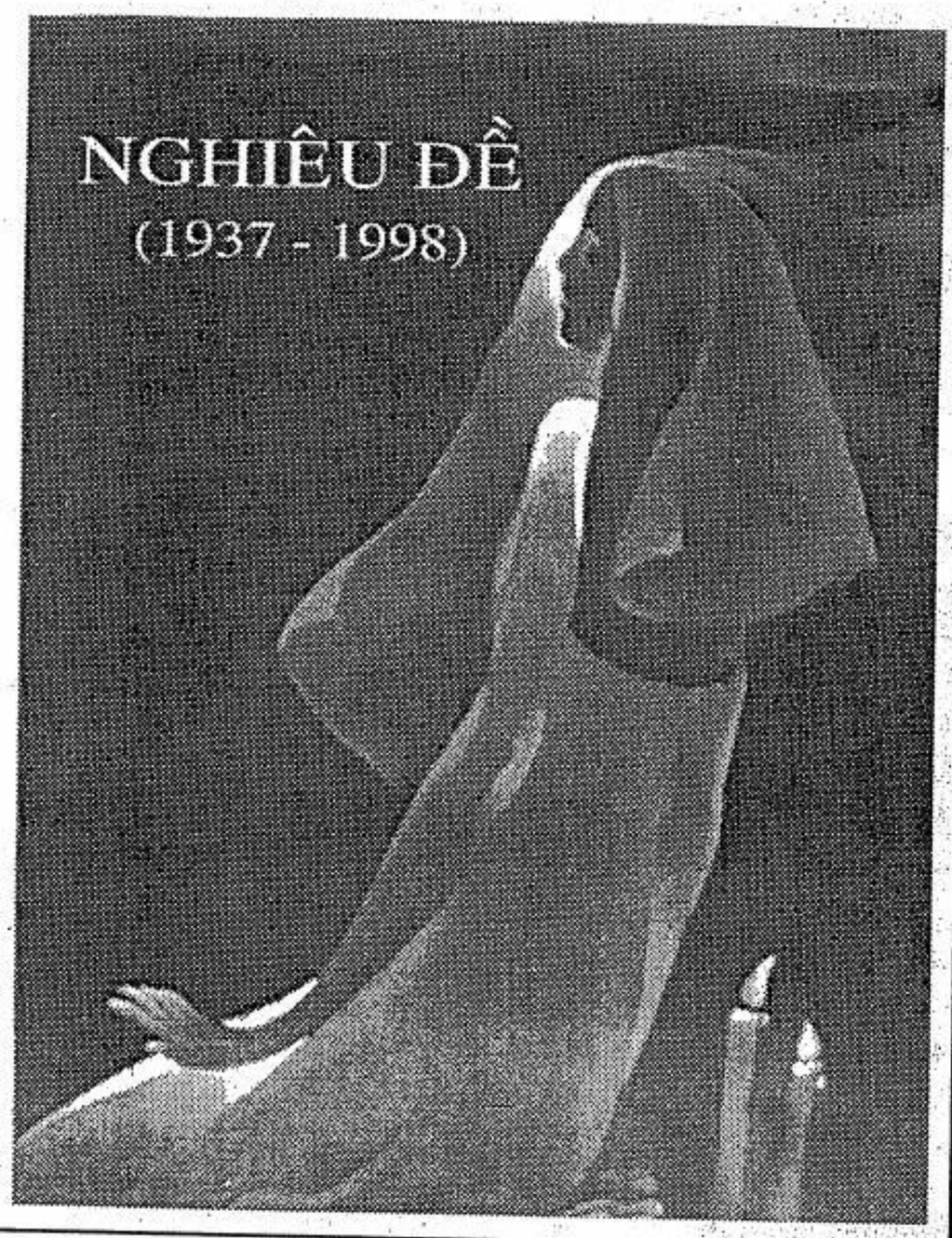
Phần hai cuốn sách đã ghi lại cách nấu những món ăn để điều hòa âm dương trong cơ thể, nhờ thế có thể ngừa và chữa mọi thứ bệnh. Cách thức làm món ăn được trình bày rất rõ ràng giản dị, có nhiều hình ảnh kèm theo.

Phương pháp này không hoàn toàn ăn chay, có một số món dùng cá và đồ biển. Đây là các món theo phương pháp Ohsawa nhưng đã được "Việt hóa" cho hợp với khẩu vị, thói quen và phẩm vật của Việt Nam. Công việc đó là do sự sáng tạo của bà Nguyễn Thị Thu Ba, tác giả cuốn sách này.●

HỘI MỸ THUẬT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
và TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Trân trọng giới thiệu cuốn sách về một họa sĩ tài danh Việt Nam vừa quá cố

Sách dày 60 trang,
khổ 8.50 x 8.50, gồm:
* 19 bức tranh của
họa sĩ NGHIÊU ĐỀ
in Full Color
trên giấy láng dày
* những bài viết của
THÁI TUẤN,
ĐỖ QUÝ TOÀN,
DU TỬ LÊ,
HUỲNH HỮU ỦY,
TRẦN DẠ TỪ
Giá $20.00



PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH "NGHIÊU ĐỀ"

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn "Nghiêu Đề" với giá US$20.00 một cuốn (chưa kể cước phí).

** Cước phí hạng nhất cho một cuốn trong nước Mỹ là US$3.00; ngoài nước Mỹ US$7.00.*
** Chi phiếu, lệnh phiếu xin đề THE KY 21, phần Memo ghi "Nghiêu Đề."*
** Phiếu đặt mua và tiền bạc xin gửi về:* **Tạp chí THẾ KỶ 21, 11022 Acacia Parkway, # A, Garden Grove, CA 92840, USA.**

DIANA FLOWERS & GIFTS

5127 A. WEST EDINGER AVE., SANTA ANA, CA 92704
(Trong khu chợ Family & nhà hàng Emerald Bay)



Phone: (714) 775-6600
Fax: (714) 775-8268
Toll Free: 800-933-5693

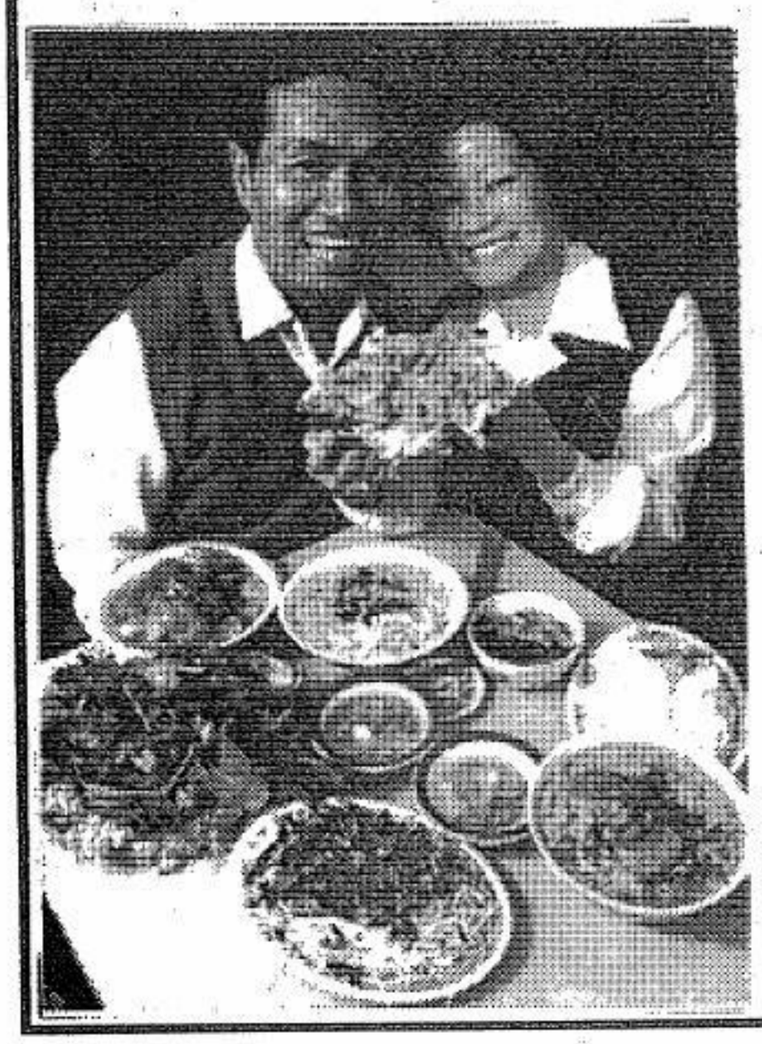
Chuyên môn các dịch vụ về hoa:
Cưới hỏi, Sinh nhật, Dạ tiệc,
Thương mại, Khai trương,
Bệnh viện, Phúng điếu.

NHẬN ĐẶT VÀ GIAO HOA TOÀN THẾ GIỚI

Order by phone
* VISA * M.C * A.E. Accepted
* WORLDWIDE SERVICES

Viễn đông

Thuần Túy Món Bắc



Người Việt từ khắp nước Mỹ,
từ khắp thế giới về thăm
Little Saigon, muốn thưởng thức
các món ăn quốc hồn quốc túy,
xin mời đến

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92844
(714) 539-4614

Giờ mở cửa: 9 AM - 9 PM
Nghỉ ngày thứ Ba

CHÚNG TÔI CÓ BÁN CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

Ăn Chơi Ngon Hơn Ăn Thiệt

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999



VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM
YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
Tel: (714) 530-2999

VANCO FOODS
SUPERMARKET
16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818
Fax: (714) 843-1816

VANCO FOODS
LITTLE SAIGON
SUPERMARKET



YOUR GOLDEN KEY TO SAVINGS

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

16042 MAGNOLIA AVENUE
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818

9822 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CA 92683
Tel: (714) 531-7272

Quyền lợi của quý khách với Chìa Khóa Vàng:

* Được mua các mặt hàng với giá thật đặc biệt chỉ dành riêng cho người có thẻ.
* Được tham dự mọi cuộc xổ số do công ty thường xuyên tổ chức với nhiều giải thưởng giá trị.
* Được giảm giá khi đi ăn tại các nhà hàng AA Buffet thuộc công ty.
* Được giảm giá khi mua thức ăn tại các tiệm Thuy's Food To Go.
* Được giảm giá khi mua Cellular Phone hay Beeper tại các tiệm PageTek.

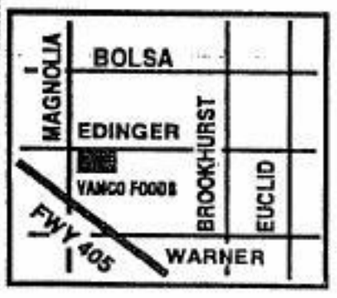
Xin mời quý khách ghé đến các chợ Vanco Foods và Little Saigon để điền đơn tham dự chương trình tiết kiệm rất hấp dẫn này.

HÀNG TRĂM MẶT HÀNG SALE ĐẶC BIỆT DÀNH CHO QUÝ KHÁCH ĐƯỢC NIÊM YẾT TẠI CÁC CHỢ LITTLE SAIGON, VANCO FOODS GARDEN GROVE VÀ FOUNTAIN VALLEY.

Trong Khu Chợ có:

PAGETEK EXPRESS
Tel: (714) 843-0440
Bán, sửa chữa, mở đường dây các loại Cellular Phone và Pager với giá thật đặc biệt.

THUY'S FOOD TO GO
9092 Edinger Ave., Fountain Valley, CA 92708.
Tel: (714) 843-9926.
Bán bánh mì thịt, cà phê và hàng trăm món ăn chay, mặn. **ĐẶC BIỆT:** Trong thời gian khai trương mua $5.00 tặng $1.00.



BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

NEWPORT SURGERY INSTITUTE

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn



Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Việt có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 25 năm, từng giải phẫu trên 35,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ

P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S.©

NGUYỄN NGỌC THANH
M.D., Board Certified Surgeon

Bà Phương Lan
Nguyễn Gia Quỳnh

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm.
Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.

MAU LẸ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI

Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92660

Tel: (949) 759-8276 - *Res.* 898-6514

1-800-367-9671

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim